



VIỆN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC XD NGHỆ AN
Địa chỉ: Km 1+500 - V.I Lê nin - TP Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0238.3522725 - 3522732. Fax: 0238.3522728

THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN
(THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050)



Nghệ An, 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN
(THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050)

Chủ nhiệm đồ án:	THS. KTS. Hồ Đức Sơn
Tham gia thiết kế:	
Kiến trúc Quy hoạch:	THS. KTS. Hồ Đức Sơn KTS. Nguyễn Văn Tuấn
Giao thông & CBKT:	THS. KS. Nguyễn Cảnh Tài KS. Đặng Thúy Hoa KS. Cao Văn Lương
Cấp điện & TTLL:	KS. Lê Thị Minh Nguyệt
Cấp - Thoát nước:	KS. Đặng Thúy Hoa
Môi trường:	KS. Trần Xuân Hương
Kinh tế:	
Quản lý kỹ thuật:	
Kỹ thuật:	THS. KS. Ngô Phú Nho
Kiến trúc:	KTS. Hồ Mạnh Tuấn

Nghĩa Đàn, ngày tháng năm 2022
Chủ đầu tư:
UBND HUYỆN NGHĨA ĐÀN
Chủ tịch:

Thành Vinh, ngày tháng năm 2022
Cơ quan lập quy hoạch:
VIỆN QUY HOẠCH - KT XD NGHỆ AN
Viện trưởng:

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	9
PHẦN I: MỞ ĐẦU.....	10
1.1. Tên đồ án quy hoạch.....	10
1.2. Giới thiệu tổng quan huyện Nghĩa Đàn.....	10
1.3. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch.....	12
1.4. Căn cứ lập quy hoạch.....	14
<i>1.4.1. Các cơ sở pháp lý.....</i>	<i>14</i>
<i>1.4.2. Các nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ.....</i>	<i>17</i>
PHẦN II: ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG VÙNG HUYỆN NGHĨA ĐÀN.....	18
2.1. Vị trí địa lý và mối quan hệ vùng.....	18
<i>2.1.1. Vị trí địa lý.....</i>	<i>18</i>
<i>2.1.2. Mối quan hệ vùng.....</i>	<i>19</i>
2.2. Điều kiện tự nhiên.....	21
<i>2.2.1. Địa hình, địa mạo.....</i>	<i>21</i>
<i>2.2.2. Khí hậu.....</i>	<i>22</i>
<i>2.2.3. Thủy văn, địa chấn.....</i>	<i>23</i>
2.3. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên.....	23
<i>2.3.1. Tài nguyên đất.....</i>	<i>23</i>
<i>2.3.2. Tài nguyên nước.....</i>	<i>27</i>
<i>2.3.3. Tài nguyên rừng.....</i>	<i>28</i>
<i>2.3.4. Tài nguyên khoáng sản.....</i>	<i>28</i>
<i>2.3.5. Tài nguyên nhân văn và du lịch huyện.....</i>	<i>28</i>
2.4. Hiện trạng kinh tế - xã hội.....	30
<i>2.4.1. Về kinh tế.....</i>	<i>30</i>
<i>2.4.2. Về văn hóa - xã hội.....</i>	<i>37</i>
<i>2.4.3. Về đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.....</i>	<i>41</i>
2.5. Thực trạng phát triển đô thị, nông thôn và về dân số, lao động.....	42
<i>2.5.1. Hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn.....</i>	<i>42</i>
<i>2.5.2. Đặc điểm phân bố dân cư, quy mô diện tích, dân số và lao động.....</i>	<i>43</i>
2.6. Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai.....	46

2.6.1. <i>Hiện trạng quản lý và sử dụng đất.</i>	46
2.6.2. <i>Tình hình biến động đất đai qua các năm.</i>	48
2.7. Hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội.....	50
2.7.1. <i>Hệ thống công trình hành chính - chính trị.</i>	50
2.7.2. <i>Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo.</i>	54
2.7.3. <i>Hệ thống công trình y tế.</i>	57
2.7.4. <i>Hệ thống công trình văn hóa, thể thao.</i>	58
2.7.5. <i>Hệ thống công trình tôn giáo - tín ngưỡng, di tích.</i>	58
2.7.6. <i>Các công trình thương mại, dịch vụ.</i>	59
2.7.7. <i>Các công trình nhà ở.</i>	59
2.7.8. <i>Các công trình Công nghiệp, cụm công nghiệp.</i>	60
2.8. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường.....	60
2.8.1. <i>Hiện trạng giao thông.</i>	60
2.8.2. <i>Hiện trạng hạ tầng thoát nước.</i>	66
2.8.3. <i>Hiện trạng quản lý chất thải rắn và hạ tầng nghĩa trang.</i>	68
2.8.4. <i>Hiện trạng hệ thống cấp nước.</i>	69
2.8.5. <i>Hiện trạng hạ tầng phòng cháy chữa cháy.</i>	70
2.8.6. <i>Hiện trạng hạ tầng hệ thống cấp điện.</i>	71
2.8.7. <i>Hiện trạng thông tin liên lạc.</i>	73
2.9. Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch, chương trình dự án đầu tư trong vùng đang có hiệu lực.	75
2.9.1. <i>Rà soát các quy hoạch đang có hiệu lực.</i>	75
2.9.2. <i>Đánh giá việc thực hiện quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện.</i>	76
2.10. Đánh giá tổng hợp (S.W.O.T).....	77
2.10.1. <i>Điểm mạnh (Strengths).</i>	77
2.10.2. <i>Điểm yếu (Weaknesses).</i>	78
2.10.3. <i>Cơ hội (Opportunities).</i>	78
2.10.4. <i>Thách thức (Threats).</i>	79
PHẦN III: CÁC TIỀN ĐỀ VÀ CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG.	80
3.1. Tầm nhìn phát triển vùng huyện Nghĩa Đàn (đến năm 2050).	80
3.1.1. <i>Bối cảnh phát triển.</i>	80
3.1.2. <i>Tầm nhìn Nghĩa Đàn (đến năm 2050).</i>	85
3.2. Quan điểm, mục tiêu phát triển.	89
3.2.1. <i>Quan điểm.</i>	89

3.2.2. Mục tiêu phát triển.....	90
3.3. Tính chất vùng.....	93
3.4. Tiềm năng, động lực phát triển vùng.....	93
3.5. Các dự báo phát triển vùng.....	94
3.5.1. Các chỉ tiêu dự báo phát triển kinh tế - xã hội.....	94
3.5.2. Dự báo dân số, lao động và tỷ lệ đô thị hóa.....	95
3.5.3. Dự báo sử dụng đất.....	96
3.5.4. Dự báo về môi trường.....	96
3.5.5. Dự báo các tác động tiêu cực của thiên nhiên.....	96
3.6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.....	96
PHẦN IV: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG.....	98
4.1. Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng.....	98
4.1.1. Các trục động lực phát triển.....	100
4.1.2. Cấu trúc phân vùng phát triển và triển vọng định hướng không gian.....	101
4.1.3. Xây dựng kịch bản phát triển vùng.....	103
4.2. Định hướng phân vùng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn.....	104
4.2.1. Định hướng không gian phát triển đô thị.....	104
4.2.2. Tổ chức các điểm dân cư nông thôn.....	107
4.3. Định hướng phân vùng phát triển công nghiệp.....	113
4.3.1. Định hướng chung.....	113
4.3.2. Quy hoạch Khu công nghiệp trên địa bàn huyện.....	113
4.3.3. Phân bố không gian phát triển các cụm công nghiệp:.....	114
4.4. Định hướng phân vùng phát triển không gian du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường.....	115
4.4.1. Định hướng chung.....	115
4.4.2. Quy hoạch các tuyến - điểm du lịch.....	116
4.4.3. Xác định các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan sinh thái.....	116
4.5. Định hướng phân vùng phát triển không gian hạ tầng xã hội.....	117
4.5.1. Định hướng quy hoạch khu trung tâm hành chính - chính trị.....	117
4.5.2. Hệ thống thương mại dịch vụ.....	117
4.5.3. Hệ thống công trình y tế.....	118
4.5.4. Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo.....	119
4.5.5. Hệ thống công trình văn hóa, thể thao.....	119
4.6. Phân bố không gian phát triển nông nghiệp.....	120

4.6.1. Định hướng, mục tiêu phát triển.....	120
4.6.2. Phân vùng sản xuất nông nghiệp.....	134
PHẦN V: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP VÙNG.....	137
6.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông.....	137
6.1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển.....	137
6.1.2. Quy hoạch phát triển mạng lưới GTVT đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.	137
6.2. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật.....	148
6.2.1. Lựa chọn cao độ xây dựng không chế tối thiểu.....	148
6.2.2. Định hướng giải pháp phòng chống thiên tai như sau.....	149
6.2.3. Định hướng quy hoạch về hệ thống đê, kè.....	150
6.2.4. Thoát nước mặt.....	150
6.3. Định hướng hệ thống cấp nước.....	151
6.3.1. Căn cứ pháp lý và tài liệu sử dụng.....	151
6.3.2. Đánh giá nguồn tài nguyên cấp nước và phân vùng cấp nước.....	152
6.3.3. Tính toán nhu cầu cấp nước.....	153
6.3.4. Định hướng cấp nước quy hoạch vùng huyện Nghĩa Đàn.....	160
6.3.5. Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy.....	163
6.4. Thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang.....	164
6.4.1. Căn cứ pháp lý và tài liệu sử dụng.....	164
6.4.2. Định hướng hệ thống thoát nước thải.....	165
6.4.3. Định hướng quy hoạch quản lý CTR.....	171
6.4.4. Định hướng quy hoạch hệ thống nghĩa trang.....	174
6.5. Định hướng hệ thống cấp điện.....	175
6.5.1. Căn cứ pháp lý.....	175
6.5.2. Đánh giá nguồn tài nguyên cấp điện.....	176
6.5.3. Phân vùng cấp điện.....	177
6.5.4. Tính toán nhu cầu cấp điện.....	177
6.5.5. Định hướng hệ thống cấp điện.....	180
6.6. Hạ tầng viễn thông thụ động.....	182
6.6.1. Căn cứ pháp lý.....	182
6.6.2. Dự báo nhu cầu sử dụng viễn thông.....	183
PHẦN VI: ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC.....	187

6.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường.....	187
6.1.1. <i>Môi trường đất.</i>	187
6.1.2. <i>Môi trường nước.</i>	187
6.1.3. <i>Môi trường không khí.</i>	188
6.2. Lý do, sự cần thiết và mục đích phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. 188	
6.2.1. <i>Lý do, sự cần thiết lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</i>	188
6.2.2. <i>Mục đích báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</i>	188
6.3. Đánh giá diễn biến môi trường khi không thực hiện quy hoạch.	188
6.4. Đánh giá diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch.	189
6.4.1. <i>Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch và mục tiêu bảo vệ môi trường.</i>	189
6.4.2. <i>Phân tích diễn biến và các tác động môi trường có thể xảy ra khi thực hiện QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn.</i>	191
6.5. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.....	196
6.5.1. <i>Phương hướng biện pháp chung.</i>	196
6.5.2. <i>Phương hướng biện pháp cụ thể.</i>	197
6.6. Tổ chức quan trắc, giám sát và cơ chế chính sách bảo vệ môi trường.....	200
6.6.1. <i>Quan trắc môi trường.</i>	200
6.6.2. <i>Kiểm soát, quản lý môi trường.</i>	201
6.6.3. <i>Các giải pháp cụ thể, chính sách bảo vệ môi trường.</i>	201
PHẦN VII: CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÙNG.....	203
7.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.....	203
7.1.1. <i>Chương trình chiến lược phát triển vùng.</i>	203
7.1.2. <i>Nguyên tắc xác định các dự án ưu tiên đầu tư.</i>	203
7.1.3. <i>Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.</i>	205
7.2. Các giải pháp thực hiện quy hoạch xây dựng vùng.	211
PHẦN VIII: CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH TẠO VỐN ĐẦU TƯ'.....	214
8.1. Cơ chế chính sách tạo vốn đầu tư phát triển.	214
8.1.1. <i>Cơ chế, chính sách đầu tư và hỗ trợ phát triển.</i>	214
8.1.2. <i>Huy động nguồn vốn đầu tư.</i>	215
8.2. Tổ chức thực hiện.	215
PHẦN IX: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.	216
9.1. Kết luận.	216

9.2. Kiến nghị. 216

**PHẦN X: CÁC PHỤ LỤC, VĂN BẢN PHÁP LÝ VÀ CÁC BẢN VẼ THU NHỎ
(KÈM THEO). 218**

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.

Viết tắt	Tên đầy đủ	Viết tắt	Tên đầy đủ
BXD	Bộ Xây dựng	GTVT	Giao thông vận tải
CP	Chính phủ	QL...	Đường Quốc lộ
TTg	Thủ tướng	ĐT...	Đường Tỉnh
UBND	Ủy ban nhân dân	ĐH...	Đường Huyện
NĐ	Nghị định	ĐX...	Đường Xã
TT	Thông tư	ĐTND	Đường thủy nội địa
QĐ	Quyết định	KCN	Khu công nghiệp
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam	CCN	Cụm công nghiệp
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam	CCN-LN	Cụm công nghiệp, làng nghề
KT-XH	Kinh tế - Xã hội	TTCN	Tiểu thủ công nghiệp
QHC	Quy hoạch chung	VLXD	Vật liệu xây dựng
QHPK	Quy hoạch phân khu	TT GDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên
QHCT	Quy hoạch chi tiết	PTCS	Phổ thông cơ sở
QHKT	Quy hoạch kiến trúc	THPT	Trung học phổ thông
HTKT	Hạ tầng kỹ thuật	THCS	Trung học cơ sở
XĐĐT	Xây dựng đô thị	CTR	Chất thải rắn
DTTN	Diện tích tự nhiên	NMN	Nhà máy nước
NTM	Nông thôn mới	TB	Trạm bơm
CNC	Công nghệ cao	XLNT	Xử lý nước thải
GTSX	Giá trị sản xuất		
HC-CT	Hành chính - Chính trị	HTX	Hợp tác xã
TDTT	Thể dục thể thao	BVTV	Bảo vệ thực vật

THUYẾT MINH TỔNG HỢP QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN (THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050)

PHẦN I: MỞ ĐẦU.

1.1. Tên đồ án quy hoạch.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).

1.2. Giới thiệu tổng quan huyện Nghĩa Đàn.

Nghĩa Đàn thuộc vùng trung du miền núi, ở về phía Bắc - Tây Bắc tỉnh Nghệ An, có tọa độ từ 105°15' đến 105°30' kinh độ Đông và từ 19°13' đến 19°33' vĩ độ Bắc; Nằm về phía Tây Bắc tỉnh Nghệ An, cách thành phố Vinh khoảng 95 km, cách thị xã Thái Hòa khoảng 6 km về phía Đông Bắc. Với tổng diện tích tự nhiên huyện Nghĩa Đàn khoảng 617,85 km², dân số năm 2019 khoảng 140.519 người, mật độ dân số 283 người/km².

Từ ngàn xưa, vùng đất Nghĩa Đàn đã là một trong những cái “nôi” của người “Việt cổ”, với di chỉ khảo cổ học Làng Vạc, với những chiếc trống đồng và những dụng cụ lao động, săn bắn,... biểu tượng rực rỡ của nền văn hóa Đông Sơn từ thuở các Vua Hùng dựng nước; Quá trình lao động chinh phục thiên nhiên, xây dựng cuộc sống của người “Việt cổ” ở Nghĩa Đàn đã góp phần vào trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước; Những giá trị to lớn về văn hóa và lịch sử của di chỉ khảo cổ học Làng Vạc để lại là niềm tự hào lớn lao của mỗi người dân Nghĩa Đàn qua bao thế hệ. Trải qua nhiều triều đại trong lịch sử dân tộc, đến năm Minh Mệnh thứ 21 (*tức năm 1840*), tổ chức hành chính Nghệ An được sắp xếp lại, “huyện Nghĩa Đường” được thành lập trên cơ sở tách từ phủ Quỳnh Châu, sau lại đổi tên là huyện Nghĩa Đàn (*năm 1885*). Quá trình tiếp biến của lịch sử, cùng với người bản địa, trên địa bàn Nghĩa Đàn xuất hiện thêm các cộng đồng cư dân mới, trong đó đáng kể nhất là đồng bào dân tộc Thổ, Thái di cư từ các địa phương khác đến và người Kinh từ miền xuôi lên sinh sống, lập nghiệp; Từ đây, các thế hệ người Thái, người Thổ, người Kinh chung sống trong sự cố kết cộng đồng hòa thuận, cùng nhau hun đúc nên truyền thống yêu nước, đoàn kết, thủy chung, cần cù, sáng tạo và tạo nên bản sắc văn hóa riêng của người dân Nghĩa Đàn.

Theo Nghị quyết số 164/2007/NĐ-CP của Chính phủ đã điều chỉnh địa giới hành chính huyện Nghĩa Đàn để thành lập thị xã Thái Hòa, thành lập các phường thuộc thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An; Huyện Nghĩa Đàn còn lại khoảng 617,85 km² với 24 đơn vị hành chính; Đồng thời, theo Nghị quyết số 96/2011/NQ-CP của Chính

phủ điều chỉnh địa giới hành chính xã để thành lập thị trấn Nghĩa Đàn thuộc huyện Nghĩa Đàn... Hơn 10 năm qua, huyện Nghĩa Đàn đã có sự chuyển biến tích cực, rõ nét;... Từ một huyện nghèo (sau khi chia tách) vươn lên trở thành trung tâm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*theo Nghị Quyết số 26/BCT về phương hướng nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020*). Thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 831/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An: Đối với huyện Nghĩa Đàn đã sáp nhập 03 xã Nghĩa Tân, Nghĩa Thắng, Nghĩa Liên để thành lập xã mới lấy tên là xã Nghĩa Thành. Đến nay, huyện Nghĩa Đàn có 23 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn và 22 xã. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 và những năm tiếp theo huyện Nghĩa Đàn tập trung vào một số nhiệm vụ: Tiếp tục ổn định một số cây trồng chủ lực nhằm phục vụ công nghiệp chế biến, đẩy mạnh công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp, ưu tiên cây ăn quả, ký kết lâu dài ổn định với các nhà tiêu thụ, tạo điều kiện khuyến khích cho đầu tư vào Nghĩa Đàn, tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sự phát triển KT-XH của huyện, đẩy mạnh chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đồng thời xây dựng phong trào “làng quê đáng sống” và phân đấu xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Năm 2020, huyện đã hoàn thành 14/ 22 xã đã chuẩn nông thôn mới.

Điều kiện tự nhiên huyện Nghĩa Đàn rất đa dạng, nằm trong vùng sinh thái Tây Bắc, giàu tiềm năng với 03 tiểu vùng: Vùng đồng bằng thung lũng, vùng bán sơn địa, vùng địa hình tương đối cao; Với những dãy đồi núi không quá cao, thoải dần và bao quanh huyện từ Tây sang Bắc, từ Đông sang Đông Nam (*như: Dãy núi Chuột Bạch, dãy Bồ Bồ, dãy Cột Cờ,...*) kiến tạo địa hình đặc trưng rất thuận lợi để phát triển nông lâm nghiệp phong phú,... Có dòng sông Hiếu là nhánh sông lớn nhất của sông Cả chảy qua - được bắt nguồn từ núi Kay sát biên giới Việt - Lào hướng chảy về các huyện Tây Kỳ, Anh Sơn rồi nhập về dòng Lam Giang,... Và hơn 100 hồ đập lớn / nhỏ, trong đó có hồ Khe Đá (*15 triệu m³*), hồ Sông Sào (*50 triệu m³*),... không chỉ phục vụ tốt cho việc tưới các loại cây trồng mà đang tạo ra vùng sinh thái tốt và mở ra một hướng du lịch sau này... Với hệ thống giao thông khá thuận lợi do có đường Hồ Chí Minh (*đoạn qua huyện dài ~23 km*), QL.48E (*~73 km*), QL.15 (*~11 km*); Đặc biệt, nằm trên QL.48 - đoạn qua huyện dài ~9km (*xuất phát từ QL.1A đi cửa khẩu Thông Thụ huyện Quế Phong sang Lào*), QL.48D kết nối Thái Hòa, Nghĩa Đàn với QL.1A (*thị xã Hoàng Mai, cảng Đông Hội, khu kinh tế Nghi Sơn*),... thuận lợi cho việc phát triển, giao thương, vận chuyển hàng hóa và hội nhập kinh tế... Đồng thời, Nghĩa Đàn có lãnh thổ trải rộng theo hướng Đông - Tây (*từ khe Đổ đến Trông Rếp*) dài khoảng 26 km và theo hướng Bắc - Nam (*từ Làng Tra, xã Nghĩa Lâm đến cuối xã Nghĩa Khánh*) dài khoảng 30 km với tổng diện tích khoảng

760 km²; Với vị trí địa lý của mình, huyện Nghĩa Đàn giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh...

1.3. Lý do, sự cần thiết lập quy hoạch.

(1). Khai thác yếu tố cơ hội phát triển KT-XH của huyện: Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025; Trong đó xác định: “*Hệ thống đô thị loại V, như: thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn, đô thị Nghĩa Sơn và Nghĩa Long; các thị trấn này được phát triển như các đô thị vệ tinh hỗ trợ phát triển cho thị xã Thái Hòa trở thành thành phố;...*”; Đồng thời, Nghĩa Đàn cùng với Thái Hòa gắn với vùng Nam Thanh Hóa-Bắc Nghệ An trở thành Trung tâm kinh tế trọng điểm “thứ 3”¹ là vùng các huyện miền Tây Nghệ An và là “mắt xích” quan trọng của 3 trong 7 trục phát triển không gian theo hướng Đông Tây của vùng Nam Thanh Bắc Nghệ, đó là:

+ *Trục Đông Tây trung tâm vùng: Nghi Sơn - Nghĩa Đàn (thị trấn Huyện lỵ) - Thái Hòa;*

+ *Trục Bắc Nghệ 1 (QL.48D - “ĐT.537 cũ”): Nối kết các đô thị Đông Hội - Hoàng Mai - Nghĩa Đàn (thị trấn Huyện lỵ) - Thái Hòa;*

+ *Trục Bắc Nghệ (QL.48): Nối kết Cầu Giát - Tuần - Nghĩa Đàn (thị trấn Huyện lỵ) - Thái Hòa.*

- Nằm trong vùng kinh tế Phủ Quỳ - một trong ba cực tăng trưởng chính của Tỉnh - từ lâu Nghĩa Đàn đã được xem là một trong những trọng điểm kinh tế Tỉnh, nhất là về tiềm năng phát triển nông nghiệp. Mặc dù sau khi chia tách để thành lập thị xã Thái Hòa, có những lợi thế không còn ở huyện, nhưng Nghĩa Đàn vẫn còn những ưu thế không thể thay thế. Vẫn là Huyện tiềm năng phát triển nhiều loại cây trồng chiến lược với quy mô lớn, tập trung của tỉnh (gồm: 4.950 ha cao su, 1.000 - 1.500 ha cà phê, 1.000 - 1.500 ha cam tập trung và 10.000 ha mía nguyên liệu).

- Thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao. Đầu tư phát triển KT-XH khu vực miền Tây trở thành một trong 3 vùng kinh tế trọng điểm của Tỉnh, gắn vùng nguyên liệu với khai thác, chế biến khoáng sản, sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp. Xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao với trung tâm là

¹ Trong chiến lược phát triển, Nghệ An có 3 vùng kinh tế trọng điểm gồm: (1) Vùng Tp. Vinh - Tx. Cửa Lò - các huyện Đông Nam của tỉnh gắn với vùng Nam Nghệ Bắc Hà; (2) Vùng Tx. Hoàng Mai - Quỳnh Lưu gắn với vùng Nam Thanh Bắc Nghệ; (3) Vùng kinh tế miền Tây Nghệ An (Tân Kỳ - Đô Lương - Nghĩa Đàn - Thái Hòa - Quỳ Hợp).

Nghĩa Đàn nhằm khai thác tiềm năng nông nghiệp khu vực Miền Tây Nghệ An, tạo ra sản phẩm có chất lượng, năng suất, hiệu quả và làm điển hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ.

→ Huyện Nghĩa Đàn phấn đấu xây dựng thành huyện Nông thôn mới đến năm 2025; Từng bước trở thành trung tâm kinh tế vùng Tây Bắc; Từng bước trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh; Đồng thời, xác định 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 mũi đột phá phát triển².

(2). Sau khi chia tách thị xã Thái Hòa theo Nghị định số 164/2007/NĐ-CP ngày 15/11/2007; Quy hoạch xây dựng vùng huyện nhằm để cập nhật, khai thác những động lực, yếu tố mới đã và đang hình thành như: Khu vực trung tâm hành chính huyện, hệ thống hạ tầng đô thị, hạ tầng kỹ thuật,... từng bước được đầu tư xây dựng. Do vậy, quy hoạch xây dựng vùng huyện sẽ định hướng phát triển đô thị, nông thôn, các khu chức năng dọc tuyến đồng bộ đồng thời gắn kết hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực lân cận với những tuyến đường,... nhằm phát huy tối đa lợi thế của những tuyến đường đi qua.

(3). Là công cụ lập các Quy hoạch nông thôn và đô thị trên địa bàn:

Theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 thì Quy hoạch KT-XH cấp huyện sẽ không còn, các quy hoạch ngành liên quan đã hết hiệu lực và không còn trong hệ thống quy hoạch độc lập. Do vậy để xây dựng chiến lược phát triển KT-XH huyện Nghĩa Đàn gắn với việc quản lý, kiểm soát, là cơ sở để tổ chức lập các quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch chung xã nông thôn, đồng thời rà soát, khớp nối, điều chỉnh các quy hoạch trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn thì quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn là cơ sở để giải quyết các vấn đề trên.

Việc xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn là hết sức cần thiết, nhằm định hướng và đề xuất các giải pháp xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa giai đoạn 2021-2025 phù hợp với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế đất nước. Xây dựng nông thôn theo các tiêu chí huyện nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng miền. Định hướng quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, môi trường và các dịch vụ xã hội, phù hợp với định hướng đô thị hóa, nhằm từng bước chuẩn bị cho việc hình thành đô thị trên địa bàn, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư. Triển khai thành công đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính Phủ. Mặt khác, việc xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn là cơ sở lập kế hoạch, chương trình xây dựng huyện nông thôn mới trong năm 2025. Phù hợp với Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Trong đó, đến năm 2025 sẽ có khoảng 30 % số huyện được lập quy hoạch xây dựng vùng huyện, ưu tiên các huyện có mức độ đô thị hóa cao.

² Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Với những lý do trên, việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn là cần thiết, xác lập các tầm nhìn tổng thể, định hướng lâu dài làm cơ sở pháp lý để lập các quy hoạch, kế hoạch chương trình hành động từng giai đoạn, xây dựng chương trình kế hoạch và hoạch định các chính sách phát triển KT-XH của huyện.

1.4. Căn cứ lập quy hoạch.

1.4.1. Các cơ sở pháp lý.

a) Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 24/12/2018 của Quốc hội khóa XIV về việc Sửa đổi, Bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 164/2007/NĐ-CP ngày 15/11/2007 của Chính phủ V/v Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Nghĩa Đàn để thành lập thị xã Thái Hòa; thành lập các phường thuộc thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An;
- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội Phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;
- Nghị quyết số 831/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An.
- Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị;
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định (NĐ số 18/2015/NĐ-CP) quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc quy

định chi tiết thi hành một số điều của luật Quy hoạch;

- Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án QHXD, quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Thông tư số 02/2017/TT-XD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD).

b) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Quyết định 1447/QĐ-TTg ngày 16/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Bắc Nghệ đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025;

- Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017 - 2020;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

c) Các văn bản của Bộ, ngành và Quyết định UBND tỉnh:

- Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 11/10/2011 của Chính phủ V/v Điều chỉnh địa giới hành chính xã để thành lập thị trấn Nghĩa Đàn thuộc huyện Nghĩa Đàn và mở rộng địa giới hành chính thị trấn Thanh Chương thuộc huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;

- Nghị quyết số 322/2010/NQ-HĐND ngày 10/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc Thông qua đề án phân loại đô thị mới Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn là đô thị loại V (thị trấn huyện lỵ);

- Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc Thông qua chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019 - 2021;

- Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 4566/QĐ.UBND-CN ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 3747/QĐ.UBND-GT ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020.

- Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt dự án: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020;

- Quyết định số 3475/QĐ.UBND ngày 19/7/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Hệ thống cấp nước sạch huyện Nghĩa Đàn, công suất 30.000 m³/ ngày đêm (đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyên giao).

- Quyết định số 4240/UBND-CN ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Nghệ An Phê duyệt Đề án phát triển hạ tầng cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Nghĩa Sơn tại xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Đàn;

- Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh và bổ sung quy hoạch chung thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2018 - 2020;

- Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai

trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030.

- Dự thảo Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Quỳnh Hợp - Tân Kỳ - Nghĩa Đàn - Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Đàn;

- Công văn số 789/UBND-CN ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Thống nhất chủ trương lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

d) Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn:

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2021/BXD Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Các văn bản quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

1.4.2. Các nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ.

- Hồ sơ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành. Dự án, chương trình phát triển đô thị, du lịch, công nghiệp,... và phát triển hạ tầng kỹ thuật (nếu có).

- Các tài liệu: Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An và huyện Nghĩa Đàn năm 2019. Các tài liệu, số liệu khảo sát điều tra hiện trạng vùng.

- Bản đồ các loại tỷ lệ: 1/100.000, 1/50.000, 1/25.000 và 1/10.000.

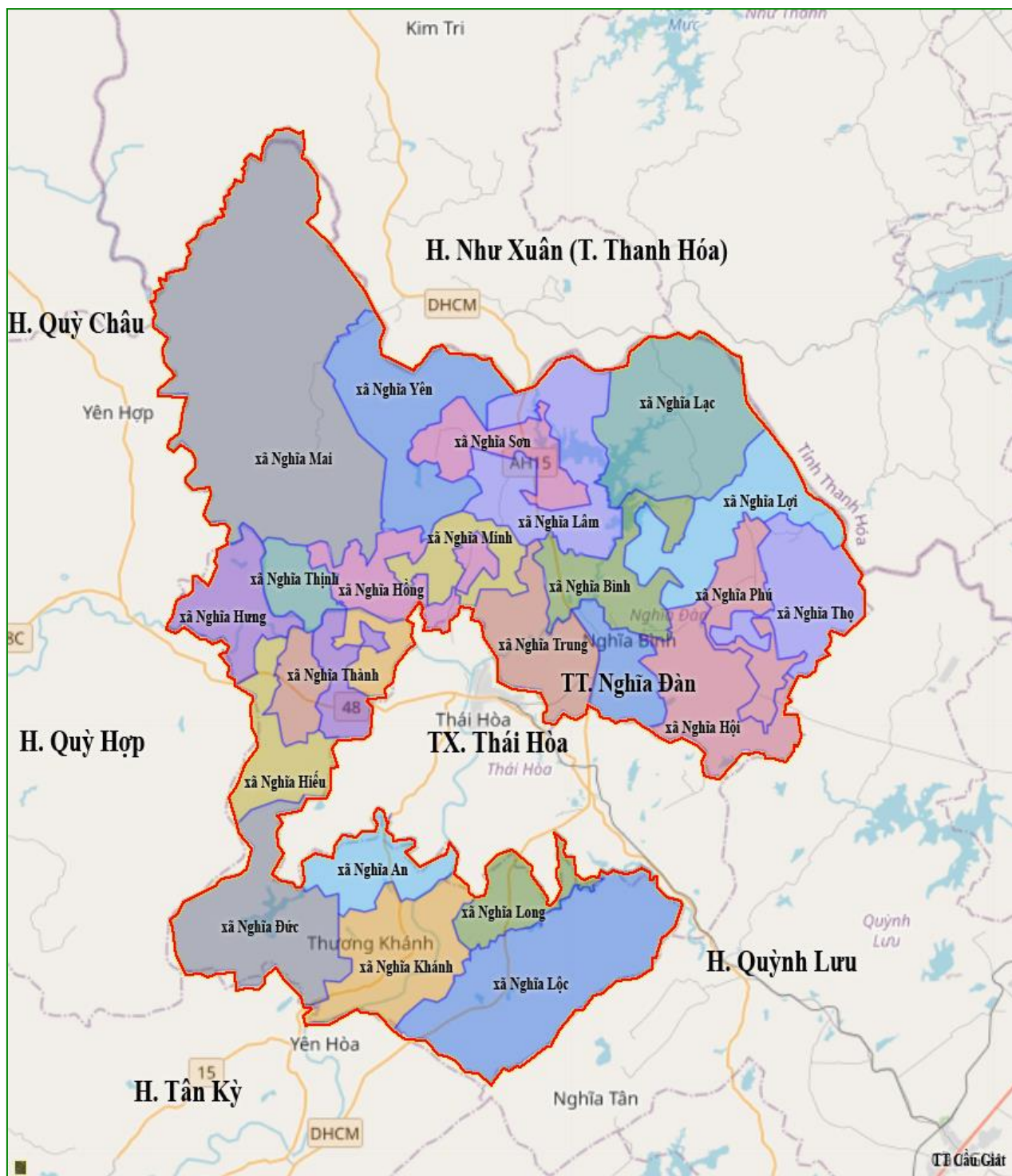
- Các tài liệu liên quan khác.

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ HIỆN TRẠNG VÙNG HUYỆN NGHĨA ĐÀN.

2.1. Vị trí địa lý và mối quan hệ vùng.

2.1.1. Vị trí địa lý.

Toàn bộ diện tích tự nhiên thuộc ranh giới hành chính huyện Nghĩa Đàn; Bao gồm thị trấn Nghĩa Đàn (huyện lỵ) và 22 xã. Diện tích đất tự nhiên: **617,85 km²** (**61.785 ha**); Giới hạn như sau:



Bản đồ ranh giới hành chính huyện Nghĩa Đàn

- Phía Đông giáp: Huyện Quỳnh Lưu;
- Phía Tây giáp: Huyện Quỳnh Châu và Huyện Quỳnh Hợp;
- Phía Nam giáp: Huyện Tân Kỳ;
- Phía Bắc giáp: Huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Các đơn vị hành chính trực thuộc (01 thị trấn và 22 xã): Thị trấn Nghĩa Đàn (huyện lỵ) và các xã: Nghĩa Hội, Nghĩa Phú, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành, Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức.

2.1.2. *Mối quan hệ vùng.*

Nghĩa Đàn là huyện trung du miền núi thuộc phía Tây Bắc của tỉnh Nghệ An, bao quanh ôm trọn thị xã Thái Hòa về phía Bắc - phía Tây - phía Nam; cách thị xã Hoàng Mai là khoảng 25 km về phía Tây theo QL.48D (ĐT.537 cũ); cách khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa khoảng 44 km (qua QL.48D, QL.1A); cách thành phố Vinh gần khoảng 95 km về phía Tây Bắc (qua QL.48, QL.1A hoặc QL.48D, QL.1A). Có hệ thống giao thông huyết mạch đi qua, như: đường Hồ Chí Minh, QL.48, QL.48D, QL.48E, QL.15,...

a) *Mối quan hệ ngoại vùng:*

Theo “Quy hoạch vùng liên huyện Quỳnh Hợp - Tân Kỳ - Nghĩa Đàn - Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2012 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” định hướng xây dựng thành một khu vực phát triển kinh tế nhanh, mạnh của vùng Bắc Trung bộ, trung tâm kinh tế quan trọng phía Bắc tỉnh Nghệ An, thành phố sinh thái - y học, gắn với vùng sinh thái nông nghiệp công nghệ cao³ (Ecological Agriculture Cluster). Khai thác có hiệu quả tiềm năng, đầu tư tập trung theo thế mạnh nổi trội, chia sẻ chức năng hợp lý trên từng địa bàn (nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, dân cư đô thị, công nghiệp); Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội thành các trung tâm đủ mạnh (về đào tạo dạy nghề, giao thông vận tải, y tế, tài chính, viễn thông, ngân hàng,...); Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật liên vùng (nguồn nước, xử lý rác thải, nghĩa trang,...) đáp ứng tốt nhu cầu phát triển; Bảo vệ môi trường tự nhiên (đồi núi, sông hồ, đất nông nghiệp có giá trị) và củng cố an ninh quốc phòng.

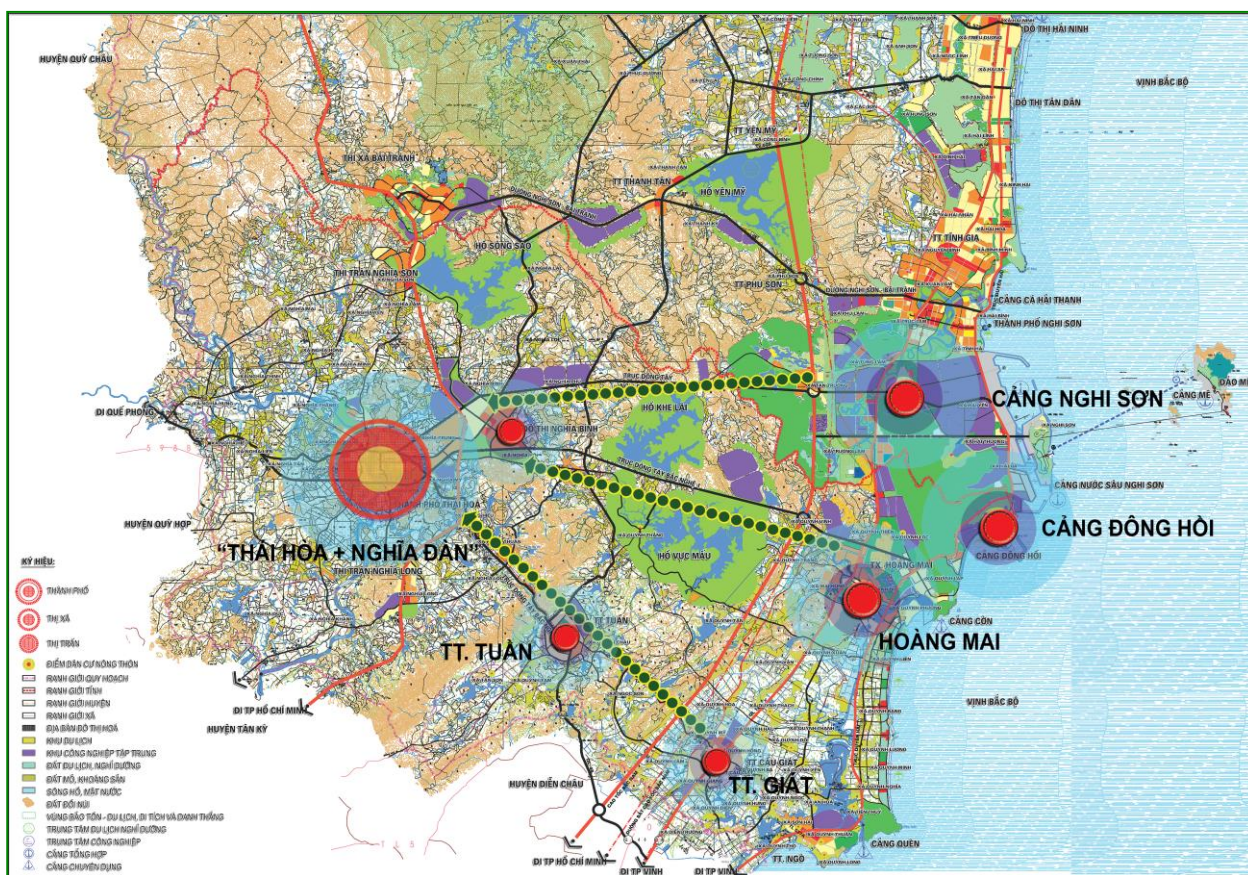
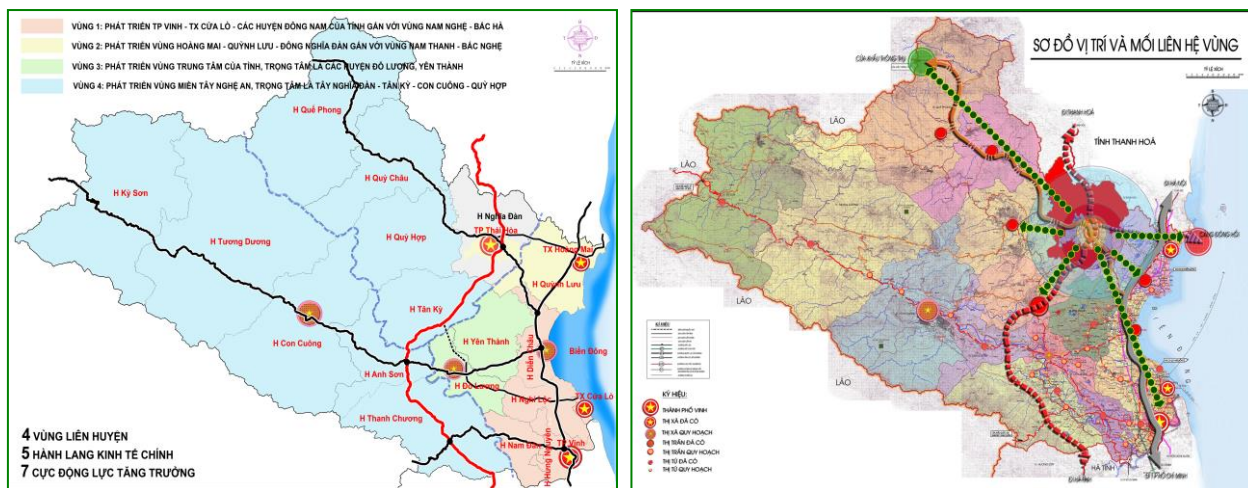
- Vai trò của huyện Nghĩa Đàn cùng với thị xã Thái Hòa gắn với vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An trở thành Trung tâm kinh tế trọng điểm vùng miền Tây Nghệ An, trở thành “mắt xích” quan trọng của 3 trong 7 trục phát triển không gian theo hướng Đông Tây của vùng Nam Thanh Bắc Nghệ, đó là:

- + *Trục Đông Tây trung tâm vùng: Nghi Sơn - Nghĩa Đàn - Thái Hòa;*
- + *Trục Bắc Nghệ 1 (QL.48D - “ĐT.537 cũ”): Nối kết các đô thị Đông Hội -*

³ “Phát triển hệ sinh thái: Hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” hay “Ứng dụng công nghệ cao vào phát triển hệ sinh thái nông nghiệp”.

Hoàng Mai - Nghĩa Đàn - Thái Hòa;

+ Trục Bắc Nghệ (QL.48): Nối kết Cầu Giát - Tuần - Nghĩa Đàn - Thái Hòa.



Mối quan hệ ngoại vùng...

b) Quan hệ nội vùng:

Huyện Nghĩa Đàn nằm trong vùng miền Tây Nghệ An⁴ với trọng điểm vùng là Tân Kỳ - Con Cuông - Nghĩa Đàn - Thị xã Thái Hòa - Quỳnh Hợp. Điểm sáng là trở thành vùng trọng điểm nông nghiệp công nghệ cao cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu phát triển công nghiệp hiện đại gắn với vùng nguyên liệu, chăn nuôi phát triển theo hướng quy mô trang trại gắn với công nghiệp chế

⁴ Miền Tây Nghệ An bao gồm 11 huyện miền núi; trong đó 05 huyện vùng cao (Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Châu) và 06 huyện miền núi (Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, thị xã Thái Hòa, Tân Kỳ, Anh Sơn, Thanh Chương); Với diện tích tự nhiên là 13.748,07 km², chiếm 83,36% diện tích toàn tỉnh.

biển; Phát triển dân cư đô thị gắn với công nghiệp và các dịch vụ chất lượng cao, sắp xếp ổn định dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới,... Nhiều tiềm năng của vùng miền Tây Nghệ An, như: Tài nguyên khoáng sản, du lịch sinh thái, chăn nuôi đại gia súc, kinh tế rừng, chế biến nông - lâm sản khai thác hiệu quả cao.

Huyện Nghĩa Đàn⁵ là mảnh đất “giàu bản sắc, đầy tiềm năng”; Là nơi phát tích cái “nôi” của người “Việt cổ”, với di chỉ khảo cổ làng Vạc, với những chiếc trống Đồng và những dụng cụ lao động, săn bắn,... biểu tượng rực rỡ của nền văn hóa Đông Sơn từ thuở các Vua Hùng dựng nước; Nơi có Hang Rú Ấm⁶ (xã Nghĩa Đức) và Cây Đa làng Trù⁷ (xã Nghĩa Khánh) là những di tích lịch sử cách mạng... Rồi những điệu múa Cồng Chiêng, Khắc Luống,... của người Thái, người Thổ đã vang lên những âm hưởng “thậm thịnh” trên đuông gỗ gợi về nét sinh hoạt cộng đồng xa xưa phản ánh giá trị văn hóa phi vật thể cần được gìn giữ mà đến nay vẫn chỉ như dấu lặng trong nốt nhạc... tiếng cồng chiêng!!! Đó như là “Sợi chỉ hồng” xuyên suốt nền văn hóa vùng đất Phủ Quý, xuyên suốt tiến trình phát triển của vùng đất huyện Nghĩa Đàn cho tới tận ngày nay.

2.2. Điều kiện tự nhiên.

2.2.1. Địa hình, địa mạo.

Nghĩa Đàn là một huyện có điều kiện địa hình khá thuận lợi so với các huyện trung du miền núi trong tỉnh. Đồi núi không quá cao, chủ yếu là thấp và thoải dần, bao quanh huyện từ phía Tây sang phía Bắc, Đông và Đông Nam là những dãy núi tương đối cao. Một số đỉnh có độ cao từ +300 m đến +400 m, như: Dãy Chuột Bạch, dãy Bò Bò, dãy Cột Cờ,...

Khu vực phía Tây Nam và phần lớn các xã trong huyện là đồi thoải. Xen kẽ giữa các đồi núi thoải là những thung lũng có độ cao trung bình từ +50 m ~ +70 m so với mực nước biển.

Địa hình toàn huyện được phân bố như sau:

- Đồi núi thoải chiếm 65%;
- Đồng bằng thung lũng chiếm 8%;
- Đồi núi cao chiếm 27%.

Ngoài ra, do đặc điểm kiến tạo của địa hình, Nghĩa Đàn còn có những vùng đất tương đối bằng phẳng, có quy mô diện tích lớn, đồi núi thấp thoải là điều kiện thuận lợi để phát triển một nền nông - lâm nghiệp phong phú.

⁵ Hơn 130 năm trước có tên là Nghĩa Đường (trước năm 1885); Theo “Đại Nam nhất thống chí - Quyển 5 - Tập 2” có viết: “Huyện Nghĩa Đường: Đông Tây cách nhau 117 dặm, Nam Bắc cách nhau 205 dặm, phía Đông đến địa giới huyện Quỳnh Lưu 12 dặm, phía Tây đến địa giới huyện Quế Phong, phía Nam đến địa giới huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa 23 dặm. Năm Minh Mệnh thứ 21 trích đất 7 tổng thuộc huyện Quỳnh Lưu đặt huyện này. Năm Tự Đức thứ 3 bỏ tri huyện do phủ kiêm lý. Nay lãnh 8 tổng, 49 xã thôn.”

⁶ Hang Rú Ấm - Nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Nghĩa Đàn (tháng 10/1930).

⁷ Cây Đa làng Trù - Nơi nhân dân Nghĩa Đàn đứng lên giành chính quyền.

2.2.2. Khí hậu.

Nghĩa Đàn là huyện có khí hậu đặc trưng của khu vực nhiệt đới gió mùa, chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu giao thoa, chuyển tiếp giữa hai miền Bắc - Nam, có gió mùa Tây Nam vào mùa khô và gió mùa Đông Bắc về mùa mưa; Do vậy, khí hậu có một số đặc điểm như sau:

a) Nhiệt độ:

Khí hậu nhiệt đới gió mùa, lại bị chi phối bởi yếu tố địa hình sườn Đông Trường Sơn nên có sự phân hóa rất khắc nghiệt với đặc trưng là mùa đông lạnh ẩm, mưa nhiều, mùa hè khô, nóng.

Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 24,4°C, nhiệt độ tối cao tuyệt đối khoảng 41,6°C (vào các tháng 6, 7, 8); Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối khoảng 15°C (vào các tháng 12, 1, 2); Có khi nhiệt độ còn xuống thấp tới -0,2°C.

b) Lượng mưa:

Lượng mưa trung bình năm là 1.591,7 mm (bình quân của cả tỉnh khoảng 1.600mm), phân bố không đồng đều trong năm, trong đó có đến > 70 % lượng mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10; Lượng mưa bình quân cao nhất là 2.784 mm (năm 1978); Lượng mưa bình quân thấp nhất 1.016 mm (năm 1969).

Mưa tập trung vào các tháng 8, 9 và 10 gây úng lụt ở các vùng thấp dọc sông Hiếu; Mùa khô lượng mưa không đáng kể do đó hạn hán kéo dài, có năm kéo dài tới 2 đến 3 tháng.

c) Độ ẩm không khí:

Độ ẩm trung bình nhiều năm phổ biến 80 - 86 %, chênh lệch giữa các tháng trong năm không đáng kể.

d) Chế độ gió:

Chế độ gió biến đổi theo mùa trong năm và có 2 loại gió chính:

- Gió Tây Nam (gió Lào - gió Foehn) về mùa hè (từ tháng 4 đến tháng 8) với đặc điểm, khô - nóng làm nhiệt độ trong ngày tăng cao;

- Gió Đông Bắc về mùa đông (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau), gió rét (trong vụ Đông Xuân) song hành với hạn là rét, số ngày có nhiệt độ < 15°C là trên 30 ngày, ảnh hưởng rất lớn tới sự sinh trưởng và phát triển của nhiều loại cây trồng và các hoạt động sản xuất. Ngoài ra gió Lào, bão, lốc, sương muối cũng gây tác hại không nhỏ cho nhiều loại cây trồng hàng năm của huyện; Tốc độ gió trung bình 29m/s, lớn nhất 40 m/s.

Nói chung, Nghĩa Đàn có khí hậu đặc trưng là nóng, ẩm mưa nhiều vào mùa hè, khô hanh lạnh về mùa đông, có thể nói thích hợp với nhiều loại cây trồng tạo điều kiện phát triển nền sản xuất nông nghiệp đa dạng. Song cần có biện pháp phòng chống úng lụt, khô hạn kịp thời và xác định cơ cấu cây trồng hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và mức sống của nhân dân.

2.2.3. Thủy văn, địa chấn.

a) Thủy văn:

Huyện Nghĩa Đàn nằm trong lưu vực sông Hiếu, là nhánh sông lớn nhất của hệ thống sông Cả, bắt nguồn từ biên giới Việt - Lào, qua Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp về Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, gặp sông Cả tại Cây Chanh (huyện Anh Sơn). Sông Hiếu có chiều dài khoảng 217 km, đoạn chạy qua Nghĩa Đàn dài 44 km (từ ngã ba Dinh đến Khe Đá). Ngoài sông Hiếu, Nghĩa Đàn còn 48 chi lưu lớn nhỏ. Trong đó có 5 nhánh chính:

- Sông Sào: Bắt nguồn từ vùng núi Như Xuân - Thanh Hóa qua các xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình (dài 34 km), trong lưu vực sông có nhiều hồ đập lớn nhỏ. Đặc biệt là công trình thủy lợi Sông Sào với diện tích lưu vực 160 km², dung tích hồ chứa từ 45 - 60 triệu m³ nước.

- Khe Cái: Bắt nguồn từ vùng núi Quỳnh Tam (huyện Quỳnh Lưu) chảy qua các xã Nghĩa Lộc, Nghĩa Long về sông Hiếu (dài 23 km).

- Khe Ang: Bắt nguồn từ vùng núi Nghi Xuân - Thanh Hóa, chảy qua các xã Nghĩa Mai, Nghĩa Hồng, Nghĩa Thịnh ra sông Hiếu (dài 23 km).

- Khe Dền: Bắt nguồn từ Thanh Hóa qua xã Nghĩa Yên, Nghĩa Thịnh về Sông Hiếu (dài 16 km).

- Khe Đá: Bắt nguồn từ vùng núi Tân Kỳ qua các xã Nghĩa An, Nghĩa Đức, Nghĩa Khánh chảy vào sông Hiếu (dài 17 km).

Đặc điểm của khe suối huyện Nghĩa Đàn, nói chung về mùa mưa giao thông đi lại hết sức khó khăn do phải đi qua nhiều tràn, ngầm bị ngập nước gây ách tắc có khi đến 5 - 7 ngày.

Qua quan sát từ các giếng khơi cho thấy nguồn nước ngầm ở huyện Nghĩa Đàn khá dồi dào, mực nước bình quân 6 - 7 m, mùa khô hạn 10 - 15 m, mùa mưa 4-5m (có nơi dưới 2 m); Nước ngầm ở Nghĩa Đàn có nhiều tạp chất của khoáng vật.

b) Địa chấn:

Theo dự báo của Viện Vật lý địa cầu - Việt Nam, khu vực huyện Nghĩa Đàn nằm trong vùng động đất cấp 6 (MSK). Cần có giải pháp an toàn cho công trình ứng với cấp địa chấn đã xác định.

2.3. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên.

2.3.1. Tài nguyên đất.

Tính đến hết năm 2019, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện là **617,85** km² (**61.785** ha) chiếm khoảng 3,74 % diện tích tự nhiên tỉnh Nghệ An; Nghĩa Đàn có 15 loại đất thuộc 04 nhóm theo nguồn gốc phát sinh: Nhóm đất phù sa; Nhóm đất đen; Nhóm đất đỏ vàng; Nhóm đất thung lũng. Nhóm đất phù sa phân bố tương đối tập trung nên đã sử dụng hầu hết để trồng cây lương thực, nhóm đất đen là những loại đất thích hợp để trồng các cây ăn quả có giá trị cao (như: Cam, nhãn, mía nguyên

liệu,...). Nhóm đất đỏ vàng và đất thung lũng phân bố đều khắp trên toàn huyện với nhiều loại đất trên nhiều dạng địa hình và độ cao khác nhau, thích nghi với nhiều loại cây công nghiệp, cây ăn quả. Đây là thế mạnh, là địa bàn lớn để phát triển lâu dài các ngành kinh tế của huyện.

2.3.1.1. Nhóm đất phù sa:

Nhóm đất phù sa có diện tích khoảng 3.500 ha, chiếm khoảng 5,66 % diện tích đất tự nhiên.

a) Đất phù sa được bồi hàng năm chua (Pbc):

Phân bố dọc hai bên sông Hiếu; Hàng năm về mùa mưa thường được bồi đắp một lớp phù sa mới dày từ 2 cm - 10 cm, thành phần cơ giới thường là thịt nhẹ, cấu tượng đất tốt. Thích hợp với trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày; Để đảm bảo nâng cao năng suất cây trồng cần phải tăng cường bón phân hữu cơ để cải thiện hàm lượng hữu cơ trong đất.

b) Đất phù sa được bồi hàng năm chua (Pc):

Là loại đất trước đây cũng được bồi đắp phù sa, song chịu tác động của yếu tố địa hình, đặc biệt là quá trình đắp đê ngăn lũ nên không được bồi đắp thêm phù sa mới nữa; Thành phần cơ giới của đất từ thịt nhẹ đến thịt trung bình tùy thuộc vào địa hình. Hiện tại loại đất này đang được trồng các loại cây hoa màu lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày như: lúa, ngô, khoai, lạc, mía,... Trong quá trình canh tác cần chú ý bón vôi cải tạo độ chua, tăng cường bón phân hữu cơ và các loại phân khoáng để đảm bảo đủ dinh dưỡng cho cây, đồng thời nâng cao độ phì cho đất.

c) Đất phù sa ngòi suối (Py):

Đất được hình thành do sự vận chuyển các sản phẩm phù sa không xa, cộng thêm với những sản phẩm từ trên đồi núi đưa xuống. Là loại đất có độ phì tự nhiên thấp. Thành phần cơ giới của đất nhẹ. Đây là loại đất có độ phì tự nhiên thấp, song lại thích hợp với trồng các loại cây hoa màu lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày như ngô, khoai, đậu, vừng, lạc,... Cần tăng cường bón nhiều phân hữu cơ để tăng chất dinh dưỡng cho đất.

2.3.1.2. Nhóm đất đen:

Nhóm đất đen có diện tích khoảng 6.000 ha, chiếm khoảng 9,70 % diện tích đất tự nhiên.

a) Đất đen tro núi lửa (R):

Chiếm diện tích không đáng kể; Phân bố ở chân miệng núi lửa vùng Phủ Quý như Hòn Mư (Nông trường 1 - 5). Loại đất này có độ phì nhiêu khá, cấu tượng đất tơi xốp, thuận lợi trồng các loại cây hoa màu lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày; Trong quá trình canh tác cần có biện pháp giữ ẩm cho đất.

b) Đất đen trên sản phẩm bồi tụ của bazan (Rk):

Đất được hình thành do sự bồi tụ của các sản phẩm phong hóa của đá bazan; Thành phần cơ giới của đất nặng (thịt nặng đến sét), có độ phì cao. Địa hình thấp và

là thung lũng ven chân đồi, thích hợp trồng lúa nước. Để tăng năng suất lúa cần chú ý các giải pháp đầu tư thủy lợi đảm bảo nước cho cây trong suốt thời kỳ sinh trưởng, phát triển.

c) Đất đen trên sản phẩm bồi tụ của cacbonat (Rdv):

Đất hình thành trong tình trạng thoát nước yếu, nước mạch chứa nhiều canxi và magiê cung cấp cho đất; Loại đất có độ phì nhiêu khá. Thành phần cơ giới của đất nặng nên khả năng giữ nước giữ phân bón tốt. Thích hợp với trồng các loại cây hoa màu lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày, những nơi đất cao thì trồng mía,... Cần tăng cường bón nhiều phân hữu cơ để cải tạo thành phần cơ giới làm tăng độ tơi xốp cho đất.

2.3.1.3. Nhóm đất đỏ vàng:

Nhóm đất đen có diện tích khoảng 13.000 ha, chiếm khoảng 21,14 % diện tích đất tự nhiên.

a) Đất nâu đỏ trên đá macma và trung tính (Fk):

Đất nâu đỏ bazan phát triển trên các đồi dốc thoải, ở độ cao +25 m - +150 m, vùng đất này bị cách quãng bởi những dải phiến thạch sét, đá cát, đá vôi. Đất có độ xốp lớn trung bình, khả năng thấm nước của đất nhanh. Là loại đất có đặc tính lý hóa học tốt thích hợp với trồng cây lâu năm (như: Cà phê, cao su và các loại cây ăn quả,...). Cần các biện pháp canh tác hợp lý nhằm hạn chế xói mòn rửa trôi đất vào mùa mưa.

b) Đất nâu đỏ trên đá vôi (Fv):

Đất đỏ nâu được hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá vôi. Thành phần cơ giới lớp đất mặt thường là thịt trung bình, ở các tầng dưới thường là thịt nặng đến sét. Đây là loại đất có độ phì khá, địa hình thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình canh tác cần đặc biệt chú ý giữ ẩm cho đất nhất là mùa khô hanh. Tăng cường bón phân hữu cơ, trồng cây phân xanh. Bón thêm lân và kali để đảm bảo dinh dưỡng cho cây trồng, đồng thời bổ sung lân, kali cho đất.

c) Đất nâu đỏ trên đá biến chất (Fj):

Đất được hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá biến chất (philit, phiến thạch mica, gonalit). Thành phần cơ giới lớp đất mặt thường là thịt trung bình, các tầng dưới là thịt nặng hoặc sét. Đây là loại đất có độ phì trung bình thích hợp với trồng các loại cây lâu năm; Tùy theo cấp độ dốc và độ dày tầng đất, bố trí các loại cây trồng cho phù hợp: Đối với vùng đất có độ dốc 0 - 3° (ưu tiên trồng các loại cây hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày như: ngô, mía); Đối với vùng đất có độ dốc từ 3 - 15° (trồng các loại cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả); Đối với vùng đất có độ dốc 15 - 25° (phương thức canh tác nông lâm kết hợp); Đối với vùng đất có độ dốc trên 25° (khoanh nuôi bảo vệ rừng và trồng rừng).

d) Đất nâu đỏ trên đá sét (Fs):

Đất được hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá mẹ phiến sét. Thành

phần cơ giới từ thịt nặng đến sét, khả năng giữ nước, giữ phân bón khá; Thích hợp trồng cây hoa màu và cây lâu năm. Trong quá trình canh tác cần chú ý biện pháp chống xói mòn, rửa trôi đất.

e) Đất nâu đỏ trên đá macma axit (Fa):

Đất được hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá macma axit (granit, riolit). Thành phần cơ giới thường là thịt nhẹ, tỷ lệ sét vật lý dưới 30%, khả năng giữ nước, giữ phân bón kém; Là loại đất có độ phì nhiêu kém và phần lớn ở địa hình dốc nên sử dụng theo phương thức nông lâm kết hợp ở vùng đất có độ dốc từ 15-25°. Nên áp dụng phương thức canh tác nông lâm kết hợp. Trong quá trình canh tác cần chú ý tăng cường bón phân hữu cơ và phân khoáng để nâng cao độ phì cho đất. áp dụng các biện pháp chống xói mòn, rửa trôi đất vào mùa mưa.

f) Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq):

Đất được hình thành trên sản phẩm phong hóa của đá cát. Thành phần cơ giới của đất nhẹ, tỷ lệ sét vật lý ở tầng đất mặt dưới 20 % nên khả năng giữ nước, giữ phân bón kém. Tùy theo cấp độ dốc và độ dày tầng đất, bố trí các loại cây trồng cho phù hợp: Đối với vùng đất có độ dốc < 8° (ưu tiên trồng các loại cây hoa màu và cây ăn quả như dứa; Đối với vùng đất có độ dốc 8 - 15° (phương thức canh tác nông lâm kết hợp; Đối với vùng đất có độ dốc > 15° (trồng cây lâm nghiệp). Trong quá trình canh tác nên tăng cường bón nhiều phân hữu cơ và phân khoáng để cải thiện lý hóa tính của đất. Cần phải áp dụng các biện pháp chống xói mòn, rửa trôi đất.

g) Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp):

Đất được hình thành trên mẫu chất phù sa cổ, thường ở địa hình đồi lượn sóng có độ dốc dưới 15°. Thành phần cơ giới lớp đất mặt là cát pha, xuống các tầng dưới là thịt trung bình. Hiện tại loại đất này đang được trồng cây hoa màu, cây ăn quả và trồng rừng.

h) Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước (Fl):

Đây là loại đất được hình thành trên nền đất feralit trên các loại đá mẹ khác nhau như đá phiến sét, đá biến chất, đá cát,... Thành phần cơ giới lớp đất mặt thường là thịt trung bình tỷ lệ sét vật lý dao động trong khoảng 30 - 40 %. Đối với loại đất này có thể trồng 2 vụ lúa / năm, hoặc luân canh lúa màu. Trong quá trình canh tác cần chú ý bón vôi cải tạo độ chua, tăng cường bón phân hữu cơ, bón lân và kali để đảm bảo dinh dưỡng cho cây trồng.

2.3.1.4. Nhóm đất thung lũng:

Nhóm đất thung lũng có diện tích khoảng 20.000 ha, chiếm khoảng 32,37 % diện tích đất tự nhiên. Đây là loại đất do sản phẩm dốc tụ. Đất được hình thành do các sản phẩm phong hóa từ trên đồi núi bị nước mưa cuốn trôi xuống lắng đọng ở những thung lũng nhỏ dưới chân đồi núi. Các thung lũng bao bọc bởi những dãy đồi núi có đá mẹ là sa thạch, granit, riolit sản phẩm dốc tụ là cát có cả những mảnh đá mẹ đang phong hóa và mảnh thạch anh sắc cạnh. Những nơi có đá mẹ là phiến sét,

đá biến chất, bazan thì sản phẩm dốc tụ có hạt mịn hơn. Rất nhiều trường hợp sản phẩm dốc tụ không dày quá 60 - 70 cm. Thành phần cơ giới của đất thay đổi từ cát pha đến thịt trung bình hoặc nặng tùy thuộc vào sự tiếp nhận sản phẩm bồi tụ của từng vùng đất.

Hiện tại loại đất này đang được sử dụng trồng lúa nước. Để đảm bảo tăng năng suất lúa cần chú ý bón vôi khử chua, tăng cường bón phân hữu cơ và các loại phân vô cơ. Đối với chân đất nhẹ nên bón đạm làm nhiều lần để tránh hiện tượng cây trồng sử dụng chưa hết sẽ bị rửa trôi.

→ **Nhận xét:**

Nhóm đất phù sa phân bố tương đối tập trung nên đã sử dụng hầu hết để trồng cây lương thực, nhóm đất đen là những loại đất thích hợp để trồng các cây ăn quả có giá trị cao như cam, nhãn, mía nguyên liệu,... Nhóm đất đỏ vàng và đất thung lũng phân bố đều khắp trên toàn huyện với nhiều loại đất trên nhiều dạng địa hình và độ cao khác nhau, thích nghi với nhiều loại cây công nghiệp, cây ăn quả. Đây là thế mạnh, là địa bàn lớn để phát triển lâu dài các ngành kinh tế của huyện.

2.3.2. Tài nguyên nước.

Bao gồm nguồn nước mặt và nước ngầm:

a) Nguồn nước mặt:

- Nghĩa Đàn nằm trong lưu vực sông Hiếu (đoạn chảy qua huyện Nghĩa Đàn dài 44 km - từ ngã ba Dinh đến Khe Đá); Tổng diện tích lưu vực 5.340 km². Đồng thời, còn có 48 sông suối lớn nhỏ, trong đó có 05 nhánh chính, đó là Sông Sào dài 34 km, Khe Cái dài 23 km, Khe Ang dài 23 km, Khe Dền dài 16 km, Khe Đá dài 17km, các sông suối lớn nhỏ có nước quanh năm và địa hình thích hợp tạo cho Nghĩa Đàn nhiều thuận lợi trong công tác đầu tư xây dựng nhiều công trình thủy lợi, với trên 152 hồ đập lớn nhỏ có trữ lượng hàng trăm triệu m³; Trong đó, có 02 công trình lớn là hồ Sông Sào và hồ Khe Đá.

- Với lợi thế về nguồn nước mặt tạo cho Nghĩa Đàn có thế mạnh triển kinh tế nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và là cơ sở cho việc xây dựng vùng du lịch sinh thái sau trong tương lai.

b) Nguồn nước ngầm: Theo một số tài liệu nghiên cứu có thể đánh giá về trữ lượng nước ngầm trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn như sau: Đối tượng có khả năng cấp nước là tầng chứa nước Đệ tứ (q), tầng phân bố ven các sông (qh₂), hệ tầng Đồng Trâu (T_{2a} đt²) và tầng Carbon - Permi, hệ tầng Bắc Sơn (C-P_{bs}). Trữ lượng trong các tầng chứa nước được xếp vào cấp C2 cụ thể là tầng q (phạm vi 18 km²): 40.770 m³/ngày, qh₂ (phạm vi 50 km²): 40.907 m³/ngày, T_{2a} đt² (phạm vi 150 km²): 33.318 m³/ngày, C-P_{bs} (phạm vi 350 km²): 129.465 m³/ngày. Có thể khai thác bằng các lỗ khoan có độ sâu 25 - 50 m đến trên 100 m. Năng suất của mỗi công trình dự kiến là 100 - 1.000 m³/ngày.

2.3.3. Tài nguyên rừng.

Theo kết quả điều tra, tổng diện tích đất lâm nghiệp của huyện Nghĩa Đàn là 22.687,70 ha chiếm 36,72 % tổng diện tích đất tự nhiên của huyện; trong đó:

- Rừng sản xuất: Có diện tích là 18.463,86 ha, chiếm 81,38 % diện tích đất lâm nghiệp của huyện; Chủ yếu là rừng keo, tràm,... có khả năng phát triển công nghiệp chế biến lâm sản góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Rừng phòng hộ: Có diện tích 4.223,84 ha, chiếm 18,62 % diện tích đất lâm nghiệp của huyện.

Nghĩa Đàn là huyện miền núi; Tuy nhiên tài nguyên rừng không phải là thế mạnh của huyện, độ che phủ rừng chỉ đạt khoảng 30 % (số liệu năm 2020).

Phần lớn là rừng phục hồi và rừng nghèo không có rừng giàu nên trữ lượng gỗ, tre, nứa của huyện thấp hơn so với nhiều huyện khác trong địa bàn tỉnh.

2.3.4. Tài nguyên khoáng sản.

Tổng diện tích đất cho hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn là 111,89 ha; Trong lòng đất chứa đựng nhiều loại khoáng sản quý (như: Thiếc, vàng, than đá,...), đồng thời ở đây còn có nhiều núi đá vôi, đá xốp, có nhiều hang động có giá trị về kinh tế và quốc phòng. Với tài nguyên khoáng sản gồm có các loại sau:

- Đá bột Bazan (làm nguyên liệu phụ gia cho xi măng và xay nghiền đá Puzolan) phân bố ở các xã Nghĩa Mai, Nghĩa An, Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm,... với trữ lượng khoảng 70 - 100 triệu tấn.

- Mỏ sét ở các xã Nghĩa An, Nghĩa Thành (Nghĩa Liên cũ), Nghĩa Lộc, Nghĩa Hồng trữ lượng ít chỉ khoảng trên 1 triệu m³.

- Mỏ đá vôi ở các xã Nghĩa Thành (Nghĩa Tân cũ), Nghĩa Hiếu trữ lượng khoảng 45 triệu m³.

- Mỏ đá xây dựng ở các xã Nghĩa Thành (Nghĩa Tân cũ), Nghĩa Hiếu, Nghĩa Trung, Nghĩa Đức,...

- Vàng sa khoáng ở Sông Hiếu (0,33 km).

- Mỏ than ở xã Nghĩa Thịnh.

Các loại khoáng sản trên đều chưa được khảo sát chất lượng, trữ lượng cụ thể và thực tế khai thác chưa đáng kể.

Nhìn chung, tiềm năng khoáng sản ở huyện Nghĩa Đàn tuy không nhiều như một số huyện khác nhưng nếu được khai thác hợp lý sẽ có tác động nhất định đến phát triển KT-XH của huyện trong kỳ quy hoạch.

2.3.5. Tài nguyên nhân văn và du lịch huyện.

a) Tài nguyên nhân văn:

Nghĩa Đàn là huyện trung du miền núi nằm về phía Bắc - Tây Bắc của tỉnh Nghệ An; Nơi đây là cái nôi của người “Việt cổ”, với di chỉ khảo cổ học Làng Vạc,

những chiếc trống biểu tượng rực rỡ của nền văn hóa Đông Sơn từ thuở các vua Hùng dựng nước, là nơi gặp gỡ, hội tụ những nét văn hóa đặc sắc của vùng đất Phủ Quỳnh. Nghĩa Đàn nổi tiếng bởi vùng đất đỏ bazan và truyền thống yêu nước, sự gắn bó thủy chung với quê hương xứ sở của nhân dân các dân tộc Nghĩa Đàn; Và là vùng quê giàu truyền thống cách mạng và có bề dày lịch sử. Tính từ năm Minh Mệnh thứ 21 (năm 1840) huyện Nghĩa Đàn được chia ra từ Phủ Quỳnh Châu, gồm huyện Trung Sơn (Quế Phong) và Thúy Vân (gồm phần lớn đất Quỳnh Châu và Quỳnh Hợp ngày nay) đã trải qua 170 năm. Nhưng nếu tính từ năm danh tính Nghĩa Đàn xuất hiện trong hệ thống bộ máy nhà nước đến nay là 125 năm lịch sử - kể từ năm 1885, vua Đồng Khánh - vì sự kỵ húy mà đổi tên Nghĩa Đường thành Nghĩa Đàn. Và tên gọi huyện Nghĩa Đàn có từ đó. Như vậy, huyện Nghĩa Đàn có tên gọi từ năm 1885. Và đến ngày 15/11/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 164/2007/NĐ-CP điều chỉnh địa giới hành chính huyện Nghĩa Đàn để thành lập thị xã Thái Hòa.

Vùng đất Nghĩa Đàn dù đã trải qua nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính nhưng ở bất cứ hoàn cảnh nào, thời kỳ nào vẫn luôn là trung tâm của vùng núi phía Tây Bắc, đất đai màu mỡ, khí hậu tốt tươi, giao thương thuận lợi. Và trong lịch sử đấu tranh để sinh tồn và phát triển dài lâu ấy người dân Nghĩa Đàn đã hun đúc nên truyền thống tốt đẹp: Yêu nước và không chịu khuất phục trước cường quyền và xâm lăng; Truyền thống đoàn kết chung lưng đấu cật; Nhân ái thủy chung; Cần cù chịu thương chịu khó và sáng tạo trong lao động sản xuất, trong phát triển kinh tế và làm nên một đời sống văn hóa đa dạng và đậm bản sắc Nghĩa Đàn. Làm nên một Nghĩa Đàn “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Từ cái nôi của người “Việt cổ” đến các thế hệ người Thanh, người Thái, người Thổ và người Kinh chung sống trong cộng đồng hòa thuận. Văn hóa Nghĩa Đàn từ lâu đã là sự tích hợp của nhiều “dòng văn hóa”, trong đó có sự giao thoa của dòng văn hóa bản địa của người Thổ, người Thái với dòng văn hóa người Kinh di dân đến đây từ cuộc khai thác thuộc địa, xây dựng đồn điền của thực dân Pháp và phong trào di dân làm kinh tế mới. Nơi đây, đồng bào dân tộc Thổ vẫn còn lưu giữ được những nét văn hóa truyền thống đặc trưng về trang phục, lễ xuống đồng, lễ cơm mới, văn hóa công chiêng, các làn điệu dân ca như đu đu điêng điêng, tập tành tập tang,... Cùng với người Thổ, người Thái có Lễ hội mang tính cổ kết cộng đồng cao như: “Chá” hay “xăng booc” (xăng khan); tục buộc chỉ cổ tay, tục uống rượu cần, làm nhà mới, cưới hỏi, và những điệu múa sạp, múa xòe, đánh cồng, ném còn,... tạo nên một sắc màu văn hóa đa dạng, phong phú.

b) Tài nguyên du lịch:

Nghĩa Đàn là một huyện miền núi của tỉnh Nghệ An có vị trí địa lý thuận lợi nằm trên tuyến hành lang Đông - Tây theo QL.48 - nối vùng duyên hải với miền Tây xứ Nghệ rồi qua cửa khẩu Thông Thụ sang Lào. Là huyện có tiềm năng du lịch khá phong phú với những cánh đồng cỏ - hoa bạt ngàn; những cánh rừng đồi núi thoải

dẫn từ phía Tây sang phía Bắc, phía Đông và Đông Nam; Có con sông Hiếu chảy qua với những cảnh thơ mộng hữu tình. Đặc biệt là Thung lũng hoa Phú Quý (là hoa Tam giác mạch, hoa Cánh bướm - Túy điệp - ...) tại xã Nghĩa Long theo đường Hồ Chí Minh và theo QL.48E, QL.15 là 2 địa điểm cánh đồng hoa hướng dương (rộng >100 ha) tại nông trường 19/5 các xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm cùng với cánh đồng hoa tam giác mạch ở Nghĩa Bình,... tất cả đã tạo nên những cánh đồng hoa lớn nhất Việt Nam và cứ đến mỗi mùa hoa nở, nơi đây lại đón lượng lớn du khách đến đây tham quan và chụp ảnh. Vẻ đẹp của cánh đồng này có lẽ nằm ở màu vàng rực rỡ của những bông hướng dương bao phủ không gian, dưới ánh nắng, cánh đồng tựa tấm thảm êm ái lộng lẫy cả một vùng trời. Cùng với đó, nơi đây có nông trại bò sữa lớn nhất Châu Á với nhiều điểm tham quan, trải nghiệm, như: Bàu Sen, Làng Vạc, Cây Đa Làng Trù, Hang Rú Ấm, du lịch hồ Sông Sào và văn hóa ẩm thực đặc trưng của Nghĩa Đàn,... Tuy nhiên, thời gian qua hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn còn mang tính tự phát, chưa có quy hoạch và chủ yếu đáp ứng một phần du lịch đi ngang qua huyện. Hiện nay, trên địa bàn huyện chỉ mới có một số cơ sở kinh doanh nhà hàng quy mô nhỏ tại thị trấn Nghĩa Đàn, các dịch vụ khác chủ yếu là phải ra thị xã Thái Hòa dọc theo QL.48 với chất lượng dịch vụ chưa cao, chưa thu hút được du khách lưu lại vài ngày tại huyện Nghĩa Đàn cũng như thị xã Thái Hòa.

2.4. Hiện trạng kinh tế - xã hội.

2.4.1. Về kinh tế.

a) Cơ cấu kinh tế:

Trong 05 năm qua, kinh tế huyện phát triển khá nhanh, ổn định và có tính bền vững; Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 16,5%/KH 16,5 - 17 %; Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn huyện trong 5 năm qua là 33.380 tỷ đồng/KH 28.000 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng: Nông, lâm, ngư nghiệp 40,6% /KH 42- 43%; Công nghiệp - xây dựng: 41,87 % /KH 36- 37 %; Dịch vụ 17,53 % /KH 20- 21%. Sản xuất và đời sống nhân dân có nhiều thay đổi tích cực; Giá trị tăng thêm bình quân / người / năm là 63,5 triệu đồng /KH 66- 68 triệu đồng. Cụ thể qua hàng năm:

Bảng đánh giá quá trình phát triển kinh tế qua các năm

TT	Thành phần	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016 - 2020				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị sản xuất ⁽¹⁾	Tr.đồng	7.212.548	8.481.277	10.874.000	11.862.533	12.509.081
2	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tr.đồng	4.241.440	5.394.577	6.491.075	7.882.075	9.371.647
3	Tốc độ tăng trưởng	%	16,45	15,25	16,52	16,76	16,50
4	Cơ cấu kinh tế	%	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	Nông, lâm, ngư nghiệp	%	54,53	50,36	47,63	44,40	40,60
	Công nghiệp, xây dựng	%	29,26	32,66	35,66	38,52	41,87

	Dịch vụ	%	16,21	16,98	16,71	17,08	17,53
5	Giá trị tăng BQ đầu người ⁽²⁾	Tr.đồng	38,84	43,93	51,01	56,74	63,50

Ghi chú: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
⁽¹⁾ Tính theo giá so sánh 2010; ⁽²⁾ Giá trị tăng bình quân đầu người;

Tuy tốc độ tăng trưởng có phần giảm so với kế hoạch đề ra và so với cùng kỳ, do một phần ảnh hưởng chung bởi đại dịch Covid-19, nhưng nhìn chung kinh tế vẫn phát triển ổn định. So với năm 2019 thì tỷ trọng ngành sản xuất nông nghiệp giảm 3,8 %; ngành công nghiệp, xây dựng tăng thêm 3,35 %; ngành dịch vụ tăng thêm 0,45 %. Qua đó cho thấy thương mại, dịch vụ tăng trưởng còn chậm, chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế của huyện.

b) Lĩnh vực nông nghiệp:

Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, có nhiều đổi mới mô hình sản xuất gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ, tạo được nhiều liên kết, sản xuất nông nghiệp hóa, có năng suất, giá trị cao. Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông, lâm, ngư nghiệp đạt 8,26 % cao hơn bình quân chung của tỉnh (5,04 %). Giá trị thu nhập bình quân trên một đơn vị diện tích sản xuất nông nghiệp tăng khá, đạt 126,8 triệu đồng/ ha⁸; sản lượng lương thực vượt mục tiêu, đạt 52.892 tấn/ năm⁹, tăng 4,3 % so với năm 2019, đạt 100,08 % so với KH; Trong đó, năng suất lúa đạt 6 tấn/ha (sản lượng đạt 41.400 tấn, tăng 2,21% so với cùng kỳ, đạt 101,99% so với KH), năng suất ngô hạt đạt 4,12 tấn/ha (sản lượng 11.536 tấn, đạt 93,79% so với KH, tăng 12,55% so với cùng kỳ).

- Tổng đàn trâu bò đạt 85.900 con, tăng 10,25 % so với năm 2019, trong đó: tổng đàn trâu đạt 21.000 con, giảm 3,23 %; tổng đàn bò đạt 64.900 con, tăng 15,46% so với năm 2019. Tổng đàn lợn đạt 42.000 con, tăng 1,82% so với năm 2019. Tổng đàn gia cầm đạt 1.500 nghìn con, tăng 15,92 % so với năm 2019.

- Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn đã đạt được những kết quả tích cực. Diện tích đất nông nghiệp được bàn giao để triển khai ứng dụng công nghệ cao đạt 2.595 ha, chiếm 8,32% tổng diện tích đất nông nghiệp. Các dự án của Tập đoàn TH được triển khai đồng bộ và có tác động rất lớn đến phát triển kinh tế trên địa bàn. Đến nay, Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tươi sạch TH có tổng đàn bò sữa trên 49.300 con, sản lượng sữa ước đạt 230.000.000 lít/năm; Dự án trồng rau, củ, quả sạch với diện tích 66 ha, sản lượng đạt 1.350 tấn; Nhà máy chế biến gỗ gồm hai dây chuyền, dây chuyền chế biến gỗ thanh với công suất 3.300 m³/năm và dây chuyền chế biến ván sợi MDF với công suất 107.766 m³/năm; Nhà máy nước tinh khiết Núi Tiên với công suất 25.000.000 m³/năm,... đã đi vào sản xuất và hoạt động ổn định, khẳng định rõ hiệu quả và thương hiệu. Hoạt động của các dự án, nhà máy thuộc Tập đoàn TH, ngoài việc tạo việc làm ổn định cho trên

⁸ Cao hơn so với bình quân chung của Tỉnh (78 triệu đồng/ ha).

⁹ Tăng 13,43 % so với đầu nhiệm kỳ.

2.000 lao động (*trong đó có hơn 1.000 lao động là người địa phương*), còn tạo ra chuỗi liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, đảm bảo đầu ra một số cây trồng, tăng thu nhập cho người nông dân. Với việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất thành công, các dự án này đã không những góp phần quan trọng làm tăng tổng giá trị sản xuất mà còn làm thay đổi tư duy về phương thức sản xuất nông nghiệp từ manh mún, nhỏ lẻ, truyền thống sang phương thức sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên canh, cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn huyện. Từ đó, làm thay đổi lớn về KT-XH nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng của huyện, khẳng định hướng phát triển thành trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong những năm tới là hoàn toàn đúng đắn.

- Nhiều hộ gia đình đã tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ gắn với đổi mới mô hình, đổi mới cây trồng, vật nuôi. Bước đầu hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP¹⁰. Hình thành nhiều mô hình liên kết giữa người dân và doanh nghiệp (*như: Trồng cây mía, cây keo, cây ngô,...*). Quy mô, diện tích các vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của các doanh nghiệp, các nhà máy được duy trì ổn định¹¹. Đã xây dựng được một số thương hiệu, nhãn hiệu, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm (*như: Bơ, ổi, cam, mật mía Làng Găng,...*). Hiện nay, đã hình thành một số vùng sản xuất gắn với du lịch sinh thái mang lại hiệu quả rõ nét¹².

- Chăn nuôi từng bước phát triển thành một ngành chính trong nông nghiệp, chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung, trang trại (> 80 trang trại), gia trại¹³, trong đó có một số mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao¹⁴.

- Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn trên cây trồng, vật nuôi. Nuôi trồng thủy sản phát triển đúng hướng, diện tích ao hồ nhỏ giảm dần, diện tích hồ đập ngày càng được khai thác hiệu quả.

Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 1.100 ha, tăng 58,27 % so với 2019, tăng 37,5 % kế hoạch. Sản lượng gỗ khai thác đạt 80.000 m³, đạt 145 % kế hoạch, sản lượng gỗ khai thác tăng chủ yếu từ rừng trồng của các dự án, của các hộ dân đã đến kỳ thu hoạch. Tập trung bảo vệ tốt 18.533 ha diện tích rừng hiện có, tiếp tục tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về công tác quản lý bảo vệ, phòng, chống cháy chữa cháy rừng trên địa bàn. Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngày càng có hiệu quả (*độ che phủ: 44,52 %/ KH 43- 45 %; tỷ lệ che phủ rừng 30%/KH 30- 31 %*). Sản xuất lâm nghiệp đã chuyển dần sang trồng rừng thâm canh,

¹⁰ Gồm: cây cam 150 ha, ổi 70 ha, 130 ha rau sạch, 14,7 ha cánh đồng sản xuất rau hữu cơ organic,... xây dựng được 30 ha mía và 300 ha cam ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt.

¹¹ Diện tích vùng nguyên liệu: cây mía 7.873 ha, ngô 3.000 ha, cỏ công nghiệp 3.700 ha.

¹² Đồi hoa hướng dương, đồi hoa tam giác mạch, thung lũng hoa Phú Quý,....

¹³ Chăn nuôi bò sữa (chiếm 95 % tổng số đàn bò sữa tính); chăn nuôi trâu, bò sinh sản, bò vỗ béo; chăn nuôi dê; chăn nuôi gia cầm.

¹⁴ Trang trại bò sữa của Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH, Công ty chăn nuôi lợn nái ngoại Nghĩa Bình,...

tạo sản phẩm hàng hóa và làm giàu từ kinh tế rừng.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020 được tổ chức triển khai thực hiện và đã được UBND tỉnh công nhận 01 sản phẩm đạt 4 sao (*dầu sả*) và 03 sản phẩm đạt 3 sao (*ôi, dưa lưới, cam*).

Tổng số diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 2.365 ha; Sản lượng tính 3.689 tấn, bằng 97,19 % so với năm 2019. Nuôi trồng thủy sản phát triển đúng hướng, diện tích ao hồ nhỏ giảm dần, diện tích hồ đập ngày càng được khai thác hiệu quả.

c) Xây dựng nông thôn mới:

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đã tạo sự chuyển biến rõ nét trong phát triển KT-XH; Hệ thống kết cấu hạ tầng (*điện, đường, trường, trạm,...*) được đầu tư, nâng cấp theo quy hoạch, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, làm thay đổi diện mạo nông thôn, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, an ninh trật tự được đảm bảo, môi trường sinh thái ngày càng được chú trọng, bảo vệ. Kinh tế nông thôn có bước phát triển, nhiều địa phương có sự đột phá; Văn hóa, xã hội, môi trường khu vực nông thôn có sự chuyển biến tích cực, từ nhận thức - tư duy của người dân ngày càng tiến bộ, ứng xử văn hóa nông thôn gắn kết cộng đồng ngày càng tốt hơn. Đến năm 2020, Có 14/ 22 xã (63,6 %) được công nhận đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới; Mỗi năm tiếp tục phấn đấu thêm 1 đến 2 xã nông thôn mới, đồng thời xây dựng phong trào “làng quê đáng sống” cũng như là Nghĩa Đàn sẽ phấn đấu xây dựng một xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Các mô hình sản xuất liên kết giữa các doanh nghiệp và nông dân theo chuỗi giá trị ngày càng tăng, phát triển bền vững, nhiều mô hình kinh tế thu nhập cao được hình thành, đặc biệt là sự tham gia vào các dự án của Tập đoàn TH được triển khai trên địa bàn. Giá trị gia tăng bình quân đầu người tăng từ 38,84 triệu đồng/ người/ năm (2016) lên 63,50 triệu đồng/ người/ năm (2020); Nếu không tính các sản phẩm TH vào thì giá trị gia tăng bình quân đầu người tăng từ 23,23 triệu đồng/ người/ năm (2016) lên 46,23 triệu đồng/ người/ năm (2020).

Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu đi vào chiều sâu, thiết thực; Phong trào cải tạo vườn đạt nhiều kết quả, tạo chuyển biến rõ nét trong từng vườn hộ, bộ mặt nông thôn và kinh tế vườn hộ có nhiều khởi sắc; Toàn huyện có... khu dân cư mẫu, đã thực hiện 26 vườn mẫu / 22 xã.

Nguồn lực xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh được huy động đa dạng, hiệu quả; Đến năm 2020, dự kiến tổng vốn huy động xây dựng Nông thôn mới đạt trên 321,006 tỷ đồng¹⁵; đã cấp 4.560 / 4.560 tấn xi măng theo chỉ tiêu kế hoạch và các xã đã tổ chức tiến hành triển khai hoàn thành 29,32 km đường giao thông nông thôn.

¹⁵ Trong đó: Nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện, xã: 149,529 tỷ đồng; Vốn người dân tham gia xây dựng nông thôn mới: 171,477 tỷ đồng; hỗ trợ xi măng làm đường 37.652 tấn.

d) Thương mại, dịch vụ:

Giá trị sản xuất đạt 1.693 tỷ đồng, tăng 1.007 tỷ đồng so với năm 2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân ngành dịch vụ đạt 18,95%, cơ cấu dịch vụ - thương mại tăng từ 16,21 % (2016) tăng lên 17,53 % (ƯTH 2020). Hàng hóa bán lẻ khá đa dạng, phong phú về chủng loại. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 576.308 triệu đồng (2020), tăng 284.420 triệu đồng so với năm 2015 và tăng 13,36 % so với cùng kỳ năm 2019; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành đạt 266.882 triệu đồng (*giảm 5,92 % so với cùng kỳ năm 2019, do ảnh hưởng chung từ đại dịch Covid-19*); Doanh thu vận tải, kho bãi đạt 506.330 triệu đồng (*tăng lên 6,02 % so với cùng kỳ năm 2019*). Toàn huyện có 2.549 hộ kinh doanh cá thể và 43 cơ sở kinh doanh, giải quyết việc làm cho 6.268 lao động.

Hệ thống chợ nông thôn được quan tâm nâng cấp, toàn huyện có 16 chợ theo quy hoạch hoạt động tương đối ổn định, đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân; đã chuyển đổi mô hình tổ chức, quản lý, khai thác, kinh doanh 01 chợ cho Hợp tác xã quản lý (*được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 72/2016/QĐ-UBND về việc ban hành quy định về quy trình chuyển đổi mô hình tổ chức, quản lý, khai thác, kinh doanh chợ trên địa bàn huyện Nghệ An*).

Các loại hình dịch vụ về nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, vận tải,... Duy trì ổn định, một số lĩnh vực tăng trưởng khá, nhất là ở vùng trung tâm huyện lỵ và một số trung tâm “đô thị - trung tâm cụm xã”. Hoạt động tín dụng, ngân hàng phát triển về cả số lượng, chất lượng, đổi mới về cơ chế, giúp doanh nghiệp và người dân tiếp cận được nguồn vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất kinh doanh (*tín dụng, ngân hàng năm 2020 đạt 62.548 triệu đồng*). Dịch vụ du lịch bước đầu hình thành, phát triển, khai thác du lịch sinh thái (*như: các cánh đồng hoa, trang trại cây ăn quả, sông hồ, trang trại sinh thái,...*).

e) Công nghiệp, xây dựng:

Về Công nghiệp:

- *Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là đầu tư vào cụm công nghiệp Nghĩa Long, quy hoạch KCN Nghĩa Hội; hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp có ưu thế; các dự án lớn đã đi vào hoạt động ổn định, có hiệu quả¹⁶. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 6.522 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 27,08 %. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp tăng lên đáng kể¹⁷. Một số sản phẩm công nghiệp chế biến tăng đột biến so với cùng kỳ (*như: Hạt phụ gia nhựa đạt 58.995 tấn, chế biến bột đá siêu mịn ước đạt 56.400 tấn, thức ăn gia súc ước đạt 10.970 tấn, sản lượng sữa tươi chế biến ước đạt 228.600 nghìn lít,...*); Và cũng có một số sản phẩm giảm (*như: Cát đạt 360 nghìn m³, Sỏi đạt 210 nghìn m³*).*

¹⁶ Công ty cổ phần thực phẩm sữa TH; Công ty cổ phần Lâm nghiệp tháng Năm (Nhà máy chế biến gỗ Nghệ An MDF); Công ty TNHH nước tinh khiết Núi Tiên; Công ty cổ phần Khoáng sản Toàn Cầu; Công ty cổ phần phụ gia nhựa Mega; Công ty cổ phần Viet hom stone; Công ty cổ phần công nghiệp nhựa Á Châu;...

¹⁷ Số doanh nghiệp trên địa bàn tăng từ 96 doanh nghiệp (năm 2015) lên 152 doanh nghiệp hiện nay.

- Đến nay, CCN Nghĩa Long (37,01 ha) cơ bản đã được lấp đầy, KCN Nghĩa Đàn (quy hoạch 245,68 ha) hiện đã có 01 Công ty CP Lâm nghiệp tháng Năm đang hoạt động (diện tích 39,67 ha) đã thúc đẩy giá trị sản xuất ngành công nghiệp huyện tăng cao; Đồng thời, huyện đang phối hợp tích cực thu hút các nhà đầu tư. Hạ tầng ngành điện cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH trên địa bàn.

- Hiện tại, trên địa bàn huyện có 03 cơ sở khai thác đá và chế biến đá Puzolan đã được đầu tư xây dựng đó là: Công ty Nguyên Lộc - Sông Đà 02 công suất 750.000 tấn/ năm tại Nghĩa Sơn; Công ty Việt Á công suất 49.000 tấn/năm tại Nghĩa Bình; Công ty Khoáng sản Nghệ An công suất 40.000 tấn/ năm tại Nghĩa Lâm. Công nghiệp khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng có Nhà máy gạch Tuynel công suất 10 triệu viên/năm của công ty Thắng Lợi ở Nghĩa Thành (Nghĩa Liên cũ), Nhà máy của công ty Cổ phần VLXD Nghĩa Lộc công suất 10 triệu viên/năm, Công ty kính Tràng An sản xuất gạch Tuynel công suất 40,0 triệu viên/ năm tại Nghĩa Hồng. Ngoài ra các lò thủ công truyền thống có tổng công suất hàng năm khoảng 50 triệu viên. Bên cạnh đó có 7 Công ty khác đá xây dựng với công suất 40.000 - 50.000 m³/năm như Công ty Trùng Dương, Công ty Tân Thành, Công ty Trung Quảng Đại, Công ty Chính Thảo,... Toàn huyện có khoảng 836 cơ sở sản xuất công nghiệp, CCN trong đó có 8 cơ sở khai thác đá, 6 cơ sở sản xuất gạch ngói, 51 cơ sở cơ khí nhỏ, 180 cơ sở rèn, mộc và 591 cơ sở xay xát, may mặc và ngành nghề khác.

- Làng nghề Mật mía Làng Găng¹⁸; Làng nghề Chổi đót Hòa Hội (thôn Hòa Hội có 100/ 118 hộ dân chuyên làm chổi đót, chiếm khoảng 70% thu nhập của thôn) và một số nghề thủ công truyền thống tiếp tục duy trì ổn định. Ngoài ra, còn phát triển thêm 01 làng có nghề mật mít (xã Nghĩa Hưng) và 01 cơ sở sản xuất sản phẩm dầu sò Việt An (xã Nghĩa Lộc) đã giải quyết việc làm cho hơn 690 lao động¹⁹.

- Trong kỳ, đã công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu huyện Nghĩa Đàn năm 2020 cho 02 sản phẩm: Hạt phụ gia nhựa và Dầu sò Việt An.

Về Xây dựng:

- Sản xuất và khai thác vật liệu xây dựng phát triển mạnh, đáp ứng được nhu cầu trên địa bàn và các địa phương lân cận lớn. Một số cơ sở sản xuất gạch tuynel, sản xuất bê tông thương phẩm, khai thác đá xây dựng có hiệu quả như: Nhà máy của Công ty CP Thắng Lợi, Công ty CP VLXD Nghĩa Lộc, các nhà máy chế biến đá của Tập đoàn Nhật Huy,... Nhiều công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành và đưa vào sử dụng²⁰ với tổng vốn đầu tư là 33.380 tỷ đồng/ KH 28.000 tỷ đồng, tạo ra sự thay

¹⁸ Làng nghề chế biến mật mía Làng Găng đã thành lập Hợp tác xã, và đã được cấp chứng nhận nhãn hiệu tập thể “Mật mía Làng Găng”.

¹⁹ Ngoài làng nghề Mật mía Làng Găng (Nghĩa Hưng), chổi đót (Nghĩa Hội), đã phát triển thêm 01 làng có nghề mật mía (Nghĩa Hưng) và có 01 cơ sở sản xuất sản phẩm dầu sò Việt An (Nghĩa Lộc).

²⁰ Quảng trường trung tâm, Trung tâm y tế, cầu Khe Dền, đường giao thông nội thị tuyến từ Trung tâm y tế đi đường QL48E thị trấn Nghĩa Đàn; Tuyến đường nhánh nối đường vào thị trấn Nghĩa Đàn; Tuyến đường giao thông nối từ cầu Khe Kẽm, xã Nghĩa Hội ra đường Hồ Chí Minh và tuyến đường nhánh nối đường vào thị trấn Nghĩa Đàn; Đường cứu hộ vùng lũ, đảm bảo an ninh quốc phòng các xã từ Nghĩa Lâm đến Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn (đoạn tuyến Km8+647,78 đến Km15+966,04),...

đổi lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, các cơ sở giáo dục, y tế, góp phần thúc đẩy giao thương và phát triển KT-XH trên địa bàn huyện.

- Trong kỳ, đã thi công hoàn thành các dự án như: *Nâng cấp Đường nối từ QL.48E đi qua khối Tân Đông, Tân An, thị trấn Nghĩa Đàn và xóm Bình Hải xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn; đường giao thông tuyến Nghĩa An đi Nghĩa Đức; đường giao thông nối từ đường Trung - Bình - Lâm đi thị xã Thái Hòa, đoạn qua xã Nghĩa Trung,...* Tổ chức triển khai một số dự án như: *Đường cứu hộ vùng lũ, đảm bảo an ninh quốc phòng các xã từ Nghĩa Lâm đến Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn (đoạn tuyến Km8+647,78 đến Km15+966,04); Đường giao thông phát triển miền Tây Nghệ An (đoạn từ Km0+00 - Km6+435); các tuyến đường bê tông tại xã Nghĩa An; Đường giao thông từ QL.48E đi UBND xã Nghĩa Mai; Cầu Làng Mít tại Km15+305,06 và tuyến nhánh đoạn từ Km0+00 đến Km0+974,64 thuộc dự án đường cứu hộ vùng lũ, đảm bảo an ninh quốc phòng các xã từ Nghĩa Lâm đến Nghĩa Bình.*

f) *Thu, chi ngân sách và tín dụng:*

Hoạt động thu chi, ngân sách:

- Tập trung chỉ đạo quản lý, điều hành thu, chi ngân sách theo đúng quy định, bám sát dự toán được giao và khai thác tối đa các nguồn thu, chống thất thu. Bảo đảm các nhiệm vụ chi thường xuyên, thực hiện chính sách an sinh xã hội và một phần cho chi đầu tư phát triển, hoạt động của hệ thống chính trị.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng nhanh so với đầu nhiệm kỳ và vượt chỉ tiêu, kế hoạch so với dự toán được UBND tỉnh và HĐND huyện giao. Tổng thu ngân sách trên địa bàn do huyện quản lý năm 2020 dự kiến đạt 161,2 tỷ đồng²¹/KH 110 - 120 tỷ đồng (tổng thu ngân sách trên địa bàn: 462,8 tỷ đồng/ KH 460 - 480 tỷ đồng).

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 5 năm (2016 - 2020) ước đạt 1.974,538 tỷ đồng²², tăng 2,34 lần so với tổng thu ngân sách trên địa bàn nhiệm kỳ 2010 - 2015. Chi ngân sách nhiệm kỳ 2015 - 2020 đạt 3.362,879 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 6,84 %, trong đó chi thường xuyên đạt 2.864,218 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển 498,661 tỷ đồng.

Hoạt động tín dụng, ngân hàng:

- Hoạt động tín dụng, ngân hàng trên địa bàn ổn định, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân trên địa bàn. Nguồn vốn huy động đạt 1.467.602 triệu đồng, tăng 27,14 % so với đầu năm; tổng dự nợ của

²¹ Thu ngân sách tăng nhanh so với đầu nhiệm kỳ và vượt kế hoạch dự toán UBND tỉnh và HĐND huyện giao hàng năm 2016 đạt 102,036 tỷ đồng (trong đó 49,236 tỷ đồng thu cấp QSD đất); năm 2019 đạt 246,881 tỷ đồng (trong đó 159,430 tỷ đồng thu cấp QSD đất); năm 2020 dự kiến 161,2 tỷ đồng (trong đó dự kiến 79 tỷ đồng thu cấp QSD đất).

²² Trong đó: Tổng thu ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 của các doanh nghiệp trên địa bàn nộp thuế về tỉnh ước đạt 1.201,567 tỷ đồng, tăng 619,639 tỷ đồng so với tổng thu của các doanh nghiệp trên địa bàn nộp thuế về tỉnh giai đoạn 2011 - 2015; Tổng thu ngân sách trên địa bàn phần huyện quản lý giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 772.971 tỷ đồng, tăng 549,671 tỷ đồng so với tổng thu ngân sách phần huyện quản lý giai đoạn 2011 - 2015, trong đó thu từ cấp quyền sử dụng đất đạt 413,536 tỷ đồng, chiếm 53,5% tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện quản lý nhiệm kỳ 2015 - 2020.

các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt 1.936.007 triệu đồng, tăng 5,08 % so với đầu năm.

- Thực hiện áp dụng các giải pháp hỗ trợ tín dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh và góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cá nhân vay vốn trong điều kiện ảnh hưởng của dịch Covid-19. Đến nay, đã thực hiện miễn, giảm tiền lãi, giảm lãi suất 68.850 triệu đồng cho 176 khách hàng; Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 8 khách hàng với dự nợ 5.790 triệu đồng.

2.4.2. Về văn hóa - xã hội.

a) Giáo dục, đào tạo:

Tăng cường công tác quản lý giáo dục, thực hiện tốt chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI). Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư nâng cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu. Quy mô, mạng lưới trường lớp, học sinh, giáo viên đảm bảo quy hoạch đề ra. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục phát triển về cả số lượng và chất lượng. Chất lượng giáo dục đảm bảo ổn định, bền vững, trong đó chất lượng giáo dục toàn diện có chuyển biến khá. Chỉ đạo thực hiện quyết liệt việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, đến hết năm học 2019 - 2020 có 61/ KH 61 - 63 trường (sau sáp nhập, thành lập trường Tiểu học Tân Thắng, còn lại 60 trường) đạt tỷ lệ 88,24 %/ KH 88 % - 91 % trường đạt Chuẩn Quốc gia. Từ năm học 2015- 2016 đến nay, ngành giáo dục - đào tạo Nghĩa Đàn luôn đạt danh hiệu “*Tập thể lao động xuất sắc*”.

Giáo dục đào tạo tiếp tục được xếp loại xuất sắc, chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục đạo đức được quan tâm và có chuyển biến tích cực, chất lượng mũi nhọn được chăm lo thường xuyên. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tạo điều kiện phát triển cho giáo dục của huyện. Năm 2020 huyện Nghĩa Đàn giữ vững chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ 2; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; triển khai nghiêm túc, hiệu quả công tác chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018. Quy mô mạng lưới trường lớp, học sinh giáo viên cơ bản đảm bảo quy hoạch, đã tiến hành sáp nhập 05 đơn vị, xóa 03 điểm trường, với 63 trường trực thuộc huyện.

Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trường chuẩn quốc gia được thực hiện quyết liệt, có thêm 02 trường công nhận mới (Mầm non Nghĩa Khánh, Mầm non Nghĩa An) và có 07 trường đạt mức độ 2, đến nay toàn huyện có 57/ 65 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 87,69 %).

b) Văn hóa, thể dục - thể thao và thông tin - truyền thông:

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng Nông thôn mới, Đô thị văn minh được chú trọng. Đến nay có 17 xã đã tiêu chí xây dựng Nông thôn mới về văn hóa - thông tin. Tỷ lệ xã có thiết chế văn

hóa - thể thao đạt chuẩn 70 %/ KH 68 %; Tỷ lệ làng/ khối/ xóm đạt chuẩn văn hóa 86 %/ KH 60 %; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa 83,5 %/ KH 83 - 85 %. Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Đề án về bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc huyện Nghĩa Đàn giai đoạn 2017 - 2020. Theo đó, bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân cư và của dân tộc Thái, Thổ được chú trọng bảo tồn, phát triển. Nhiều câu lạc bộ Dân ca Nghệ Tĩnh, câu lạc bộ Cồng Chiêng được thành lập²³, khôi phục, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi, rộng khắp đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân, đồng thời cũng đã đạt được thành tích cao trong một số kỳ thi, hội thao ở tỉnh và toàn quốc. Tổ chức tốt các lễ hội, sự kiện lớn của đất nước, địa phương, tạo dấu ấn tốt đẹp trong bạn bè và đông đảo các tầng lớp nhân dân²⁴. Thông tin - truyền thông được đẩy mạnh, đã đầu tư và phát huy tốt hệ thống FM từ huyện đến xã, cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử huyện (nghiadan.vn), Bản tin Nghĩa Đàn,...

Tập trung chỉ đạo và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao; tuyên truyền các ngày lễ kỷ niệm và các sự kiện chính trị - xã hội diễn ra trên địa bàn huyện. Tuyên truyền cổ động trực quan về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, nhất là tại nơi công cộng, trụ sở các cơ quan đơn vị, các cơ sở y tế, trường học, điểm sinh hoạt văn hóa. Tổ chức thành công các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan và văn hóa, thể thao phục vụ Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về phát triển văn hóa con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước; Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới ở các địa phương; Xây dựng mô hình “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, thể thao và thiết chế văn hóa thể thao ở khu dân cư*”.

Đời sống văn hóa, tinh thần người dân được nâng cao, góp phần giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống, tạo tình đoàn kết, đồng thuận trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị và xây dựng phong trào ở địa phương.

c) Y tế - Dân số, kế hoạch hóa gia đình:

Từng bước nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Tích cực xây dựng các xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, dự kiến có 23/ 23 xã/ thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế²⁵, đạt 100 %/ KH 100 %; tỷ lệ bác sỹ/ vạn dân 4,05 bác sỹ/ KH 6,3 bác sỹ.

²³ Hiện nay có 36 câu lạc bộ Cồng Chiêng các dân tộc Thái, Thổ và 03 câu lạc bộ dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh.

²⁴ Lễ kỷ niệm 130 năm danh xưng Nghĩa Đàn và 85 năm thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên; Nghĩa Đàn - 10 năm, một chặng đường phát triển (2008 - 2018) và đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất (lần II); Lễ hội hoa hướng dương năm 2018, 2019,....

²⁵ Trong đó: Có xã Nghĩa Lộc thâm định lần 1 và có 5 xã thâm định lần 2 gồm các xã Nghĩa Lợi, Nghĩa An, Nghĩa Lạc, Nghĩa Mai và Nghĩa Yên.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm, đạt 11,4 %/ KH 13 %, số bác sỹ làm việc tại cơ sở y tế tăng lên; số giường bệnh đạt tỷ lệ 17,72 giường bệnh/ vạn dân. Thực hiện có hiệu quả các chương trình Quốc gia về y tế, các chiến dịch phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình và trẻ em được triển khai khá đồng bộ, chất lượng dân số từng bước được cải thiện. Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,0 %/ KH 1,0 %.

Tập trung chỉ đạo công tác phòng chống, giám sát chặt chẽ các loại dịch bệnh nên trên địa bàn không có dịch bệnh xảy ra. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cũng như của Tỉnh, UBND huyện Nghĩa Đàn đã chủ động tổ chức thực hiện các hoạt động nhằm phòng chống dịch bệnh Covid-19. Đã thiết lập 03 khu cách ly tập trung, tiếp nhận 09 đợt với 1.105 công dân từ các nước có dịch bệnh Covid-19 trở về Việt Nam thực hiện cách ly tập trung 14 ngày đến 28 ngày. Đồng thời, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập 23 cơ sở cách ly tập trung.

Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới. Tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh, chế biến thực phẩm và hoạt động hành nghề Y - Dược tư nhân trên địa bàn huyện.

Chủ động xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục nhằm cung cấp thông tin về công tác Dân số và Phát triển trong tình hình mới cho cấp ủy, chính quyền cơ sở và nhân dân trên địa bàn.

Trong kỳ, sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Nghĩa Đàn vào Trung tâm y tế dự phòng huyện Nghĩa Đàn và công bố quyết định thành lập trạm y tế xã Nghĩa Thành trên cơ sở sáp nhập 3 xã Nghĩa Tân, Nghĩa Liên, Nghĩa Thắng.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội:

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhất là lao động tại chỗ được chú trọng. Đề án nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020 được thực hiện có kết quả tốt, số lao động được giải quyết việc làm và hiệu quả đào tạo nghề được tăng lên²⁶.

Tích cực trong công tác xóa đói, giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm nhanh từ 9,6 % (năm 2016) xuống còn 2,69 % (năm 2020).

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo an sinh xã hội. Quản lý, thực hiện tốt việc chi trả chế độ trợ cấp, ưu đãi, cấp thẻ BHYT và chính sách đối với các đối tượng người có công với cách mạng²⁷. Công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; Phòng - chống tệ nạn xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; Phòng - chống cháy,

²⁶ Từ 1.550 người (năm 2016) lên 1.700 người (UTH năm 2020), trong đó: số lao động làm việc ở nước ngoài là 650-800 người; tỷ lệ lao động được đào tạo là 60,1 %; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chiếm 50 %.

²⁷ Đã chi trả chế độ trợ cấp tại cộng đồng cho 4.087 người; chế độ chính sách ưu đãi thường xuyên cho trên 1.423 người; cấp 69.293 thẻ BHYT; đã chi trả 23,120 tỷ đồng (813 nhà) cho các đối tượng người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

nổ; Phòng - chống xâm hại, bạo lực, tai nạn thương tích ở trẻ em,... được quan tâm thực hiện²⁸.

e) Cải cách hành chính, khoa học - công nghệ; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

- *Cải cách hành chính* được quan tâm và có chuyển biến rõ rệt. 100 % thủ tục hành chính được công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa, một cửa liên thông các cấp và trên cổng thông tin điện tử của huyện. Tăng cường thực hiện cơ chế một cửa, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, trong 279 thủ tục hành chính cấp huyện có 215 thủ tục hành chính mức độ 1, mức độ 2, có 48 thủ tục hành chính mức độ 3 và 16 thủ tục hành chính mức độ 4; có 102/102 thủ tục hành chính cấp xã mức độ 2. Đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết đối với một số thủ tục hành chính (trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng, tư pháp, đất đai,...). Sử dụng các phần mềm tiện ích, hộp thư điện tử công vụ ngày càng hiệu quả; đã lắp đặt cầu truyền hình trực tuyến thông suốt từ huyện đến xã. Tác phong, lề lối làm việc, tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu người dân và doanh nghiệp.

- *Về khoa học, công nghệ:* Thực hiện Chương trình “Ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ cao để phát triển nông nghiệp huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020”, trên địa bàn đã có nhiều tổ chức, cá nhân tích cực tìm hiểu và ứng dụng một số tiến bộ về khoa học, công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp và đã đạt được kết quả tốt²⁹. Khoa học công nghệ đã có tác động cơ bản trong chuỗi giá trị sản xuất một số sản phẩm như cây bơ thông qua dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhân giống và trồng thử cây bơ trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn”; cây mía thông qua đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình xen canh, luân canh bắt buộc một số cây trồng với mía tại các vùng nguyên liệu”, mô hình “Cải tiến hệ thống chế biến mật mía Làng Găng”; cây cam. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, quản lý; cơ giới hóa trong sản xuất, xây dựng các cánh đồng lớn,... Ngoài ra, hạ tầng kỹ thuật, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức từ huyện đến cơ sở được chú trọng đầu tư, đáp ứng chế độ khai thác thông tin, gửi và nhận văn bản trên môi trường mạng.

- *Về tài nguyên, môi trường:* Công tác quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, giảm thiểu được những sai phạm, vướng mắc, bức xúc, phức tạp lớn. Tăng cường kiểm tra ngăn ngừa, xử lý hành vi vi phạm hành chính về đất đai. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường giải phóng mặt bằng. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hiện tượng khai thác tài nguyên trái

²⁸ Dự kiến đến hết năm 2020 có 20/ 23 xã, thị trấn được công nhận xã, thị trấn phù hợp với trẻ em đạt tỷ lệ 86,95%.

²⁹ Chương trình “3 giảm, 3 tăng”, canh tác bền vững, phòng trừ dịch hại tổng hợp IPM, ICM, sản xuất theo quy trình VietGAP và ứng dụng thành công nhiều biện pháp kỹ thuật như: kỹ thuật tưới nhỏ giọt theo công nghệ tiên tiến kết hợp hệ thống điều khiển tưới tự động, theo dõi các chỉ số (độ ẩm, gió, lượng mưa,...), tưới phun mưa trên cây ăn quả.

phép. Đặc biệt quan tâm việc bảo vệ môi trường, nhất là quanh các trang trại, gia trại. Nhiệm kỳ qua, đã xây dựng và đưa vào hoạt động Trạm xử lý rác thải Nghĩa Đàn. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải đạt 83 %/ KH 70 - 75 %; tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97 %/ KH 97 %.

2.4.3. Về đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Giữ vững quốc phòng, an ninh, chủ động nắm bắt tình hình và tập trung đấu tranh, xử lý tốt các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội diễn ra trên địa bàn. Chăm lo xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang huyện. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng khu phòng thủ vững chắc³⁰. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, giao nhận quân đảm bảo số lượng và chất lượng. Thực hiện tốt việc quản lý, huấn luyện, nâng cao chất lượng lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị, động viên. Chủ động và thực hiện tốt công tác phòng - chống thiên tai, cháy rừng, cứu hộ, cứu nạn, chính sách hậu phương quân đội³¹ và phong trào “Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2018 và diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, thị trấn các năm; 7 / 7 cụm an toàn làm chủ đều đạt khá; bình quân hàng năm có 90 % cơ sở đạt vững mạnh toàn diện, không có đơn vị yếu kém.

Làm tốt công tác phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động có liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh vùng giáo. Đẩy mạnh tấn công truy quét các loại tội phạm, tăng cường phát hiện, xử lý các loại tệ nạn xã hội, nhất là nạn lô đề, trộm cắp tài sản, bảo đảm trật tự an toàn giao thông³². Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được quan tâm đẩy mạnh, 85 %/ KH 85 % cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt loại khá trở lên trong phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Đã hoàn thành việc thực hiện chủ trương bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh công an xã theo lộ trình, kế hoạch đề ra³³, góp phần quan trọng vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở. Thường xuyên chủ động nắm bắt, dự báo tình hình, tổ chức tuần tra, bám sát địa bàn, phát hiện, xử lý kịp thời các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự - không để xảy ra điểm nóng, vụ việc nổi cộm trên địa bàn. 100 %/ KH 100 % cơ quan tư pháp huyện đạt trong sạch, vững mạnh.

Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp dân và giải quyết đơn thư. Trong nhiệm kỳ, đã thực hiện 44 cuộc thanh tra (39 cuộc theo kế hoạch, 05 cuộc đột xuất).

³⁰ Quy hoạch đất xây dựng trường bán 45 ha, xây dựng Sở chỉ huy diễn tập 2,0 ha.

³¹ Xét duyệt, đề nghị giải quyết 5.478 hồ sơ, đã nhận chi trả cho 4.710 đối tượng với số tiền 10.502.100.000 đồng theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg; tiếp nhận chi trả cho 1.813 đối tượng với số tiền 7.665.100.000 đồng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

³² Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án hình sự hàng năm đều đạt từ 83% trở lên, trong đó án rất nghiêm trọng đạt trên 95%, án đặc biệt nghiêm trọng đạt 100 %.

³³ Đến nay đã bố trí 70 cán bộ, chiến sỹ công an chính quy đảm nhiệm các chức danh công an xã tại 23/ 23 xã, thị trấn.

Qua thanh tra đã kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, xử lý kỷ luật, kiểm điểm đối với các tập thể, cá nhân có liên quan³⁴. Tiếp 1.332 lượt công dân, qua đó phát sinh 927 vụ việc, giải quyết xong 926 / 927 vụ việc (đạt 99,89 %, còn 01 vụ việc đang trong thời gian giải quyết). Tiếp nhận 578 đơn, đến nay đã giải quyết 577 / 578 đơn (đạt 99,82 %)³⁵.

2.5. Thực trạng phát triển đô thị, nông thôn và về dân số, lao động.

2.5.1. Hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử hình thành huyện Nghĩa Đàn, đến nay toàn huyện có 23 đơn vị hành chính, gồm 01 thị trấn huyện lỵ và 22 đơn vị cấp xã³⁶.

Theo quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009) định hướng đến năm 2025, huyện Nghĩa Đàn có 03 đô thị loại V: Thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn, thị trấn Nghĩa Sơn, thị trấn Nghĩa Long; Đến năm 2030, phát triển các đô thị “trung tâm cụm xã” (trước đây gọi là thị tứ) là Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh; Đến năm 2050, tiếp tục nâng cấp, phát triển các đô thị trên.

- Huyện Nghĩa Đàn đã lập 02 Quy hoạch chung đô thị làm cơ sở quản lý và đầu tư: QHC thị trấn Nghĩa Đàn (được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 04/01/2018); QHC XD đô thị Nghĩa Sơn (được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 14/3/2017). Đến nay, 03 đô thị loại V được định hướng lập điều chỉnh mở rộng đối với 02 đô thị Nghĩa Đàn, Nghĩa Sơn và lập mới đối với đô thị Nghĩa Long đảm bảo tiêu chí đô thị theo Nghị quyết số 1210/2016/NQUBTV và Nghị quyết số 1211/2016/NQUBTV.

+ Thị trấn Nghĩa Đàn hiện nay có diện tích 8,48 km² (đạt 60,57 % tiêu chuẩn thị trấn “là ≥ 14 km²”), dân số 5.562 người (đạt 69,52 % tiêu chuẩn thị trấn “là ≥ 8.000 người”).

+ Đô thị Nghĩa Sơn³⁷ hiện nếu tính cho toàn xã Nghĩa Sơn là 16,29 km² (đạt tiêu chuẩn “là ≥ 14 km²”), dân số 4.043 người (đạt 50,54 % tiêu chuẩn thị trấn “là ≥ 8.000 người”).

³⁴ Đã phát hiện sai phạm về kinh tế số tiền 2.857,308 triệu đồng, trong đó: thu hồi về ngân sách Nhà nước số tiền 2.278,149 triệu đồng, cắt giảm giá trị quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình 579,159 triệu đồng; kỷ luật 4 cán bộ công chức, kiểm điểm rút kinh nghiệm nghiêm túc đối với 104 tập thể, cá nhân có sai phạm.

³⁵ Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đã xử lý kỷ luật 11 cán bộ, công chức (buộc thôi việc 03, cảnh cáo 02, khiển trách 06); kiểm điểm trách nhiệm rút kinh nghiệm nghiêm túc đối với 31 cá nhân, 08 tập thể; thu hồi về ngân sách nhà nước số tiền 183,196 triệu đồng; phục hồi quyền lợi cho 05 người với số tiền 47,345 triệu đồng; thu hồi 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

³⁶ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thông qua chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2019 - 2021. Trong đó đối với huyện Nghĩa Đàn: Sáp nhập xã Nghĩa Tân có diện tích tự nhiên là 8,9 km², dân số là 2.400 người với xã Nghĩa Thắng có diện tích tự nhiên là 7,24 km², dân số là 2.700 người và xã Nghĩa Liên có diện tích tự nhiên là 9,15 km², dân số là 4.000 người để thành lập xã mới lấy tên là xã Nghĩa Thành.

³⁷ Theo Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An được quy hoạch với quy mô 110,40ha và dự báo dân số đến năm 2030 là 6.000 người. (thiếu chỉ tiêu đạt đô thị loại V)

+ Đô thị Nghĩa Long³⁸ hiện nếu tính cho toàn xã Nghĩa Long là 11,84 km² (đạt 84,57 % tiêu chuẩn “là ≥ 14 km²”), dân số 3.653 người (đạt 45,66 % tiêu chuẩn thị trấn “là ≥ 8.000 người”).

+ Đồng thời, các đô thị - “trung tâm cụm xã” (trước đây gọi là thị tứ), bao gồm: Nghĩa Hiếu³⁹, Nghĩa Lộc⁴⁰, Nghĩa Hồng⁴¹, Nghĩa Khánh⁴²,

→ **Đánh giá, nhận xét:**

- Là huyện trung du miền núi, nằm trong vùng sinh thái phía Tây Bắc tỉnh Nghệ An, là huyện có nhiều điều kiện phát triển thuận lợi so với các huyện miền núi trong tỉnh, tuy nhiên sau khi thị xã Thái Hòa tách ra khỏi địa giới hành chính huyện Nghĩa Đàn theo Nghị quyết số 164/2007/NĐ-CP⁴³ thì thị xã Thái Hòa lấy lõi trung tâm “lòng trứng gà” khiến huyện Nghĩa Đàn trở thành một huyện nghèo miền núi; song qua hơn 10 năm nỗ lực “vượt khó” và phát triển, đến nay huyện đã có sự chuyển biến rõ nét tích cực, từng bước có những đột phá phát triển ở một số lĩnh vực, đặc biệt là ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến. Điều đó, một phần cho thấy tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện hiện nay đạt thấp (khoảng 4,0 % năm 2020), trong khi bình quân cả tỉnh khoảng 30 % (năm 2020)⁴⁴.

- Cả 03 đô thị theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Hóa-Bắc Nghệ An đến nay đều chưa đảm bảo tiêu chuẩn thị trấn, đô thị loại V.

- Các đô thị chưa tạo được sự liên kết, chưa có sự gắn kết để tạo sự phát triển cho toàn vùng huyện.

- Trước đây, vai trò và vị trí các đô thị thể hiện rõ ràng về chức năng, chưa có động lực để phát triển, xuất phát điểm hạ tầng còn thấp.

→ Cần phải rà soát, đánh giá lại hệ thống đô thị, cần tận dụng tối đa các cơ hội mới, yếu tố mới trong vùng để xác định lại tính chất, chức năng, quy mô của từng đô thị.

2.5.2. Đặc điểm phân bố dân cư, quy mô diện tích, dân số và lao động.

2.5.2.1. Đặc điểm phân bố dân cư:

Do địa hình và thủy văn đặc trưng của huyện, có nhiều đồi núi, sông hồ đập xen kẽ, cơ bản hình thành 2 dạng đặc trưng:

- Vùng dân cư bám dọc theo ven sông (sông Hiếu, sông Sào, lạch sông Sào,...)

³⁸ Hiện chưa được lập quy hoạch chung xây dựng đô thị.

³⁹ Quyết định số 58/QĐ-UBND-XD ngày 05/01/2013 của UBND tỉnh Nghệ An V/v Phê duyệt QHCT XD tỷ lệ 1:2000 thị tứ Nghĩa Hiếu tại xã Nghĩa Hiếu, huyện Nghĩa Đàn.

⁴⁰ Quyết định số 700/QĐ-UBND-XD ngày 04/3/2013 của UBND tỉnh Nghệ An V/v Phê duyệt Quy hoạch thị tứ Nghĩa Lộc tại xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn.

⁴¹ Quyết định số 701/QĐ-UBND-XD ngày 04/3/2013 của UBND tỉnh Nghệ An V/v Phê duyệt Quy hoạch thị tứ Nghĩa Hồng tại xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn.

⁴² Quyết định số 702/QĐ-UBND-XD ngày 04/3/2013 của UBND tỉnh Nghệ An V/v Phê duyệt Quy hoạch thị tứ Nghĩa Khánh tại xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn.

⁴³ Nghị định số 164/2007/NĐ-CP ngày 15/11/2007 của Chính phủ V/v Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Nghĩa Đàn để thành lập thị xã Thái Hòa; thành lập các phường thuộc thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

⁴⁴ Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt 36 % (Nghị quyết ĐH ĐB tỉnh N.A lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025).

và các tuyến đường giao thông liên khối / xóm, liên xã, liên huyện, liên tỉnh và đặc biệt là theo dọc các tuyến giao thông Quốc gia (đường Hồ Chí Minh, QL.48, QL.48D, QL.48E, QL.15,...).

- Vùng dân cư men theo chân núi, chân đồi thoải, điển hình như các xã: Nghĩa Lộc, Nghĩa Long, Nghĩa Đức, Nghĩa Mai, Nghĩa Yên, Nghĩa Trung, Nghĩa Lâm, Nghĩa Hội, Nghĩa Bình, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lạc.

Dân cư trong huyện phân bố phân tán, không tập trung là điển hình của huyện trung du miền núi. Hệ thống giao thông nội huyện hạn chế, kết nối yếu do hệ thống sông Hiếu (như các xã: Nghĩa An, Nghĩa Khánh, Nghĩa Mai, Nghĩa Hồng, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Thành).

2.5.2.2. Quy mô diện tích, dân số phân bố theo xã / thị trấn:

Bảng Diện tích & dân số phân bố xã / thị trấn				
TT	Phân theo xã / thị trấn	Diện tích (km²)	Dân số TB (người)	Mật độ dân số (người / km²)
Tổng số		617,85	140.519	282,78
1	Thị trấn Nghĩa Đàn	8,48	5.562	656
2	Xã Nghĩa Hội	30,2	9.234	306
3	Xã Nghĩa Phú	14,24	2.755	193
4	Xã Nghĩa Thọ	23,24	3.218	138
5	Xã Nghĩa Lợi	24,88	4.180	168
6	Xã Nghĩa Lạc	39,87	3.157	79
7	Xã Nghĩa Trung	20,02	7.293	364
8	Xã Nghĩa Bình	18,5	3.573	193
9	Xã Nghĩa Sơn	16,29	4.043	248
10	Xã Nghĩa Hồng	16,43	4.832	294
11	Xã Nghĩa Minh	12,54	3.597	287
12	Xã Nghĩa Lâm	30,82	7.797	253
13	Xã Nghĩa Yên	34,48	6.692	194
14	Xã Nghĩa Mai	118,3	7.606	64
15	Xã Nghĩa Thịnh	8,91	4.172	468
16	Xã Nghĩa Hưng	17,35	6.486	374
17	Xã Nghĩa Hiếu	17,26	3.001	174
18	Xã Nghĩa Thành	25,22	9.422	373
19	Xã Nghĩa Long	11,84	3.653	309
20	Xã Nghĩa Lộc	51,15	17.702	346
21	Xã Nghĩa Khánh	27,32	9.253	339
22	Xã Nghĩa An	14,93	7.988	535

Bảng Diện tích & dân số phân bố xã / thị trấn				
TT	Phân theo xã / thị trấn	Diện tích (km ²)	Dân số TB (người)	Mật độ dân số (người / km ²)
Tổng số		617,85	140.519	282,78
23	Xã Nghĩa Đức	35,58	5.303	149
<i>(Nguồn số liệu: Niên giám thống kê huyện năm 2019)</i>				

Dân số toàn huyện (hiện trạng năm 2019) là 140.519 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 42.118 người (chiếm 29,97 % dân số toàn huyện), bao gồm: dân tộc Thổ 28.173 người, dân tộc Thái 13.652 người và dân tộc khác 293 người. Mật độ dân số toàn huyện là ~283 người/ km²; là huyện có mật độ dân cư thấp, đứng thứ 3 trong 6 huyện miền núi thuộc miền Tây tỉnh Nghệ An (Thị xã Thái Hòa 489 người/ km²; Quỳnh Hợp: 143 người/ km²; Tân Kỳ: 768 người/ km²; Anh Sơn 197 người/ km²; Thanh Chương 221 người/ km²).

2.5.2.3. Hiện trạng lao động:

Dân số trong độ tuổi lao động năm 2019 của huyện 69.560 người, chiếm khoảng 49,5% tổng dân số. Trong đó: số người đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân là 60.960 người, với số lao động làm việc ở nước ngoài là 650 - 800 người. Nguồn nhân lực tập trung ở khu vực nông thôn, lực lượng lao động khá dồi dào, có đức tính cần cù và kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng trọt và chăn nuôi.

Công tác đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động được triển khai khá hiệu quả theo hướng giải quyết việc làm tại chỗ, thông qua các chương trình phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp, mở rộng làng nghề và làng có nghề, kết hợp xuất khẩu lao động, với sự hỗ trợ các nguồn vốn vay giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo của Tỉnh, Trung ương. Cơ cấu lao động theo ngành nghề có sự chuyển biến theo hướng giảm tỷ trọng số lao động hoạt động trong ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng số lao động trong các ngành phi nông nghiệp. Năm 2019, giải quyết việc làm cho hơn 3.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 60,1 %, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chiếm 50 %.

→ Nhận xét: Nhìn chung, cùng với đặc điểm chung của cả nước về “dân số vàng”⁴⁵, Nghĩa Đàn cũng đang trong thời kỳ thuận lợi về nguồn nhân lực - lực lượng quan trọng tạo ra của cải vật chất cho xã hội cho tỉnh. Nguồn nhân lực của huyện khá dồi dào, lao động quan đào tạo cao, tạo điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển KT-XH của huyện trong các giai đoạn tiếp theo.

⁴⁵ “Dân số vàng” là thời kỳ cơ cấu dân số thể hiện số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ trọng cao hơn số người phụ thuộc. Đây là thời kỳ duy nhất trong quá trình quá độ dân số. Thời kỳ này đem đến cơ hội là nguồn lao động dồi dào, tạo ra lượng của cải vật chất lớn để tích lũy cho tương lai, tuy nhiên, sẽ là thách thức nếu nguồn lao động này kém chất lượng. Để tận dụng cơ hội dân số “vàng” tạo sức bật cho phát triển kinh tế, đòi hỏi cần đầu tư nhiều hơn nữa vào nguồn nhân lực. Trên cơ sở đó, đề tài nghiên cứu đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường giáo dục, đào tạo cho thế hệ trẻ trong thời kỳ “vàng” này.

2.6. Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai.

2.6.1. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất.

Căn cứ theo Thông tư số 02/2017/TT-XD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Đàn.

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện Nghĩa Đàn là: **61.785,00** ha (với tổng diện tích đất đô thị là **840,89** ha, chiếm 1,36 %); Trong đó:

- **Nhóm đất nông nghiệp: 52.961,60** ha, chiếm **85,72** % tổng diện tích tự nhiên (viết tắt DTTN) của huyện; trong đó:

+ Đất trồng lúa: 4.190,89 ha, chiếm 6,78 % tổng DTTN của huyện; trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: 3.113,35 ha, chiếm 5,04 % DTTN.

+ Đất trồng cây hàng năm: 14.692,58 ha, chiếm 23,78 % tổng DTTN; trong đó, đất nông nghiệp công nghệ cao: 2.538,26 ha, chiếm 4,11 % DTTN.

+ Đất trồng cây lâu năm: 11.919,83 ha, chiếm 19,29 % tổng DTTN;

+ Đất lâm nghiệp có rừng: 21.163,92 ha, chiếm 34,26 % tổng DTTN của huyện; gồm 2 loại: Đất rừng sản xuất 16.607,11 ha (chiếm 26,88 %) và đất rừng phòng hộ 4.556,81 ha (chiếm 7,83 %).

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 673,87 ha, chiếm 1,09 % tổng DTTN;

+ Đất nông nghiệp khác: 246 ha, chiếm 0,52 % tổng DTTN.

- **Nhóm đất xây dựng (đất phi nông nghiệp): 6.852,91** ha, chiếm **11,09** % tổng DTTN của huyện; trong đó:

+ Đất quốc phòng, an ninh: 379,22 ha, chiếm 0,62 % tổng DTTN; trong đó, đất quốc phòng 375,26 ha, chiếm 0,61 % tổng DTTN;

+ Đất công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề: 408,81 ha, chiếm 0,67 % tổng DTTN; trong đó, đất khu công nghiệp 59,67 ha, đất cụm công nghiệp 37,0 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 195,26 ha, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 26,37 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng - làm đồ gốm 90,51 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ: 28,52 ha, chiếm 0,05 % tổng DTTN;

+ Đất phát triển hạ tầng, giao thông: 4.546,54 ha, chiếm 7,36% tổng DTTN;

+ Đất công trình công cộng: 73,12 ha, chiếm 0,12 % tổng DTTN; trong đó, đất di tích lịch sử văn hóa 0,04 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 35,73 ha, đất khu vui chơi - giải trí công cộng 4,40 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 24,08 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 8,87 ha.

+ Đất tôn giáo, tín ngưỡng: 12,71 ha, chiếm 0,02 % tổng DTTN;

+ Đất ở: 1.071,74 ha, chiếm 1,73 % tổng DTTN; trong đó, đất ở tại nông thôn 996,24 ha, đất ở tại đô thị 75,50 ha.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 318,65 ha, chiếm 0,52 % tổng DTTN;

- + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 13,60 ha, chiếm 0,02 % tổng DTTN;
- **Nhóm đất khác** (đất sông suối, mặt nước và đất chưa sử dụng): **1.970,49** ha, chiếm 3,19 % tổng DTTN của huyện; trong đó:
 - + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng: 1.464,62 ha, chiếm 2,37 % tổng DTTN; trong đó, đất mặt nước chuyên dùng 41,81 %.
 - + Đất chưa sử dụng: 505,87 ha, chiếm 0,82 % tổng DTTN; trong đó, đất bằng chưa sử dụng 308,04 ha, đất đồi núi chưa sử dụng 110 ha, núi đá không có rừng cây 87,83 ha.

Bảng tổng hợp sử dụng đất huyện Nghĩa Đàn năm 2020				
TT	Hạng mục đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích đất tự nhiên:			61.785,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	52.961,60	85,72
1.1	Đất trồng lúa <i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUA <i>LUC</i>	4.190,89 <i>3.113,35</i>	6,78 <i>5,04</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC	14.692,58	23,78
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	11.919,83	19,29
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	16.607,11	26,88
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.556,81	7,38
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	673,87	1,09
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	320,51	0,52
2	Đất xây dựng (đất phi nông nghiệp)		6.852,91	11,09
2.1	Đất quốc phòng, an ninh		379,22	0,62
-	<i>Đất quốc phòng</i>	<i>CQP</i>	<i>375,26</i>	<i>0,61</i>
-	<i>Đất an ninh</i>	<i>CAN</i>	<i>3,96</i>	<i>0,01</i>
2.2	Đất CN, cơ sở kinh doanh, làng nghề		408,81	0,67
	<i>Đất khu công nghiệp</i>	<i>SKK</i>	<i>59,67</i>	<i>0,10</i>
	<i>Đất khu cụm công nghiệp</i>	<i>SKN</i>	<i>37,00</i>	<i>0,06</i>
	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>SKC</i>	<i>195,26</i>	<i>0,32</i>
	<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>	<i>SKS</i>	<i>26,37</i>	<i>0,04</i>
	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm</i>	<i>SKX</i>	<i>90,51</i>	<i>0,15</i>
2.3	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp		103,64	0,17
-	<i>Đất thương mại, dịch vụ</i>	<i>TMD</i>	<i>28,52</i>	<i>0,05</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,04</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>DSH</i>	<i>35,73</i>	<i>0,06</i>
-	<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng</i>	<i>DKV</i>	<i>4,40</i>	<i>0,01</i>

Bảng tổng hợp sử dụng đất huyện Nghĩa Đàn năm 2020				
TT	Hạng mục đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích đất tự nhiên:			61.785,00	100,00
-	<i>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</i>	<i>TSC</i>	24,08	0,04
-	<i>Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp</i>	<i>DTS</i>	8,87	0,01
2.4	Đất phát triển hạ tầng, giao thông	DHT	4.546,54	7,36
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng		12,71	0,02
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	11,10	0,02
-	<i>Đất cơ sở tín ngưỡng</i>	<i>TIN</i>	1,61	0,00
2.6	Đất ở		1.071,74	1,73
-	<i>Đất ở tại nông thôn</i>	<i>ONT</i>	996,24	1,61
-	<i>Đất ở tại đô thị</i>	<i>ODT</i>	75,50	0,12
2.7	Đất làm NT, NĐ, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	318,65	0,52
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	13,60	0,02
3	Đất khác		1.970,49	3,19
3.1	Đất mặt nước		1.464,62	2,37
-	<i>Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối</i>	<i>SON</i>	1.422,81	2,30
-	<i>Đất có mặt nước chuyên dùng</i>	<i>MNC</i>	41,81	0,07
3.2	Đất chưa sử dụng	CSD	505,87	0,82
<p><i>Nguồn số liệu: Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020, huyện Nghĩa Đàn tại Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 03/02/2021</i></p>				

2.6.2. Tình hình biến động đất đai qua các năm.

Bảng quản lý sử dụng đất đai theo quy hoạch qua các năm						
TT	Thành phần đất	Diện tích (ha)				
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng diện tích đất tự nhiên		61.776,32	61.754,55	61.785,00	61.785,00	61.785,00
1	Đất nông nghiệp	53.210,36	53.203,00	53.203,66	53.203,66	52.961,60
1.1	Đất trồng lúa	4.176,23	4.312,00	4.312,09	4.312,09	4.190,89
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>3.035,51</i>			<i>3.165,28</i>	<i>3.113,35</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	15.515,71	14.658,00	14.658,04	14.658,04	14.692,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.939,68	12.225,00	12.224,93	12.224,93	11.919,83
1.4	Đất rừng sản xuất	16.672,25	16.924,00	16.924,33	16.924,33	16.607,11

Bảng quản lý sử dụng đất đai theo quy hoạch qua các năm						
TT	Thành phần đất	Diện tích (ha)				
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng diện tích đất tự nhiên		61.776,32	61.754,55	61.785,00	61.785,00	61.785,00
1.5	Đất rừng phòng hộ	4.223,84	4.507,00	4.507,27	4.507,27	4.556,81
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	471,35	501,00	500,69	500,69	673,87
1.7	Đất nông nghiệp khác	211,30	76,00	76,31	76,31	320,51
2	Đất xây dựng	6.518,45	6.420,72	6.449,57	6.449,57	6.852,91
2.1	Đất quốc phòng, an ninh	414,62	406,00	406,44	406,44	379,22
2.2	Đất công nghiệp, cơ sở kinh doanh, làng nghề	476,85	481,00	481,09	462,61	408,81
-	<i>Đất khu công nghiệp</i>	<i>100,00</i>			<i>39,67</i>	<i>59,67</i>
-	<i>Đất khu cụm công nghiệp</i>	<i>6,54</i>			<i>12,99</i>	<i>37,00</i>
-	<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>130,08</i>			<i>293,90</i>	<i>195,26</i>
-	<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>	<i>32,95</i>			<i>26,37</i>	<i>26,37</i>
-	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm</i>	<i>207,28</i>			<i>89,68</i>	<i>90,51</i>
2.3	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	90,85	205,00	204,94	83,27	101,64
-	<i>Đất thương mại, dịch vụ</i>	<i>17,87</i>			<i>18,48</i>	<i>28,52</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử VH</i>	<i>1,33</i>			<i>0,51</i>	<i>0,04</i>
-	<i>Đất sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>46,56</i>			<i>34,96</i>	<i>35,73</i>
-	<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng</i>					<i>4,40</i>
-	<i>Đất XD trụ sở cơ quan</i>	<i>24,65</i>			<i>22,67</i>	<i>24,08</i>
-	<i>Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp</i>	<i>0,44</i>			<i>6,65</i>	<i>8,87</i>
2.4	Đất phát triển hạ tầng, giao thông	4.281,45	3.982,12	3.988,53	4.185,19	4.546,54
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	13,00	11,00	10,79	12,39	12,71
2.6	Đất ở	934,58	1.006,00	1.028,33	975,96	1.071,74
-	<i>Đất ở tại nông thôn</i>	<i>898,36</i>	<i>952,00</i>	<i>975,96</i>	<i>923,59</i>	<i>996,24</i>
-	<i>Đất ở tại đô thị</i>	<i>36,22</i>	<i>54,00</i>	<i>52,37</i>	<i>52,37</i>	<i>75,50</i>
2.7	Đất làm NT, NĐ, nhà tang	288,68	316,00	315,85	315,85	318,65

Bảng quản lý sử dụng đất đai theo quy hoạch qua các năm						
TT	Thành phần đất	Diện tích (ha)				
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng diện tích đất tự nhiên		61.776,32	61.754,55	61.785,00	61.785,00	61.785,00
	lễ, nhà hỏa táng					
2.8	Đất bãi thải, XL chất thải	18,42	13,60	13,60	7,86	13,60
3	Đất khác	2.047,51	2.130,83	2.131,77	2.131,77	1.970,49
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và MN ch. dùng	1.527,43	1.494,00	1.494,40	1.494,40	1.464,62
3.2	Đất chưa sử dụng	520,08	636,83	637,37	637,37	505,87

Nguồn số liệu: Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 và năm 2020, huyện Nghĩa Đàn tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 và Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 03/02/2021

Bảng tổng hợp biến động sử dụng đất từ năm 2015 đến năm 2020				
TT	Thành phần đất	Diện tích (ha)		Biến động đất 5 năm (2015 - 2020)
		Năm 2015	Năm 2020	
Tổng diện tích đất tự nhiên		61.776,32	61.785,00	Tăng (+); Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	53.210,36	52.961,60	- 248,76
2	Đất xây dựng (đất phi NN)	6.518,45	6.852,91	+ 334,46
3	Đất chưa sử dụng, mặt nước	2.047,51	1.970,49	- 77,02

2.7. Hiện trạng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội.

2.7.1. Hệ thống công trình hành chính - chính trị.

a) Công trình cấp huyện:

Trung tâm hành chính, chính trị của huyện ở thị trấn Nghĩa Đàn, phân bố tập trung tại khối Tân Hồng, dọc theo các trục đường Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Phùng Chí Kiên, Hồ Tùng Mậu, Võ Trọng Thiện, Võ Nguyên Hiến,... bao gồm các công trình: Huyện ủy, UBND huyện, Quảng trường, Trung tâm văn hóa thể thao huyện, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, Huyện đội, Công an, Phòng cháy chữa cháy, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng chính sách, Kho bạc NN huyện, Nhà hàng quảng trường, Trụ sở liên cơ quan, Phòng giáo dục đào tạo, Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình, Chi cục thuế huyện, Trạm kiểm lâm, Điện lực huyện, Trung tâm bồi dưỡng Chính trị, Đài truyền thanh truyền hình, Chi cục thi hành án dân sự, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Bảo hiểm XH,...

Các công trình được đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ,... ngay sau khi thị xã Thái Hòa được thành lập và tách ra khỏi địa

giới hành chính huyện Nghĩa Đàn (theo Nghị định số 164/2007/NĐ-CP ngày 15/11/2007 của Chính phủ) và lựa chọn trung tâm thị trấn Nghĩa Đàn trở thành trung tâm hành chính, chính trị cấp huyện có quy mô tập trung, khang trang cho đô thị và được kết nối trực tiếp ra đường Hồ Chí Minh, QL.48E (ĐT.537 cũ) rồi theo các đường liên huyện, liên xã kết nối với tất cả trung tâm hành chính cấp xã / thị trấn một cách thuận lợi.



Trụ sở UBND huyện



Trụ sở Huyện Ủy



Công an huyện



Huyện đội



Quảng trường trung tâm huyện



Phòng Giáo dục đào tạo huyện



Kho bạc Nhà nước



Ngân hàng chính sách xã hội



Bảo hiểm xã hội



Mặt trận tổ quốc & các đoàn thể



Trụ sở UBND+HĐND thị trấn Nghĩa Đàn



Sân thể thao thị trấn Nghĩa Đàn

Bảng Hiện trạng các công trình HTXH, cơ quan,... cấp huyện				
TT	Hạng mục	Vị trí (khối / xóm)	D.tích đất (ha)	MĐXD (%)
1	Trụ sở UBND huyện	Tân Hồng	1,51	16,5
2	Công an huyện	Tân Hồng	2,58	8,4
3	TT GD Thường xuyên	Tân Hồng	1,33	7,6
4	Ngân hàng Agribank	Tân Hồng	0,5	10,7
5	Huyện Ủy	Tân Hồng	1,1	17,6
6	Mặt trận tổ quốc & các đoàn thể	Tân Hồng	0,93	9,5
7	Quảng trường	Tân Hồng	2,02	
8	Nhà hàng Quảng trường	Tân Hồng	0,32	

Bảng Hiện trạng các công trình HTXH, cơ quan,... cấp huyện				
TT	Hạng mục	Vị trí (khối / xóm)	D.tích đất (ha)	MĐXD (%)
9	Trung tâm VH TDTT huyện	Tân Hồng	1,16	6,4
10	Trụ sở liên cơ quan (trạm trại)	Tân Hồng	0,39	12,3
11	Phòng Giáo dục đào tạo	Tân Hồng	0,27	15,4
12	Trung tâm dân số KHH gia đình	Tân Hồng	0,17	19,5
13	Chi cục thuế huyện	Tân Hồng	0,48	13,0
14	Trạm kiểm lâm	Tân Hồng	0,24	21,2
15	Điện lực huyện	Tân Hồng	0,37	23,9
16	Ngân hàng Chính sách xã hội	Tân Hồng	0,37	11,9
17	Kho bạc Nhà nước huyện	Tân Hồng	0,37	10,7
18	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị	Tân Hồng	0,65	13,0
19	Đài truyền thanh, truyền hình	Tân Hồng	0,32	10,7
20	Huyện Đội	Tân Hồng	1,81	7,4
21	Chi cục thi hành án dân sự	Tân Hồng	0,41	3,9
22	Viện kiểm sát nhân dân	Tân Hồng	0,54	12,7
23	Tòa án nhân dân	Tân Hồng	0,68	5,1
24	Bảo hiểm xã hội	Tân Hồng	0,2	20,8
25	Hội người mù	Tân Hồng	0,17	15,6
26	Trung tâm y tế dự phòng huyện	Tân Đức	3,19	18,7

b) Công trình cấp xã / thị trấn:

Các trung tâm xã / thị trấn hầu hết được nằm ở các trục đường lớn (như: QL.48, QL.48E, QL.15, đường Hồ Chí Minh, đường Trung Bình Lâm,...), rất thuận tiện cho các dịch vụ công trên toàn xã / thị trấn.

Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND các xã / thị trấn; Hệ thống công trình cơ quan hành chính các cấp toàn huyện đã được xây dựng đầy đủ từ cấp huyện tới cấp thị trấn / xã với quy mô từ cấp IV đến cấp III kiến cố, hiện đại.

Bảng Hiện trạng các công trình Trụ sở cấp xã / thị trấn				
TT	Xã / Thị trấn	Địa điểm (khối / xóm)	Tiếp giáp theo đường	D.tích đất (ha)
1	Thị trấn Nghĩa Đàn	Tân Hòa	Trung Bình Lâm	0,38
2	Xã Nghĩa Hội			
3	Xã Nghĩa Phú	Phú Lộc	ĐT.531	2,23
4	Xã Nghĩa Thọ	Trống	Đường xã ra QL.48E	0,4
5	Xã Nghĩa Lợi	Hung Thịnh	QL.48E	0,39
6	Xã Nghĩa Lạc	Môn	ĐH.393	0,35
7	Xã Nghĩa Trung	6	ĐH.392, ĐT.531	0,52

Bảng Hiện trạng các công trình Trụ sở cấp xã / thị trấn				
TT	Xã / Thị trấn	Địa điểm (khối / xóm)	Tiếp giáp theo đường	D.tích đất (ha)
8	Xã Nghĩa Bình			
9	Xã Nghĩa Sơn	Sơn Tây	QL.15, QL.48E	0,57
10	Xã Nghĩa Hồng	Hồng Thọ	ĐH.391, QL.48E	0,45
11	Xã Nghĩa Minh	9	QL.48E	0,6
12	Xã Nghĩa Lâm	Làng Da	QL.15	0,84
13	Xã Nghĩa Yên	Làng Chong	QL48E (ĐT.531 cũ)	1,29
14	Xã Nghĩa Mai	3A	ĐH.391	0,34
15	Xã Nghĩa Thịnh	Tân An	QL48E (ĐT.531 cũ)	0,65
16	Xã Nghĩa Hưng		QL48E (ĐT.531 cũ)	0,46
17	Xã Nghĩa Hiếu	Trung Tâm	QL.48	0,74
18	Xã Nghĩa Thành ⁽¹⁾	Quán Mít	QL.48	0,3
19	Xã Nghĩa Long		HCM	0,58
20	Xã Nghĩa Lộc	Đập Đanh	ĐH.387	0,85
21	Xã Nghĩa Khánh	Hồng Khánh	QL.48D	0,3
22	Xã Nghĩa An	Nho Hạp	QL.48D	0,47
23	Xã Nghĩa Đức	3	Đường xã ra QL.48E	0,42

Ghi chú: ⁽¹⁾ Sáp nhập 03 xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Tân, Nghĩa Liên theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Vị trí trụ sở nằm tại xã Nghĩa Tân (cũ).

2.7.2. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo.

a) Hệ thống giáo dục cấp huyện:

Trong khu vực nghiên cứu không có hệ thống Trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp nghề chuyên nghiệp; Chỉ có Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Nghĩa Đàn và 02 Trường trung học phổ thông. Tổng diện tích quỹ đất trường cấp huyện là 5,36 ha.

Bảng Hiện trạng các công trình Giáo dục cấp huyện					
TT	Tên trường	Diện chính (M1) (m²)	Diện lẻ (M2) (m²)	D.tích đất (m²)	Địa điểm
1	TT bồi dưỡng Chính trị	6.510		6.510	TT.Nghĩa Đàn
2	TT GD Thường xuyên	13.309		13.309	TT.Nghĩa Đàn
3	Trường THPT 1/5	17.504		17.504	TT.Nghĩa Đàn
4	Trường THPT Cờ Đỏ	16.280		16.280	X.Nghĩa Hồng
	Tổng diện tích			53.603	

b) Hệ thống trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở:

- Trường trung học cơ sở: Giáo dục THCS, có 20 trường; Tổng diện tích quỹ đất trường THCS trên toàn huyện là 23,33 ha.

- Trường tiểu học: Giáo dục tiểu học, có 31 điểm trường; Tổng diện tích quỹ đất trường Tiểu học trên toàn huyện là 27,94 ha.

- Trường mầm non: Giáo dục mầm non có 35 trường; Tổng diện tích quỹ đất trường Mầm non trên toàn huyện là 13,1 ha.

Bảng Hiện trạng các công trình Giáo dục cấp xã					
TT	Tên trường	Diện chính (M1) (m²)	Diện lẻ (M2) (m²)	D.tích đất (m²)	Địa điểm
I	Khối Trung học cơ sở	186.188	47.103	233.291	
1	THCS Nghĩa An	12.273		12.273	xã Nghĩa An
2	THCS Nghĩa Đức	12.510		12.510	xã Nghĩa Đức
3	THCS Nghĩa Hội	13.665		13.665	xã Nghĩa Hội
4	THCS Hồng Minh	8.032	7.534	15.566	xã Nghĩa Minh
5	THCS Hưng Thịnh	8.239	23.650	31.889	xã Nghĩa Thịnh
6	THCS Nghĩa Khánh	10.095		10.095	xã Nghĩa Khánh
7	THCS Nghĩa Thành	11.744	8.896	20.640	xã Nghĩa Thành
8	THCS Nghĩa Lộc	9.720		9.720	xã Nghĩa Lộc
9	THCS BT Lợi Lạc	17.665		17.665	xã Nghĩa Lợi
10	THCS Long Lộc	22.043	7.023	29.066	xã Nghĩa Lộc
11	THCS BT Nghĩa Mai	13.567		13.567	xã Nghĩa Mai
12	THCS Phú Thọ	9.085		9.085	xã Nghĩa Phú
13	THCS Nghĩa Trung	7.489		7.489	xã Nghĩa Trung
14	THCS Nghĩa Yên	11.473		11.473	xã Nghĩa Yên
15	THCS Lâm Sơn	7.000		7.000	xã Nghĩa Sơn
16	THCS TT Nghĩa Đàn	11.588		11.588	TT. Nghĩa Đàn
II	Khối Tiểu học	238.366	41.044	279.410	
1	TH Nghĩa An	12.949		12.949	xã Nghĩa An
2	TH Nghĩa Đức	16.427		16.427	xã Nghĩa Đức
3	TH Nghĩa Hiếu	14.513		14.513	xã Nghĩa Hiếu
4	TH Nghĩa Hội	21.893		21.893	xã Nghĩa Hội
5	TH Nghĩa Hồng	20.828		20.828	xã Nghĩa Hồng
6	TH Nghĩa Hưng	6.794	7.000	13.794	xã Nghĩa Hưng
7	TH Nghĩa Khánh	6.111		6.111	xã Nghĩa Khánh
8	TH Nghĩa Lạc	4.583		4.583	xã Nghĩa Lạc
9	TH Nghĩa Lâm	9.223		9.223	xã Nghĩa Lâm
10	TH Nghĩa Long	8.808		8.808	xã Nghĩa Long
11	TH Nghĩa Lộc 1	9.832	5.163	14.995	xã Nghĩa Lộc
12	TH Nghĩa Lộc 2	5.678	6.064	11.742	xã Nghĩa Lộc
13	TH Nghĩa Lợi	7.899		7.899	xã Nghĩa Lợi

Bảng Hiện trạng các công trình Giáo dục cấp xã					
TT	Tên trường	Diện tích chính (M1) (m²)	Diện tích lẻ (M2) (m²)	D.tích đất (m²)	Địa điểm
14	TH Nghĩa Mai A	7.747		7.747	xã Nghĩa Mai
15	TH Nghĩa Mai B	5.164		5.164	xã Nghĩa Mai
16	TH Nghĩa Minh	6.472		6.472	xã Nghĩa Minh
17	TH Nghĩa Phú	1.077	6.828	7.905	xã Nghĩa Phú
18	TH Nghĩa Sơn	12.096		12.096	xã Nghĩa Sơn
19	TH Nghĩa Thành	10.036		10.036	xã Nghĩa Thành
20	TH Nghĩa Thịnh	10.226		10.226	xã Nghĩa Thịnh
21	TH Nghĩa Thọ	4.708	8.000	12.708	xã Nghĩa Thọ
22	TH Nghĩa Trung	13.644	2.938	16.582	xã Nghĩa Trung
23	TH Nghĩa Yên	6.474	5.051	11.525	xã Nghĩa Yên
24	TH TT. Nghĩa Đàn	15.184		15.184	TT. Nghĩa Đàn
III	Khối Mầm non	95.658	35.362	131.020	
1	MN Nghĩa An	6.000	2.033	8.033	xã Nghĩa An
2	MN Nghĩa Bình	5.637		5.637	xã Nghĩa Bình
3	MN Nghĩa Đức	4.181	1.969	6.150	xã Nghĩa Đức
4	MN Nghĩa Hiếu	2.304	1.500	3.804	xã Nghĩa Hiếu
5	MN Nghĩa Hội	3.600	9.000	12.600	xã Nghĩa Hội
6	MN Nghĩa Hồng	6.419		6.419	xã Nghĩa Hồng
7	MN Nghĩa Hưng	1.026	1.522	2.548	xã Nghĩa Hưng
8	MN Nghĩa Khánh	8.040	2.757	10.797	xã Nghĩa Khánh
9	MN Nghĩa Lạc	2.440		2.440	xã Nghĩa Lạc
10	MN Nghĩa Lâm	3.820		3.820	xã Nghĩa Lâm
11	MN Nghĩa Long	6.529		6.529	xã Nghĩa Long
12	MN Nghĩa Lộc	4.000	8.685	12.685	xã Nghĩa Lộc
13	MN Nghĩa Lợi	2.655	1.200	3.855	xã Nghĩa Lợi
14	MN Nghĩa Mai	5.763	4.000	9.763	xã Nghĩa Mai
15	MN Nghĩa Minh	2.832		2.832	xã Nghĩa Minh
16	MN Nghĩa Phú	2.496	470	2.966	xã Nghĩa Phú
17	MN Nghĩa Sơn	1.478	1.180	2.658	xã Nghĩa Sơn
18	MN Nghĩa Thành	3.000		3.000	xã Nghĩa Thành
19	MN Nghĩa Thịnh	3.532		3.532	xã Nghĩa Thịnh
20	MN Nghĩa Thọ	4.708		4.708	xã Nghĩa Thọ
21	MN Nghĩa Trung	4.584	1.046	5.630	xã Nghĩa Trung
22	MN Nghĩa Yên	4.514		4.514	xã Nghĩa Yên
23	MN TT. Nghĩa Đàn	6.100		6.100	xã TT. Nghĩa Đàn

→ Nhìn chung, Hệ thống công trình giáo dục của huyện Nghĩa Đàn tương đối tốt đảm bảo yêu cầu về phát triển giáo dục và đào tạo.

2.7.3. Hệ thống công trình y tế.

Hiện nay, toàn huyện có hệ thống y tế tương đối hoàn chỉnh. Trung tâm y tế dự phòng huyện Nghĩa Đàn (3,19 ha) tại khối Tân Đức với quy mô hiện tại 70 - 80 giường; Và 23 trạm y tế xã / thị trấn đã phát huy được hiệu quả chăm sóc sức khỏe nhân dân ở tuyến cơ sở.

Bảng Hiện trạng các công trình Trạm y tế				
TT	Xã / Thị trấn	Địa điểm (khối / xóm)	D.tích đất (ha)	Đạt chuẩn QG về Y tế
1	Thị trấn Nghĩa Đàn	Tân Minh	0,23	Đạt chuẩn
2	Xã Nghĩa Hội		0,29	Đạt chuẩn
3	Xã Nghĩa Phú	Phú Lộc	0,2	Đạt chuẩn 2011
4	Xã Nghĩa Thọ	Trống	0,79	
5	Xã Nghĩa Lợi	Ngọc Hưng	0,25	
6	Xã Nghĩa Lạc	Mòn	0,27	Đạt chuẩn 2011
7	Xã Nghĩa Trung	6	0,14	Đạt chuẩn 2010
8	Xã Nghĩa Bình		0,38	
9	Xã Nghĩa Sơn	Sơn Tây	0,26	
10	Xã Nghĩa Hồng	Hồng Thọ	0,42	Đạt chuẩn 2009
11	Xã Nghĩa Minh	9	0,3	Đạt chuẩn 2010
12	Xã Nghĩa Lâm	Làng Da	0,21	
13	Xã Nghĩa Yên	Làng Chong	0,29	
14	Xã Nghĩa Mai	3A	0,2	Đạt chuẩn 2010
15	Xã Nghĩa Thịnh	9	0,5	
16	Xã Nghĩa Hưng		0,25	Đạt chuẩn 2007
17	Xã Nghĩa Hiếu	Trung Tâm	0,41	Đạt chuẩn 2007
18	Xã Nghĩa Thành	Quán Mít	0,23	Đạt chuẩn 2007
19	Xã Nghĩa Long		0,29	
20	Xã Nghĩa Lộc	Đập Đan	0,4	
21	Xã Nghĩa Khánh	Hồng Khánh	0,5	Đạt chuẩn 2009
22	Xã Nghĩa An	Nho Hạp	0,2	Đạt chuẩn
23	Xã Nghĩa Đức	3	0,23	

→ Hệ thống công trình y tế cơ bản đạt chuẩn Quốc gia về Y tế, đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn huyện; Một số công trình xây dựng đã lâu, cần được đầu tư nâng cấp, cải tạo để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kỳ mới, đặc biệt là đang trong thời kỳ “đại dịch bệnh Covid” diễn biến phức tạp trên toàn thế giới...

2.7.4. Hệ thống công trình văn hóa, thể thao.

Huyện được trang bị theo hệ thống thư viện điện tử, thư viện số; Trung tâm hành chính các xã / thị trấn đều đã được đầu tư và phát huy tốt hệ thống FM từ huyện đến xã, cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử huyện (nghiadan.vn), Bản tin Nghĩa Đàn,... Cơ sở vật chất thư viện điện tử tại các xã điểm về nông thôn được quan tâm.

Huyện có 01 trung tâm văn hóa thể thao (với quy mô diện tích đất 1,16 ha). Khu liên hợp thể dục thể thao Huyện hiện đang được lập quy hoạch xây dựng với diện tích khoảng 26 ha; Hệ thống công trình thể thao cơ bản như sân vận động, sân chơi bóng chuyền, cầu lông,... tại trung tâm các xã / thị trấn.

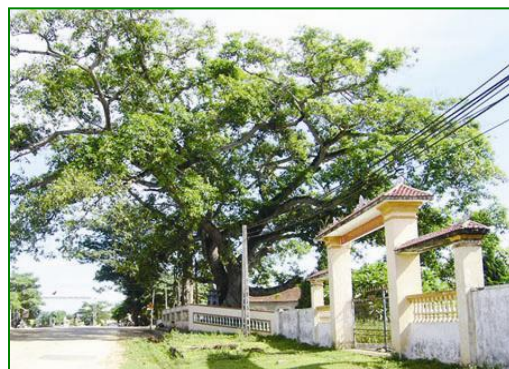
Thiết chế văn hóa: 100 % khối / xóm, thị trấn / xã đã xây dựng được sân chơi, bãi tập TDTT như: Sân bóng chuyền, sân bóng đá, sân cầu lông, sân tập thể dục,... Đến nay, đã có 23 sân bóng đá tại các xã / thị trấn đều có sân bóng chuyền và sân cầu lông. Quy mô hệ thống Sân thể thao xã tại trung tâm các xã / thị trấn: Nghĩa Đàn (0,98 ha), Nghĩa Đức (1,70 ha), Nghĩa An (1,42 ha), Nghĩa Lộc (1,1 ha), Nghĩa Thịnh (0,6 ha), Nghĩa Hiếu (1,1 ha), Nghĩa Hội (1,05 ha), Nghĩa Hưng (0,72 ha), Nghĩa Khánh (0,6 ha), Nghĩa Lạc (0,51 ha), Nghĩa Thành (0,5 ha), Nghĩa Long (0,9 ha), Nghĩa Mai, Nghĩa Sơn (0,7 ha), Nghĩa Trung (0,96 ha),... Và các xã quy hoạch xây dựng sân thể thao được lập theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới: Nghĩa Lâm (1,53 ha), Nghĩa Yên (0,14), Nghĩa Hồng (1,1 ha), Nghĩa Minh (0,05), Nghĩa Phú (0,22 ha), Nghĩa Thọ (1,56 ha), Nghĩa Lợi (1,9 ha), Nghĩa Bình,...

2.7.5. Hệ thống công trình tôn giáo - tín ngưỡng, di tích.

Là vùng đất “Việt cổ”; Với bề dày lịch sử huy hoàng, địa hình đa dạng, tạo nên nhiều vùng có phong cảnh đẹp, đặc sắc,... Công tác bảo tồn di sản văn hóa vật thể, phi vật thể thường xuyên được cấp ủy, chính quyền và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn quan tâm bảo vệ, tu bổ, tôn tạo nhằm góp phần gìn giữ và phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của bao thế hệ những người đi trước,...



Hang Rú Ấm - xã Nghĩa Đức



Cây đa Làng Trù - xã Nghĩa Khánh

Hiện nay, Huyện có 02 di tích lịch sử cách mạng là Hang Rú Ấm (tại xóm 8, xã Nghĩa Đức, diện tích 0,32 ha - “Đây là nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Nghĩa Đàn năm 1930”) và Cây Đa làng Trù (xã Nghĩa Khánh - “Đây là nơi

nhân dân Nghĩa Đàn đứng lên giành chính quyền năm 1945”) là 2 địa điểm ghi dấu sự kiện lịch sử của Đảng bộ và nhân dân huyện Nghĩa Đàn trong thời kỳ cách mạng 1930 - 1945. Cùng với hệ thống nhà thờ giáo xứ trên địa bàn các xã / thị trấn,...

2.7.6. Các công trình thương mại, dịch vụ.

a) Hệ thống chợ:

Hiện nay, huyện Nghĩa Đàn có 09 chợ trung tâm / 09 xã đạt chuẩn nông thôn mới, như: Nghĩa Đức (0,36 ha), Nghĩa An (0,8 ha), Nghĩa Thịnh (0,35 ha), Nghĩa Yên (0,46 ha), Nghĩa Lộc (0,45 ha), Nghĩa Hội (0,99 ha), Nghĩa Hưng (0,61 ha), Nghĩa Khánh (1,6 ha), Nghĩa Long (0,5 ha). Đồng thời, có một số xã đã được quy hoạch chợ trên nền đất chợ tạm và tìm vị trí quy hoạch xây dựng mới theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới là các xã: Nghĩa Hồng (0,4 ha), Nghĩa Minh (0,31 ha), Nghĩa Thọ (0,5 ha), Nghĩa Mai (0,35 ha), Nghĩa Lâm (0,65 ha), Nghĩa Lợi (0,8 ha), Nghĩa Trung (0,64), Nghĩa Hiếu (0,3 ha), Nghĩa Lạc (0,3 ha), Nghĩa Thành (0,6 ha), Nghĩa Phú (0,5 ha), Nghĩa Sơn (0,3 ha), Nghĩa Bình.

Theo quy hoạch chung thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 04/01/2018) đã quy hoạch xây dựng chợ huyện và trung tâm dịch vụ thương mại tổng hợp dọc theo QL.48D (đoạn ĐT.537 cũ) với diện tích khoảng 5,27 ha và chợ trung tâm - dịch vụ thị trấn Nghĩa Đàn khoảng 2,3 ha...

b) Các công trình thương mại dịch vụ khác:

Ngoài hệ thống chợ trung tâm xã, trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn còn một số công trình thương mại dịch vụ khác... như: Siêu thị mini, khách sạn, nhà hàng, các công trình phục vụ du lịch, giải trí, khu vui chơi, ...

2.7.7. Các công trình nhà ở.

- Nhà ở đô thị: Tại thị trấn Nghĩa Đàn, hiện nay hệ thống nhà ở đô thị được chia làm 03 loại chính: Nhà ở trong các khu đô thị mới, quy hoạch mới; nhà ở trên các trục đường chính; và nhà ở theo dạng nông thôn trong đô thị ở các khu dân cư cũ xa các trục đường chính. Ở các khu đô thị mới, quy hoạch mới kiến trúc nhà ở được quản lý tốt hơn nên được xây dựng đúng quy hoạch góp phần tạo thẩm mỹ đô thị cho thị trấn.

- Nhà ở nông thôn: Được xây dựng theo hướng tự phát, kinh nghiệm và hình thành theo dạng quần cư, làng xóm; Mô hình nhà ở nông thôn thường gắn với sản xuất nông nghiệp. Thời gian gần đây đã có sự thâm nhập của kiến trúc hiện đại, kiến trúc đô thị vào nhà nông thôn mới được xây dựng hoặc cải tạo nên diện mạo nhà ở nông thôn đã có nhiều thay đổi.

Bảng tổng hợp nhà ở trên địa bàn huyện			
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô
I	Nhà ở		

Bảng tổng hợp nhà ở trên địa bàn huyện			
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô
1	Tổng số nhà ở	nhà	347.750
2	Số nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố	nhà	344.465
3	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố	%	98,19
II	Diện tích		
1	Tầng cao	tầng	1,1
2	Tổng diện tích sàn	m ² sàn	2.939.820
3	Diện tích sàn nhà ở trung bình	m ² sàn/ người	20

2.7.8. Các công trình Công nghiệp, cụm công nghiệp.

Khu công nghiệp Nghĩa Đàn: Hiện có 01 Nhà máy chế biến gỗ Nghệ An-Công ty CP Lâm nghiệp Tháng Năm đang hoạt động với diện tích hiện nay là 39,67ha đã thúc đẩy giá trị sản xuất ngành công nghiệp huyện tăng cao; Vị trí KCN Nghĩa Đàn (xã Nghĩa Hội) thuận lợi theo QL.48D (ĐT.537 cũ).

Cụm công nghiệp Nghĩa Long: Hiện có các công ty: Công ty CP bao bì ACI, Công ty CP Viet Home stone, Công ty CO phụ gia Nhựa Mega,... Với tổng diện tích hiện nay là 37,01 ha; thuận lợi dọc theo đường Hồ Chí Minh.

2.8. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

2.8.1. Hiện trạng giao thông.

2.8.1.1. Hiện trạng hệ thống giao thông đường bộ:

Trên địa bàn huyện hiện có: 636,4 km đường bộ, bao gồm hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện và đường xã.

a) Quốc lộ:

Có 05 tuyến đi qua huyện với tổng chiều dài 136,0 km. Gồm:

- Quốc lộ 48: Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 9,0 km, điểm đầu bắt đầu từ địa phận thị xã Thái Hòa, điểm cuối giáp huyện Quỳnh Hợp. Tuyến QL.48 hiện nay mới được đầu tư nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III nên đường rộng 12,0 m, mặt đường rộng 7,0m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa, chất lượng tốt.

- Quốc lộ 48D: Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 20,0 km (theo Quyết định số 4520/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2015 của Bộ giao thông vận tải về việc chuyển đường tỉnh 537, 545 thành quốc lộ 48D).

+ Đoạn 1 (nâng cấp ĐT.537 thành QL.48D): Chiều dài khoảng 10,0 km, điểm đầu bắt đầu từ huyện Quỳnh Lưu, điểm cuối nối với QL.48 địa phận thị xã Thái Hòa. Tuyến mới được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III với nền đường rộng 12,0 m, mặt đường rộng 7,0m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa, chất lượng tốt.

+ Đoạn 2 (nâng cấp ĐT.545 thành QL.48D): Chiều dài khoảng 10,0 km, điểm đầu bắt đầu từ thị xã Thái Hòa, điểm cuối giáp huyện Tân Kỳ. Tuyến mới được đầu tư nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV với nền đường rộng 9,0 m, mặt đường rộng

7,0 m. Kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng tốt.

- Quốc lộ 48E: Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 73,0 km (theo Quyết định số 1085/QĐ-BGTVT ngày 08/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển Đường tỉnh 531 thành Quốc lộ 48E).

+ Đoạn 1 (nâng cấp ĐT.531 thành QL.48E): Chiều dài khoảng 18,0 km, điểm đầu giáp huyện Quỳnh Hợp, điểm cuối giao với QL.48D tại xã Nghĩa Khánh, , giữa tuyến đi qua địa phận thị xã Thái Hòa. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV với nền đường rộng 9,0 m, mặt đường rộng 7,0 m. Kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng tốt. Một số đoạn tuyến mới nâng cấp sửa chữa.

+ Đoạn 2 (nâng cấp ĐT.531 thành QL.48E): Chiều dài khoảng 55,0 km, điểm đầu giáp huyện Quỳnh Lưu ở xã Nghĩa Thọ, điểm cuối giáp huyện Quỳnh Hợp ở xã Nghĩa Hưng. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV với nền đường rộng 9,0 m, mặt đường rộng 7,0 m. Kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng tốt, một số đoạn tuyến với mặt đường láng nhựa đã xuống cấp.

- Quốc lộ 15: Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 11,0 km, điểm đầu giáp huyện Như Xuân (tỉnh Thanh Hóa), điểm cuối giao với QL.48 từ địa phận thị xã Thái Hòa. Tuyến QL.15 hiện nay mới được đầu tư nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường rộng 9,0m, mặt đường rộng 7,0m. Kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng tốt.

- Đường Hồ Chí Minh: Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 23,0km, điểm đầu giáp huyện Như Xuân (tỉnh Thanh Hóa), điểm cuối địa phận huyện Tân Kỳ. Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, nền đường rộng 7,0 m, mặt đường rộng 12,0 m. Kết cấu mặt đường bằng BTN, chất lượng tốt.

b) Đường tỉnh:

Đường tỉnh 531: Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 12,9 km. Điểm đầu nối với QL.48E ở xã Nghĩa Phú, điểm cuối xã Nghĩa Trung nối QL.48 ở thị xã Thái Hòa. (theo Quyết định số 4064/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chuyển 1 số tuyến đường huyện thành đường tỉnh, nâng cấp 1 đoạn đường huyện 393 và 395 thành đường tỉnh 531). Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V nền đường rộng 6,5 - 7,5 m, mặt đường rộng 5,5 m. Kết cấu mặt đường láng nhựa, BT nhựa chất lượng trung bình. Một số đoạn đường đã bị xuống cấp hư hỏng.

c) Đường huyện:

Hiện tại hệ thống đường huyện Nghĩa Đàn bao gồm 09 tuyến với tổng chiều dài 157,7 km.

- ĐH.387 (Nghĩa Khánh - QL.48):

Điểm đầu xuất phát từ QL.48 (Km 20+963) tại xóm Khe Sơn (Nghĩa Thuận - Thái Hòa), điểm cuối đầu vào QL.48D (Km 12+500) tại trung tâm xã Nghĩa Khánh dài 12,3 km. Hiện trạng quy mô đường cấp V - VI, mặt đường láng nhựa, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp.

- ĐH.388 (Nghĩa Hiếu - Nghĩa An):

Điểm đầu giao QL.48 tại xã Nghĩa Hiếu, điểm cuối giao QL.48D (Km 9+210) tại xã Nghĩa An, dài 31,5 km. Hiện trạng quy mô đường cấp V - VI, mặt đường láng nhựa, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp.

- ĐH.389 (Thị xã Thái Hòa - Nghĩa Hiếu):

Điểm đầu xã Nghĩa Thành; điểm cuối nối QL.48 xã Nghĩa Hiếu, dài 12,8 km. Hiện trạng quy mô đường cấp V - VI, mặt đường láng nhựa, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp.

- ĐH.390 (Nghĩa Sơn - Nghĩa Mai):

Điểm đầu giao ĐT.531 (Km 38+552) tại xóm Đồng Canh xã Nghĩa Sơn, điểm cuối hết địa phận xã Nghĩa Mai (giáp huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa), dài 14,8km. Hiện trạng quy mô đường cấp VI, mặt đường cấp phối, láng nhựa, tình trạng mặt đường kém, một số đoạn tuyến đã xuống cấp, hư hỏng.

- ĐH.391 (Nghĩa Trung - Nghĩa Mai):

Điểm đầu xuất phát từ xóm Mới xã Nghĩa Mai (giáp tỉnh Thanh Hóa), điểm cuối giao ĐH.392 (Km 16+430) xóm Đồng Bông xã Nghĩa Trung, dài 23,1km. Hiện trạng quy mô đường cấp V - VI, mặt đường cấp phối, láng nhựa, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp, hư hỏng.

- ĐH.392 (Nghĩa Trung - Nghĩa Bình):

Điểm đầu giao QL.48E (Km 16+ 340) tại xóm Bình Hiếu, xã Nghĩa Bình; điểm cuối xóm 12 xã Nghĩa Trung, dài 13,5 km. Hiện trạng quy mô đường cấp V - VI, mặt đường láng nhựa, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp.

- ĐH.393 (Nghĩa Lâm - Nghĩa Trung):

Điểm đầu: Làng Mến xã Nghĩa Lạc (Giáp huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa); điểm cuối đầu vào QL.48E tại thị trấn Nghĩa Đàn, dài 12,1 km. Hiện trạng quy mô đường cấp IV - VI, mặt đường láng nhựa, cấp phối, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp, hư hỏng.

- ĐH.394 (Nghĩa Lạc - Nghĩa Hội):

Điểm đầu xã Nghĩa Lạc; điểm cuối Núi K7 xã Nghĩa Hội, dài 33,5 km. Hiện trạng quy mô đường cấp VI, mặt đường láng nhựa, cấp phối, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp, hư hỏng.

- ĐH.395 (Nghĩa Lạc - Nghĩa Hội):

Điểm đầu giao QL48E, điểm cuối xã Nghĩa Thọ, dài 4,1 km. Hiện trạng quy mô đường cấp VI, mặt đường láng nhựa, cấp phối, tình trạng mặt đường trung bình, một số đoạn tuyến đã xuống cấp, hư hỏng.

d) *Đường khác:*

Đường đô thị thị trấn Nghĩa Đàn: Các tuyến đường trục chính đô thị có mặt cắt ngang từ 30,0 - 52,0 m đã hình thành với mặt đường bê tông nhựa từ 21,0- 25,0m

chất lượng tốt. Ngoài ra, có các tuyến đường nội bộ có mặt cắt ngang từ 13,0-27,0m, mặt đường bê tông nhựa chất lượng tốt.

Bảng tổng hợp hiện trạng giao thông đường bộ: QL, ĐT, ĐH						
Tên tuyến	Ký hiệu	C.dài qua huyện (km)	Cấp đường	Mặt đường	Nền	Kết cấu
Quốc lộ		136,6				
Quốc lộ 48	QL.48	9,0	III	7,0	12,0	BT nhựa
Quốc lộ 48D	QL.48D	10,0	III	7,0	12,0	BT nhựa
	QL.48D	10,0	IV	7,0	9,0	Láng nhựa
Quốc lộ 48E	QL.48E	18,0	IV	7,0	9,0	Láng nhựa
	QL.48E	55,0	IV	7,0	9,0	Láng nhựa
Quốc lộ 15	QL.15	11,0	IV	7,0	9,0	BT nhựa
Đ. Hồ Chí Minh	HCM	23,0	III	7,0	12,0	BT nhựa
Đường tỉnh		12,9				
Đường tỉnh 531	ĐT.531	12,9	IV	3,5 - 5,5	6,5 - 7,5	Láng nhựa
Đường huyện		157,7	V-VI			
Nghĩa Khánh - Quốc lộ 48	ĐH.387	12,3	V-VI	3,5 - 5,5	6,5 - 7,5	Láng nhựa
Nghĩa Hưng - Nghĩa An	ĐH.388	31,5	V-VI	3,5 - 5,5	6,5 - 7,5	Láng nhựa
Tx. Thái Hòa - Nghĩa Hiếu	ĐH.389	12,8	V-VI	3,5 - 5,5	6,5 - 7,5	Láng nhựa
Nghĩa Sơn - Nghĩa Mai	ĐH.390	14,8	V-VI	3,5	6,5	CP, Láng nhựa
Nghĩa Trung - Nghĩa Mai	ĐH.391	23,1	VI	3,5 - 5,5	6,5 - 7,5	CP, Láng nhựa
Nghĩa Trung - Nghĩa Bình	ĐH.392	13,5	V-VI	3,5 - 5,5	6,5 - 7,5	Láng nhựa
Nghĩa Lâm - Nghĩa Trung	ĐH.393	12,1	V-VI	3,5 - 7,0	6,5 - 9,0	Láng nhựa
Nghĩa Lâm - Nghĩa Hội	ĐH.394	33,5	IV-VI	3,5 - 7,0	6,5 - 9,0	CP, Láng nhựa
Nghĩa Thọ - Nghĩa Bình	ĐH.395	4,1	VI	3,5 - 7,0	6,5 - 9,0	CP, Láng nhựa

e) Đường xã quản lý:

- Đường xã trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn bao gồm đường xã, đường thôn xóm với tổng chiều dài là 673,76 km; trong đó đường xã là 294,33 km, đường thôn, xóm là 379,43 km.

- Đường xã hiện có 53,04 km đường nhựa (chiếm 18,02 %); 54,59 km đường bê tông (chiếm 18,55 %); 89,04 km đường cấp phối (chiếm 30,25 %); 97,66 km đường đất (chiếm 33,18 %).

Bảng tổng hợp hiện trạng giao thông đường bộ: Đường xã						
Tên xã	Ký hiệu	Tổng chiều dài (km)	Kết cấu mặt đường			
			Nhựa	BTXM	Cấp phối	Đất
Đường xã		294,33				
Xã Nghĩa Lộc	ĐX.01,02,03,05,09,10,11	31,66	10,0	5,16		16,5
Xã Nghĩa Long	ĐX.04,06,07	12,73	2,5		10,23	
Xã Nghĩa Khánh	ĐX.12,13,14	11,52		3,52	8,0	
Xã Nghĩa An	ĐX.15	3,19	1,5	1,69		
Xã Nghĩa Đức	ĐX.16,17,18,19	13,74	2,0	1,84	9,9	
Xã Nghĩa Hiếu	ĐX.20,21,25,26	9,56	3,46		6,1	
Xã Nghĩa Thành	ĐX.22,23,24,27,28,29,30	22,79	5,6	3,5	8,9	4,79
Xã Nghĩa Hưng	ĐX.31,32,33,34	9,39		3,4		5,99
Xã Nghĩa Thịnh	ĐX.35,36,37,40	9,21	3,32	2,28	3,61	
Xã Nghĩa Hồng	ĐX.38,39,41,43,45,46	17,64	3,5	2,6	7,5	4,04
Xã Nghĩa Minh	ĐX.47,48,49,65	9,5		3,2		6,3
Xã Nghĩa Mai	ĐX.42,44,51,52,53,54	35,72	2,3	3,5	6,8	23,12
Xã Nghĩa Yên	ĐX.56,57,58,59,63	10,42	1,5	2,8		6,12
Xã Nghĩa Sơn	ĐX.60,61,62,68,74,75	20,3	3,5	4,6		12,20
Xã Nghĩa Lâm	ĐX.64,66,67	6,68	3,73	2,0	0,95	
Xã Nghĩa Lạc	ĐX.69,70,71,72,73	19,7		4,6	15,1	
Xã Nghĩa Bình	ĐX.77,78	7,16	3,93			3,23
Xã Nghĩa Lợi	ĐX.76,83,84	10,62	2,0	2,0	1,0	5,62
Xã Nghĩa Trung	ĐX.50,79,80	7,92		2,6		5,32
Xã Nghĩa Hội	ĐX.81,82,90	9,96	2,0	2,1	5,86	
Xã Nghĩa Phú	ĐX.85,86	6,63	2,2			4,43
Xã Nghĩa Thọ	ĐX.87,88,89	8,29		3,2	5,09	

g) Hệ thống cầu trên các tuyến:

Tổng số cầu trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có 5 cầu các loại với tổng chiều dài 820,0 m, quy mô vĩnh cửu hoặc bán vĩnh cửu.

Cầu trên địa bàn huyện tổng hợp như sau:

Bảng tổng hợp hiện trạng cầu trên địa bàn huyện						
TT	Tên cầu	Tên sông	Địa phận xã	Chiều dài L (m)	Rộng B (m)	Tình trạng hiện nay
1	Cầu treo Bến Mươi	Sông Hiếu	Nghĩa Khánh	250	2,6	Tốt
2	Cầu BTCT- Bến Sẻ	Sông Hiếu	Nghĩa Khánh	250	7,0	Tốt
3	Cầu BTCT- Khe Ang	Khe Ang	Nghĩa Hồng	100	9,0	Tốt
4	Cầu Khe Dền	Khe Dền	Nghĩa Hồng	70	7,0	Tốt

→ Đánh giá chung về hệ thống đường bộ trong huyện:

Trừ tuyến QL.48, QL.48D, đường Hồ Chí Minh, đường QL.15 và một số tuyến đường nội thị mới được xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp III, cấp IV, còn lại tất cả các tuyến đường trên địa bàn huyện mới đạt tiêu chuẩn cấp V, cấp VI trở xuống. Các tuyến đường được nhựa hóa chiếm tỷ lệ thấp nên hiện tại việc đi lại còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng tốt các nhu cầu vận tải và sự đi lại của nhân dân. Hệ thống đường giao thông nông thôn do xã quản lý cơ bản là đường cấp VI, loại A, loại B, kết cấu mặt đường đá dăm, cấp phối, đường đất là chủ yếu (chiếm 63,4%). Hệ thống cầu trên các tuyến đường huyện và đường GTNT còn nhiều là cầu có tải trọng nhỏ, khổ hẹp, hiện tại nhiều cầu đã hư hỏng, không đáp ứng cho xe đi lại.

Hành lang bảo vệ an toàn giao thông chưa đảm bảo đúng quy định dẫn đến việc giải phóng mặt bằng để cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông gặp nhiều khó khăn, chi phí đền bù lớn.

2.8.1.2. Hiện trạng hệ thống giao thông đường thủy nội bộ:

Trên địa bàn huyện có 1 tuyến sông đi qua, gồm:

- Sông Hiếu: Bắt nguồn từ huyện Quế Phong đi qua huyện Nghĩa Đàn dài 42,0 km, chiều rộng lòng bình quân từ 80 - 120 m. Hiện tại hệ thống tàu thuyền vận chuyển hàng hóa qua dòng sông này hầu như không có, mà chủ yếu là các bè gỗ nửa mét từ Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu về Nghĩa Đàn. Hiện nay, một mặt do giao thông đường bộ phát triển, đặc biệt là tuyến QL.48 được nâng cấp, cầu Hiếu vượt lũ được xây dựng, tạo điều kiện cho việc giao thông đường bộ vì vậy vận chuyển đường sông rất hạn chế và hầu như không còn tồn tại.

- Các nhánh sông chính có Sông Sào dài 34 km, Khe Cái dài 23 km, Khe Ang dài 23 km, Khe Diên dài 16 km, Khe Đá dài 17 km.

2.8.1.3. Bến xe:

Hiện tại trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn không có bến xe nào, tình trạng đón trả

khách đều diễn ra tự phát trên các tuyến đường quan trọng của thị trấn gây cản trở giao thông và mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông.

2.8.2. Hiện trạng hạ tầng thoát nước.

2.8.2.1. Hiện trạng thoát nước mặt:

a) Nguồn tiếp nhận nước mặt:

Khu vực huyện Nghĩa Đàn có sông chính chạy qua là sông Hiếu, đây chính là nguồn tiếp nhận nước mặt chính của khu vực. Sông Hiếu có chiều dài khoảng 42 km bắt nguồn từ huyện Quế Phong đi qua các xã: Nghĩa Hưng, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hồng, Nghĩa Thành, Nghĩa An, Nghĩa Khánh thuộc huyện Nghĩa Đàn.

Ngoài sông chính kể trên trong khu vực còn có hệ thống sông suối, kênh rạch và ao hồ khác theo địa hình là các nguồn tiếp nhận nước mặt tại chỗ sau đó thoát ra sông chính. Có thể kể đến một số sông, suối chính: Sông Sào, Khe Cái, Khe Ang, Khe Dền, Khe Đá,...

b) Mạng lưới thoát nước:

Hiện trạng hệ thống thoát nước mặt của khu vực huyện Nghĩa Đàn chưa được đầu tư cao. Thoát nước mặt chủ yếu vẫn là thấm ngầm tại chỗ hoặc nước mặt chảy trên bề mặt rồi thoát về các khu vực trũng như ao, hồ, kênh, sông.

Chỉ có thị trấn và một số trung tâm xã đã đầu tư xây dựng một số tuyến mương thoát nước bằng nắp đan thu gom nước mặt sau đó thoát vào hệ thống mương tiêu rồi đổ về các sông lớn. Tuy nhiên các tuyến mương này chưa được xây dựng đồng bộ, nhiều khu vực trung tâm xã, việc quản lý chưa chặt chẽ dẫn đến việc các hệ thống này xuống cấp, hư hỏng ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước. Cụ thể:

- Thị trấn Nghĩa Đàn: Hiện nay hệ thống thoát nước chưa được xây dựng đồng bộ, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm huyện lỵ; nước chảy theo độ dốc tự nhiên vào hệ thống kênh rạch và thoát về khe Sâu, khe Cụt và sông Sào.

- Ở các vùng nông thôn: Nước mặt tại các vùng nông thôn được thoát chủ yếu tự chảy hoặc theo một số tuyến mương đổ về các con sông, kênh rạch nơi gần nhất. Chưa có hệ thống thu gom đồng bộ.

c) Tình hình thoát nước mặt trên khu vực:

Khu vực Nghĩa Đàn là một huyện trung du miền núi có cao độ nền tương đối cao và địa hình dốc, nhiều nhánh sông suối nhỏ chảy theo địa hình; Vì vậy, nước mặt thoát nhanh vào các sông chính sông Hiếu và sông Sào tương đối dễ dàng. Chia làm 04 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Phía Đông Sông Hiếu, diện tích lưu vực khoảng 125,5 km², nước mặt theo các suối nhánh đổ vào sông Hiếu;

+ Lưu vực 2: Diện tích lưu vực khoảng 141,6 km², nước mặt đổ vào khe Ang, khe Diên, từ đó đổ vào sông Hiếu ở phía Nam;

+ Lưu vực 3: Diện tích lưu vực khoảng 207,2 km², nước mặt đổ vào khe Cụt, sông Sào;

+ Lưu vực 4: Diện tích lưu vực khoảng 143,5 km², nước mặt theo các suối nhánh đổ vào sông Hiếu;

Tuy nhiên, vào mùa mưa (tháng 7 đến tháng 10 hàng năm), một số thời điểm do mưa lớn kéo dài lưu lượng nước từ thượng nguồn đổ về lớn khiến mực nước sông Hiếu và các hệ thống sông khác lên cao cũng ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực dẫn đến một số vùng hai bên bờ sông Hiếu (tại các xã Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hồng, Nghĩa Thành, Nghĩa An, Nghĩa Khánh,...) có xảy ra hiện tượng ngập lụt.

Hiện trạng ngập lụt: Các trận lũ lụt năm 2020 do bão và mưa lớn là rất nghiêm trọng; Các cầu tràn như Khe Hương (xã Nghĩa Yên), Lung Hạ (xã Nghĩa Lợi), Mai Sơn (xã Nghĩa Mai),... đều bị ngập sâu từ 40 - 70 cm. QL.48E tại các vị trí tràn xã Nghĩa Bình, Nghĩa Lợi, Nghĩa Thịnh, thị trấn bị ngập sâu 25 - 60 cm. QL.15 tại vị trí tràn Khe Con (xã Nghĩa Lộc) bị ngập sâu 40 cm; Qua đó có thể thấy các khu vực sẽ xảy ra ngập khi có mưa bão về, do đó cần có giải pháp phòng chống.

d) Hiện trạng đặc điểm thiên tai:

Nghĩa Đàn chịu ảnh hưởng của nhiều hiện tượng thiên tai, có thể phân thành các vùng:

- Vùng có nguy cơ lũ quét, lũ ống sạt lở đất gồm các xã vùng thượng du: Nghĩa Mai, Nghĩa Lạc, Nghĩa Thọ và các xã dọc sông Hiếu.

- Vùng thường xuyên bị ngập sâu, vùng tiếp giáp với sông Hiếu như: Nghĩa Thịnh, Nghĩa Thành, Nghĩa Khánh...

- Vùng hạ lưu đập Sông Sào có nguy cơ bị ngập úng, lũ lụt như: Nghĩa Bình.

- Vùng các hồ đập chứa lớn đề phòng nguy cơ các sự cố vỡ đập như: Sông Sào, Khe Đá, Hòn Mác, Đồng Tuần, Đồng Canh,...

e) Hệ thống đê kè:

Đê, kè: Địa bàn huyện có sông Hiếu và sông Sào chảy qua, nên cần hệ thống đê điều tương đối lớn. Tuy nhiên, hiện tại chưa có hệ thống đê kè để bảo vệ dọc sông. Nhìn chung, hệ thống đê kè chưa được đầu tư, địa phương cần đầu tư xây dựng để có khả năng chống chịu lũ lụt.

2.8.2.2. Hiện trạng thoát nước thải:

a) Hiện trạng thoát nước thải sinh hoạt:

Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có hệ thống thoát nước thải riêng. Tại khu vực trung tâm thị trấn Nghĩa Đàn mới chỉ có một số tuyến mương xây nắp đan, thoát nước chung cho cả nước mưa và nước thải sinh hoạt.

Đối với khu dân cư làng xóm tại các xã trong huyện, nước thải chủ yếu thoát vào vườn ngấm xuống đất, lượng nước thải không nhiều, lại xả thải phân tán nên chưa ảnh hưởng nhiều đến môi trường. Một số hộ dân tại khu vực thị trấn và các trung tâm xã nước thải từ các bể xí đã được xử lý bằng bể tự hoại sau đó được thoát ra tự nhiên, còn lại các khu vực khác đã sử dụng hố xí hai ngăn để ủ phân và bón

cho cây trồng. Một số xã trên địa bàn huyện đã xây dựng hệ thống thoát nước mưa chung dẫn nước thải, nước mưa ra hệ thống thủy lợi tưới tiêu rồi xả trực tiếp ra sông hồ.

b) Nước thải y tế:

Hiện tại trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có 01 Trung tâm y tế dự phòng huyện Nghĩa Đàn (tại thị trấn Nghĩa Đàn) và 23 công trình y tế cấp thị trấn và các xã. Trung tâm y tế dự phòng huyện Nghĩa Đàn đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn với công suất 60 m³/ ngày đêm. Còn các cơ sở y tế tư nhân, các trạm y tế chưa có hệ thống xử lý nước thải.

c) Nước thải công nghiệp:

- Nước thải thương mại dịch vụ: Nhìn chung, các cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa chú trọng vào thu gom và xử lý nước thải, vì vậy hầu hết chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận.

- Nước thải công nghiệp: Các cụm công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn huyện đã chú trọng vào việc thu gom và xử lý chất thải, theo thống kê năm 2020, lượng nước thải công nghiệp phát sinh là 280 m³/ ngày đêm và đã được xử lý 100 % đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường, nước thải chăn nuôi tập trung của Công ty CP thực phẩm sữa TH đã được thu gom và xử lý là: 2.300 m³/ ngày đêm.

2.8.3. Hiện trạng quản lý chất thải rắn và hạ tầng nghĩa trang.

2.8.3.1. Hiện trạng quản lý chất thải rắn:

a) Khối lượng phát sinh:

Theo số liệu thống kê về Quản lý chất thải rắn (CTR) trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn năm 2020 trên địa bàn huyện có tổng lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 30 T/ ngày đêm.

b) Hiện trạng thu gom và xử lý:

b1) Hiện trạng thu gom CTR:

- Hiện nay trên toàn huyện có 23 hợp tác xã thu gom rác bao gồm: Thị trấn Nghĩa Đàn và xã 19 xã Nghĩa Hội, Nghĩa Lạc, Nghĩa Phú, Nghĩa Trung, Nghĩa Lộc, Nghĩa Long, Nghĩa Đức, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Thành, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hưng, Nghĩa Mai, Nghĩa Hồng, Nghĩa Yên, Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Minh, Nghĩa Bình.

- Rác thải được thu gom về các bãi tập kết và sau đó được vận chuyển về nhà máy xử lý tại xã Nghĩa Bình.

b2) Cơ sở xử lý CTR:

- Hiện tại trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có một nhà máy xử lý chất thải rắn đã được xây dựng tại xã Nghĩa Bình và đưa vào hoạt động năm 2017, với quy mô 3,1ha, công suất xử lý rác thải từ 75 đến 100 tấn/ ngày.đêm, xử lý bằng công nghệ đốt khép kín T-Tech của Việt Nam khí thải đầu ra đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN: 61-MT:2016/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Theo số liệu thống kê năm 2020 thì lượng chất thải rắn được xử lý tại nhà máy bình quân khoảng 26 tấn/ ngày. Trong đó tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn khu vực đô thị là 90%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại là 90 %; tỷ lệ chất thải rắn được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại Các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 80 %; tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau khi tiêu hủy đạt 95 %.

2.8.3.2. Hiện trạng hệ thống nghĩa trang:

Hiện trạng toàn huyện có tổng diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa là 318,65 ha. Các khu đất nghĩa trang chủ yếu nằm rải rác ở các xã chứ chưa có nghĩa trang tập trung cho khu vực huyện.

2.8.4. Hiện trạng hệ thống cấp nước.

2.8.4.1. Hiện trạng nguồn nước:

a) Nguồn nước mặt:

- Nước sông suối: Huyện Nghĩa Đàn có sông Hiếu chảy qua với chiều dài 44km (từ ngã ba Dinh đến Khe Đá), tổng diện tích lưu vực 5.340 km². Ngoài ra, còn có 48 sông suối lớn nhỏ, trong đó có 05 nhánh chính, đó là Sông Sào dài 34 km, Khe Cái dài 23 km, Khe Ang dài 23 km, Khe Dền dài 16 km, Khe Đá dài 17 km, các sông suối lớn nhỏ có nước quanh năm.

- Nước hồ đập: Trên địa bàn huyện có 180 hồ đập với dung tích tưới hàng trăm triệu m³; Trong đó, có một số công trình lớn như: Hồ Sông Sào (xã Nghĩa Bình) có dung tích 51,42 triệu m³, hồ Đồng Canh (xã Nghĩa Yên) có dung tích 4,2 triệu m³ và hồ Khe Đá (xã Nghĩa Đức) với dung tích gần bằng 15 triệu m³.

b) Nguồn nước ngầm:

Theo một số tài liệu nghiên cứu nước dưới đất trong địa bàn tỉnh Nghệ An, ta có đánh giá về trữ lượng nước ngầm trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn như sau: Đối tượng có khả năng cấp nước là tầng chứa nước Đệ tứ (q), tầng phân bố ven các sông (qh₂), hệ tầng Đồng Trâu (T_{2a} đt²) và tầng Carbon - Permi, hệ tầng Bắc Sơn (C-P_{bs}). Trữ lượng trong các tầng chứa nước được xếp vào cấp C2 cụ thể là tầng q (phạm vi 18 km²): 40.770 m³/ngày, qh₂ (phạm vi 50 km²): 40.907 m³/ngày, T_{2a} đt² (phạm vi 150 km²): 33.318 m³/ngày, C-P_{bs} (phạm vi 350 km²): 129.465 m³/ngày. Có thể khai thác bằng các lỗ khoan có độ sâu 25 - 50 m đến trên 100 m. Năng suất của mỗi công trình dự kiến là 100 - 1.000 m³/ngày.

→ Đánh giá: Địa bàn huyện Nghĩa Đàn có lợi thế về nguồn nước mặt dồi dào nên thuận lợi cho việc xây dựng các công trình thủy lợi và công trình sản xuất nước sạch. Đối với nguồn nước ngầm, mặc dù tầng chứa nước có độ sâu khá lớn và trữ lượng không nhiều nhưng vẫn có khả năng cấp nước cho các công trình khai thác nước ngầm để phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất dạng vừa và nhỏ.

2.8.4.2. Hiện trạng cấp nước sinh hoạt:

- Hiện nay khu vực huyện Nghĩa Đàn chưa có nhà máy nước sạch nào để cấp

cho các nhu cầu sinh hoạt ăn uống của người dân. Các hộ dân đang phải tự khai thác nước ngầm qua các giếng khoan nhỏ lẻ với chiều sâu từ 30 m - 70 m - 100 m và dự trữ nước mưa để sử dụng cho sinh hoạt hằng ngày. Một số cụm dân cư sử dụng hệ thống cấp nước tự chảy như: Làng Giàn, làng Cáo (xã Nghĩa Mai), xóm 13 (xã Nghĩa Trung), làng Môn (xã Nghĩa Lạc),...

- Riêng đối với nhà máy sữa TH đóng trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn thì đã tự đầu tư xây dựng 03 nhà máy nước sạch riêng để phục vụ cho nhu cầu sản xuất và ăn uống sinh hoạt của công nhân trong các khu xưởng. Nhà máy sử dụng nguồn nước từ hồ Sông Sào và hồ Đồng Canh.

→ *Đánh giá:* Nhìn chung các nguồn nước phục vụ sinh hoạt của người dân vùng huyện Nghĩa Đàn hầu hết chất lượng chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn nước sạch của Bộ Y tế đưa ra, đặc biệt có một số vùng nguồn nước bị ô nhiễm bởi dư lượng thuốc bảo vệ thực vật như khối Tân Hợp (TT. Nghĩa Đàn).

2.8.4.3. Hiện trạng cấp nước thủy lợi:

- Trên địa bàn huyện hiện có 180 công trình hồ đập và 49 sông suối lớn nhỏ làm nguồn cấp nước tưới cho nông nghiệp. Nước tưới được cấp qua hệ thống cửa xả đập từ các hồ, khe suối, trạm bơm và kênh mương dẫn nước đến các vùng đất sản xuất nông nghiệp. Tiêu biểu là công trình thủy lợi hồ Sông Sào cấp nước tưới cho 15 xã (bao gồm cả thị xã Thái Hòa và huyện Nghĩa Đàn). Công trình đầu mối tại xã Nghĩa Lâm bao gồm một đập chính dài 445 m, cao 31,40 m, đập phụ cao 5,39 m, dài 685 m. Cống lấy nước có 2 tuyến ở vai trái và vai phải. Tràn xả lũ chính vận hành đóng - xả bằng điện năng và một tràn sự cố. Hệ thống kênh mương có tổng chiều dài gần 100 km, bao gồm: Kênh Chính, Kênh Tây, Kênh Đông và Kênh Giữa.

- Trạm bơm: Hiện có 08 trạm bơm phục vụ tưới cho diện tích đất nông nghiệp tại các xã Nghĩa Hồng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lộc, Nghĩa Minh và Nghĩa Hội, với tổng công suất xấp xỉ 12.000 m³/h. Còn lại hầu hết là hệ thống cấp nước tự chảy qua các cửa xả của Các hồ đập xả vào mạng lưới khe suối, kênh mương dẫn về các vùng đất sản xuất nông nghiệp.

- Kênh mương: Tổng số kênh mương tưới trên toàn huyện đã được kiên cố là 554,8 km (theo số liệu của quy hoạch nông nghiệp).

→ *Đánh giá:* Huyện Nghĩa Đàn có hệ thống sông suối, hồ đập dày đặc và phân bố tương đối đều, cùng với hệ thống trạm bơm, kênh mương tưới hiện trạng cơ bản cấp đủ cho nhu cầu nước tưới sản xuất Nông nghiệp của vùng huyện.

2.8.5. Hiện trạng hạ tầng phòng cháy chữa cháy.

- Đội phòng cháy chữa cháy: Việc phòng cháy chữa cháy (PCCC) và cứu hộ cứu nạn trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn hiện nay đang thuộc địa bàn của Phòng cảnh sát PCCC và cứu hộ cứu nạn số 4 tại xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu.

- Hiện trạng giao thông PCCC: Các tuyến đường giao thông cơ bản đáp ứng được cho các loại xe chữa cháy hoạt động nhưng chưa có các điểm tránh, đường

vòng để tránh các phương tiện khác khi có cháy xảy ra.

- Hiện trạng nguồn nước PCCC: Trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có 180 công trình hồ đập và 49 sông suối lớn nhỏ đều có thể sử dụng cho mục đích cấp nước chữa cháy;

- Các bến nước chữa cháy: Hiện nay, trên địa bàn huyện chưa có các bến lấy nước chữa cháy chuyên dụng cho xe chữa cháy;

- Hiện trạng hệ thống thông tin, liên lạc phục vụ công tác PCCC: Sử dụng các mạng điện thoại di động và cố định thông qua tổng đài 114 để báo chữa cháy khi có cháy xảy ra.

2.8.6. Hiện trạng hạ tầng hệ thống cấp điện.

2.8.6.1. Mạng lưới cấp điện:

a) *Lưới điện cao áp:* Hiện nay trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có các cấp điện cao áp là 500 kV và 110kV chạy qua, cụ thể như sau:

- Tuyến đường dây 500 kV Bắc Nam mạch A & B, chạy qua có chiều dài 16,85 km;

- Tuyến đường dây 500 kV Nghi Sơn - Nghĩa Đàn mạch A & B, chạy qua có chiều dài 10,4 km;

- Tuyến đường dây 110 kV Quỳnh Lưu- Nghĩa Đàn dây dẫn AC120, chạy qua có chiều dài 8,8 km;

- Tuyến đường dây 110 kV Nghĩa Đàn - Trạm 110kV Bắc Á, dây dẫn AC240, chạy qua có chiều dài 11,8 km.

b) *Lưới điện trung áp:* Hiện nay huyện Nghĩa Đàn có lưới điện trung áp chủ yếu vận hành ở 2 cấp điện áp là 35 kV và 10 kV.

- Lưới 35 kV: Tổng chiều dài trên địa bàn huyện là 230,88 km, bao gồm:

+ Lộ 371 E15.2: Dây dẫn AC-95, cấp điện chủ yếu cho sữa TH True milk, và phụ tải các xã Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Nghĩa Lợi, Nghĩa Phú và Nghĩa Lạc-Nghĩa Đàn;

+ Lộ 375 E15.2: Dây dẫn AC-95, cấp điện chủ yếu cho các xã Nghĩa An, Nghĩa Khánh, Nghĩa Đức (H. Nghĩa Đàn) và liên thông với huyện Tân Kỳ.

- Lưới 10 kV: Tổng chiều dài trên địa bàn huyện là 144,093 km, bao gồm:

+ Lộ 971 E15.2: Dây dẫn AC-95, cấp điện chủ yếu cho phường Long Sơn và các xã Nghĩa Mỹ, Đông Hiếu, Nghĩa Thuận (Tx. Thái Hòa); Ngoài ra lộ này còn cấp điện cho xã Nghĩa Long (H. Nghĩa Đàn) và liên thông với huyện Quỳnh Lưu.

+ Lộ 973 E15.2: Dây dẫn AC-95, cấp điện chủ yếu cho các xã Nghĩa Thành, Nghĩa Liên, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hưng (H. Nghĩa Đàn). Ngoài ra, lộ này còn cấp cho một phần huyện Quỳnh Hợp và thị xã Thái Hòa.

+ Lộ 974 E15.2: Dây dẫn AC-70, cấp điện cho thị trấn các xã Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Nghĩa Phú, Nghĩa Hội và Nghĩa Thọ.

+ Lộ 976 E15.2: Dây dẫn AC-70, cấp điện chủ yếu cho các xã Nghĩa Minh,

Nghĩa Hồng, Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh (huyện Nghĩa Đàn); Ngoài ra, phía đầu lộ còn cấp điện cho phường Quang Phong (thị xã Thái Hòa).

+ Lộ 971- TG Quỳnh Châu: Dây dẫn AC-70, cấp điện cho các xã Nghĩa Thuận (Tx. Thái Hòa), Nghĩa Lộc (H. Nghĩa Đàn) và một phần huyện Quỳnh Lưu.

c) Trạm biến áp:

- Trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn hiện sử dụng các trạm hạ thế 35 / 0,4kV và 22/ 0,4kV, các trạm biến áp kiểu treo, kiểu xây kín trong nhà và các nhà máy trong KCN có xây dựng trạm hạ thế công suất lớn kiểu trạm 1 trụ, kios hoặc trạm xây.

- Toàn huyện có khoảng 266 trạm biến áp với tổng công suất trạm 107.090 kVA, phục vụ cho các phụ tải sinh hoạt, dịch vụ thương mại, công nghiệp.

d) Lưới điện hạ áp:

- Lưới điện 0,4 kV trong vùng được xây dựng phủ kín tất cả các điểm dân cư.

- Khu vực nội thị hoặc các khu ở mới kết cấu dây dẫn chủ yếu là cáp vặn xoắn ABC. Khu vực ngoại thị chủ yếu vẫn sử dụng dây nhôm nổi.

- Các nhà máy khu vực KCN kết cấu lưới hạ thế chủ yếu đi ngầm.

- Lưới chiếu sáng đường chủ yếu là cột đèn độc lập, sử dụng đèn LED với công suất từ 100 W - 220 V đến 150 W - 220 V và đèn cao áp công suất bóng 250W- 220 V. Lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư, các khu vực vườn hoa cây xanh cấp đô thị chưa đồng bộ.

Hệ thống điện chiếu sáng tại các xã đa phần do người dân tự lắp đặt, mới chỉ đáp ứng được một phần về chiếu sáng làng quê, chưa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

2.8.6.2. Nguồn cấp điện:

Nguồn điện chính cấp cho huyện Nghĩa Đàn là trạm 110 kV Nghĩa Đàn (E15.2) đặt tại phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, công suất (1x25+1x40)MVA, cấp điện áp 110/ 35/ 10kV và 110/ 35/ 22- 10 kV, trạm 110 kV Bắc Á 110/ 35/ 22 kV- 40 MVA (phục vụ riêng cho phụ tải công ty CP thực phẩm sữa TH).

2.8.6.3. Nhận xét về hệ thống cấp điện huyện Nghĩa Đàn:

- Nguồn điện chính cấp cho huyện Nghĩa Đàn là trạm 110 kV Nghĩa Đàn (E15.2) đặt tại phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, công suất (1x25+1x40)MVA, cấp điện áp 110/ 35/ 10kV và 110/ 35/ 22- 10kV, trạm 110kV Bắc Á 110/ 35/ 22kV- 40MVA (phục vụ riêng cho phụ tải công ty CP thực phẩm sữa TH). Tuy nhiên, để phục vụ cho nhu cầu phát triển trong tương lai, thì cần có giải pháp nâng cấp các trạm 110 kV, cải tạo hệ thống cấp điện hiện tại đảm bảo khả năng cung cấp điện.

- Lưới trung áp: Mạng lưới đường dây hiện nay chủ yếu đi trên hệ thống cột bê tông có thời gian sử dụng dài hiện đã xuống cấp, cần phải có giải pháp thay thế đảm bảo an toàn cấp điện và ngầm hóa trong khu vực đô thị để phù hợp theo quy chuẩn và đảm bảo mỹ quan.

- Trạm biến áp: Thiết bị đóng cắt, bảo vệ của các trạm biến áp kiểu treo trong khu vực đô thị gây ảnh hưởng đến mỹ quan. Cần xem xét chuyển đổi dần thành trạm kín kiểu trạm 1 trụ, trạm xây hoặc kios.

- Lưới chiếu sáng trên những tuyến giao thông chính, như: QL.48D, QL.48E những đoạn qua đô thị, QL.15 những đoạn qua đô thị, ĐT.531,... đoạn đi qua các đô thị được xây dựng chất lượng tốt. Hệ thống điện chiếu sáng tại các xã đa phần do người dân tự lắp đặt, mới chỉ đáp ứng được một phần về chiếu sáng làng quê, chưa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Lưới điện hạ thế: Huyện Nghĩa Đàn địa hình miền núi, rộng, nên một số xã có bán kính cấp điện xa, nhiều hộ dân có dây sau công tơ dài ảnh hưởng đến tổn thất và chất lượng điện năng phục vụ.

2.8.7. Hiện trạng thông tin liên lạc.

2.8.7.1. Viễn thông:

Những năm gần đây, hệ thống thông tin liên lạc tỉnh Nghệ An nói chung, khu vực huyện Nghĩa Đàn nói riêng phát triển mạnh mẽ. Nhiều thành phần kinh tế khai thác và kinh doanh, trong đó hạ tầng do VNPT, Viettel, Vietnamobile và Gtel xây dựng và quản lý trong đó 04 nhà mạng cung cấp dịch vụ thông tin di động: Vinaphone, Viettel, Mobiphone và Vietnammobile. Các doanh nghiệp có hạ tầng mạng ngoại vi: VNPT Nghệ An, Viettel Nghệ An, CN FPT Nghệ An, MobiFone Nghệ An, Truyền hình cáp Miền Trung và các đơn vị thông tin ngành quân đội, công an.

- Hiện trạng trên địa bàn huyện có 22 tuyến xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm mạng cáp viễn thông của Viễn thông Nghệ An và 1 tuyến của chi nhánh viễn thông Quân đội với khoảng 82 km cáp ngầm (chiếm tỷ lệ 15 %). Các tuyến cáp ngầm tập trung ở các tuyến đường chính QL.48, đường Hồ Chí Minh và một số đường nhánh đến các xã rẽ từ quốc lộ đi vào.

- Hạ tầng mạng cáp treo được xây dựng nhiều ở các tuyến đường nhánh, đường liên xã với khoảng 232 km cáp treo (chiếm tỷ lệ khoảng 85 %).

- Hạ tầng mạng cáp khu vực huyện Nghĩa Đàn số tuyến ngầm hóa nhiều nhưng số lượng cáp ngầm hóa thấp, đồng thời trên các tuyến đường xây dựng mạng cáp ngầm vẫn có xây dựng cả hạ tầng mạng cáp treo.

+ Chuyển mạch: Hệ thống chuyển mạch khu vực Nghĩa Đàn được xử lý tín hiệu theo cấp tổng đài: Tổng đài điều khiển (Host) - Tổng đài vệ tinh - Điểm truy nhập thuê bao.

+ Hiện trạng hệ thống truyền dẫn: Mạng truyền dẫn tới các điểm chuyển mạch đã được số hóa, truyền dẫn cáp quang. Mạng truyền dẫn chủ yếu bằng cáp quang, truyền dẫn tới điểm tập trung dân cư. Trong đó các tuyến cáp quang liên đài đã được ngầm hóa. Về cơ bản các mạch vòng (Ring) đã được khép kín. Truyền dẫn cho các tổng đài hiện tại đang sử dụng công nghệ cáp sợi quang, dung lượng từ 4 - 16 F0

(PDH 34 Mb/s và 140 Mb/s).

- Để nâng cao chất lượng, rút ngắn cự ly phục vụ các doanh nghiệp đã mở rộng các trạm chuyên mạch, các điểm tập trung thuê bao, bán kính phục vụ bình quân của các trạm đã giảm đáng kể. Tuy nhiên do nhu cầu lắp đặt nhanh phục vụ công tác kinh doanh, nên mạng chưa được đầu tư một cách đồng bộ và chất lượng mạng chưa cao.

- Mạng ngoại vi khu vực nghiên cứu đang được xây dựng và phát triển nên còn thiếu đồng bộ và phức tạp. Việc xây dựng hạ tầng cũng như các công trình khai thác thông tin chưa được phối hợp chặt chẽ giữa các nhà khai thác và cung cấp. Bên cạnh đó, chưa kết hợp được với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác gây ảnh hưởng đến chất lượng của các công trình và mỹ quan đô thị.

2.8.7.2. Bưu chính:

- Mạng lưới bưu cục, điểm phục vụ bưu chính: Nghĩa Đàn có 01 bưu cục cấp II đặt tại thị trấn Nghĩa Đàn và 4 bưu cục cấp III, ngoài ra có các điểm bưu điện văn hóa tại hầu hết các xã. Hiện có 2 đơn vị khai thác dịch vụ Bưu chính chiếm thị phần lớn là VN Post và Viettel Post.

- Dịch vụ:

+ Về Bưu chính: Bưu phẩm hỏa tốc, tuyệt mật, tối mật và mật (phục vụ cho khối các cơ quan chính Đảng, chính quyền); Dịch vụ Bưu chính ủy thác; Bưu phẩm thường trong nước và quốc tế; Bưu kiện trong nước và quốc tế; Bưu phẩm không địa chỉ; Bưu gửi chuyển phát nhanh; Bưu gửi phát trong ngày; Bưu phẩm thu cước ở người nhận.

+ Các dịch vụ cộng thêm: Ghi số, máy bay, phát tận tay, phát tại nhà, phát hàng thu tiền (COD), khai giá, phát nhanh (Express), nhận gửi tại nhà, báo phát (AR),...

+ Về Tài chính: Dịch vụ chuyển tiền như thư chuyển tiền, điện chuyển tiền, chuyển tiền nhanh; tiết kiệm bưu điện; dịch vụ điện hoa, chuyển quà tặng; Bảo hiểm nhân thọ. Các dịch vụ cộng thêm như thư báo trả, điện báo trả, phát tận tay, phát tại nhà.

+ Về Phát hành báo chí: Phát hành các loại báo Trung ương, địa phương.

2.8.7.3. Hiện trạng cột thu phát sóng thông tin di động (trạm BTS):

Trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn có 145 trạm BTS.

Hiện trạng trên địa bàn huyện:

- Số thuê bao di động: Khoảng 25.090 thuê bao;
- Số thuê bao cố định: Khoảng 318 thuê bao;
- Số thuê bao internet băng rộng cố định: Khoảng 6.464 thuê bao;
- Thuê bao internet băng rộng di động: Khoảng 11.868 thuê bao.

Hạ tầng mạng thông tin đã đủ dung lượng phục vụ các thuê bao trên địa bàn huyện.

Các trạm BTS này chủ yếu do 4 doanh nghiệp Vinaphone, Mobifone, Viettel và Vietnammobile.

2.8.7.4. Đánh giá chung:

Huyện Nghĩa Đàn có mạng Bưu chính tương đối tốt, đã có 100 % số xã có điểm phục vụ, các chỉ tiêu về bán kính phục vụ bình quân và số dân bình quân phục vụ bởi một điểm phục vụ đã rút ngắn đạt mức trung bình của cả nước. Dịch vụ cơ bản; Chuyển phát nhanh; Bưu chính Ủy thác; Chuyển tiền nhanh; Tiết kiệm Bưu điện,... đã được cung cấp và đáp ứng tốt nhu cầu. Tuy nhiên dịch vụ Internet băng rộng chưa được phổ cập, chủ yếu dùng cho giải trí (lướt web, nghe nhạc, đọc tin,...) các dịch vụ liên quan đến ứng dụng Chính phủ điện tử, thương mại điện tử hầu như người dân chưa tiếp cận.

Hạ tầng các trạm BTS hiện nay về cơ bản đáp ứng được khả năng thu phát sóng thông tin trên địa bàn, đảm bảo việc thông tin liên lạc thông suốt, liên tục. Tuy nhiên, hạ tầng cột ăng ten BTS trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn chủ yếu là loại cột ăng ten công kênh loại A2 (phân loại theo Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT).

Đánh giá theo tiêu chí nông thôn mới: 100 % các thôn cơ bản đã có hạ tầng đáp ứng nhu cầu truy cập Internet cho cá nhân tổ chức (đạt tiêu chí có Internet đến thôn); Đặc biệt Nghĩa Đàn đã trang bị hầu hết các xã có máy tính nối mạng Internet để người dân tra cứu văn bản, thực hiện các giao dịch điện tử. Đến nay hầu hết các xã đã đạt tiêu chí Bưu điện.

2.9. Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch, chương trình dự án đầu tư trong vùng đang có hiệu lực.

2.9.1. Rà soát các quy hoạch đang có hiệu lực.

Trên địa bàn huyện có các quy hoạch đang có hiệu lực:

a) Các quy hoạch toàn tỉnh có liên quan đến huyện:

Quy hoạch KT-XH toàn tỉnh, quy hoạch ngành và lĩnh vực như: Quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh, quy hoạch hệ thống giao thông vận tải, quy hoạch phát triển hệ thống đô thị, quy hoạch cụm công nghiệp tỉnh, quy hoạch phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại;... Đặc biệt, là Quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Hóa- Bắc Nghệ An đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025; Quy hoạch chung thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2030 (có tính ảnh hưởng); Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Quỳnh Hợp - Tân Kỳ - Nghĩa Đàn - Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2012 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (dự thảo) của Công ty CP thực phẩm sữa TH; Quy hoạch hệ thống đô thị toàn tỉnh; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nghệ An (dự thảo); Đề án phát triển hạ tầng cung cấp điện trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020; Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035;...

b) Các quy hoạch nằm trong địa bàn huyện:

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 29/02/2016.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Đàn (được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 03/02/2021);

- Quy hoạch xây dựng đô thị: Hoàn thành lập quy Quy hoạch chung tỷ lệ 1/2.000 thị trấn Nghĩa Đàn, Các quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/200 các thị tứ: Nghĩa Hiếu, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa Hồng, Quy hoạch đô thị Nghĩa Sơn, Các quy hoạch của thị tứ - “trung tâm cụm xã”; Đồ án quy hoạch nông thôn mới tất cả các xã;

- Quy hoạch điều chỉnh, mở rộng CCN Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn;

- Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020; Quy hoạch Điện lực huyện Nghĩa Đàn;... đã được phê duyệt.

2.9.2. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện.

Các quy hoạch được lập mới, bổ sung, điều chỉnh khá đồng bộ. Quy hoạch vùng, điều chỉnh quy hoạch đất đai; Giao thông vận tải huyện; Quy hoạch Điện lực Nghĩa Đàn; Quy hoạch chung đô thị (*02 đô thị loại V là Nghĩa Đàn, Nghĩa Sơn và 04 thị tứ - “trung tâm cụm xã” là Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh*) đã được UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở xây dựng huyện nông thôn mới và phát triển đô thị. Lập, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới 24/24 xã (*trước thời điểm sáp nhập 03 xã Nghĩa Tân, Nghĩa Thắng, Nghĩa Liên để thành lập xã mới lấy tên là xã Nghĩa Thành*). Tiếp tục bổ sung đầu tư xây dựng KCN Nghĩa Đàn với tổng diện tích 245,68 ha tại xã Nghĩa Hội và Nghĩa Phú nằm trên tuyến đường giao thông QL.48D (ĐT.537 hay đường Đông Hội - Thái Hòa cũ), kết nối nhanh với đường Hồ Chí Minh, QL.48, QL.15A; Đồng thời, tiếp tục điều chỉnh quy hoạch, mở rộng CCN Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn theo đường Hồ Chí Minh...

- Làm tốt công tác thu hút đầu tư, giải quyết nhanh gọn các thủ tục. Giai đoạn 2015 - 2020 đến nay đã thu hút được **23** dự án đầu tư vào Huyện với tổng vốn đăng ký khoảng 2.612 tỷ đồng, vốn đã thực hiện gần 1.800 tỷ đồng, góp phần chuyển dịch, phát triển kinh tế và giải quyết việc làm hàng năm từ 1.500 đến 2.000 lao động. Nổi bật là: Dự án Nhà máy sản xuất và chét biến bột đá siêu mịn tại KCN Nghĩa Đàn, Trạm xử lý rác thải của huyện Nghĩa Đàn (tại xã Nghĩa Bình), Dự án xây dựng Nhà kho của Công ty Cổ phần Logistic SC, Nhà máy sản xuất đá ốp lát xuất khẩu VHS, Nhà máy may xuất khẩu và gia công hàng may mặc Đức Phát, Nhà máy may Phú Linh Nghĩa Long, Dự án mở rộng nhà máy sản xuất hạt phụ gia nhựa Mega,...

- Thu hút đầu tư trong lĩnh vực chế biến nông, lâm sản nổi bật là **03** dự án do Tập đoàn TH đầu tư: Dự án Chế biến các sản phẩm sữa với công suất thiết kế 500 triệu lít/năm; Dự án Nhà máy nước tinh khiết và nước hoa quả Núi Tiên được UBND tỉnh chấp thuận Chủ trương đầu tư năm 2017 với tổng vốn đăng ký 1.176 tỷ

đồng. Hiện tại đã hoàn thành giai đoạn 01 của dự án với dây chuyền chế biến nước tinh khiết. Nhà máy sản xuất nước tinh khiết Núi Tiên hiện đã vận hành, chạy thử cho ra sản phẩm nước đóng chai, sản xuất 600.000 lít/ ngày đêm (40.000 chai/ giờ) và Dự án Nhà máy chế biến gỗ Nghệ An được UBND tỉnh chấp thuận Chủ trương đầu tư với tổng mức đầu tư 1.267 tỷ đồng, Dự án đang hoạt động với dây chuyền sản xuất ván ghép thanh là 7.200 m³/năm và dây chuyền sản xuất ván MDF là 130.000 m³/ năm.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp huy động, thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và các công trình hạ tầng Cụm Công nghiệp phục vụ cho sản xuất của các doanh nghiệp trong Cụm Công nghiệp. Các hệ thống hạ tầng giao thông liên huyện, liên xã, các tuyến cứu hộ, cứu nạn được đầu tư.

- Hệ thống hạ tầng đô thị từng bước được quan tâm đầu tư xây dựng. Một số tuyến giao thông chính theo quy hoạch đã xây dựng hoàn thành. Đô thị được chỉnh trang, vệ sinh môi trường được chăm lo, bộ mặt đô thị, các cụm trung tâm xã (thị tứ) và nông thôn đổi mới rõ nét.

- Hiện nay, Công tác quản lý các quy hoạch được siết chặt; việc cấp phép xây dựng nhà ở tại thị trấn Nghĩa Đàn được triển khai đã góp phần thiết lập trật tự và chỉnh trang đô thị.

2.10. Đánh giá tổng hợp (S.W.O.T).

2.10.1. Điểm mạnh (Strengths).

- “Nghĩa Đàn cùng với Thái Hòa” có vị trí chiến lược phát triển ngay trung tâm 02 hành lang kinh tế của Tỉnh: Hành lang kinh tế Bắc - Nam (đường Hồ Chí Minh, QL.15) và hành lang kinh tế Đông - Tây (QL.48, QL.48D, đường nối Thái Hòa - Nghi Sơn).

- “Nghĩa Đàn cùng với Thái Hòa” trở thành trung tâm của vùng kinh tế miền Tây (vùng kinh tế Phủ Quỳ) là “1/3 cực tăng trưởng của Tỉnh”⁴⁶; Là vùng động lực trong vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An với hướng tiếp cận với yêu cầu định hướng, chiến lược đa ngành nhằm đạt được quy hoạch có tầm nhìn dài hạn, phát triển bền vững; Khai thác thế mạnh sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, đầu tư mang tính đột phá của Tập đoàn TH, hệ thống các tuyến đường Hồ Chí Minh, QL.48D (đường Đông Hội - Thái Hòa), đường Nghi Sơn - Bãi Trành và các tuyến QL.48, QL.15,... để huyện Nghĩa Đàn trở thành Một vùng nông nghiệp công nghệ cao, du lịch sinh thái, y học - dược liệu - chăm sóc sức khỏe, bốn mùa cây trái xanh tươi.

- Địa hình lấm sông, nhiều suối, tạo ra nhiều tiểu vùng thích hợp cho việc phát triển nông - lâm nghiệp, nhất là trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu, chăn

⁴⁶ Trong chiến lược phát triển, Nghệ An có 3 vùng kinh tế trọng điểm gồm: (1) Vùng Tp. Vinh - Tx. Cửa Lò - các huyện Đông Nam của tỉnh gắn với vùng Nam Nghệ Bắc Hà; (2) Vùng Tx. Hoàng Mai - Quỳnh Lưu gắn với vùng Nam Thanh Bắc Nghệ; (3) Vùng kinh tế miền Tây Nghệ An (Tân Kỳ - Đô Lương - Nghĩa Đàn - Thái Hòa - Quỳ Hợp).

nuôi đại gia súc và phát triển kinh tế rừng.

- Đây là vùng có hệ sinh thái đa dạng, với diện tích rừng, hệ sinh thái tự nhiên được bảo tồn còn mang đậm nét hoang sơ, khí hậu trong lành, có nguồn khoáng sản phong phú cùng các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, nơi đây rất thuận lợi cho đầu tư xây dựng các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, khu vui chơi giải trí,...

- Có dân số đông, nguồn lao động dồi dào; có quỹ đất tương đối lớn để phát triển.

2.10.2. Điểm yếu (Weaknesses).

- Xuất phát điểm của nền kinh tế (sau khi thị xã Thái Hòa tách ra khỏi địa giới hành chính huyện) là rất thấp; Chưa có thể chế quản lý phát triển không gian, kiểm soát và phân bổ vùng, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng, chưa có chiến lược và chưa đáp ứng được hạ tầng cho các khu chức năng để thu hút các nhà đầu tư,...

- Dân cư phân tán, mật độ phân bố dân cư huyện thấp; Hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn còn rời rạc, chưa xác định rõ trọng tâm vùng và đô thị động lực,.... Tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện thấp. Đồng thời, nguồn lao động dồi dào, tỷ lệ lao động qua đào tạo cao, nhưng chưa có định hướng cụ thể gắn với ngành nghề và nhu cầu thực tế.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, phân bố chưa đồng đều, nhất là vùng cao bán sơn địa; thiếu các đầu mối hạ tầng quan trọng, các trung tâm tiếp vận cấp vùng và tỉnh; Kết cấu hạ tầng xã hội còn nhiều bất cập trước yêu cầu phát triển nhanh của nền kinh tế.

- Quỹ đất khai thác để xây dựng gặp nhiều khó khăn do địa hình bị chia cắt khá phức tạp; Hạn chế giao thông khi mùa mưa bão.

- Chịu nhiều tác động của các yếu tố biến đổi khí hậu như nắng nóng, lũ lụt, sạt lở,...

2.10.3. Cơ hội (Opportunities).

Nghĩa Đàn có nhiều tiềm năng và các điều kiện thuận lợi để tạo lập môi trường hấp dẫn thu hút đầu tư, đó là:

- Huyện Nghĩa Đàn nằm trong ranh giới quy hoạch Vùng Nam Thanh Bắc Nghệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và nằm trong vùng kinh tế miền Tây tỉnh Nghệ An (vùng kinh tế Phủ Quỳ) với tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, cảnh quan, gắn liền với các cảnh quan thiên nhiên và các di tích lịch sử văn hóa.

- Có tài nguyên tự nhiên phong phú để phát triển, quỹ đất dồi dào để đáp ứng nhu cầu thu hút các dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và nhu cầu của các nhà đầu tư.

- Các nhà đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi đầu tư đối với vùng có điều kiện khó khăn.

- Có vị trí địa lý rất thuận lợi: Trung tâm khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An, với hệ thống các tuyến đường giao thông: QL.48, QL.48D, QL.48E, đường Hồ Chí Minh thuận lợi cho việc trung chuyển hàng hóa và dịch vụ thương mại, du lịch của tỉnh và vùng lân cận.

Khoảng cách từ trung tâm huyện Nghĩa Đàn kết nối QL.1A (~20km), đường cao tốc Bắc Nam (~10km), kết nối cảng Nghi Sơn (46km), cảng Đông Hội (36km), cảng Cửa Lò (74km) nên thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu.

- Các hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ đầu tư khác như: Hệ thống cấp điện, thông tin viễn thông, tài chính ngân hàng, vui chơi giải trí, cơ sở chăm sóc ý tế đã và đang được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư.

- Nguồn nhân lực: có nguồn nhân lực trẻ, dồi dào, năng động, có năng lực. *(lực lượng lao động khoảng 70.000 người, trong đó có 49.950 lao động đang làm việc tại địa phương đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các nhà đầu tư).*

- Lãnh đạo huyện có quyết tâm cao trong thu hút đầu tư và cam kết tạo điều kiện thuận lợi nhất về thủ tục để rút ngắn thời gian ngắn nhất.

2.10.4. Thách thức (Threats).

- Vấn đề cần giải quyết giữa tăng trưởng và phát triển bền vững; giữa đô thị hóa và bảo toàn quỹ đất sản xuất nông nghiệp; giữa phát triển kinh tế với khai thác tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.

- Việc đào tạo lao động cần nhiều thời gian, gắn với từng lĩnh vực cụ thể: Bởi chất lượng, trình độ lao động, chuyên môn kỹ thuật còn chưa cao, khả năng tiếp thu công nghệ mới, vận hành thiết bị chưa tốt; Ý thức tự giác, tính chuyên nghiệp của lao động còn hạn chế.

- Các KCN, CCN chưa được đầu tư hoàn thành hạ tầng kỹ thuật.

- Là huyện sản xuất nông nghiệp là chính, công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, du lịch chưa thực sự phát triển, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ. Chưa tìm ra được hướng phát triển, mô hình phát triển phù hợp; Chưa xác định được đối tượng “cây, con” chủ lực để sản xuất thành hàng hóa với quy mô lớn.

- Sản phẩm Nông, lâm sản được sản xuất trên địa bàn về số lượng, chất lượng không ổn định, nhiều sản phẩm chưa được chứng nhận VSATTP. Việc áp dụng các quy trình VietGap, GlobalGap vào sản xuất nông, lâm sản chưa được phổ biến. Các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), các cơ sở sản xuất nông, lâm sản trên địa bàn có quy mô nhỏ, nên nguồn nông, lâm sản cung cấp cho các Nhà máy chế biến lớn không ổn định.

- Thiên tai, thời tiết, môi trường, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; Tình hình dịch bệnh, vấn đề giải quyết việc làm tạo điều kiện để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế còn nhiều bất cập và khó khăn.

PHẦN III: CÁC TIỀN ĐỀ VÀ CÁC DỰ BÁO PHÁT TRIỂN VÙNG.

3.1. Tầm nhìn phát triển vùng huyện Nghĩa Đàn (đến năm 2050).

3.1.1. Bối cảnh phát triển.

Theo nhận định của Tập đoàn Tài chính hàng đầu thế giới Goldman Sachs, Việt Nam nằm trong nhóm các nước N-11 (gồm: Hàn Quốc, Bangladesh, Ai Cập, Indonesia, Iran, Nigeria, Pakistan, Philippines, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam, México) là những nước có khả năng cao cùng với các nước nhóm BRICS (gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Phi) trở thành những nền kinh tế mới nổi trong Thế kỷ XXI. Dự báo đến năm 2050, GDP Việt Nam đạt mức 2.900 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 27.000 USD.

Tuy nhiên, hiện nay, phát triển KT-XH tại tỉnh Nghệ An nói chung và vùng huyện Nghĩa Đàn nói riêng chịu những tác động của các bối cảnh toàn cầu, quốc gia và vùng, gồm:

3.1.1.1. Bối cảnh toàn cầu và quốc gia:

a) Tác động của biến động kinh tế toàn cầu:

- Thị trường dễ bị tổn thương và biến đổi thất thường.
- Cạnh tranh gay gắt, khốc liệt trên mọi lĩnh vực dẫn đến thiếu hụt nguồn vốn và nhân lực, tăng cao rủi ro đầu tư, nguy cơ khủng hoảng.
- Tác động của biến đổi khí hậu và khủng hoảng tài chính toàn cầu đòi hỏi các mô hình và phương thức phát triển cân bằng và bền vững.

b) Tác động của cạnh tranh thu hút đầu tư:

- Dự báo giai đoạn tới Việt Nam tiếp tục điếm đến thu hút nhiều FDI của các nhà đầu tư trên thế giới, đặc biệt là qua hình thức Thuê ngoài (Outsourcing)⁴⁷. Hoạt

⁴⁷ Là hình thức chuyển một phần chức năng nhiệm vụ của công ty ra gia công bên ngoài - Những chức năng mà trước đây doanh nghiệp vẫn đảm nhận hay còn gọi là sử dụng nguồn nhân lực bên ngoài mỗi khi doanh nghiệp muốn “tiết

động dịch vụ Thuê ngoài tại Việt Nam sẽ tác động chủ yếu đến các lĩnh vực công nghệ cao và các ngành công nghiệp chế tác với vai trò tích cực của các TNCs (Công ty xuyên quốc gia)⁴⁸.

- Để đảm bảo sức mạnh cạnh tranh, duy trì lợi thế trong thu hút đầu tư, đòi hỏi phải tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, phát huy những thế mạnh tự nhiên và bền vững như phát triển du lịch và các hoạt động xuất, nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản, may mặc, giày dép, tinh bột sắn,...

c) Tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế:

Tác động tích cực:

- Dịch chuyển ngày càng tự do và trên quy mô lớn (toàn cầu) các nguồn lực phát triển (vốn, công nghệ, nhân lực,...). Đồng thời, tạo áp lực đòi hỏi các quốc gia phải liên tục đổi mới, hoàn thiện môi trường thể chế chính sách, hiện đại hóa nền hành chính quốc gia,... phù hợp với các thông lệ quốc tế; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đầu tư hiện đại hóa kết cấu hạ tầng đối ngoại đặc biệt là giao thông (cảng biển, cảng hàng không quốc tế, đường bộ, đường sắt xuyên quốc gia) và viễn thông cũng như hệ thống hạ tầng kết nối các vùng miền trong mỗi quốc gia, đảm bảo khai thác tốt hơn tiềm năng của các vùng lãnh thổ.

- Tạo điều kiện cho các quốc gia khai thác các nguồn lực từ bên ngoài (bao gồm vốn, công nghệ và cả nhân lực chất lượng cao) cho phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tạo điều kiện cho các quốc gia đi sau khai thác nguồn hỗ trợ phát triển (ODA) của các quốc gia phát triển, của các tổ chức quốc tế để cải tạo, hoàn thiện môi trường pháp lý; nâng cấp và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

→ Trong bối cảnh đó, việc phát triển các hành lang, vành đai kinh tế và các cực tăng trưởng của Việt Nam được đặt trong mối quan hệ với khu vực như:

(1) Xu hướng gia tăng liên kết giữa các nền kinh tế; Sự hình thành của Cộng đồng ASEAN (đặc biệt là Cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015); Sự hình thành của Khuôn khổ Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN (PCEP) cũng như việc Việt Nam cơ bản sẽ hoàn tất ký kết các FTA với các đối tác lớn như Mỹ (TPP), EU, Nga, EFTA,... từ nay đến năm 2025.

(2) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tăng cường kết nối, gắn kết và hợp tác với các nước ASEAN lục địa, nhất là thông qua các khuôn khổ hợp tác sẵn có, như ACMECS, GMS, CLMV, CLV,... Đồng thời, thu hút sự quan tâm và hỗ trợ tài chính của các đối tác phát triển (WB, ADB,...) và các nền kinh tế phát triển là đối tác của khu vực (Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc,...) để phát triển kinh tế.

Tác động tiêu cực:

Lộ trình thực hiện đầy đủ các cam kết gia nhập WTO, Khu vực mậu dịch tự

kiệm chi phí” - Đây là xu thế mới được các doanh nghiệp lựa chọn để “giải quyết các vấn đề của mình”...

⁴⁸ Công ty xuyên quốc gia (Transnational Corporations - TNCs) là các công ty TNHH hoặc vô hạn, có cơ cấu tổ chức gồm công ty mẹ và hệ thống công ty chi nhánh ở nước ngoài, theo nguyên tắc công ty mẹ kiểm soát tài sản của công ty chi nhánh thông qua góp vốn cổ phần.

do ASEAN, ASEAN - Trung Quốc,... Thuế nhập khẩu từ các nước ASEAN, Trung Quốc và nhiều nước khác sẽ giảm xuống mức 0 - 5 % sẽ tác động đến hoạt động xuất khẩu và phát triển một số ngành công nghiệp tại Việt Nam nói chung, Nghệ An nói riêng như: Chế biến lâm sản, cơ khí, luyện cán thép, lắp ráp ô tô, hóa chất, xăng dầu, phân bón, thiết bị văn phòng, chế biến thực phẩm, đường mía, xi măng,... Do đó, các ngành này cần nâng cao năng lực cạnh tranh để duy trì và mở rộng thị trường trong thời gian tới.

d) Tác động của tiến bộ khoa học và công nghệ:

Phát triển khoa học công nghệ chuyển hướng toàn bộ các hoạt động trên thế giới theo hướng thông minh và bền vững hơn:

- Hình thành xã hội thông tin với nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa nhanh chóng với Công nghệ thông tin và truyền thông là hạ tầng của hạ tầng, làm thay đổi mạnh mẽ năng suất lao động trong mọi ngành kinh tế. Phát triển Công nghệ thông tin là giải pháp quan trọng để Việt Nam đuổi kịp các nước tiên tiến, các xã hội văn minh trên thế giới.

- Xu hướng phát triển đô thị thông minh, đặc biệt trong phát triển hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đã và đang làm thay đổi hệ thống kết cấu hạ tầng cũng như chất lượng của các dịch vụ hạ tầng.

- Cách mạng công nghiệp thứ 4 dẫn đến thay đổi cơ bản phương thức, cục diện mọi ngành sản xuất từ công nghiệp, nông lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ, từ đó dẫn đến thay đổi phân bố và hình thức cư trú của người dân.

e) Tác động của “đại dịch” Covid-19:

Tác động đến nền kinh tế Thế giới:

Nhiều nền kinh tế trên thế giới đã cho thấy tín hiệu phục hồi trong Quý 1/2021. Tuy nhiên, sự xuất hiện của biến chủng virus mới và việc triển khai vaccine còn đình trệ do thiếu nguồn cung là những nguy cơ mới dẫn đến sự phục hồi không đồng đều giữa các quốc gia.

Kinh tế phục hồi nhanh hơn dự kiến đã khiến giá cả nhiều mặt hàng đồng loạt tăng cao do chuỗi cung ứng không đáp ứng kịp xu hướng tăng nhanh của nhu cầu tiêu dùng và thương mại hóa thế giới.

- Kinh tế Mỹ phục hồi tốt trong Quý 1/2021 với mức tăng 6,40 % (QOQ)⁴⁹ và 0,4 % (YOY)⁵⁰, nhờ chính sách tiêm chủng và các chương trình hỗ trợ đạt hiệu quả. Duy trì quan điểm cho rằng lạm phát chỉ là vấn đề tạm thời, FED tiếp tục giữ lãi suất ở mức 0 - 0,25 % và mua trái phiếu kho bạc và chứng khoán có đảm bảo bằng tài chính thế chấp.

- Châu Âu tiếp tục suy giảm kinh tế trong Quý 1/2021 ở mức âm 1,24 %

⁴⁹ QOQ (Quarter on Quarter) là một kỹ thuật đo lường để tính toán sự thay đổi dữ liệu của một quý với quý liền trước trong cùng một năm tài chính.

⁵⁰ YOY (Year on Year) là chỉ số dùng để so sánh các kết quả tài chính của một công ty, doanh nghiệp, một đơn vị hay toàn bộ nền kinh tế trong cùng một khoảng thời gian nhất định.

(YOY) và âm 1,27 % (YOY), do dịch bệnh tái bùng phát. Tuy nhiên, triển vọng phục hồi kinh tế đã sáng lên trong Quý 2 nhờ tiến trình tiêm chủng được thúc đẩy số ca mới và nhập viện giảm mạnh, tạo điều kiện cho nhiều quốc gia Châu Âu mở cửa trở lại.

- Kinh tế Trung Quốc hồi phục ấn tượng trong Quý 1/2021 với mức tăng trưởng GDP 18,3 % (YOY), sau khi tăng 6,25 % (YOY) vào Quý 4/2020. Tuy nhiên, sản xuất và dịch vụ trong Quý 2 còn nhiều bất trắc trước tình hình lạm phát gia tăng.

- Kinh tế Nhật Bản đang trên đà phục hồi kinh tế bị đảo ngược với mức tăng trưởng âm 1,5 % (YOY), thấp hơn so với Quý 4/2020 (tăng trưởng âm 1,0 % (YOY), do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch đối với đầu tư doanh nghiệp và chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên, các hoạt động bán lẻ và sản xuất kinh doanh trong Quý 2 còn nhiều bất trắc trước tình hình lạm phát vẫn còn gia tăng.

- Kinh tế các quốc gia ASEAN-4 tiếp tục giảm trong Quý 1/2021, tuy nhiên đã có sự cải thiện so với năm 2020; Phục hồi kinh tế ở ASEAN-4 được dự đoán sẽ còn gặp khó khăn do tiến độ tiêm chủng vaccine tụt lại sau so với nhiều quốc gia trên thế giới, dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát đại dịch.

Tác động đến nền kinh tế Việt Nam:

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức 6,61 % (YOY) trong Quý 2/2021. Tăng trưởng của các khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đều tăng trong 6 tháng đầu năm. FDI tiếp tục là khu vực đóng góp chính vào tăng trưởng thông qua xuất khẩu.

- Ngoài tác động bởi đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp tại Việt Nam phải gánh thêm chi phí sản xuất do giá nguyên vật liệu, chi phí vận tải và giá thuê đất tăng.

- Lạm phát bình quân Quý 2/2021 tăng 2,67 % (YOY), trong 6 tháng đầu năm tăng 1,47 % - thấp nhất kể từ năm 2016, nhưng có nhiều sức ép gia tăng do chi phí sản xuất tăng cao và sự đứt gãy trong chuỗi cung ứng do các biện pháp phòng chống bệnh dịch.

- Cán cân thương mại thâm hụt do nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất của các doanh nghiệp nhằm phục hồi lại quá trình sản xuất.

- Lãi suất liên ngân hàng đột ngột tăng trở lại kể từ sau tháng 2.

- Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2021 được dự báo tăng 4,5 % - 5,1 %, thấp hơn 1,2 - 1,5 điểm phần trăm so với dự báo trước đó.

3.1.1.2. Tác động của bối cảnh, định hướng phát triển Tỉnh và khu vực:

- Nghệ An đang trong quá trình tái cơ cấu kinh tế địa phương, thể chế kinh tế thị trường từng bước được hoàn thiện và vận hành có hiệu quả phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, thuận lợi để Nghệ An phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong phát triển KT-XH trong giai đoạn tới. Việc tái cơ cấu kinh tế theo

hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa dẫn đến thay đổi toàn bộ lối sống và nhu cầu hạ tầng cơ sở theo kèm ở địa phương; Đặc biệt các vùng có tiềm năng về công nghiệp, dịch vụ và phát triển ứng dụng công nghệ cao như vùng “Thái Hòa - Nghĩa Đàn” sẽ phát triển trước để làm động lực phát triển kinh tế Tỉnh.

+ Tỉnh Nghệ An đang tập trung các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, vướng mắc nhằm đưa 03 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh phát triển nhanh, bền vững, năng động, tạo động lực phát triển KT-XH. Ba vùng kinh tế trọng điểm được tỉnh Nghệ An xác định là: (1) Vùng Thành phố Vinh - Thị xã Cửa Lò, các huyện Đông Nam của tỉnh gắn với vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh; (2) Vùng Hoàng Mai - Quỳnh Lưu gắn với vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An; (3) Vùng các huyện miền Tây Nghệ An. Đối với vùng thành phố Vinh - Thị xã Cửa Lò, các huyện Đông Nam của tỉnh gắn với vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh, tỉnh Nghệ An chủ trương phát triển nhanh thành vùng kinh tế động lực phía Nam của tỉnh. Đối với vùng các huyện miền Tây Nghệ An đang từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Trong số đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2019 ở vùng này đạt 6,8%; giá trị tăng thêm bình quân đầu người bằng 70 % so với toàn tỉnh, tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm trên địa bàn đạt 19,7 % ... Hiện nay, Nghệ An kỳ vọng vào Dự án hạ tầng lớn nhất hiện nay (VD: Dự án Hameraj) và Quy hoạch là điều kiện cần cho mọi hoạt động KT-XH để định hướng không gian, hạ tầng kỹ thuật, sử dụng đất, phát triển đô thị, nông thôn,... Tạo nên những “Bước chuyển mạnh mẽ” trong thời gian tới.

+ Tuy nhiên, hiện nay việc phát triển 3 vùng kinh tế trọng điểm trên còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và kỳ vọng của Tỉnh do cơ chế, chính sách của Trung ương và của Tỉnh còn nhiều bất cập; khó khăn trong giải phóng mặt bằng; thiếu vốn đầu tư; thu hút đầu tư từ ngoài Tỉnh và từ nước ngoài đầu tư vào các vùng kinh tế này còn hạn chế,...

+ Hiện nay, kinh tế trong nước vẫn đang gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giảm so với thời kỳ 2005 - 2010, kinh tế vĩ mô chưa ổn định vững chắc. Tuy nhiên, dự báo kinh tế trong nước những năm tới đây sẽ dần phục hồi sau giai đoạn suy giảm, kinh tế vĩ mô sẽ ổn định hơn và bước vào giai đoạn chuyển dần từ các ngành sử dụng công nghệ thấp là chủ yếu sang các ngành sử dụng công nghệ trung bình và công nghệ cao; từng bước hướng vào phát triển kinh tế tri thức và phát triển kinh tế xanh. Đây là điều kiện để các vùng huyện thuộc tỉnh Nghệ An đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh và thay đổi mô hình tăng trưởng. Bên cạnh đó, đầu tư công tiếp tục được thắt chặt sẽ ảnh hưởng đến các chương trình, dự án đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên mọi địa bàn.

+ **Khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển:** Nghị quyết cũng nêu lên định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là: (1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát

triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường,... tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. (2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; Phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; Ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế,...

+ Khu vực miền núi Bắc Trung bộ từ nay đến năm 2035 dự báo cũng có những thay đổi tác động tích cực đến phát triển KT-XH vùng miền núi Nghệ An do được xây dựng nâng cấp hệ thống hạ tầng như: Xây dựng, nâng cấp các tuyến các tuyến Quốc lộ Đông - Tây và thông toàn tuyến Đường Hồ Chí Minh từ Cao Bằng đến Cà Mau cũng như phát triển các Cửa khẩu biên giới⁵¹ kết nối các hệ thống đường Xuyên Á và Hành lang kinh tế Đông - Tây của Tiểu vùng Sông Mê Kông mở rộng... Các hạ tầng này có mối quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến khu vực vùng huyện Nghĩa Đàn.

3.1.2. Tầm nhìn Nghĩa Đàn (đến năm 2050).

Đến năm 2050, Nghĩa Đàn trở thành huyện phát triển theo hướng: **“Xanh, Sạch - Năng động, linh hoạt có chất lượng sống đô thị và nông thôn cao - Giàu bản sắc văn hóa - Môi trường sinh thái bền vững, chống chịu với điều kiện biến đổi khí hậu”**. Nền kinh tế dựa trên những nền tảng phát triển bền vững, tập trung phát triển Kinh tế xanh gắn với hiệu quả bảo vệ môi trường gồm các trụ cột cơ bản: Nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao, nông nghiệp sạch; Du lịch sinh thái - Dịch vụ đầu mối của hành lang Đông - Tây; Công nghiệp sạch thân thiện với môi trường. Thị trấn Nghĩa Đàn với chức năng hỗ trợ “thành phố Thái Hòa” thành đô thị trung tâm của miền Tây xứ Nghệ với một không gian Xanh - Hiện đại - Văn minh bên bờ sông Hiếu, đô thị đầu mối, trung chuyển tuyến hành lang Đông - Tây hội nhập với khu vực và quốc tế. Người dân Nghĩa Đàn văn minh, hiếu khách, thân thiện, có cuộc sống tốt (*thu nhập khá cao, được hưởng các dịch vụ chất lượng cao, môi trường sống và làm việc tốt*). Môi trường đầu tư đạt chuẩn quốc gia và khu vực (*thông*

⁵¹ Tỉnh Nghệ An có 419 km biên giới trên đất giáp liền với 03 tỉnh của nước CHDCND Lào là Bô Ly Khăm Xay, Xiêng Khoảng và Hủa Phăn; Có Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn, cửa khẩu quốc gia Thanh Thủy và 03 cửa khẩu phụ: Thông Thụ, Tam Hợp và Cao Vều cùng với nhiều lối mở tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua bán, trao đổi hàng hóa và đi lại của người dân, phương tiện qua lại biên giới giữa hai nước.

thoáng, minh bạch, thân thiện, an ninh, an toàn). An ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Có quan hệ quốc tế rộng rãi, đa phương, đa dạng với các tỉnh trong và ngoài nước, vị thế kinh tế xã hội của Huyện được nâng cao trong tổng thể nền kinh tế tỉnh Nghệ An.

a) Về nông nghiệp, nông thôn:

Trong thời kỳ quy hoạch này cũng đồng thời là thời gian cả nước đồng loạt thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, mô hình các “*làng quê đáng sống*” đã khơi dậy luồng ý thức trách nhiệm trong nhân dân. Lúc này chính quyền các cấp sẽ huy động tổng lực để xây dựng và củng cố vững chắc kiến trúc thượng tầng, hạ tầng cơ sở về mọi mặt: Kinh tế - xã hội và Quốc phòng, An ninh.

- Xây dựng một nền nông nghiệp sạch sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, hình thành thương hiệu sản phẩm hàng hóa nông sản có chỗ đứng vững chắc trên thị trường gắn với lợi thế về điều kiện tự nhiên của Huyện, đặc biệt là thương hiệu Bơ Booth, cam, ổi, cà phê, cao su,... các loại rau sạch FVF theo tiêu chuẩn VietGAP và Organic của Công ty CP sản xuất và cung ứng rau quả Quốc tế được thực hiện tại xã Nghĩa Sơn,... và các sản phẩm của Tập đoàn TH vươn ra tầm trong nước và khu vực. Mạng lưới hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp được xây dựng tương đối đồng bộ (*giao thông nông thôn, thủy lợi, cấp điện,...*) gắn với mạng lưới dịch vụ nông nghiệp hiệu quả (*trung tâm giống, dịch vụ chuyển giao ứng dụng, máy nông nghiệp, tín dụng nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp...*). Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả đàn gia súc, gia cầm, phát triển nhanh đàn bò hàng hóa, đặc biệt là chăn nuôi bò sữa.

- Nghĩa Đàn là huyện đầu tiên của tỉnh Nghệ An nói riêng và miền Bắc nói chung ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, tạo ra sản phẩm chất lượng tốt, khả năng cạnh tranh và nâng cao thu nhập cho người nông dân. Trong những năm qua, hoạt động khoa học công nghệ đã góp phần quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế của huyện. Với mục tiêu đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất tập trung và đời sống, góp phần nâng cao năng suất lao động, đặc biệt là trong nông nghiệp và chăn nuôi có thể mạnh, như: Vùng cây ăn quả; Phát triển và trồng rừng kinh tế; Vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên cơ sở gắn với các khu vực chế biến sau thu hoạch theo hướng công nghiệp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại chỗ và tiến tới định hướng mạnh vào xuất khẩu. Nhân rộng các mô hình sản xuất điển hình, tiên tiến trong sản xuất nông - lâm nghiệp và kinh tế nông thôn; Cơ cấu lại ngành nghề, khôi phục và phát triển một số vùng cây nông nghiệp, vùng cây lâm nghiệp, vùng đồng cỏ chăn nuôi, vùng trồng ngô sinh khối, vùng mặt nước nuôi trồng thủy sản, vùng cây ăn quả truyền thống có thể mạnh, tăng tỷ trọng chế biến trong sản xuất nông lâm nghiệp, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực, tạo tiền đề hình thành và xây dựng các vùng nông thôn mới trên địa

bàn toàn huyện. Xây dựng và phát triển các dự án trồng, chế biến quả Bơ; Phát triển sản phẩm hàng hóa theo chuỗi giá trị, gắn các tổ chức sản xuất với sản phẩm, phát huy những thế mạnh địa phương để xây dựng nhiều sản phẩm OCOP được xếp hạng cao. Cụ thể là chăn nuôi bò sữa của Công ty CP thực phẩm sữa TH; Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp cây ăn quả 1/5; Dự án rau sạch, rau hữu cơ (FVF),... thực hiện các mô hình trang trại, gia trại tập trung áp dụng công nghệ chuồng trại khép kín với hệ thống làm mát, điều kiện nhiệt độ; Sử dụng các chế phẩm vi sinh trong công nghệ xử lý đệm lót sinh học đảm bảo vệ sinh môi trường bằng công nghệ khí sinh học biogas,...

b) Về công nghiệp, xây dựng và đô thị:

Công nghiệp và Đô thị Nghĩa Đàn đến năm 2050 được gắn kết chặt chẽ trong tổng thể phân bố không gian toàn tỉnh (theo “*Khung định hướng*” tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050). Thị trấn Nghĩa Đàn là đô thị hạt nhân, đầu tàu về phát triển kỹ thuật và ứng dụng khoa học công nghệ mới của Huyện, cộng hưởng với đô thị Nghĩa Sơn, Nghĩa Long phát triển trên diện rộng toàn huyện và vùng phụ cận. Công nghiệp dựa trên các nền tảng phát triển chung của Tỉnh, nhưng chủ yếu vẫn là các ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản (*chế biến sữa, chế biến gỗ, chế biến mật mía, cao su,...*); khai khoáng (*Đá bột bazan, mỏ sét, đá vôi, than, vàng sa khoáng,...*), sản xuất vật liệu xây dựng (*đá xây dựng, bột đá,...*) và vi sinh (*sản xuất phân bón,...*). Cụ thể:

- Chủ trọng thu hút đầu tư vào Ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản và các ngành tạo được nhiều việc làm gắn với đảm bảo môi trường.

- Tiếp tục cùng các nhà đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện tốt các dự án về chế biến sữa, chế biến nước ép hoa quả, chế biến gỗ, chế biến dược liệu và thu hút các dự án về dệt may, da giày,... nhằm tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Khuyến khích thu hút đầu tư vào lĩnh vực nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; Nâng cấp, mở rộng và đa dạng hóa các nhà máy chế biến các sản phẩm từ nông sản (lạc, đậu, ngô), chế biến các sản phẩm nông sản đặc trưng của huyện: chế biến các sản phẩm từ trái cây, dầu sỡ, mật mía;... Phát triển ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu các trang trại chăn nuôi trên địa bàn,... Đưa công nghiệp chế biến với quy mô vừa và nhỏ thích hợp gắn với phát triển ngành nghề trong nông thôn để chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Đề xuất mở rộng Cụm Công nghiệp Nghĩa Long và bổ sung quy hoạch từ 04 Cụm công nghiệp và thu hút đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp nhằm tăng cường năng lực thu hút đầu tư vào sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản (*chế biến gỗ ván ép, ván ghép thanh, ván sàn, đồ gỗ dân dụng*), chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng (*ngói, gạch không nung, kết cấu bê tông đúc sẵn...*); sản xuất giấy da, may xuất khẩu; lắp ráp linh kiện điện tử;...

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tỉnh và Trung ương tổ chức triển khai thu

hút đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp Nghĩa Đàn, đồng thời giải quyết tốt các chính sách thu hồi đất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội, nhằm tạo đột phá trong phát triển công nghiệp của Huyện, Tỉnh.

- Trên cơ sở quy hoạch xây dựng nông thôn mới, từng bước hình thành mạng lưới các cụm, điểm công nghiệp ở các xã với quy mô từ 5 - 10 ha/ xã; Các cụm, điểm TTCN, làng nghề phải gắn với các cụm công nghiệp của huyện, tạo điều kiện liên kết hợp tác giữa các cơ sở với nhau thành nhóm ngành sản xuất có sức cạnh tranh cao.

- Vận dụng cơ chế, chính sách hàng năm của huyện và một phần vốn khuyến công hỗ trợ việc quy hoạch, GPMB và kêu gọi đầu tư cho các cụm, điểm công nghiệp ở các địa phương còn khó khăn.

c) Về dịch vụ, du lịch:

Đến năm 2050, hình thành một mạng lưới dịch vụ đồng bộ, đảm nhiệm chức năng là trung tâm dịch vụ đầu mối của Tỉnh trong tuyến du lịch hành lang Đông-Tây với một số loại hình dịch vụ, như: Logistic, tài chính - ngân hàng, sàn giao dịch nông sản, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp,... Du lịch và sản phẩm nông sản nông nghiệp công nghệ cao sẽ trở thành ngành mũi nhọn trong định hướng phát triển bền vững. Mọi người dân đều được tiếp cận với giáo dục một cách toàn diện; Thụ hưởng dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; Đời sống văn hóa địa phương được bảo tồn và phát triển theo hướng tiến bộ, văn hóa là nền tảng, văn minh là mục tiêu tiếp cận.

- Nông sản trên địa bàn được tiêu thụ qua hai kênh chính là tiêu dùng nội địa và bán ra thị trường. Tiêu dùng nội địa là kênh tiêu thụ truyền thống, được duy trì bởi hệ thống các chợ xã và chợ huyện; chủ yếu tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; phần lớn sản phẩm bán theo mùa vụ, chưa theo kịp nhu cầu của thị trường. Bên cạnh đó là hình thức tiêu thụ thông qua thương lái, tập hợp bán ra thị trường; liên kết ở kênh bán cho thương lái chưa chặt chẽ, người sản xuất không được kiểm soát về giá cả, thời điểm bán hàng,... Đã hình thành một số chuỗi liên kết trong cung ứng đầu vào và tiêu thụ nông sản như liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu đầu vào, doanh nghiệp tiêu thụ với các hộ sản xuất hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX) thông qua các hợp đồng cung ứng và bao tiêu sản phẩm. Đồng thời, tập trung thực hiện các giải pháp về thị trường thông qua tuyên truyền tập huấn sản xuất an toàn, các chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại như tổ chức hội chợ, triển lãm để giới thiệu sản phẩm,... Do đó, đến năm 2050 mức thu nhập bình quân được nâng lên rõ rệt tương đương với mức trung bình cả nước.

- Tập trung phát triển lĩnh vực du lịch, khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh trên địa bàn, như: Du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp xanh tiến tới kết nối du lịch cả nước và quốc tế. Theo đó, tăng cường đầu tư xây dựng, tạo lập môi trường tự nhiên các Khu du lịch Hồ Sông Sào, Khu du lịch sinh thái Hồ Khe Đá, Khu nghỉ

duỡng cao cấp Hồ Lim,... được bảo vệ, bảo tồn sự đa dạng sinh học gắn với các vườn quốc gia thuộc “Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An”⁵² gắn phát triển du lịch sinh thái bền vững; Tạo thành hệ thống “tuyến - điểm” du lịch của vùng liên huyện miền Tây xứ Nghệ,... Đồng thời, bảo vệ các khu đồng cỏ, những cánh đồng hoa Cánh bướm, Túy điệp, Vân anh, Tam giác mạch, Hương dương,... do tập đoàn TH đầu tư được thiết kế theo mô hình thung lũng tình yêu, đôi mộng,... như mê mẩn trước những cánh đồng hoa “Đà Lạt” hay “Hà Giang” thu nhỏ tại Nghĩa Đàn⁵³.

- Đẩy mạnh khai thác tiềm năng và lợi thế của từng lĩnh vực thương mại- dịch vụ, tăng cường sự hợp tác giữa các lĩnh vực dịch vụ để cùng cạnh tranh và phát triển. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nhanh, mạnh, vững chắc các loại hình dịch vụ công nghiệp, thương mại, dịch vụ logistic, tài chính ngân hàng, viễn thông, ẩm thực và du lịch.

- Tạo đột phá trong phát triển thương mại - dịch vụ tại vùng thị trấn Nghĩa Đàn, các vùng dọc theo đường Hồ Chí Minh, QL.48, QL.48D, QL.48E, QL.15. Kêu gọi thu hút đầu tư chợ trung tâm huyện, bến xe, trung tâm dịch vụ thương mại đa chức năng tại thị trấn Nghĩa Đàn và tại các xã vùng trung tâm, phát triển mạng lưới chợ nông thôn theo quy hoạch,... Kêu gọi đầu tư phát triển du lịch gắn với Cánh đồng hoa hương dương - cánh đồng tam giác mạch - thung lũng hoa Phù Quỳ; Các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,....

- Quốc phòng - An ninh luôn được giữ vững và tạo điều kiện để các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển.

3.2. Quan điểm, mục tiêu phát triển.

3.2.1. Quan điểm.

(1). Tận dụng cơ hội là động lực phát triển trong Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An đến năm 2025 và tầm nhìn sau năm 2025. Phát triển KT-XH của huyện phải đặt trong mối quan hệ hữu cơ với định hướng phát triển chung cả nước, vùng Bắc Trung bộ, của tỉnh Nghệ An nói chung; đặc biệt là miền Tây Nghệ An nói riêng. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh, quy hoạch ngành, lĩnh vực, phải xét đến sự gắn kết hữu cơ Nghĩa Đàn với Thái Hòa được định hướng xây dựng đô thị loại III đến năm 2025 và trở thành thành phố Thái Hòa sau 2025; Xây dựng “Nghĩa Đàn cùng với Thái Hòa” là cực tăng trưởng

⁵² Khu dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An là khu dự trữ sinh quyển có diện tích lớn nhất khu vực Đông Nam Á với tổng diện tích 1.303.285 ha, thuộc địa bàn 09 huyện (Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Thanh Chương, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tân Kỳ, Anh Sơn); Là hành lang xanh nối kết 3 vùng lõi gồm: Vườn quốc gia Pù Mát, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huông và Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt tạo nên sự liên tục về môi trường sống và các sinh cảnh duy trì hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học thông qua việc giảm bớt khó khăn về chia cắt nơi sống do các hoạt động kinh tế của con người tạo ra. Trong đó, Vườn quốc gia Pù Mát làm trung tâm đang lưu giữ nhiều nguồn gen quý về động - thực vật với đầy đủ đại diện của 4/5 lớp quần hệ (rừng thưa, rừng kín, cây bụi và cây thảo).

⁵³ Vườn hoa Tam giác mạch (2 ha) ở xã Nghĩa Bình được ví như “Cánh đồng Tam giác mạch Hà Giang”; và Thung lũng hoa Phù Quỳ (~150 ha) ở xã Nghĩa Long được ví như “Thung lũng hoa Đà Lạt”.

phía Tây Bắc Tỉnh với các trụ cột: Công nghiệp - Dịch vụ - Du lịch văn hóa - Nông nghiệp công nghệ cao - Trung tâm y tế, giáo dục cấp vùng.

(2). Phát huy tối đa tiềm năng lợi thế về vị trí, địa lý, tài nguyên đất đai, hệ sinh thái tự nhiên, nguồn nhân lực để phát triển KT-XH nhanh, hợp lý và bền vững. Xác định ngành nông nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn, là điểm tựa vững chắc cho các ngành công nghiệp, du lịch và dịch vụ. Coi trọng phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô hàng hóa lớn, đa dạng các sản phẩm nông sản hàng hóa chất lượng cao để **“Từng bước đưa Nghĩa Đàn trở thành trung tâm kinh tế vùng Tây Bắc - Từng bước trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Tỉnh, của vùng Bắc Trung bộ”**⁵⁴.

(3). Tập trung khai thác tối đa nguồn lực từ bên ngoài, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức, tăng cường bảo vệ môi trường, tôn trọng tự nhiên, chủ động ứng phó, phòng ngừa và chống chịu với biến đổi khí hậu.

(4). Xây dựng thị trấn Nghĩa Đàn với chức năng trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện, cùng với thị trấn Nghĩa Sơn và Nghĩa Long là hệ thống đô thị vệ tinh hỗ trợ phát triển “thành phố Thái Hòa”; Đồng thời, gắn kết phát triển theo hành lang kinh tế Đông - Tây đối với thị xã Hoàng Mai, cảng Đông Hội và khu kinh tế Nghi Sơn,... Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng trọng yếu,... cải tạo, nâng cấp và phát triển chuỗi đô thị: Nghĩa Long-Nghĩa Đàn (thị trấn huyện lỵ) - Nghĩa Sơn dọc đường Hồ Chí Minh, QL.48D, QL.48E, QL.15,... Cũng như phát triển các đô thị “cụm trung tâm xã” là Nghĩa Khánh, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hồng, Nghĩa Lộc, các điểm dân cư nông thôn trở thành hạt nhân kinh tế thúc đẩy lan tỏa tới các vùng nông thôn trong huyện.

(5). Phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn, các vùng chức năng phù hợp với vùng miền. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố Quốc phòng - An ninh và đối ngoại.

3.2.2. Mục tiêu phát triển.

3.2.2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Cụ thể hóa định hướng điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015; Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 29/02/2016.

- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4566/QĐ.UBND-CN ngày 12/11/2007; Quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh Bắc Nghệ đến năm 2025 và tầm

⁵⁴ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An và huyện Nghĩa Đàn (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

nhìn sau năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày 16/9/2009; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 ngày 12/8/2020.

- Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, con người Phủ Quỳ ý chí tự cường và khát vọng vươn lên; Chủ động đổi mới sáng tạo, đưa huyện Nghĩa Đàn phát triển nhanh, bền vững; Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; Phấn đấu đến năm 2025 Nghĩa Đàn trở thành Huyện nông thôn mới, Huyện khá của Tỉnh và từng bước trở thành Trung tâm kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Nghệ An.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn nhằm phát huy vị thế và sức mạnh tổng hợp của huyện trong phát triển KT-XH gắn với các định hướng bền vững, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội và ngoại vùng. Trong đó tập trung vào các thế mạnh nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch và các loại hình công nghiệp, dịch vụ cho lĩnh vực nông nghiệp. “Phấn đấu xây dựng Nghĩa Đàn trở thành trung tâm kinh tế của vùng Tây Bắc tỉnh Nghệ An, là trung tâm ứng dụng công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ, có nền nông nghiệp hàng hóa phát triển tập trung, toàn diện gắn với phát triển mạnh công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông - lâm sản”.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch các khu chức năng (*công nghiệp, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, ...*) làm tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn. Đồng thời, bảo vệ môi trường thích ứng và chống chịu biến đổi khí hậu. Giữ gìn di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và phát triển bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Nghĩa Đàn đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025.

3.2.2.2. Mục tiêu cụ thể:

Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư vào địa bàn huyện Nghĩa Đàn.

Định hướng cho các cấp ủy Đảng, Cơ quan chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn chủ động, phối hợp làm tốt công tác thu hút và xúc tiến đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

Thu hút đầu tư theo hướng chọn lọc các dự án phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của huyện, có tính khả thi cao và đảm bảo hài hòa lợi ích của Người dân, Nhà đầu tư và Nhà nước. Dự án chất lượng, tiết kiệm trong việc sử dụng tài nguyên, năng lượng, sử dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao, thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng phát triển KT-XH giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo, phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có

thẩm quyền phê duyệt.

a) Mục tiêu về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 14%- 14,5 % (*chỉ tiêu GRDP bình quân của Tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,5 % - 10,5 %*). Giá trị gia tăng bình quân đầu người 98 - 100 triệu đồng/ người/ năm (*GRDP bình quân đầu người của Tỉnh năm 2025 đạt khoảng 83 triệu đồng*). Cơ cấu các ngành kinh tế (theo giá tăng thêm hiện hành) trong thời kỳ 2021 - 2025: Nông - lâm - ngư nghiệp 30 % - 31 % (30 %); Công nghiệp - xây dựng 48 % - 49 % (50 %); Dịch vụ 20 % - 21 % (20%) (*cơ cấu kinh tế của Tỉnh tương ứng là 19 - 20 %, 38%-39 %, 42 - 43 %*).

- Đến năm 2025, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 71.315 tỷ đồng; thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 175 - 180 tỷ đồng. (*đối với Tỉnh: tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 500 ngàn tỷ đồng, thu chi ngân sách đến năm 2025 đạt 26.000 - 30.000 tỷ đồng*).

b) Mục tiêu về phát triển xã hội:

- Tỷ lệ khu phố văn hóa đạt 88 %, tỷ lệ xã/ thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao & du lịch đạt khoảng 90 % vào năm 2025 và tiếp tục nâng cao các tỷ lệ này vào các năm tiếp theo.

- Đến năm 2025, có 95 % (55 - 57 trường) trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia và đạt 100 % đến năm 2030; Duy trì phổ cập 100% học sinh Tiểu học đúng độ tuổi, 100 % trẻ 3 - 5 tuổi được đi Mẫu giáo; 100 % học sinh tốt nghiệp THCS vào học THPT, bỏ túc THPT và được đào tạo nghề; Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên khoảng 62%, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề khoảng 55 % vào năm 2025 và tiếp tục nâng cao các tỷ lệ này vào các năm tiếp theo.

- Về Y tế: Tỷ lệ bác sỹ / vạn dân đạt khoảng 4,51 bác sỹ và số giường bệnh / vạn dân đạt khoảng 17,42 giường bệnh vào năm 2025 và tỷ lệ này được nâng cao vào các năm tiếp theo; tỷ lệ xã / thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%, tỷ lệ xã / thị trấn có bác sỹ công tác đạt 100% vào năm 2025 và các tỷ lệ này được duy trì vào các năm tiếp theo. Đến năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 95 %, tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 26 %, các tỷ lệ này tiếp tục được nâng cao vào những năm tiếp theo.

- Tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 là 2,69 %, đến năm 2025 đạt khoảng 1,5 %; Tỷ lệ này sẽ giảm dần vào những năm tiếp theo.

c) Mục tiêu về môi trường:

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng tự nhiên và trồng mới rừng, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng đạt 30,1 %. Cần duy trì tỷ lệ này cho những năm tiếp theo.

- Số hộ gia đình được sử dụng nước đạt Quy chuẩn quốc gia: Đến năm 2025

đạt khoảng 98 %; Đến năm 2030 đạt 100 %.

- Đến năm 2025, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý đạt khoảng 87 % (đạt khoảng 95 % vào năm 2030); Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100 %.

3.3. Tính chất vùng.

- Là vùng kinh tế tổng hợp trọng điểm đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An gắn với các ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, dịch vụ du lịch sinh thái, thương mại,...

- Nằm trong vùng kinh tế miền Tây tỉnh Nghệ An (vùng kinh tế Phủ Quỳ) với tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, cảnh quan, gắn liền với các cảnh quan thiên nhiên và các di tích lịch sử văn hóa.

- Là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và đảm bảo an ninh quốc phòng.

3.4. Tiềm năng, động lực phát triển vùng.

a) Tiềm năng:

- Tiềm năng xây dựng phát triển thành một vùng sinh thái nông nghiệp công nghệ cao (**Ecological Agriculture Cluster**), đi đầu về ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất dược liệu, thực phẩm sạch,... Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, sử dụng công nghệ cao.

- Tiềm năng phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp sử dụng công nghệ cao và các công nghiệp chế biến gắn với chuỗi giá trị sản phẩm nông - lâm nghiệp, thủy sản.

- Tiềm năng xây dựng hệ thống đô thị phát triển hợp lý và bền vững, gắn kết được cộng đồng xã hội giữa đô thị và nông thôn, chất lượng sống tốt, phát huy các đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

- Tiềm năng phát triển các loại hình dịch vụ và xây dựng thành một vùng du lịch chất lượng cao (*mua sắm, nghỉ dưỡng, tham quan đồng hoa - nông trại "Farm",...*) gắn liền với du lịch văn hóa lịch sử (*Hang Rú Ấm, cây Đa làng Trù,...* và *nét sinh hoạt cộng đồng đặc sắc của dân tộc Thái, Thổ,...*), du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái cảnh quan hồ đập (*hồ Sông Sào, hồ Khe Đá, hồ Hòn Mát, hồ Đồng Canh, hồ Lim,...*) và gìn giữ, bảo vệ môi trường tự nhiên, phát triển bền vững.

b) Động lực và nguyên tắc phát triển:

- Là vùng kinh tế tổng hợp đóng vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng và quốc gia.

- Là đầu mối giao thương hàng hóa và dịch vụ của Tỉnh, cửa ngõ kết nối với thị trường quốc tế trong khu vực.

- Động lực nhân tạo: Là các chủ trương quyết sách của Đảng và Nhà nước...

+ Đối với vùng các huyện miền Tây Nghệ An đang từng bước chuyển dịch cơ

cấu kinh tế theo hướng tích cực. Trọng điểm vùng là Tân Kỳ - Con Cuông - Nghĩa Đàn - Thị xã Thái Hòa - Quỳnh Hợp tiếp tục có bước phát triển khá; Quy mô và tiềm lực của vùng ngày càng được nâng lên. Điểm sáng là nông nghiệp miền Tây phát triển khá toàn diện, đã hình thành một số vùng sản xuất cây nguyên liệu tập trung quy mô lớn gắn với phát triển công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm; chăn nuôi phát triển theo hướng quy mô trang trại gắn với công nghiệp chế biến. trong chuyên công tác tại Nghĩa Đàn, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Xuân Cường đánh giá cao tiềm năng phát triển nông, lâm nghiệp của vùng miền Tây Nghệ An; Đồng thời bày tỏ tin tưởng, Tỉnh sẽ sớm phát triển, tiên phong từ tiềm năng, lợi thế của mình.

+ Huyện Nghĩa Đàn từng bước trở thành trung tâm kinh tế vùng Tây Bắc; từng bước trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Tỉnh; Đồng thời, xác định **05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 mũi đột phá phát triển**⁵⁵.

- Phát huy những lợi thế liên vùng về xu hướng đầu tư, đô thị hóa và sử dụng các khung hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia (đường Hồ Chí Minh, QL.48, QL.48D, QL.48E, QL.15,...) để kết nối sự phát triển không gian liên vùng và nội vùng;

- Không gian phát triển theo các phân vùng chức năng gắn với yêu cầu sử dụng đất đai - đầu tư xây dựng và bảo vệ các khung tự nhiên: Xác định những vùng có khả năng đầu tư xây dựng công nghiệp - dịch vụ - thương mại; Xác định các khung tự nhiên quan trọng (hệ sinh thái cảnh quan xanh hệ thống núi đồi, sông kênh rạch,... khu bảo tồn thiên nhiên,...).

- Phân bố, lựa chọn các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao và các khu - cụm sản xuất, cơ sở kinh tế - kỹ thuật gắn với khu vực có khả năng thu hút vốn đầu tư phát triển, có điều kiện cung cấp các dịch vụ, gắn kết tốt nhất với các trục giao thông chủ đạo.

3.5. Các dự báo phát triển vùng.

3.5.1. Các chỉ tiêu dự báo phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, và các tiềm năng, lợi thế, động lực phát triển dự báo cơ cấu kinh tế và xã hội huyện trong những năm tới như sau:

a) Về kinh tế:

Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại. Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm bình quân hàng năm trong giai đoạn 2020 - 2025 đạt 14,5 %, giai đoạn 2026 - 2030 đạt ≥ 18 %; Dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế các ngành:

- Đến năm 2025: Nông - lâm - ngư nghiệp 30 %; Công nghiệp - xây dựng

⁵⁵ Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

50%; Dịch vụ 20 %. (*Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn, nhiệm kỳ 2020 - 2025*)

- Đến năm 2030: Nông - lâm - ngư nghiệp 30 %; Công nghiệp - xây dựng 45%; Dịch vụ 25 %.

- Đến năm 2050: Nông - lâm - ngư nghiệp 25 %; Công nghiệp - xây dựng 40%; Dịch vụ 35 %.

Giá trị tăng bình quân đầu người đến năm 2025 đạt từ 98 - 100 triệu đồng/ người/ năm; Đến năm 2030 đạt 115 - 120 triệu đồng/ người/ năm; Đến năm 2050 đạt 135 - 150 triệu đồng/ người/ năm.

b) Về xã hội:

- Tỷ lệ khu phố văn hóa đạt 100%, tỷ lệ xã/ thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao đạt tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao & du lịch đạt khoảng 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2030, 100 % trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia, trong đó trên 85 % đạt chuẩn mức độ 2;

- Về y tế: Đạt chuẩn tiêu chí quốc gia về y tế 100 %; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 100 %, tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt khoảng 45 %.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân mỗi năm từ 0,3 % - 0,5%.

3.5.2. Dự báo dân số, lao động và tỷ lệ đô thị hóa.

Dựa trên tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hiện trạng của huyện là 1,0 %/ năm, xem xét động lực phát triển đô thị với các yếu tố nội và ngoại lực đã nêu, có thể dự đoán mức tăng dân số cơ học của huyện là 1,0 % - 2,5 %/ năm (có tính đến yếu tố hình thành và thu hút từ các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các khu - cụm công nghiệp, khu thương mại, khu du lịch nghỉ dưỡng,...); Theo công thức tính toán, dân số dự kiến của Huyện sẽ là:

$$D_t = D_g (1 + a)^t + D_n \quad ; \quad \text{Trong đó:}$$

+ D_t : Dân số năm dự báo;

+ D_g : Dân số năm gốc;

+ a : Tỷ lệ tăng dân số (gồm tỷ lệ tăng tự nhiên và cơ học) %;

+ t : số năm dự báo;

+ D_n : Tăng dân số đô thị (do mở rộng ranh giới đô thị, dân số con lác, quy đổi từ nơi khác vào làm việc tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu - cụm công nghiệp, thương mại, dịch vụ,...).

→ **Hiện trạng (năm 2019)**: Dân số 140.519 người; mật độ dân số 283 người/ km²; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 4,0 %. Lao động 69.560 người, chiếm 49,5% tổng dân số.

(*Nguồn tài liệu Niên giám thống kê huyện Nghĩa Đàn năm 2019*).

→ **Dự báo quy mô dân số & lao động toàn huyện**, như sau:

- Đến năm 2030: Dân số đạt khoảng 160.000 người đến 170.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 48.000 người đến 55.000 người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng

20% - 25 %. Tổng số lao động trong độ tuổi khoảng 88.000 người đến 93.500 người, chiếm khoảng 55 % tổng dân số.

- Đến năm 2050: Dân số đạt khoảng 210.000 người đến 220.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 84.000 người đến 90.000 người; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 38% - 42%. Tổng số lao động trong độ tuổi khoảng 120.000 người đến 126.000 người, chiếm khoảng 60 % tổng dân số.

3.5.3. Dự báo sử dụng đất.

- Đến năm 2030: Dự báo đất xây dựng đô thị và các khu vực động lực phát triển kinh tế sẽ đạt khoảng 2.800 - 3.500 ha; trong đó đất xây dựng đô thị đạt khoảng 1.100 - 1.300 ha, bình quân 500 - 550 m²/ người. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 4.500 - 6.000 ha, bình quân đạt khoảng 450 - 500 m²/người.

- Đến năm 2050: Dự báo đất xây dựng đô thị và các khu động lực phát triển kinh tế sẽ đạt khoảng 3.500 - 4.800 ha; trong đó đất xây dựng đô thị đạt khoảng 1.300 - 1.800 ha, bình quân 450 - 500 m²/người. Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 4.370 - 5.400 ha, bình quân đạt khoảng 400 - 450 m²/người.

3.5.4. Dự báo về môi trường.

Quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch, công nghiệp sẽ phần nào ảnh hưởng đến môi trường, từ môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí, tiếng ồn,... Bên cạnh đó, tình hình biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp cũng sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường sống chung. Do vậy cần phải có các kế hoạch, giải pháp lâu dài nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực, xây dựng phát triển bền vững lâu dài.

3.5.5. Dự báo các tác động tiêu cực của thiên nhiên.

- Bão, lũ lụt.
- Hạn chế về nguồn nước ngọt.
- Nhiệt độ tăng và sóng nhiệt.
- Những rủi ro sức khỏe người dân.

3.6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về hạ tầng xã hội, kỹ thuật trong các khu vực tập trung (đô thị, trung tâm cụm xã - cụm liên xã) thuộc huyện Nghĩa Đàn theo tiêu chí đô thị loại V.

- Về hạ tầng kỹ thuật cần đảm bảo: Đối với khu vực tập trung xây dựng, cơ sở hạ tầng tối thiểu đáp ứng tiêu chí đô thị loại V; Đối với các khu dân cư nông thôn tối thiểu đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới do Chính phủ ban hành.

- Một số chỉ tiêu chính về phát triển KT-XH được xác định phù hợp theo quy hoạch phát triển KT-XH huyện Nghĩa Đàn đã được duyệt.

- Các tiêu chuẩn và quy phạm thiết kế căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, ban hành tại Thông tư

số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 - QCVN 01:2021/BXD; Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH về phân loại đô thị, các chỉ tiêu cơ bản chủ yếu như sau:

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật				
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	QH đến năm 2050
I	Chỉ tiêu về đất đai			
1	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	130	100
2	Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn	m ² /người	200	250
II	Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội			
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (sàn/người)	m ²	≥ 29	26,5
2	Đất dân dụng	m ² /người	78	61
III	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về đô thị			
1	Giao thông			
-	Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 18	≥ 18
-	Mật độ đường giao thông	km/km ²	6 - 10	≥ 10
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 13	≥ 13
2	Cấp nước			
-	Cấp nước sinh hoạt	lít/ng.ngđ	120 - 130	≥ 130
-	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh	%	90 - 100	100
3	Thu gom nước thải và VSMT			
-	Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	90	≥ 90
-	Tỷ lệ thu gom nước thải CN	%	100	100
-	Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 97	100
-	Lượng chất thải phát sinh	kg/ng/ngày	1	≥ 1,3
4	Cấp điện			
-	Cấp điện sinh hoạt	w/người	250	≥ 350
-	Điện công trình công cộng (tính bằng tỷ lệ % của phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30
IV	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về nông thôn			
1	Giao thông			
-	Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 16	≥ 16
-	Mật độ đường giao thông	km/km ²	6 - 8	≥ 8
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 7	≥ 7
2	Cấp nước			
-	Cấp nước sinh hoạt	lít/ng.ngđ	100	≥ 100
-	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh	%	90	100
3	Thu gom nước thải và VSMT			
-	Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	85	≥ 85
-	Tỷ lệ thu gom nước thải CN	%	100	100
-	Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 80	100

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật				
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	QH đến năm 2050
-	Lượng chất thải phát sinh	kg/ng/ngày	0,8	≥ 1,0
-	Cấp điện sinh hoạt	w/người	250	≥ 330
-	Điện công trình công cộng (tính bằng tỷ lệ % của phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30

PHẦN IV: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG.

4.1. Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng.

Trên cơ sở dựa trên các đặc trưng về địa hình, thủy văn, hệ thống giao thông và phân bố dân cư, cùng với các tiền đề, tiềm năng, cơ hội phát triển vùng. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025: “Cùng với thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo 03 đột phá phát triển”⁵⁶; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định “**05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 mũi đột phá phát triển**”⁵⁷... Hướng tiếp cận với yêu cầu định hướng chiến lược đa ngành nhằm

⁵⁶ 03 đột phá phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là:

- 1- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh gắn với cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.
- 2- Tiếp tục đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao.
- 3- Tiếp tục phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm thúc đẩy phát triển KT-XH của Tỉnh.

⁵⁷ Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, xác định 05 nhiệm vụ trọng tâm và 03 mũi đột phá phát triển, đó là:

(I)- 05 Nhiệm vụ trọng tâm:

- 1- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chính đốn Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp. Xây dựng đội ngũ cán bộ cấp huyện và cơ sở, nhất là cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ.
- 2- Tích cực, năng động thu hút đầu tư, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển kinh tế. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Chú trọng liên kết đào tạo lao động có trình độ và kỹ năng phù hợp với nhu cầu trên địa bàn, tạo bước chuyển dịch lớn trong cơ cấu lao động địa phương.
- 3- Tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trọng tâm là các xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.
- 4- Xây dựng khối đại đoàn kết trong các tầng lớp nhân dân, phát huy dân chủ và tập trung hướng về cơ sở. Phát huy các giá trị văn hóa, bản sắc văn hóa con người Nghĩa Đàn, khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên, tính năng động, sáng tạo, đổi mới để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.
- 5- Tăng cường giữ vững quốc phòng - an ninh, thực hiện tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

(II)- 03 Đột phá phát triển:

- 1- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là chất lượng nguồn nhân lực khu vực hành chính công cấp huyện và cấp xã và nguồn nhân lực lao động ứng dụng khoa học công nghệ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo chuyển biến rõ nét về cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhu cầu chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

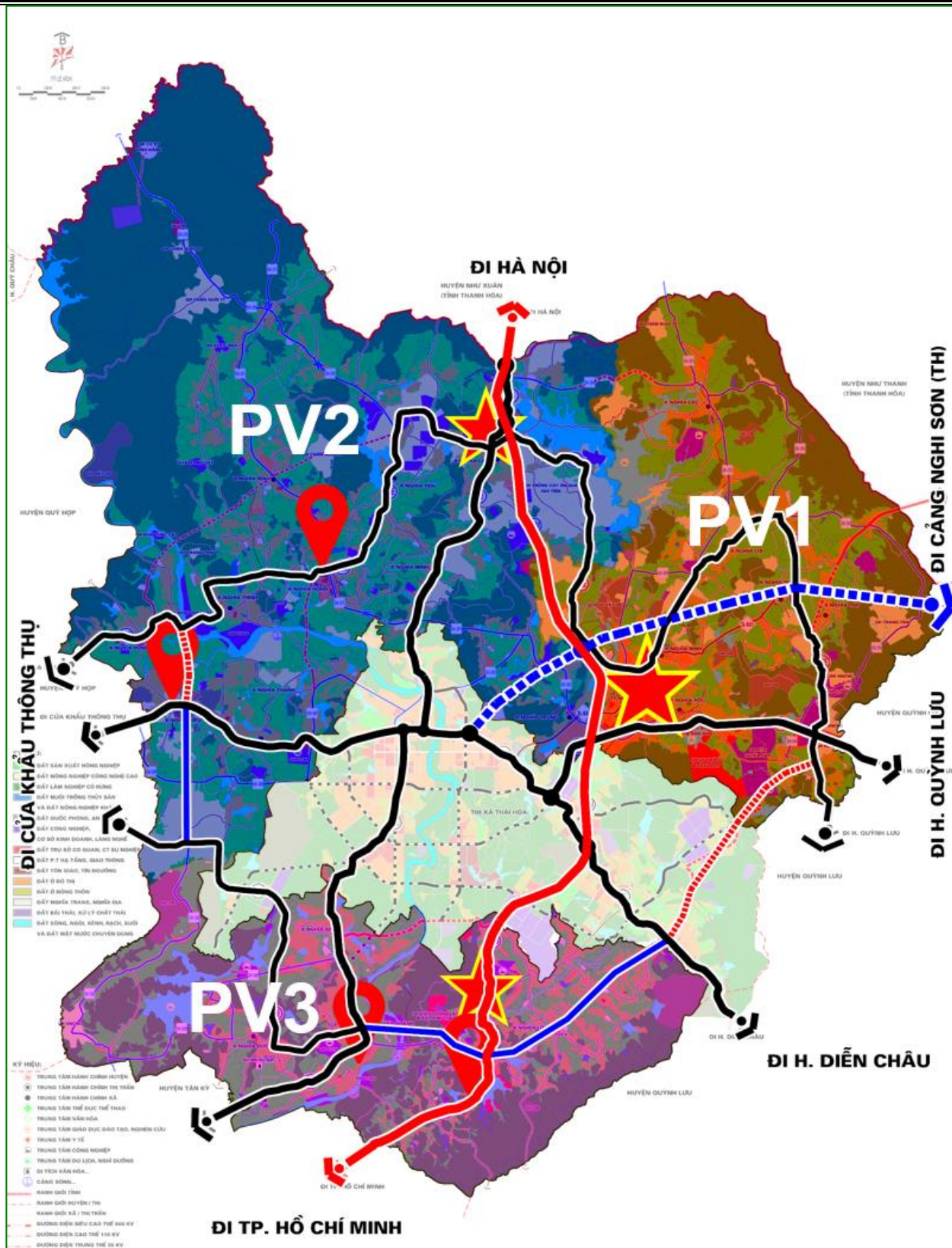
đạt được quy hoạch có tầm nhìn dài hạn, phát triển bền vững, khai thác thế mạnh sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, đầu tư mang tính đột phá **“Từng bước đưa Nghĩa Đàn trở thành trung tâm kinh tế vùng Tây Bắc - Từng bước trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Tỉnh, của vùng Bắc Trung bộ”**⁵⁸. Mặt khác, **“Nghĩa Đàn cùng với Thái Hòa”** là **01** trong **03** trung tâm vùng kinh tế động lực là trung tâm kinh tế miền Tây Nghệ An (vùng kinh tế Phủ Quỳ), nằm trên **02** hành lang kinh tế của Tỉnh: Hành lang kinh tế Bắc - Nam (đường Hồ Chí Minh, QL.15 nối QL.48D - đoạn ĐT.545) và hành lang kinh tế Đông - Tây (QL.48, QL.48D - “đoạn ĐT.537 cũ”, đường nối Thái Hòa- Nghi Sơn). Lựa chọn mô hình phát triển **“Nghĩa Đàn - Thái Hòa”**: **“05 trục động lực - 03 vùng phát triển”**.

Sơ đồ phân vùng phát triển...

2- Tiếp tục thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, đưa cơ giới hóa, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hàng hóa, gắn với chuỗi liên kết, xây dựng nhiều mô hình liên kết giữa người nông dân và doanh nghiệp.

3- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ phục vụ phát triển KT-XH, nhất là giao thông nông thôn; hạ tầng phát triển thương mại - dịch vụ vùng trung tâm và hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa Thị trấn Nghĩa Đàn, phát triển mạnh thương mại - dịch vụ tương xứng tiềm năng.

⁵⁸ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An và huyện Nghĩa Đàn (nhiệm kỳ 2020 - 2025).



- 4.1.1. Các trục động lực phát triển.**
- Trục Bắc - Nam (hành lang kinh tế Bắc - Nam của Tỉnh):
 - + Đường Hồ Chí Minh: Hành lang kinh tế xuyên Quốc Gia.
 - + QL.15 nối QL.48D (đoạn ĐT.545 cũ): Nối kết Thị trấn huyện lỵ Tân Kỳ (Huyện Tân Kỳ) - “Nghĩa Đàn cùng với Thành phố Thái Hòa” - Thị trấn Bãi Trành

(Huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa).

- Trục Đông - Tây (hành lang kinh tế Đông - Tây của Tỉnh):

+ Trục Đông Tây trung tâm vùng (Trục Nghi Sơn - Thái Hòa): Nối kết Thành phố Thái Hòa - Thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn - Cảng nước sâu & Thị xã Nghi Sơn (Tỉnh Thanh Hóa).

+ Trục Bắc Nghệ 1 (QL.48D - đoạn ĐT.537 cũ): Nối kết Thành phố Thái Hòa- Thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn - Thị xã Hoàng Mai - Cảng Đông Hội.

+ Trục Bắc Nghệ 2 (QL.48): Nối kết Khu du lịch sinh thái biển Quỳnh Lưu - Thị trấn huyện lỵ Cầu Giát (Huyện Quỳnh Lưu) - Thị trấn Tuần (Huyện Quỳnh Lưu)- “Nghĩa Đàn cùng với Thành phố Thái Hòa” - Thị trấn huyện lỵ Quỳnh Châu - Thị trấn huyện lỵ Kim Sơn (Huyện Quế Phong) - Cửa Khẩu Thông Thụ (Huyện Quế Phong) - Lào.

4.1.2. Cấu trúc phân vùng phát triển và triển vọng định hướng không gian.

4.1.2.1. Cấu trúc phân vùng phát triển:

Trên cơ sở phân tích điều kiện tự nhiên đặc trưng của huyện, các yếu tố ngoại lực tác động và thế mạnh của từng khu vực có thể phân ra các vùng kinh tế gắn với các vùng động lực và trục phát triển; Huyện Nghĩa Đàn hình thành cấu trúc không gian phát triển thành “**03 vùng kinh tế**”, như sau:

(1)- Phân vùng 1 (phía Đông Bắc - vùng trung tâm):

- Gồm thị trấn Nghĩa Đàn và 07 xã thuộc khu vực phía Đông Bắc huyện (Nghĩa Hội, Nghĩa Phú, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình). Quy mô diện tích đất 159,14 km² (15.914 ha) chiếm khoảng 26,0 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Quy mô dân số hiện trạng 38.972 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là **46.500** người (*trong đó, dân cư đô thị là 15.000 người, dân cư nông thôn là 31.500 người*) và đến năm 2050 là **59.000** người (*trong đó, dân cư đô thị là 22.000 người, dân cư nông thôn là 37.000 người*).

- Chức năng: Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế tổng hợp; lấy thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn làm trung tâm, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An. Tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ; hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ.

(2)- Phân vùng 2 (phía Tây Bắc):

- Gồm 10 xã thuộc khu vực phía Tây Bắc huyện (Nghĩa Sơn, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành). Quy mô diện tích đất 317,88 km² (31.788 ha) chiếm khoảng 52,0 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Quy mô dân số hiện trạng 57.648 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là **68.000** người (*trong đó, dân cư đô thị là 18.000 người, dân cư nông thôn là 50.000 người*) và đến năm 2050 là **89.000** người (*trong đó, dân cư đô thị là 31.000 người, dân cư nông thôn là 58.000 người*).

- Chức năng: Là vùng trọng điểm sản xuất nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo hình thức kinh tế vườn đồi, trang trại, công nghiệp chế biến nông-lâm sản, trồng cây công nghiệp,... Đồng thời, hình thành trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp - dịch vụ vận tải hàng hóa và khách hàng,... với mô hình Logistics kết nối hỗ trợ “thành phố” Thái Hòa theo QL.48 (hành lang phát triển Đông - Tây); Phát triển đô thị Nghĩa Sơn tạo động lực phát triển cho khu vực phía Tây Bắc Huyện dọc theo đường Hồ Chí Minh.

(3)- Phân Vùng 3 (phía Nam):

- Gồm 05 xã thuộc khu vực phía Nam huyện (Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức). Quy mô diện tích đất 140,83 km² (14.083 ha) chiếm khoảng 22,0 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Quy mô dân số hiện trạng 43.899 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là **53.000** người (*trong đó, dân cư đô thị là 22.000 người, dân cư nông thôn là 31.000 người*) và đến năm 2050 là **74.000** người (*trong đó, dân cư đô thị là 37.000 người, dân cư nông thôn là 37.000 người*).

- Chức năng: Phát triển dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp trồng rừng hồ Khe Đá, phát triển vùng nông - lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao,... Phát triển đô thị Nghĩa Long tạo động lực phát triển cho khu vực phía Nam Huyện dọc theo đường Hồ Chí Minh.

4.1.2.2. Triển vọng đến năm 2030, định hướng phát triển không gian:

- Đề xuất tổ chức không gian đô thị, phân cấp đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, chức năng và quy mô các đô thị, trong đó trọng tâm là thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn và với định hướng 02 thị trấn mới là Nghĩa Sơn và Nghĩa Long.

- Rà soát, xem xét sự hình thành của các đô thị loại V - “trung tâm cụm xã” mới (*như: Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hồng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Lộc*) trong bối cảnh mới về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, dịch vụ, du lịch,... đặc biệt đối với các xã đã có quy hoạch được duyệt để xác lập những yêu cầu cần thiết của việc điều chỉnh quy hoạch.

- Rà soát quy hoạch trên địa bàn Huyện, các điểm dân cư tập trung có khả năng đô thị hóa, các đô thị mới có khả năng hình thành trên địa bàn huyện.

- Đề xuất mô hình nông thôn mới, các khu tái định cư phục vụ các dự án động lực, quy mô lớn.

- Đề xuất hệ thống không gian KCN - CCN, cụ thể về quy mô, loại hình, ưu tiên công nghiệp chế biến, dịch vụ nông nghiệp, bố trí các khu vực cần gắn với các địa bàn đô thị, trung tâm cụm xã, nông thôn, vùng sản xuất nông - lâm nghiệp,... đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách ly an toàn, bảo vệ môi trường.

4.1.2.3. Xác định các khâu đột phá trong phát triển vùng:

(1) Lồng ghép các chương trình dự án phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện với hệ thống kết cấu hạ tầng của Tỉnh và vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, tạo sự kết nối rộng hơn giữa các hành lang kinh tế, các trung tâm phát

triển, các đô thị và khu - cụm công nghiệp. Huy động nguồn lực đẩy nhanh xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển các ngành kinh tế, phát triển đô thị và nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại.

(2) Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Tập trung phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp có lợi thế cạnh tranh như: Cam, ổi, bơ, dược liệu, lâm sản,... Bò sữa, gà đồi,... có giá trị kinh tế cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, giá trị kinh tế cao.

(3) Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, chú trọng các loại hình dịch vụ phục vụ thương mại, logistics (tài chính ngân hàng, viễn thông, vận tải- logistics,...). Lấy dịch vụ du lịch làm mũi nhọn trọng tâm là du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch lữ hành, du lịch trải nghiệm (Farmstay), du lịch loại hình lưu trú nghỉ chân tại vùng nông thôn (Homestay), tại các khu vực nghỉ dưỡng sinh thái này, ưu tiên phát triển xu hướng “kinh doanh tinh gọn” với mô hình “Fresh popcorn”⁵⁹. Hình thành trung tâm thương mại với hệ thống các siêu thị, nhà hàng, khách sạn, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng phục vụ phát triển du lịch ở 03 thị trấn Nghĩa Đàn, Nghĩa Sơn và Nghĩa Long.

(4) Huy động toàn xã hội tham gia phát triển nguồn nhân lực tạo tiền đề cho phát triển KT-XH của địa phương. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục (các cấp). Đẩy mạnh đào tạo lao động thông qua các cơ sở đào tạo nghề tại chỗ hoặc các trung tâm đào tạo lân cận của Tỉnh (như: “Thành phố” Thái Hòa, Thị xã Hoàng Mai, Thành phố Vinh) phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, đáp ứng cơ bản yêu cầu về lao động có chuyên môn kỹ thuật cho nền kinh tế. Lấy phát triển nguồn nhân lực làm đột phá trong tất cả các ngành, lĩnh vực.

4.1.3. Xây dựng kịch bản phát triển vùng.

Xây dựng vùng quy hoạch thành một vùng sinh thái nông nghiệp công nghệ cao (**Ecological Agriculture Cluster**) với hình ảnh đặc trưng của những cánh đồng, trang trại rộng lớn, màu xanh ngút ngàn của một vùng nông nghiệp có trình độ canh tác, mức độ chuyên môn hóa cao gắn liền với các tổ hợp về công nghiệp chế biến, nghiên cứu chuyển giao công nghệ nông nghiệp; gắn với hệ thống đô thị vườn, đô thị sinh thái & cụm dân cư nông thôn đổi mới làm hạt nhân thúc đẩy phát triển.

Xây dựng kịch bản: Phát triển cân đối toàn vùng với cụm kinh tế dân cư mới, tạo dựng bản sắc cho vùng - Phát triển đồng bộ kinh tế, thương mại, hạ tầng & sinh hoạt, với sự hình thành của:

- Các cánh đồng - thung lũng Hoa; Các cánh đồng cỏ chăn nuôi rộng lớn gắn liền với đó là hệ thống các trang trại chăn nuôi bò sữa, trang trại trồng rau sạch,

⁵⁹ “Fresh popcorn” Là mô hình kinh doanh vốn nhỏ, khả năng vận hành tinh gọn, đặc biệt là ngành FMCG (hàng tiêu dùng nhanh),...

trang trại trồng được liệu sạch với quy mô công nghiệp.

- Tổ hợp công nghiệp chế biến tập trung (sơ chế, tinh chế, đóng gói,...).
- Tổ hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nông nghiệp.
- Tổ hợp nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe.
- Quy hoạch xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông

thôn;

- Phát triển hệ thống đô thị và các khu dân cư nông thôn một cách cân đối, gắn các khu đô thị với các khu vực cung cấp sản phẩm nông nghiệp có giá trị. Đô thị Nghĩa Đàn (thị trấn huyện lỵ) là hạt nhân; Phát triển các đô thị loại V là Nghĩa Sơn và Nghĩa Long trở thành thị trấn khu vực; Phát triển các “trung tâm cụm xã”⁶⁰ (hay là trung tâm tiểu vùng) là Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu và Nghĩa Khánh với quy mô mỗi “trung tâm cụm xã” tối thiểu khoảng 100 ha.

- Các khu ở công nhân nông nghiệp (Agricultural Workers’ Quarters): Với hình thức canh tác hiện đại trong vùng sẽ hình thành tầng lớp công nhân nông nghiệp, do đó sẽ là hình thành các khu ở công nhân nông nghiệp (diện tích quy hoạch ≤ 30 ha).

- Các “Cụm đổi mới”⁶¹ (Innovation Cluster): Được xác định với các chức năng gồm dịch vụ công cộng, đất hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, tiêu thụ công nghiệp làng nghề,... (diện tích quy hoạch ≤ 20 ha).

- Hình thành hành lang xanh gắn với các điểm giới thiệu sản phẩm nông nghiệp hai bên tuyến đường Hồ Chí Minh, tạo bản sắc vùng.

4.2. Định hướng phân vùng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn.

4.2.1. Định hướng không gian phát triển đô thị.

4.2.1.1. Quy hoạch Hệ thống đô thị:

(1). Thị trấn Nghĩa Đàn (thị trấn huyện lỵ):

- Phạm vi thị trấn bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên + dân số thị trấn Nghĩa Đàn hiện nay (8,48 km²) và một phần của xã Nghĩa Trung, Nghĩa Hội đảm bảo tổng diện tích quy hoạch ≥ 14 km², dân số quy hoạch ≥ 8.000 người.

+ Tổng diện tích tự nhiên dự báo mở rộng khoảng 16 km² (mở rộng lấy khoảng 5 km² của xã Nghĩa Hội về phía Nam QL.48D và 3 km² của xã Nghĩa Trung dọc phía Tây đường Hồ Chí Minh).

+ Dân số hiện trạng (2019): Dân số toàn thị trấn Nghĩa Đàn hiện nay là 5.562 người + lấy khoảng 3.000 dân xã Nghĩa Hội + lấy khoảng 2.000 dân xã Nghĩa

⁶⁰ “Trung tâm tiểu vùng (TTTTV)” Là mô hình KT-XH tại khu vực nông thôn, được hình thành trên cơ sở là điểm chuyên tiếp giữa các khu vực đô thị và các làng xã. TTTV là kết quả của mối quan hệ liên vùng, liên ngành, trước hết là mối tương quan về KT-XH với khu vực đô thị; Thay đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp.

⁶¹ “Cụm đổi mới” được xác định với các chức năng gồm: Dịch vụ công cộng, đất hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, tiêu thụ công nghiệp làng nghề; Không bố trí dân cư tại vị trí Trung tâm cụm đổi mới. “Cụm đổi mới” là 1 bộ phận nhỏ của “hệ sinh thái đổi mới” đối với 1 đô thị thông minh với các hệ thống đổi mới nhỏ hơn hoạt động trong đô thị - thành phố như khu công nghệ, cực đổi mới, cụm đổi mới,...

Trung.

+ Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 15.000 người; Đến năm 2050 khoảng 22.000 người (tăng dân số tự nhiên, cơ học và con lác làm dịch vụ, các Khu - cụm công nghiệp trong đô thị).

- Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ (đô thị loại IV); Trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - kỹ thuật, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, dịch vụ thương mại tổng hợp, đầu mối giao thông quan trọng của huyện Nghĩa Đàn.

Hoàn thiện thị trấn Nghĩa Đàn đạt tiêu chí đô thị loại IV (theo Nghị quyết số 1210/2016/NQUBTV và Nghị quyết số 1211/2016/NQUBTV).

- Động lực phát triển: Đô thị phát triển về dịch vụ tổng hợp, đầu mối hỗ trợ phát triển về “Cảng nước sâu Nghi Sơn” và phát triển dịch vụ công nghiệp theo hướng “Cảng Đông Hội”; Hình thành “Cụm động lực” (Nghĩa Đàn cùng với Thái Hòa) trong vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An.

- Hướng phát triển không gian: Theo Hành lang kinh tế Bắc - Nam (đường Hồ Chí Minh) và Hành lang kinh tế Đông - Tây: Trục Bắc Nghệ 1 (QL.48D - đoạn ĐT.537 cũ) nối kết Thành phố Thái Hòa - Thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn - Thị xã Hoàng Mai - Cảng Đông Hội và Trục Đông Tây trung tâm vùng (“Trục quy hoạch - hành lang kinh tế Đông - Tây”: Trục Nghi Sơn - Thái Hòa) nối kết Thành phố Thái Hòa - Thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn - Cảng nước sâu Nghi Sơn.

(2). Thị trấn Nghĩa Sơn (thị trấn khu vực - đô thị mới):

- Phạm vi thị trấn bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Nghĩa Sơn.

+ Tổng diện tích: 16,29 km²;

+ Tổng diện tích tự nhiên dự báo mở rộng khoảng 20 km² (mở rộng lấy khoảng 4 km² của xã Nghĩa Lâm về phía Nam dọc theo QL.15 và đường HCM).

+ Dân số hiện trạng (2019): Dân số toàn xã Nghĩa Sơn hiện nay là 4.043 người + lấy khoảng 1.000 dân xã Nghĩa Lâm.

+ Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 7.500 người; Đến năm 2050 khoảng 12.000 người (tăng dân số tự nhiên, cơ học và con lác làm dịch vụ, các cụm công nghiệp trong đô thị).

- Tính chất: Là thị trấn khu vực (đô thị loại V); Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao khu vực phía Bắc huyện Nghĩa Đàn.

- Hướng tới đạt tiêu chí đô thị loại V (theo Nghị quyết số 1210/2016/NQUBTV và Nghị quyết số 1211/2016/NQUBTV).

- Động lực phát triển: Có tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ dọc theo đường Hồ Chí Minh.

- Hướng phát triển không gian: Theo Hành lang kinh tế Bắc - Nam (đường Hồ Chí Minh); Tiềm năng phát triển dịch vụ hậu cần, chế biến nông lâm sản ứng dụng công nghệ cao khu vực phía Bắc huyện Nghĩa Đàn.

(3). Thị trấn Nghĩa Long (thị trấn khu vực - đô thị mới):

- Phạm vi thị trấn bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Nghĩa Long (11,84 km²) và một phần của xã Nghĩa Lộc đảm bảo tổng diện tích quy hoạch $\geq 14\text{km}^2$, dân số quy hoạch ≥ 8.000 người.

+ Tổng diện tích tự nhiên dự báo mở rộng khoảng 36 km² (mở rộng lấy khoảng 25 km² của xã Nghĩa Lộc về phía Nam dọc theo đường Hồ Chí Minh).

+ Dân số hiện trạng (2019): Dân số toàn xã Nghĩa Long hiện nay là 3.653 người + lấy khoảng 8.000 dân xã Nghĩa Lộc.

+ Dự báo dân số đến năm 2030 khoảng 17.000 người; Đến năm 2050 khoảng 28.000 người (tăng dân số tự nhiên, cơ học và con lác làm dịch vụ, các cụm công nghiệp trong đô thị).

- Tính chất: Là thị trấn khu vực (đô thị loại V); Là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao khu vực phía Nam huyện Nghĩa Đàn.

- Hướng tới đạt tiêu chí đô thị loại V (theo Nghị quyết số 1210/2016/NQUBTV và Nghị quyết số 1211/2016/NQUBTV).

- Động lực phát triển: Có tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ dọc theo đường Hồ Chí Minh.

- Hướng phát triển không gian: Theo Hành lang kinh tế Bắc - Nam (đường Hồ Chí Minh), hướng phát triển mở rộng “ôm lấy trung tâm cụm xã Nghĩa Lộc”; Tiềm năng phát triển dịch vụ hậu cần, chế biến nông lâm sản ứng dụng công nghệ cao khu vực phía Nam huyện Nghĩa Đàn.

(4). Đô thị Nghĩa Hồng (đô thị mới):

- Quy mô diện tích, dân số và loại đô thị: Định hướng phát triển “trung tâm cụm xã” Nghĩa Hồng là “trung tâm tiểu vùng” với quy mô diện tích khoảng 600 ha (hạt nhân xã Nghĩa Hồng); Phát triển thành đô thị loại V giai đoạn năm 2026 đến 2030; Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 6.500 người, đến năm 2050 khoảng 10.000 người.

- Tính chất: Là trung tâm phát triển kinh tế, giao lưu hàng hóa, chuyển giao kỹ thuật ứng dụng công nghệ cao cho cụm các xã khu vực phía Tây Bắc của huyện Nghĩa Đàn và Là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội của xã Nghĩa Hồng.

- Động lực phát triển: Kinh tế của khu vực này chủ yếu dựa vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ dọc theo QL.48E.

- Hướng phát triển không gian: Theo trục QL.48E.

(5). Đô thị Nghĩa Hiếu (đô thị mới):

- Quy mô diện tích, dân số và loại đô thị: Định hướng phát triển “trung tâm cụm xã” Nghĩa Hiếu là “trung tâm tiểu vùng” với quy mô diện tích khoảng 550 ha (hạt nhân xã Nghĩa Hiếu); Phát triển thành đô thị loại V giai đoạn sau năm 2030; Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 4.000 người, đến năm 2050 khoảng

9.000 người.

- Tính chất: Là trung tâm dịch vụ Logistics, phát triển kinh tế cho cụm các xã khu vực phía Tây của huyện Nghĩa Đàn và Là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội của xã Nghĩa Hiếu.

- Động lực phát triển: Kinh tế của khu vực này chủ yếu dựa vào dịch vụ hậu cần - vận tải - Logistics phát triển dọc theo QL.48.

- Hướng phát triển không gian: Theo trục QL.48.

(6). Đô thị Nghĩa Khánh (đô thị mới):

- Quy mô diện tích, dân số và loại đô thị: Định hướng phát triển “trung tâm cụm xã” Nghĩa Khánh là “trung tâm tiểu vùng” với quy mô diện tích khoảng 530 ha (hạt nhân xã Nghĩa Khánh); Phát triển thành đô thị loại V giai đoạn sau năm 2030; Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 5.000 người, đến năm 2050 khoảng 9.000 người.

- Tính chất: Là trung tâm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, phát triển kinh tế, giao lưu hàng hóa, chuyển giao kỹ thuật ứng dụng công nghệ cao cho cụm các xã khu vực phía Nam của huyện Nghĩa Đàn và Là trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội của xã Nghĩa Khánh.

- Động lực phát triển: Kinh tế của khu vực này chủ yếu dựa vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, có tiềm năng phát triển thương mại, dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng theo “hệ sinh thái: Hồ Khe Đá + Hang Rú Âm + Cây đa Làng Trù” phát triển dọc theo QL.48D và QL.48E.

- Hướng phát triển không gian: Tại trung tâm trục QL.48D và QL.48E.

4.2.1.2. Phân kỳ quy hoạch đô thị:

*** Giai đoạn 2021 - 2030:**

Phát triển hoàn chỉnh hạ tầng các đô thị (toàn huyện có 06 đô thị), giai đoạn này tập trung nâng cấp, mở rộng thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn đạt chuẩn thị trấn - đô thị loại IV ($\geq 14 \text{ km}^2$, dân số quy hoạch ≥ 8.000 người); Đô thị Nghĩa Sơn, đô thị Nghĩa Long, đô thị Nghĩa Hồng đạt đô thị loại V. Hướng huyện Nghĩa Đàn đạt tiêu chuẩn Huyện nông thôn mới vào năm 2025. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 20 % - 25 %.

*** Giai đoạn 2031 - 2050:**

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo 06 đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V. Giai đoạn này tập trung nâng cấp, mở rộng các thị trấn Nghĩa Sơn và Nghĩa Long đạt chuẩn thị trấn - đô thị loại V ($\geq 14 \text{ km}^2$, dân số quy hoạch ≥ 8.000 người); Các đô thị Nghĩa Hiếu, Nghĩa Khánh đạt đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 38 % - 42 %.

4.2.2. Tổ chức các điểm dân cư nông thôn.

a) Định hướng chung:

- Thực hiện dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp huyện Nghĩa Đàn; Đối với các vùng nông thôn, động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là

phát triển ngành nghề TTCN, làng nghề và nông lâm nghiệp, xây dựng các trung tâm cụm xã - các điểm dân cư nông thôn để vừa khai thác các tiềm năng sẵn có, vừa tạo động lực mới, làm điểm tựa phát triển kinh tế, trung tâm dịch vụ thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

- Hướng phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn với phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc (Thái, Thổ,...); môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh - trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

- Cải thiện môi trường sống nông thôn; Hình thành mới các trung tâm tiêu vùng là các “trung tâm cụm xã” (trước đây gọi là thị tứ) hay là “trung tâm tiêu vùng”, cụm đổi mới để tăng cường khả năng tiếp cận của các làng nông thôn với các dịch vụ đô thị. Phát triển mạng lưới giao thông liên thôn, liên xã gắn kết với giao thông ngoại thị; Giao thông các tuyến đường chính trong làng xóm sẽ được mở rộng đảm bảo cho nông dân có điều kiện sử dụng ô tô phục vụ sản xuất.

- Ngoài các khu vực dân cư trong khu vực nội thị, dân cư khu vực ngoại thị sẽ được quy hoạch thành các làng - đô thị sinh thái ven đô nhằm các mục đích:

+ Tạo các điểm dân cư nông thôn bền vững có cảnh quan đẹp, bảo vệ lối sống, tính cố kết của làng xóm Việt Nam truyền thống hiện nay.

+ Xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn; Phát triển dân cư gắn với sản xuất nông nghiệp theo hình thức đa canh, kết hợp làng nghề sản xuất sản phẩm thủ công, dịch vụ du lịch cộng đồng, tạo nhiều công ăn việc làm, hạn chế tình trạng lao động “ly hương”.

+ Tái thiết các làng xóm sau giai đoạn di cư từ khu vực nông thôn vào các đô thị, để người dân có thể “ly nông bất ly hương”.

- Nâng cấp thu nhập của người dân nông thôn bằng cách xây dựng các mô hình sản xuất mới phù hợp với hoàn cảnh từng khu vực, khai thác thị trường lao động tại chỗ, khôi phục và phát triển các nghề truyền thống gắn với khai thác du lịch và giải trí; Phát triển các công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ thương mại, kiểm soát chặt chẽ về vấn đề môi trường và phát triển hạ tầng.

- Cần tiếp tục chuyển đổi cơ cấu lao động hiện nay sang các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ để đảm bảo thu nhập và việc làm trong tương lai, phù hợp với điều kiện quỹ đất sản xuất bị thu hẹp.

- Trên cơ sở định hướng xác định trong quy hoạch tổng thể KT-XH của Huyện, hướng mục tiêu đạt huyện Nông thôn mới năm 2025, nâng tổng số xã đạt chuẩn Nông thôn mới đạt 100 %. Để thực hiện mục tiêu trên, cần triển khai các công việc cụ thể theo đề án xây dựng nông thôn mới của huyện, xây dựng và củng cố

mạng lưới các điểm trung tâm xã, cụm xã và điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã được lập và phê duyệt. Các định hướng chung tổ chức khu dân cư nông thôn; Dựa vào ưu thế đất đai, điều kiện giao thông và hạ tầng kỹ thuật, tiếp cận nhanh tới các nguồn tiềm năng và thị trường, phát triển các điểm “trung tâm cụm xã” và các điểm cơ sở tạo thị như sau:

+ Các trung tâm cụm xã Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu là khu vực dân cư phía Tây Bắc huyện hỗ trợ phát triển cho đô thị trung tâm vùng - Thị trấn Nghĩa Sơn; Tập trung phát triển các khu dân cư gắn với phát triển vùng sản xuất nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo hình thức kinh tế vườn đồi, trang trại, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, trồng cây công nghiệp,...

+ Các trung tâm cụm xã Nghĩa Lộ, Nghĩa Khánh là khu vực dân cư phía Nam huyện hỗ trợ phát triển cho đô thị trung tâm vùng - Thị trấn Nghĩa Long; Tập trung phát triển các khu dân cư gắn với phát triển dịch vụ du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp trồng rừng hồ Khe Đá, phát triển vùng nông - lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao,...

+ Các xã dọc theo sông Hiếu như Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hồng, Nghĩa Thành, Nghĩa An, Nghĩa Khánh,... phát triển dịch vụ ven sông và các vùng sản xuất nông nghiệp, đảm bảo cảnh quan sinh thái tự nhiên vùng ven sông Hiếu.

b) Quy hoạch mạng lưới các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng:

Trên cơ sở cấu trúc không gian phát triển thành “03 phân vùng” và ngoài hướng phát triển các đô thị thì hướng tập trung đầu tư xây dựng các vùng nông thôn là hết sức quan trọng, nhằm kết nối hạ tầng xã hội đồng bộ, đảm bảo các tiêu chuẩn về “Điện - Đường - Trường - Trạm” và phát triển dân cư theo từng phân vùng. Dự báo dân số nông thôn đến năm 2030 là 112.500 người (*trong đó: Phân vùng 1 có 31.500 người, Phân vùng 2 có 32.000 người, Phân vùng 3 có 49.000 người*); Và đến năm 2050 là 129.000 người (*trong đó: Phân vùng 1 có 37.000 người, Phân vùng 2 có 38.000 người, Phân vùng 3 có 54.000 người*).

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 20 - 40 ha, quy mô dân số từ 5.000 - 7.000 người. Đây là trung tâm kinh tế, văn hóa của xã. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hóa thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã ($\geq 60 \text{ cm} \times 90 \text{ cm}$),... được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 20 km.

- Trung tâm thôn/ khối/ xóm: Nhà văn hóa thôn/ khối/ xóm, trường mầm non,... nên được bố trí tập trung kết hợp với các không gian công cộng, nghỉ ngơi để tạo không gian trung tâm cho thôn/ xóm/ khối.

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, hiện nay các tuyến này đã có dân cư khá đông, cần quy hoạch đầu tư đồng

bộ các công trình hạ tầng như đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa - xã hội,...

- Cần lưu ý các giải pháp quy hoạch để bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan kiến trúc truyền thống cũng như các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn huyện. Bảo tồn các công trình di tích lịch sử có giá trị, các làng văn hóa truyền thống.

- Đối với cảnh quan làng bản, khu dân cư: Cải tạo chỉnh trang các thôn/ khối/ xóm trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở nông thôn: Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại hoặc gia trại tập trung: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động trồng hoa, trồng rau sạch,... Có thể tổ chức thành từng nhóm nhà ở cùng chia sẻ các dịch vụ công cộng, phù hợp phát triển xây dựng. Mô hình đô thị trang trại, gia trại tập trung tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

- Các điểm dân cư nông thôn được liên kết với đô thị bằng mạng lưới giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác, giữ vai trò phục vụ sản xuất công nghiệp / tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, du lịch, nghỉ dưỡng, giảm tải diện tích cư trú,... cho đô thị.

- Các điểm dân cư nông thôn được đầu tư hạ tầng kỹ thuật - xã hội có định hướng, có quy hoạch là điều kiện cũng như cơ hội phát triển, tương lai sẽ trở thành một bộ phận của đô thị mở rộng hoặc cấu trúc làng xã bền vững.

c) Mô hình điểm dân cư nông thôn:

- Xây dựng mô hình thí điểm các cụm dân cư đổi mới gắn với các trung tâm dịch vụ sản xuất tại các cụm - điểm dân cư trung tâm xã. Tái cấu trúc các làng đô thị hiện hữu trên cơ sở tạo ra các hành lang nông nghiệp kết nối các dãy dân cư, đưa vùng cảnh quan sản xuất, vùng cảnh quan tự nhiên và các không gian cộng đồng đan xen vào các khu vực dân cư và công trình.

- Đối với nhà ở nông thôn, khuyến khích bảo tồn không gian kiến trúc truyền thống; Hướng dẫn thiết kế mẫu nhà ở nông thôn điển hình, xây dựng với mật độ thấp, các công trình xây dựng thấp tầng, theo địa hình và hướng về các cánh đồng bằng phẳng rộng lớn bao la,... đáp ứng tiện nghi và sinh hoạt hiện đại, thống nhất về ngôn ngữ kiến trúc, tiến tới mô hình nông thôn hiện đại có bản sắc; Khuyến khích loại hình cư trú tập trung nhà ở khu phố nhỏ khoảng 2 - 3 tầng để có thể tăng diện tích đất cho những khu vườn sinh thái, có thể hướng theo mô hình “Homestay”⁶².

⁶² “Homestay” - Là loại hình du lịch mà khách du lịch sẽ nghỉ, ngủ tại nhà người dân địa phương, nơi mà họ đặt chân đến nhằm giúp du khách khám phá, trải nghiệm và tìm hiểu phong tục tập quán, đời sống văn hóa của từng vùng miền

+ Bổ sung các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển sản xuất ở vùng nông thôn thông qua hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn, công nghệ, tiêu thụ sản phẩm.

+ Bảo tồn, phục hồi cảnh quan và sinh thái tự nhiên của các làng như các cánh đồng (lúa - màu, cỏ, hoa,...); vùng ven sông; các khu vực rừng tự nhiên trên đồi, tầm nhìn ra vùng rừng núi và thung lũng kề cận.



Hình ảnh minh họa mô hình khu vườn sinh thái, “Homestay” ...



Mô hình “Homestay” ...

+ Hệ thống các công trình dịch vụ công cộng và xã hội trong bán kính cho phép đi bộ, cho phép trẻ em đi lại và vui chơi an toàn. Khuyến khích sử dụng các phương tiện di chuyển không gây ô nhiễm nhờ vào phát triển các tuyến dành riêng cho đạp, đi bộ,... hoặc các trạm xe buýt (bus) chuyên dụng để tiếp cận với khu vực.

- Xây dựng mô hình khu ở công nhân nông nghiệp (Agricultural Workers’ Quarters), một phần khu ở công nhân công nghiệp và khu ở tái định cư:

+ Xu hướng phát triển trong tương lai sẽ có một lượng cư dân làm việc trong các trang trại tập trung (các trang trại chăn nuôi tập trung được quy hoạch đầu tư xây dựng tại xã Nghĩa Thọ, xã Nghĩa Mai), dự án nông nghiệp công nghệ cao, hình thành một tầng lớp công nhân nông nghiệp; Họ cần được cung cấp điều kiện ăn ở, sinh hoạt như người dân cư đô thị như không rời xa địa bàn cư trú hiện nay của họ, thuận tiện cho việc đi làm. Vì vậy, cần hình thành các dự án xây dựng khu ở công

tại địa phương; Có thể hiểu cách khác thì đây loại hình du lịch dựa vào cộng đồng, tức lưu trú tại nhà dân, địa phương nơi khách đến, giúp nơi đó quảng bá văn hóa, con người và cảnh đẹp một cách chân thật nhất. Loại hình du lịch “Homestay” được đánh giá là đặc biệt phù hợp với quốc gia đa văn hóa như Việt Nam.

nhân nông nghiệp với quy mô vừa phải.

+ Được xây dựng theo hình thức tập trung, mỗi khu quy mô diện tích ≤ 30 ha, quy mô dân số khoảng 2.000 - 2.500 người; Là những khu đất cao ráo, không bị ngập lụt, giao thông thuận tiện, khoảng cách đến các trang trại khoảng ~ 5 km; Các khu ở này sẽ được cung cấp đầy đủ điện, nước và một số dịch vụ thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày (cửa hàng nhu yếu phẩm, không gian sinh hoạt cộng đồng, trường mầm non, trạm y tế, quán ăn - giải khát, vườn hoa,...). Đây sẽ là một trung tâm đổi mới của một vùng trong huyện nhằm phục vụ tầng lớp công nhân nông nghiệp.



Hình ảnh minh họa “Khu ở công nhân nông nghiệp”

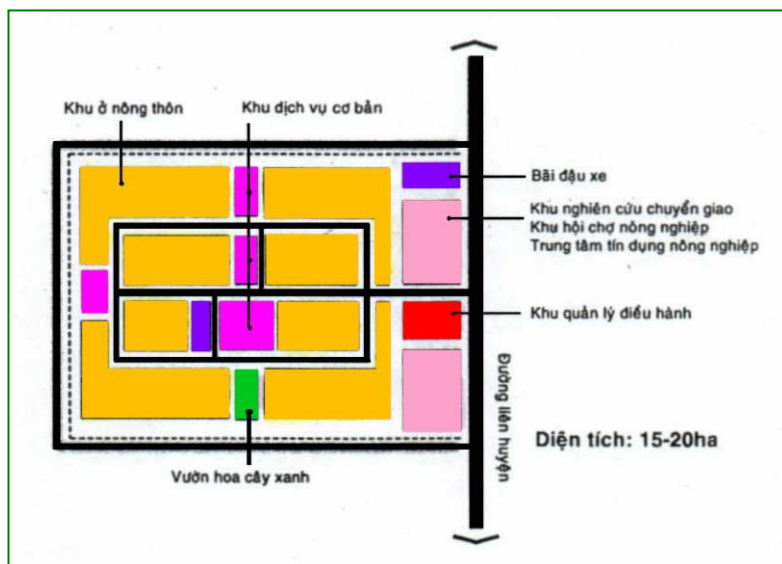
+ Dự kiến trên toàn vùng huyện sẽ hình thành 02 “khu ở công nhân nông nghiệp” tại xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa An.

- Xây dựng “Cụm đổi mới”⁶³ (Innovation Cluster):

+ Được hình thành nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao và hàng hóa chất lượng cao; Bán kính phục vụ 2 - 3 km. “Cụm đổi mới” có vị trí và tổ chức gắn với trung tâm huyện hoặc trung tâm tiểu vùng trong huyện hoặc trung tâm xã và nằm trên trục giao thông chính của vùng để thuận tiện liên hệ với bên ngoài huyện. “Cụm đổi mới” có quy mô từ 15 - 20 ha, với các chức năng chủ yếu, như: Khu quản lý, điều hành; Khu nghiên cứu và chuyển giao công nghệ nông nghiệp; Trung tâm tín dụng nông nghiệp; Khu hội chợ sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao; Kho bảo quản; Khu dịch vụ cơ bản (các cửa hàng, nhà trẻ, y tế, nhà sinh hoạt chung,...); Nhà ở (có 2 hình thức: Nhà ở kết hợp dịch vụ được bố trí kề cận đường giao thông chính & khu vực bố trí các công trình công cộng dịch vụ; Nhà vườn, khuyến khích người dân trồng hoa, cây cảnh trong vườn nhằm làm tăng môi trường cảnh quan) với quy mô mỗi lô đất ở khoảng 200 - 250 m², có chiều rộng lô đất tối thiểu 10 m để tạo không gian vườn trồng hoa trước nhà.

⁶³ “Cụm đổi mới” được xác định với các chức năng gồm: Dịch vụ công cộng, đất hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, tiêu thụ công nghiệp làng nghề; Không bố trí dân cư tại vị trí Trung tâm cụm đổi mới. “Cụm đổi mới” là 1 bộ phận nhỏ của “hệ sinh thái đổi mới” đối với 1 đô thị thông minh với các hệ thống đổi mới nhỏ hơn hoạt động trong đô thị - thành phố như khu công nghệ, cực đổi mới, cụm đổi mới,...

+ Dự kiến trên toàn vùng huyện sẽ hình thành 03 “Cụm đổi mới” tại Thị trấn Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Thọ và xã Nghĩa Khánh.



Sơ đồ minh họa mô hình “Cụm đổi mới”...

- Xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ kinh tế nông thôn: Có hệ thống hạ tầng sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp,... Tại trung tâm tiểu vùng là đô thị Nghĩa Hồng và Nghĩa Khánh; với quy mô ≤ 10 ha.

4.3. Định hướng phân vùng phát triển công nghiệp.

4.3.1. Định hướng chung.

- Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ cả trong và ngoài các KCN-CCN hiện có.

- Phát triển các KCN - CCN, các làng nghề trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương. Xem xét khả năng mở rộng các KCN - CCN thuận lợi để phát triển: Về hạ tầng giao thông, ngành nghề, khả năng thu hút lao động,...

- Lựa chọn các loại hình sản xuất xanh - sạch, có hiệu quả kinh tế cao nhằm tối đa hóa hạ tầng và phát triển bền vững. Ưu tiên công nghiệp sạch, công nghệ cao với các ngành: Chế biến nông - thủy sản, vật liệu xây dựng không nung, sản xuất dược phẩm, linh kiện điện tử, sinh hóa học,...

- Dịch chuyển các nhà máy xí nghiệp ô nhiễm ra khỏi trung tâm đô thị, tập trung về các KCN - CCN, cải thiện không gian cây xanh cảnh quan môi trường cho các nhà máy xí nghiệp; Đồng bộ hóa mạng lưới hạ tầng đảm bảo các điều kiện hoạt động phát triển và bảo vệ môi trường. Dành các quỹ đất đón đầu cho các dịch vụ trung chuyển và các hoạt động giao thương hàng hóa.

4.3.2. Quy hoạch Khu công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Mở rộng KCN Nghĩa Đàn (vị trí nằm trên địa bàn 2 xã Nghĩa Hội và Nghĩa Phú) có vị trí thuận lợi, nằm trên trục đường QL.48D (đoạn ĐT.537 cũ) từ cảng Đông Hội - QL1A - Đường HCM gần Thị trấn Nghĩa Đàn và Thị xã Thái Hòa với diện tích hiện trạng là 39,67 ha; Được phê duyệt quy hoạch tại Quyết định số 4656/UBND ngày 19/12/2012 với tổng diện tích quy hoạch 245,68 ha.

- Đây sẽ là KCN tập trung, tổng hợp đa ngành nghề với các ngành công nghiệp dự kiến thu hút vào KCN, gồm: Chế biến nông, lâm, khoáng sản, thức ăn gia súc, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp chế tạo cơ khí lắp ráp xe máy, hóa chất,... nhằm mục tiêu xây dựng 01 KCN tổng hợp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, phục vụ cho các nhà máy công nghiệp kỹ thuật cao, ít gây ô nhiễm môi trường, từ đó tạo môi trường thuận lợi, cơ sở để giới thiệu địa điểm, xúc tiến các hoạt động đầu tư trong và ngoài nước.

KCN Nghĩa Đàn là một trong số 08 KCN được Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung vào hệ thống các KCN của tỉnh Nghệ An. Việc xây dựng KCN Nghĩa Đàn sẽ đem lại nhiều hiệu quả cao và ý nghĩa to lớn cho sự phát triển kinh tế của vùng đất Phủ Quỳ này.

4.3.3. Phân bố không gian phát triển các cụm công nghiệp:

a) Cụm công nghiệp hiện có:

Cụm công nghiệp Nghĩa Long (được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 4055/QĐ-UBND.ĐT ngày 19/8/2009) có diện tích quy hoạch là 24,14 ha, được phê duyệt điều chỉnh QHCT mở rộng lên 37,01 ha. Tỷ lệ lấp đầy CCN trên 70 % (tính tỷ lệ trên tổng số diện tích đất xây dựng nhà máy theo quy hoạch 29,57 %) và dự kiến lấp đầy trên 90 % vào năm 2022. Xuất phát từ nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp đang có nhu cầu đầu tư vào Cụm Công nghiệp trong khi quỹ đất còn lại của CCN Nghĩa Long không đáp ứng được của các nhà đầu tư; Vì vậy, UBND huyện đã giao cho các phòng ban chuyên môn, BQL CCN Nghĩa Long và UBND xã Nghĩa Long lên phương án khảo sát, đề xuất mở rộng CCN lên diện tích 73,96 ha (diện tích tăng thêm sau khi đề xuất mở rộng 36,95 ha). Loại hình công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư: CN chế biến đá, chế biến các sản phẩm từ nhựa; CN chế biến lâm sản; CN VLXD; CN cơ khí; TTCN ngành nghề truyền thống (làng nghề); CN sản xuất hàng tiêu dùng.

b) *Phân bố các cụm công nghiệp mới:* Thu hút đầu tư, khai thác các cơ hội mới (đầu mối giao thông) tạo động lực phát triển KT-XH và tạo thị:

- CCN Nghĩa Lâm: Quy mô quy hoạch khoảng 75 ha; Bố trí tiếp giáp phía Tây đường Hồ Chí Minh và phía Bắc Hợp tác xã cổ phần dịch vụ Tổ Hợp Sơn Long, thuộc xã Nghĩa Lâm. Là CCN đầu mối phía Bắc của Huyện. Dự kiến thu hút loại hình công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư: CN chế biến lâm sản; CN chế biến đá, chế biến các sản phẩm từ nhựa; CN VLXD; CN cơ khí; TTCN ngành nghề truyền thống (làng nghề); CN sản xuất hàng tiêu dùng; Các dự án may mặc, dày da.

- CCN Nghĩa Thành: Quy mô quy hoạch khoảng 43 ha; Bố trí tiếp giáp phía Nam QL.48, thuộc xã Nghĩa Thành. Là CCN đầu mối phía Tây của Huyện. Dự kiến thu hút loại hình công nghiệp ưu tiên thu hút đầu tư: CN chế biến lâm sản; CN chế biến đá, chế biến các sản phẩm từ nhựa; CN VLXD; CN cơ khí; TTCN ngành nghề truyền thống (làng nghề); CN sản xuất hàng tiêu dùng; Các dự án may mặc, dày da.

- CCN Nghĩa Phú và CCN Nghĩa Phú - Nghĩa Thọ:

+ CCN Nghĩa Phú với quy mô quy hoạch khoảng 85,35 ha, được bố trí tiếp giáp phía Bắc QL.48D, thuộc xã Nghĩa Phú. Dự kiến thu hút loại hình công nghiệp: CN chế biến lâm sản; CN cơ khí; TTCN ngành nghề truyền thống (làng nghề); CN sản xuất hàng tiêu dùng; Các dự án may mặc, dày da.

+ CCN Nghĩa Phú - Nghĩa Thọ với quy mô 78,7 ha, được bố trí tiếp giáp phía Đông QL.48E, thuộc ranh giới 2 xã Nghĩa Phú và Nghĩa Thọ. Dự kiến thu hút loại hình công nghiệp: CN hỗ trợ sơ chế, chế biến nông lâm sản và dược liệu.

+ Các CCN “Nghĩa Phú và Nghĩa Phú - Nghĩa Thọ” kết hợp với KCN Nghĩa Đàn tạo thành Khu - Cụm công nghiệp đầu môi phía Đông của Huyện, được bố trí trải dọc theo QL.48D (ĐT.537 cũ) theo đúng định hướng của “Khung quy hoạch Tỉnh” và đúng chiến lược phát triển của Khu Kinh tế Đông Nam về công nghiệp.

Bảng phân kỳ quy hoạch Khu - cụm CN trên địa bàn huyện					
TT	Tên Khu - Cụm CN	Hiện trạng	Quy hoạch	DT tăng thêm	Năm thực hiện
		(ha)	(ha)	(ha)	
1	Khu CN Nghĩa Đàn	39,67	245,68	206,01	2021 - 2031
2	Cụm CN Nghĩa Long	37,01	73,96	36,95	2021 - 2031
3	Cụm CN Nghĩa Lâm		75,00	75,00	2022 - 2030
4	Cụm CN Nghĩa Thành		43,00	43,00	2025 - 2030
5	Cụm CN Nghĩa Phú		85,35	85,38	2021 - 2030
6	CCN Nghĩa Phú - Nghĩa Thọ		78,70	78,70	2021 - 2030
7	PT CN theo KKT Đông Nam ⁶⁴		~800	~800	2030 - 2050

4.4. Định hướng phân vùng phát triển không gian du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường.

4.4.1. Định hướng chung.

Tận dụng ưu thế lớn là vùng đất đỏ bazan có bề dày lịch sử, đậm nét truyền thống văn hóa, có di tích lịch sử cách mạng như Hang Rú Ấm (xã Nghĩa Đức), Cây Đa làng Trù (xã Nghĩa Khánh), cùng không gian cảnh quan đặc trưng, như: Hồ Lim, hồ đập Sông Sào, hồ đập Khe Đá,... các cánh đồng cỏ - thung lũng hoa,... **Khu du lịch sinh thái (xóm Trung Tâm, xã Nghĩa Trung),...** Kiến tạo hệ thống cảnh quan du lịch đặc trưng được khai thác đầu tư xây dựng đưa du lịch nghỉ dưỡng trở thành một trong những mũi nhọn phát triển kinh tế.

Chương trình bảo tồn, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể từ cái nôi của người “Việt cổ” đến các thế hệ người Thanh, người Thái, người Thổ và

⁶⁴ Hướng phát triển công nghiệp theo Khu kinh tế Đông Nam hướng theo QL.48D, tập trung tại các xã Nghĩa Hội, Nghĩa Phú và Nghĩa Thọ.

người Kinh chung sống trong cộng đồng là sự giao thoa và tích hợp của nhiều “dòng văn hóa”; Như đồng bào dân tộc Thổ vẫn còn lưu giữ được những nét văn hóa truyền thống đặc trưng về trang phục, lễ xuống đồng, lễ cơm mới, văn hóa cồng chiêng, các làn điệu dân ca, như: Đu đu điềng điềng, tập tính tập tang... Cùng với người Thổ, người Thái có Lễ hội mang tính cổ kết cộng đồng cao, như: “Chá” hay “xăng booc” (xăng khan) hay tục Buộc chỉ cổ tay, tục Uống rượu cần, làm nhà mới, cưới hỏi, và những điệu múa sạp, múa xòe, đánh cồng, ném còn,... tạo nên một sắc màu văn hóa đa dạng, phong phú.

Tập trung huy động các nguồn lực, làm tốt công tác trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng như Hang Rú Ấm (quy hoạch mở rộng ≥ 3 ha), cây đa Làng Trù (khoanh vùng bảo vệ),... Đầu tư xây dựng Đình Làng Nám ở TT. Nghĩa Long và Đền Xâm ở xã Nghĩa Lâm. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, quảng bá, khuyến khích phát triển mạnh các loại hình dịch vụ du lịch, xây dựng hệ thống tuyến - điểm du lịch của Tỉnh - khu vực lân cận và địa phương.

Xây dựng các tour - tuyến - điểm du lịch văn hóa di tích lịch sử cách mạng, du lịch trải nghiệm, du lịch nghỉ dưỡng,... kết hợp với vui chơi giải trí cao cấp; Đồng thời, tạo ra các sản phẩm đặc trưng của Huyện để phục vụ khách du lịch và dừng chân nơi cửa ngõ miền Tây xứ Nghệ.

→ Hướng đưa du lịch trở thành một trong các ngành mũi nhọn phát triển kinh tế Huyện.

4.4.2. Quy hoạch các tuyến - điểm du lịch.

- Kết nối cụm di tích lịch sử cách mạng huyện Nghĩa Đàn (Hang Rú Ấm, Cây đa Làng Trù) với cụm di tích Thái Hòa (Làng Vạc, Khu Bác Hồ về thăm Đông Hiếu, Làng Lụi, đền Bàu Sen) tạo thành hệ thống tuyến điểm du lịch văn hóa, tâm linh...

- Đồng thời kết nối cụm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp: Hồ Sông Sào, Khe Đá, Hòn Mát, Đồng Canh,... Kết hợp các loại hình du lịch nông nghiệp (Agritourism), du lịch lữ hành, du lịch trải nghiệm (Farmstay), du lịch loại hình lưu trú nghỉ chân tại vùng nông thôn (Homestay).

- Loại hình dịch vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm, thắng cảnh: Thung lũng hoa Phù Quỳ (xã Nghĩa Long), Cánh đồng hoa Hướng Dương (TT. Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm), cánh đồng hoa Tam giác mạch (xã Nghĩa Lâm), Đồi hoa Trương Gia Trang - xóm Nam Thắng xã Nghĩa Long;... Điểm du lịch Đá nhảy ở xã Nghĩa Lạc; Điểm du lịch cộng đồng xóm Đồng Nheo cũ (xóm Trung Thịnh mới) xã Nghĩa Trung; Điểm du lịch canh nông xóm Sơn Mộng tại xã Nghĩa Hiếu); **Khu du lịch sinh thái (xóm Trung Tâm, xã Nghĩa Trung),...**

4.4.3. Xác định các vùng bảo tồn, bảo vệ cảnh quan sinh thái.

a) *Vùng bảo tồn:* Các di tích đã được công nhận di tích lịch sử cách mạng:

- Hang Rú Ấm;

- Cây đa Làng Trù.

b) *Vùng bảo vệ cảnh quan*: Khu vực sông Hiếu cần bảo vệ, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng, đảm bảo dòng chảy,...

c) *Vùng bảo vệ cảnh quan tự nhiên, khai thác du lịch sinh thái nghỉ dưỡng*:
Khu vực hồ đập:

- Hồ đập Sông Sào;
- Hồ đập Khe Đá;
- Hồ Hòn Mát;
- Hồ Đồng Canh;...

4.5. Định hướng phân vùng phát triển không gian hạ tầng xã hội.

- Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;...

- Định hướng phát triển không gian hạ tầng xã hội, bao gồm: Khu hành chính, trung tâm văn hóa - thể dục thể thao,... cấp huyện.

4.5.1. Định hướng quy hoạch khu trung tâm hành chính - chính trị.

- Trung tâm hành chính - chính trị cấp huyện hiện nay cơ bản đáp ứng chỉ tiêu; Tuy nhiên, cần tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng đô thị và hạ tầng xã hội đảm bảo đạt tiêu chuẩn thị trấn, đô thị loại V.

- Từng bước xây dựng Trung tâm hành chính tại thị trấn Nghĩa Sơn, Nghĩa Long với các công trình cấp khu vực, như: Trung tâm hành chính - kinh tế, trung tâm văn hóa - thể dục thể thao, quảng trường, công viên cây xanh,... dự kiến lõi trung tâm đô thị dự kiến quỹ đất 100 ha.

- Tập trung xây dựng các “Trung tâm cụm xã” như Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Khánh với quy mô khoảng 100 ha, là trung tâm thương mại dịch vụ cấp cơ sở (mỗi cụm gồm 3 - 5 xã). Đồng thời, mỗi xã tập trung xây dựng hành chính cấp xã với quy mô khoảng 50 ha, bao gồm các công trình: Trung tâm hành chính xã, trung tâm văn hóa thể dục thể thao cấp xã, trung tâm giáo dục (với các cấp trường: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), trung tâm y tế xã (trạm y tế xã, y tế tư nhân, nhà thuốc,...), bưu điện xã,...

4.5.2. Hệ thống thương mại dịch vụ.

Với ưu thế là đầu mối giao thông lớn như đường Hồ Chí Minh, QL.48, QL.48D, QL.48E, QL.15,... trực hành lang kinh tế Thái Hòa - Nghi Sơn; Phát triển thương mại ngoại vùng: Dịch vụ trung chuyển hàng hóa - hành khách - kho vận - Logistics,...

Định hướng phát triển ngành thương mại dịch vụ xác định cần hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn Huyện, theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực các thị trấn Nghĩa Đàn,

Nghĩa Sơn, Nghĩa Long và đô thị Nghĩa Hiếu. Ngoài các điểm trung tâm thương mại dịch vụ ở các đô thị; Hình thành các cụm thương mại dịch vụ tại các khu vực có vị trí giao thương thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với các khu - cụm công nghiệp, các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng,...

Phát triển mạng lưới trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm mua bán, trung tâm tổ chức sự kiện,... theo mô hình vừa và nhỏ, phân bố đồng đều, tạo điều kiện tăng cường phát triển mạng lưới thương mại điện tử.

a) Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng:

- Tại trung tâm thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn: Tập trung dịch vụ thương mại tổng hợp hỗ trợ và cùng với thành phố Thái Hòa trở thành trung tâm “hệ sinh thái kinh tế” của Miền Tây Nghệ An hướng về QL.1, thị xã Hoàng Mai, cảng Đông Hội, cảng nước sâu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa) theo các trục liên kết vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An; Đồng thời là sự tham gia dịch vụ thương mại hậu cần sân Golf, hậu cần kỹ thuật công nghiệp đáp ứng những yêu cầu của khu công nghiệp Nghĩa Đàn (xã Nghĩa Hội).

- Tại trung tâm thị trấn Nghĩa Sơn: Tập trung dịch vụ thương mại hậu cần nông nghiệp (*đáp ứng các ngành thiết yếu phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, như: Chăn nuôi, sản xuất thức ăn, sản xuất sản phẩm từ plastic, gia công cơ khí - xử lý, tráng phủ kim loại, lắp đặt máy móc, thiết bị công - nông nghiệp,... và các hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ khác*).

- Tại trung tâm thị trấn Nghĩa Long: Tập trung dịch vụ thương mại hậu cần Logistics, điểm dừng chân và các dịch vụ vận tải khác,... dọc theo đường Hồ Chí Minh.

- Tại trung tâm đô thị Nghĩa Hiếu cần tập trung dịch vụ thương mại hậu cần Logistics theo QL.48 - hỗ trợ thành phố Thái Hòa về việc vận chuyển hàng hóa, hành khách, kho vận,... từ vùng Duyên hải (cảng Nghi Sơn, cảng Đông Hội, Hoàng Mai, QL.1) lên Miền Tây xứ Nghệ rồi sang Lào qua cửa khẩu Thông Thụ (huyện Quế Phong) và ngược lại.

b) Quy hoạch mạng lưới Chợ:

Tiếp tục nâng cấp các chợ xã / thị trấn, chợ khu vực và mở thêm chợ ở những nơi có nhu cầu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn Huyện có cơ hội kinh doanh mở rộng thị trường.

4.5.3. Hệ thống công trình y tế.

- Lập quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng huyện Nghĩa Đàn hiện nay (3,19 ha) tại khối Tân Đức với quy mô 70 - 80 giường, mở rộng diện tích lên khoảng 5,15 ha, trở thành Bệnh viện đa khoa huyện với quy mô 150 - 200 giường và đạt tiêu chuẩn y tế về mọi mặt.

- Khuyến khích phát triển xã hội hóa Bệnh viện đa khoa, các trung tâm y tế, chuyên khoa, phòng khám tư nhân, nhà thuốc,... tại các đô thị đã xác định: Thị trấn

Nghĩa Đàn, thị trấn Nghĩa Sơn, thị trấn Nghĩa Long, các đô thị Nghĩa Hồng - Nghĩa Hiếu - Nghĩa Khánh.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống 23 trạm y tế xã / thị trấn nhằm phát huy được hiệu quả chăm sóc sức khỏe nhân dân ở tuyến cơ sở.

4.5.4. Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo.

- Ổn định vị trí các trường Trung tâm bồi dưỡng Chính trị, Trung tâm Giáo dục thường xuyên như hiện nay; Mở rộng và nâng cấp trường PTTH Nghĩa Đàn (tại thị trấn Nghĩa Đàn), PTTH Cờ Đỏ (tại xã Nghĩa Hồng) đảm bảo tiêu chuẩn 40 - 50 học sinh / 1.000 người dân, 10 - 15 m²/ học sinh; Quy mô đạt khoảng 2,0 - 3,0 ha/trường.

- Hệ thống giáo dục cấp (THCS, trường tiểu học, trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; Sắp xếp, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở khu dân cư tập trung, để đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu đô thị loại V. Định hướng sắp xếp lại mạng lưới trường học theo nguyên tắc “mỗi xã / thị trấn có 01 trường công lập ở mỗi cấp học, đảm bảo không bị chia cắt giao thông đối ngoại”.

- Bổ sung 02 Cụm trường liên cấp⁶⁵ ở thị trấn Nghĩa Sơn và Nghĩa Long (quy mô khoảng 5,0 ha / 1 cụm trường):

+ Thị trấn Nghĩa Sơn: Cùng với điểm trường THPT Cờ Đỏ (xã Nghĩa Hồng), cụm trường liên cấp sẽ phục vụ cho thị trấn và các xã phía Tây Bắc Huyện thuộc phân vùng 2 (gồm TT. Nghĩa Sơn và các xã: Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh).

+ Thị trấn Nghĩa Long: Phục vụ cho thị trấn và các xã phía Nam Huyện thuộc phân vùng 3 (gồm TT. Nghĩa Long và các xã: Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành).

4.5.5. Hệ thống công trình văn hóa, thể thao.

Định hướng đến năm 2030, toàn huyện có 01 Khu liên hợp thể dục thể thao cấp Huyện và 03 cụm trung tâm văn hóa - Thể dục thể thao cấp khu vực:

- Xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao cấp Huyện hoặc cấp vùng (đã có chủ trương lập QHCT XD) với diện tích khoảng 26,0 ha, bao gồm: 01 sân vận động trung tâm có khán đài với sức chứa khoảng 5.000 - 10.000 người và diện tích dự kiến 3,0 ha; Trung tâm thể thao đa năng (gồm: 01 nhà thi đấu, 03 nhà tập luyện, 04 sân tennis và các sân tập ngoài trời) với diện tích dự kiến 5,0 ha; Trung tâm thể thao dưới nước (bể bơi, bể vẫy, phòng tập thể lực, các dịch vụ phụ trợ) với diện tích dự kiến 1,5 ha; Khu hành chính - nhà điều hành (nhà văn phòng, nhà điều hành, nhà chuyên môn) diện tích dự kiến 1,0 ha; Bãi đỗ xe - công trình phụ trợ (khoảng 4,0ha);

⁶⁵ “Cụm trường liên cấp” Dành quỹ đất dự phòng giáo dục, bổ sung các cấp trường: THPT, THCS, tiểu học, mầm non) đảm bảo nhu cầu phát triển thiết yếu.

Cây xanh - mặt nước (khoảng 6,0 ha); Giao thông nội khu. Đây sẽ là khu liên hợp thể thao cấp vùng phục vụ các sự kiện thể thao quan trọng của Huyện, Tỉnh; Là một điểm nhấn hiện đại ven dòng Khe Sâu thị trấn Nghĩa Đàn.

- Quy hoạch xây dựng cung văn hóa thiếu nhi (quy mô khoảng 1,0 ha) tại thị trấn Nghĩa Đàn (theo QHC thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 04/01/2018) với chức năng là sân chơi, nơi tập hợp, đào tạo các lớp năng khiếu - rèn luyện và phát huy năng khiếu cho các thanh thiếu nhi, các cộng tác viên có chuyên môn tại địa phương.

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng 02 trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị tại thị trấn Nghĩa Sơn và Nghĩa Long, gồm các công trình thể thao cơ bản, nhà văn hóa truyền thông, trung tâm văn hóa thể thao, nhà luyện tập, bể bơi trong nhà - ngoài trời,... bãi đỗ xe; Diện tích khoảng từ 3,0 - 5,0 ha.

- Trung tâm thể dục thể thao cấp khu ở, cấp xã / thị trấn cơ bản đã có sân thể thao, cần quy hoạch mở rộng, cải tạo, nâng cấp các khu trung tâm thể dục thể thao hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới; mỗi trung tâm thể dục thể thao gồm 01 sân thể thao phổ thông 5.000 - 8.000 m², nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa diện tích 200 - 300 m², 3 - 5 sân thể thao.

Quy hoạch và đầu tư xây dựng Khu vực cây xanh, tượng đài biểu tượng của thị trấn ở phía Đông công chào vào đô thị với diện tích 2,72 ha, tạo không gian mở, đưa luồng gió mát vào khu trung tâm huyện lỵ, đồng thời cũng là biểu tượng đặc trưng “hoa hướng dương” của Huyện.

Quy hoạch và đầu tư xây dựng Khu công viên văn hóa trung tâm (bao gồm: bãi đỗ xe, khu tổ chức sự kiện văn hóa, khu nghỉ ngơi + cắm lều trại, vui chơi giải trí, khu rèn luyện thể chất, không gian cây xanh mặt nước,...) tại 02 khu vực:

- Khu vực 1 là vùng đồng ruộng ở phía Đông Bắc nút giao đường HCM và QL48D, kiến tạo không gian xanh - thoáng đãng khi tiến vào thị trấn. Diện tích khoảng 10,0 ha.

- Khu vực 2 ở phía Đông Bắc khu trung tâm huyện lỵ và phía Bắc trục cảnh quan 52,0 m kết nối với đường Trung Bình Lâm nhằm đảm bảo bán kính phục vụ cho toàn bộ dân cư thị trấn Nghĩa Đàn; Đồng thời, khai thác cảnh quan đoạn lạch Khe Bai (lạch sông Sào) và cũng là không gian đệm giữa trung tâm huyện lỵ và trung tâm thị trấn Nghĩa Đàn; Kiến tạo không gian đẹp và thoáng đãng. Diện tích khoảng 4,0 ha.

4.6. Phân bố không gian phát triển nông nghiệp.

4.6.1. Định hướng, mục tiêu phát triển.

a) Định hướng chung:

Tập trung tối đa hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án Nông nghiệp Công nghệ cao tạo bước ngoặt chuyển biến sâu trong phát triển nông nghiệp.

Tỷ lệ giá trị sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 chiếm

khoảng 80 % tổng GTSX nông nghiệp trở lên.

- Tiếp tục đẩy mạnh dồn điền - đổi thửa, tích tụ ruộng đất, sản xuất quy mô lớn - tập trung, an toàn, ứng dụng hiện đại hóa trong nông nghiệp tạo ra các sản phẩm giá trị tăng cao. Xây dựng các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, hệ thống nông trại (trang trại, gia trại tập trung) kết hợp phát triển du lịch.

- Tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thực hiện tốt việc chuyên đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác hoặc kết hợp với nuôi trồng thủy sản mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn và chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo hướng công nghệ cao; phát huy hiệu quả kinh tế trang trại. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững.

- Dựa vào đặc điểm tự nhiên đặc trưng của từng vùng về điều kiện đất đai, thủy lợi để phát triển nông nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa và bền vững. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng cây, con có giá trị kinh tế cao, đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật, hiện đại hóa trong nông nghiệp nhằm tăng năng suất, chất lượng và thu nhập trên 1,0 ha đất canh tác. Phát triển nông nghiệp gắn kết với các doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra cho sản xuất.

b) Định hướng, mục tiêu phát triển:

“NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO - XU HƯỚNG TẤT YẾU CỦA KỶ NGUYÊN SỐ”.

Huyện Nghĩa Đàn “Từng bước trở thành trung tâm kinh tế nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Tỉnh, của vùng Bắc Trung bộ; Phát triển ngành Sữa trở thành hạt nhân quan trọng và là số 1 Việt Nam; Từng bước xây dựng một số thương hiệu hàng hóa nông sản như: Bơ - Ổi - Hạt Tiêu - Mật Mía - Đường phèn - Dầu Sỡ - Mắc Ca - Cam - ...”.

Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nông dân về việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu hàng hóa nông sản; Quảng bá vai trò, tác dụng của sở hữu trí tuệ với việc phát triển đặc sản của nông dân; Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, nhãn mác, thương hiệu.

- Định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng: Phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật, quy mô lớn, tập trung, có giá trị cao gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ, trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế địa lý của địa phương.

- Huy động nguồn lực cho phát triển nông - lâm nghiệp, đặc sản vùng miền; kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; đầu tư cải tạo hệ thống hạ tầng nông nghiệp (công trình thủy lợi, điện khu sản xuất, giao thông nội đồng,...); Tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho các hộ nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng giá trị sản phẩm / 1,0 ha canh tác và hiệu quả khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Tập trung hình thành và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản, đặc sản của vùng chiêm trũng, ven sông, ven hồ đập; Tập trung gắn với chế biến, nâng

cao giá trị gia tăng, đảm bảo tiêu chuẩn của các sản phẩm, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, xây dựng một số thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển nông - lâm nghiệp, thủy sản gắn với xây dựng nông thôn mới và có tính đến các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

- Kết hợp phát triển nông nghiệp, các nông trại, các làng nghề với loại hình du lịch cộng đồng, dã ngoại, trải nghiệm.

(1). Trồng trọt:

Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010) ngành trồng trọt năm 2020 đạt 1.418.633 triệu đồng, giá trị tăng thêm đạt 958.508 triệu đồng. Tốc độ tăng trưởng ngành giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,98 %.

(1.a). Cây lương thực:

* **Cây lúa:**

- Ổn định diện tích lúa hàng năm khoảng 6.700 ha, trong đó vụ đông xuân khoảng 3.400 ha, vụ mùa 3.300 ha với các giống lúa phổ biến như Hoa khôi 4, Thiên ưu 8, Bắc thơm, nếp DT52, PHB71. Đến năm 2020 năng suất bình quân đạt 59,70 tạ/ ha, sản lượng 40.000 tấn. Chuyển đổi những diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây màu khác có hiệu quả ngô, bí xanh,... hoặc trồng cây thức ăn chăn nuôi.

- Quy hoạch vùng sản xuất lúa chất lượng cao với quy mô khoảng 500 ha (theo Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh Nghệ An) ở những vùng chủ động tưới tiêu, thuận lợi cho việc thực hiện cơ giới hóa các khâu canh tác, thu hoạch và bảo quản. Xây dựng các cánh đồng lớn, tập trung vào 1 - 2 loại giống đạt tiêu chuẩn xuất khẩu như PHB71, AC5, Hoa khôi 4,... Bố trí chủ yếu ở các xã Nghĩa Khánh, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hội, Nghĩa Yên.

→ Một số giải pháp để phát triển sản xuất lúa:

+ Bố trí các vùng sản xuất tập trung, đầu tư thâm canh, gieo cấy đúng thời vụ để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, đồng thời tạo thuận lợi cho sản xuất vụ đông xuân nhằm tăng thu nhập cho người dân. Sản xuất lúa chủ yếu theo 2 hướng: Sản xuất lúa thâm canh năng suất cao và sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, trong đó lúa gạo chất lượng cao hướng vào thị trường các khu đô thị, khu công nghiệp có nhu cầu tiêu thụ lớn.

+ Tiếp tục nhập nội, khảo nghiệm, tuyển chọn các loại giống có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng kháng sâu bệnh và các tác động bất lợi của thời tiết.

+ Quan tâm đầu tư xây dựng mô hình, tăng cường tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. Từng bước áp dụng cơ giới hóa trong các khâu sản xuất: Làm đất, gieo cấy, phun thuốc, thu hoạch,...

+ Xây dựng mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp, quan trọng nhất là

liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân. Bởi, doanh nghiệp mới có đủ điều kiện để định hướng sản xuất, hỗ trợ đầu vào và giải quyết đầu ra sản phẩm cho nông dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về quỹ đất (*như: chuyển mục đích sử dụng đất, miễn giảm thuế,...*) để phục vụ xây dựng hệ thống nhà kho, nhà xay xát, chế biến sau thu hoạch,...

+ Áp dụng các chính sách hỗ trợ xây dựng cánh đồng lớn và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên vùng đất cao, vùng khó khăn về nước.

+ Đẩy mạnh việc xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới, tiêu chủ động cho vùng sản xuất lúa. Đào mới, nạo vét kênh mương, hoàn thiện mạng lưới trạm bơm điện. Tập trung hoàn thiện hệ thống thủy lợi nội đồng, đường giao thông đồng ruộng tạo điều kiện thuận lợi ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện cơ giới hóa các khâu trong sản xuất. Tiếp tục tổ chức nhân rộng phong trào thủy lợi nội đồng.

+ Phát triển hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng nhằm tạo sự gắn kết liên hoàn, thông suốt giữa các vùng nguyên liệu với nơi tiêu thụ, đảm bảo thuận tiện cho các phương tiện cơ giới hóa nông nghiệp đi lại, vận chuyển hàng hóa trong cả mùa mưa và mùa khô.

* Cây ngô:

- Ổn định diện tích trồng ngô để có sản phẩm phục vụ cho chăn nuôi bò sữa, năm 2020 diện tích trồng ngô là 3.200 ha, năng suất đạt 37,50 tạ / ha, sản lượng 12.000 tấn. Chuyển đổi diện tích ngô trên đất lúa, màu chưa phù hợp cần chuyển sang trồng các rau, đậu, bí xanh, dưa chuột có hiệu quả kinh tế cao hơn; Tập trung thâm canh ngô vụ thu đông trên đất màu và đất 2 lúa. Các giống ngô ưu tiên sử dụng như: DK6919, DK6818, CP3Q, MX10,...

- Đầu tư xây dựng theo hướng cánh đồng lớn để áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa cơ giới hóa vào các khâu trong sản xuất. Bố trí cơ cấu lịch thời vụ hợp lý; Cơ cấu giống ngô lai, ngô ngắn ngày, ngô ngọt có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh vào sản xuất. Thí điểm trồng ngô 4 vụ để tăng thức ăn xanh cho chăn nuôi.

→ Một số giải pháp để phát triển cây ngô:

+ Tiếp tục đẩy mạnh thâm canh trồng ngô vụ đông trên đất 2 lúa. Đặc thù trồng ngô đông trên đất 2 lúa thường gặp nhiều khó khăn như thiên tai bão lụt, dễ ngập úng,... nên bà con nông dân còn e ngại, quyết tâm chưa cao. Do vậy, cần có giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đặc biệt là thực hiện kịp thời các cơ chế chính sách hỗ trợ của tỉnh, của huyện để khuyến khích nông dân yên tâm sản xuất.

+ Xây dựng mô hình cánh đồng lớn tiến tới vùng nguyên liệu ngô hàng hóa cung cấp cho Công ty CP thực phẩm sữa TH. Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đưa cơ giới hóa vào các khâu trong sản xuất, khuyến khích áp dụng thiết bị và

công nghệ sau thu hoạch, kéo dài thời gian bảo quản, đa dạng hóa các sản phẩm từ cây ngô.

+ Triển khai mô hình trồng ngô 4 vụ; Chuyển đổi những diện tích đất bãi ven sông Hiếu sang trồng ngô để bán ngô cây cho Công ty CP thực phẩm sữa TH; Từng bước đưa các giống ngô biến đổi gen đã được các cơ quan chức năng cho phép vào sản xuất để nâng cao năng suất và chất lượng.

(1.b). Cây rau, củ, đậu thực phẩm:

- Đẩy mạnh sản xuất rau vụ đông với nhiều chủng loại đa dạng, phong phú; Xây dựng vùng trồng rau tập trung theo quy trình sản xuất sạch, an toàn đáp ứng yêu cầu thị trường; Thực hiện trồng rau củ quả trong nhà kính, nhà màng; Sử dụng công nghệ tưới phun sương, tưới nhỏ giọt.

- Phát triển rau củ quả sạch theo tiêu chuẩn VietGAP và Organic của Công ty Cổ phần sản xuất và cung ứng rau quả sạch Quốc tế (thương hiệu FVF) với quy trình trồng và phân phối rau quả nghiêm ngặt từ nông trại đến bàn ăn, đảm bảo cung ứng đến khách hàng những sản phẩm an toàn và giàu dinh dưỡng.

→ Một số giải pháp để phát triển rau, củ, đậu thực phẩm:

+ Khuyến khích, hỗ trợ cho người sử dụng đất thực hiện tích tụ đất, hình thành vùng sản xuất rau an toàn chuyên canh, tập trung. Lựa chọn vùng sản xuất không có các mối nguy cơ gây ô nhiễm hóa học, sinh học, áp dụng các biện pháp kỹ thuật trồng trọt ở các khâu làm đất, bón phân hữu cơ, luân canh cây trồng,... hợp lý để bảo vệ nguồn tài nguyên đất.

+ Chỉ sử dụng phân bón trong danh mục cho phép sản xuất và kinh doanh; sử dụng phân hữu cơ đã được ủ hoai, tuyệt đối không sử dụng phân hữu cơ chưa qua xử lý; không lạm dụng phân đạm để tăng năng suất (nhất là rau ăn lá) và phải đảm bảo thời gian cách ly.

+ Áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) nhằm hạn chế việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; Chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất khi có sâu bệnh; Xử lý thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất dư thừa, thu gom rác thải đúng quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

+ Tuyệt đối phải đảm bảo thời gian cách ly (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất*) khi thu hoạch sản phẩm.

+ Trên cơ sở vùng rau an toàn đã được quy hoạch tiến hành hỗ trợ xây dựng các cơ sở chế biến, bảo quản rau, hỗ trợ xây dựng các chợ bán buôn.

+ Sản phẩm phải được đóng gói, có địa chỉ sản xuất và nhãn mác rõ ràng.

(1.c). Cây thức ăn chăn nuôi:

Để đảm bảo nguồn thức ăn cho chăn nuôi, tiếp tục chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp năng suất thấp, đất chân gò đồi sang trồng cây thức ăn chăn nuôi cung cấp cho dự án chăn nuôi bò sữa của Công ty CP thực phẩm sữa TH với quy mô quy hoạch khoảng 3.800 ha tại các xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Bình, Nghĩa Khánh,... với các

giống cỏ, *như: Mombasa, Mutato, ...*; Năng suất bình quân đạt 565,79 tạ/ ha, sản lượng 215.000 tấn. Thực hiện chuyển đổi những cánh đồng trồng cây thức ăn chăn nuôi theo tiêu chuẩn Organic của Châu Âu và Mỹ, trong đó không sử dụng cây biến đổi gen, không sử dụng thuốc BVTV, không dùng phân bón hóa học, thời gian chăn thả bò cũng đảm bảo theo tiêu chuẩn Organic để sản xuất sữa hữu cơ TH True Milk.

→ Một số giải pháp để phát triển cây thức ăn chăn nuôi:

+ Tăng cường công tác nghiên cứu, chọn tạo và phát triển cây thức ăn chăn nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt.

+ Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện khuyến khích người dân mở rộng diện tích trồng cây thức ăn cho gia súc.

(1.d). Cây nguyên liệu:

*** Cây mía:**

- Cây mía là một trong những cây trồng chủ lực được ưu tiên phát triển của huyện, phát triển diện tích trồng mía theo quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tuy nhiên, trong những năm tới nên trồng có giới hạn vì thị trường tiêu thụ đường hiện nay đang bão hòa. Đầu tư đồng bộ các biện pháp kỹ thuật; áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm; Đưa các giống mới có năng suất cao, kháng sâu bệnh vào sản xuất. Đến năm 2020, diện tích mía trên địa bàn khoảng 7.000 ha, năng suất bình quân đạt 600 tạ/ ha, sản lượng 420.000 tấn, đảm bảo nguyên liệu cung cấp cho Công ty TNHH Mía đường Nghệ An (NASU).

- Trên cơ sở điều kiện đất đai hiện có, kết hợp với sự phát triển khoa học, công nghệ của thế giới và trong nước nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị; Huyện Nghĩa Đàn sẽ xây dựng vùng sản xuất mía ứng dụng công nghệ cao với quy mô khoảng 3.000 ha tại các xã Nghĩa Hưng, Nghĩa Khánh, Nghĩa Bình, Nghĩa Thành,...

- Xây dựng các cánh đồng lớn, tích tụ ruộng đất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào tất cả các khâu làm đất, trồng, thu hoạch. Có chính sách hỗ trợ để người dân yên tâm sản xuất; Liên kết với các Hợp tác xã, doanh nghiệp nhằm bao tiêu sản phẩm mía nguyên liệu cho nông dân.

→ Một số giải pháp để phát triển cây mía:

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu chọn, tạo giống đưa vào sản xuất các giống lúa mới có năng suất, hàm lượng đường cao, chịu hạn tốt, *như: KK3, ROC10, ROC16, LK9211, QĐ93159, ...*

+ Đẩy mạnh việc ứng dụng cơ giới hóa vào các khâu trong quy trình sản xuất mía nguyên liệu nhằm giảm chi phí, thời gian và nâng cao hiệu quả sản xuất.

+ Thường xuyên điều tra, phát hiện các đối tượng sâu bệnh để thông báo, khuyến cáo, chỉ đạo nông dân phòng trừ kịp thời; Chú trọng phòng trừ các đối tượng bệnh, *như: Than đen, sâu đục thân, rệp xơ trắng, bọ hung, ...*

+ Quan tâm đầu tư tưới cho cây mía, tùy vào từng điều kiện cụ thể của các vùng sản xuất để lựa chọn hình thức tưới phù hợp, hiệu quả như: Tưới rãnh, tưới

phun mưa và tưới lưu lượng thấp.

*** Cây sắn:**

- Ổn định diện tích sắn đến năm 2020 khoảng 2.000 ha, trên địa bàn các xã Nghĩa Lộc, Nghĩa Mai, Nghĩa Hội, Nghĩa Yên. Tập trung đẩy mạnh các biện pháp đầu tư thâm canh, năng suất bình quân đạt 400 tạ/ ha, sản lượng 80.100 tấn.

- Tiếp tục tuyển chọn thêm những giống sắn mới có năng suất, hàm lượng tinh bột cao, thực hiện đầu tư thâm canh đúng quy trình kỹ thuật để hạn chế tình trạng thoái hóa đất, bạc màu.

(I.e). Cây công nghiệp lâu năm:

*** Cây cao su:**

- Cây cao su có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng của vùng đất đỏ bazan Phủ Quỳ. Phân đấu đến năm 2020, diện tích cao su toàn huyện đạt 2.700 ha, trong đó diện tích thu hoạch 1.800 ha, năng suất đạt 10 tạ/ ha, cho sản lượng 1.800 tấn mủ tươi. Quy hoạch các vùng trồng cao su ở một số xã như Nghĩa Hồng, Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, Nông trường Cờ Đỏ.

- Cải tạo, nâng cấp và mở rộng hệ thống đường lâm nghiệp nhằm phục vụ công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ vườn cao su.

→ *Một số giải pháp để phát triển cây cao su:*

+ Sử dụng các giống mới có năng suất, chất lượng cao; đặc biệt là có tính chịu rét, chịu gió bão và sinh trưởng nhanh, *như: RRIV 124, RRIC 121, RRIM 712,...*

+ Phát triển cao su bền vững, không chạy theo diện tích, tập trung vào việc cải thiện khâu trồng trọt để năng suất cao hơn, chi phí thấp hơn; đồng thời tăng tiêu thụ nguyên liệu cao su trong nước cho lĩnh vực chế biến sâu, giảm lệ thuộc xuất khẩu nguyên liệu thô để nâng cao giá trị gia tăng.

+ Xây dựng hệ thống mương thoát nước cho vườn cao su kết hợp sử dụng hồ đa năng.

*** Cây cà phê:**

- Bố trí quỹ đất để trồng mới; tiếp tục loại bỏ diện tích không hiệu quả, thay vào đó là các cây trồng có múi có năng suất và mang lại thu nhập cao hơn; Năm 2020, diện tích đạt 170 ha, diện tích thu hoạch 155 ha, năng suất bình quân 16,77 tạ/ha, sản lượng đạt 260 tấn; tập trung chủ yếu ở một số xã Nghĩa Phú, Nghĩa Tân, Nghĩa Hồng,...

→ *Một số giải pháp để phát triển cây cà phê:*

+ Trồng xen hợp lý các loại cây ăn quả để nâng cao hệ số sử dụng đất trong vườn cà phê; Cải thiện môi trường sinh thái, giảm áp lực tưới nước trong mùa khô; Giảm thiểu những rủi ro do biến động thời tiết, sâu bệnh, giá cả, tăng thu nhập cho người sản xuất.

+ Áp dụng tưới nước tiết kiệm kết hợp bón phân hợp lý để giúp cây cà phê nở hoa tập trung, nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm công lao động, giảm giá

thành, tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm.

+ Tái canh vườn cây già cỗi, vườn bị bệnh cần tái canh theo hướng linh hoạt.

(I.f). Cây ăn quả:

*** Cây cam:**

- Quy hoạch vùng trồng cam tập trung chất lượng cao, phát triển theo hình thức vườn nhà, vườn đồi, kết hợp với phát triển trang trại.

- Mở rộng thêm diện tích trồng cam trên địa bàn, đưa diện tích trồng cam từ 507 ha năm 2015 lên 570 ha vào năm 2020, trong đó diện tích thu hoạch 352 ha; bố trí trên địa bàn các xã Nghĩa Hồng, Nông trường Cờ Đỏ, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Sơn, ... Chú trọng phát triển giống cam Xã Đoài, thích hợp với điều kiện tự nhiên, cho quả to hơn và đẹp hơn; năng suất bình quân đạt 170,45 tạ/ ha, sản lượng 6.000 tấn.

→ *Một số giải pháp để phát triển cây cam:*

+ Quan tâm hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng trồng cam tập trung như hệ thống hồ đập thủy lợi, công trình tưới, nhất là công nghệ tưới nhỏ giọt cho cây cam.

+ Tăng cường đầu tư cho công tác bảo quản để kéo dài thời gian tiêu thụ, tăng giá trị sản phẩm cam, nhất là thời kỳ giáp vụ.

+ Hỗ trợ chính sách khai hoang tại các vùng có điều kiện mở rộng diện tích trồng cam; tổ chức đào tạo, tập huấn cho người nông dân hiểu được quy trình, kỹ thuật trồng cam đem lại hiệu quả kinh tế cao và hạn chế sâu bệnh.

+ Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm dưới thương hiệu Cam Vinh để người dân yên tâm sản xuất và không bị tư thương ép giá.

*** Cây ăn quả khác:**

Nhân rộng mô hình trồng Ôi Lê Đài Loan ở các xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Lâm; mô hình trồng quýt xã Nghĩa Hồng phục vụ nhu cầu thị trường; chú trọng phát triển theo hướng VietGAP nhằm tạo thương hiệu cho sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế; giúp nông dân làm giàu một cách bền vững.

(I.g). Cây dược liệu:

- Quy hoạch vùng nguyên liệu cho dự án bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu chất lượng cao gắn với phát triển rừng bền vững (*đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt theo Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2013*). Quy hoạch các cây dược liệu, như: *gấc, rau má, lá hồng, quả hồng, lạc tiên,...* với diện tích khoảng 4.248 ha vào năm 2020 ở các xã Nghĩa Hồng, Nghĩa Sơn, Lâm trường Nghĩa Đàn,...

- Trồng và phát triển nguồn dược liệu của Công ty CP dược liệu TH (TH Herbals) theo tiêu chuẩn Organic để tạo ra sản phẩm hữu cơ phân phối rộng rãi ở các thành phố lớn và xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

→ *Một số giải pháp để phát triển cây dược liệu:*

+ Quy hoạch vùng trồng nguyên liệu tập trung; quy trình sản xuất khép kín,

được quản lý chặt chẽ về nước tưới, đất không bị ô nhiễm; không sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu và chất kích thích sinh trưởng.

+ Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cụ thể về quỹ đất, thuế, nguồn vốn nhằm giúp doanh nghiệp và nông dân hình thành, phát triển các vùng trồng được liệu lớn, tập trung, phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp trong nước và hướng đến xuất khẩu.

(2). Chăn nuôi:

Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010) ngành chăn nuôi năm 2020 đạt 2.270.175 triệu đồng, tổng giá trị tăng thêm (giá SS 2010) đạt 1.038.181 triệu đồng.

Phần đầu nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong phân ngành nông nghiệp đến năm 2020 đạt 41,22 %. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,39%.

Xác định chăn nuôi là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện Nghĩa Đàn; Chuyên chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp và bán công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển các trang trại, gia trại; Khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, đến chế biến để nâng cao năng suất, giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Hình thành các vùng chăn nuôi ở xa khu dân cư, phát triển chăn nuôi gắn với xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo đảm an toàn vệ sinh và phòng chống dịch bệnh.

*** Đàn bò:**

- Phát triển nâng cao chất lượng đàn bằng việc Zebu hóa đàn bò, nuôi bò Úc, bò sữa,... Đến năm 2020 tổng đàn bò toàn huyện đạt 140.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 3.000 tấn. Đẩy mạnh việc xây dựng các trang trại, gia trại tập trung gắn với phát triển các mô hình nông lâm kết hợp, ứng dụng công nghệ cao.

- Tập trung phát triển đàn bò sữa tại các trang trại của Công ty CP thực phẩm sữa TH, đến năm 2020 có khoảng 120.000 con bò sữa với công suất chế biến sữa đạt 500 triệu lít / năm; Dự kiến trong tương lai, Công ty CP thực phẩm sữa TH sẽ sản xuất sữa Organic trên quy mô 3.000 con.

- Chủ động sản xuất, nhân thuần giống bò cao sản có nguồn gốc từ Mỹ; Nhập phôi đông lạnh bò sữa cao sản, áp dụng công nghệ cấy chuyển phôi phân ly giới tính cho ra đàn bò sữa cao sản có năng suất vượt trội, gấp đôi năng suất thông thường, tương đương với đàn bò sữa cao sản của thế giới như Mỹ và Israel.

*** Đàn dê:**

- Góp phần phát triển tổng đàn gia súc tại địa phương, chăn nuôi dê là một hướng đi mới trong mục tiêu phát triển KT-XH của Huyện, phần đầu năm 2020 tổng đàn dê đạt 40.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 363 tấn; Tập trung chủ yếu ở các xã Nghĩa Lộc, Nghĩa Đức, thị trấn Nghĩa Đàn, Nghĩa Sơn,... Xây dựng các mô hình chuyển giao khoa học kỹ thuật về chăn nuôi dê; Tổ chức tuyên truyền, tập huấn để chủ động phòng chống dịch bệnh nhằm đảm bảo cho đàn dê sinh trưởng và phát triển; Tạo điều kiện tốt nhất cho người dân được tiếp cận với nguồn vốn vay và con

giống để phát triển đàn dê đem lại nguồn thu nhập ổn định và nâng cao đời sống cho các hộ gia đình vùng nông thôn.

*** Đàn lợn:**

- Đẩy mạnh chăn nuôi lợn theo hướng hàng hóa tập trung với quy mô trang trại, gia trại thay thế dần chăn nuôi hộ gia đình quy mô nhỏ lẻ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Nhân rộng các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ tiên tiến theo quy trình khép kín.

- Phấn đấu đến năm 2020, tổng đàn lợn có 40.000 con, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 4.600 tấn. Xây dựng 2 - 3 trang trại chăn nuôi lợn thịt / năm; Tập trung chủ yếu ở các xã Nghĩa Lộc, Nghĩa Hội, Nghĩa Khánh, Nghĩa An.

- Khuyến khích các hộ chăn nuôi áp dụng mô hình “Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo lợn kết hợp với thú y cộng đồng” nhằm tạo ra giống lợn đực có nguồn gốc rõ ràng, nâng suất và chất lượng cao; Là cơ hội để cải thiện chất lượng đàn con, góp phần hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả chăn nuôi và đảm bảo vệ sinh môi trường. Đồng thời, áp dụng quy trình chăn nuôi VietGAHP tại hộ gia đình nhằm hạn chế tình trạng lây lan dịch bệnh, đặc biệt là những bệnh lây qua đường sinh dục.

- Triển khai xây dựng trang trại nuôi heo nái sinh sản tại xã Nghĩa Hội với tổng mức đầu tư 56 tỷ đồng; nhằm giúp người chăn nuôi chủ động sản xuất con giống đảm bảo chất lượng, an toàn về dịch bệnh, giảm chi phí ban đầu mua giống và từng bước tạo thành vùng chăn nuôi lợn nái sinh sản để chủ động cung ứng con giống cho các hộ chăn nuôi lợn thịt trên địa bàn huyện.

*** Đàn trâu:**

- Đến năm 2020, tổng đàn trâu của huyện đạt 23.000 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.400 tấn, bố trí chủ yếu ở các xã Nghĩa Mai, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa Đức.

- Phát triển nâng cao chất lượng đàn trâu bằng việc quản lý và làm tốt công tác giống: Thụ tinh nhân tạo, sử dụng giống trâu địa phương trên cơ sở điều tra, chọn lọc đàn trâu có chất lượng tốt để phối giống.

*** Đàn gia cầm:**

- Đổi mới phương thức chăn nuôi gia cầm từ chăn nuôi truyền thống, quy mô nhỏ, sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa. Khuyến khích các hộ gia đình có điều kiện đầu tư theo mô hình trang trại, gia trại. Tận dụng quỹ đất đồi, đất vườn rộng, xây dựng các mô hình nuôi gà thả vườn, vừa kiểm soát được dịch bệnh vừa tận dụng được các phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn.

- Đến năm 2020, đàn gia cầm toàn huyện có 1.000 nghìn con, sản lượng thịt lợn xuất chuồng đạt 2.050 tấn. Tập trung phát triển ở một số xã tiêu biểu như Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Long, Nghĩa Trung.

→ Một số giải pháp để phát triển chăn nuôi:

+ Kiểm tra, bình tuyển, chọn lọc con giống có chất lượng tốt cho lai tạo nhằm

nâng cao tầm vóc.

+ Xây dựng đàn giống đạt tiêu chuẩn và được quản lý chặt chẽ, nâng cấp các trung tâm sản xuất giống, tinh dịch, kiểm dịch.

+ Đối với Bò: Bổ sung thêm giống bò ngoại có năng suất, chất lượng cao. Chủ động nhập phôi đông lạnh bò sữa cao sản, áp dụng công nghệ cấy chuyển phôi phân ly giới tính cho đàn bò sữa.

+ Đối với Trâu: Bổ sung đàn đực giống trâu ngoại có năng suất, chất lượng cao. Sử dụng giống trâu địa phương là chính trên cơ sở điều tra, bình tuyển, chọn lọc đàn trâu cái, trâu đực có chất lượng tốt để phối giống. Thực hiện biện pháp chéo dòng đực giống giữa các vùng, kết hợp mua một số trâu đực giống tốt ở các địa phương nhằm nâng cao chất lượng đàn.

+ Đối với Lợn: Kiểm tra, xây dựng đàn giống đạt tiêu chuẩn và được quản lý chặt chẽ; nâng cấp các trung tâm sản xuất giống; Tiếp tục triển khai chương trình nạc hóa đàn lợn trên hai phương thức: nuôi giống lợn ngoại được Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn công bố (Lợn Landrace, Yorkshire, Duroc và con lai); Tăng tỷ lệ máu lai ngoại trên đàn nái nền địa phương thông qua lai tạo, trong đó sử dụng Đực giống Landrace, Yorkshire, Duroc, Pietrain, nái nền sử dụng các giống: Móng cái, nái lai (đực Ngoại lai Móng cái).

+ Đối với Gia cầm: Nâng cao chất lượng đàn giống dòng thuần. Quản lý chặt chẽ chất lượng con giống; không sử dụng gà, vịt thương phẩm làm giống bố, mẹ; các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống phải công bố tiêu chuẩn chất lượng giống. Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở ấp trứng gia cầm, sản xuất và cung ứng giống.

→ *Tổ chức sản xuất:*

+ Xây dựng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm sạch, an toàn từ chăn nuôi đến thị trường tiêu thụ, trong đó doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ đóng vai trò hạt nhân liên kết và tổ chức chuỗi.

+ Tiếp tục phát triển hình thức chăn nuôi tập trung quy mô lớn; Đồng thời duy trì hình thức chăn nuôi vừa và nhỏ, tạo điều kiện để tận dụng sản phẩm phụ của trồng trọt; Lao động nhàn rỗi và có thể chủ động phát triển chăn nuôi lớn khi điều kiện thuận lợi.

+ Vận động người dân đầu tư các nguồn lực để xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học như nuôi lợn trên nền đệm lót sinh thái, sử dụng công nghệ khí sinh học biogas để xử lý chất thải, giảm ô nhiễm, nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Phổ biến rộng rãi việc sử dụng chế phẩm sinh học để diệt khuẩn và tăng khả năng phòng chống dịch bệnh.

+ Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong chăn nuôi. Triển khai tập huấn các quy trình công nghệ mới trong lĩnh vực chăn nuôi, xây dựng hệ thống chuồng trại theo tiêu chuẩn VietGAP để tăng năng suất. Tổ chức tập huấn, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nông dân vận dụng vào sản xuất. Ứng

dụng công nghệ thông tin vào quản lý giống, vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và sản xuất thức ăn chăn nuôi.

→ *Thức ăn:*

+ Chuyển đổi một số diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả thấp sang trồng cỏ, trồng đa dạng các giống cỏ phục vụ chăn nuôi. Áp dụng trồng cây thức ăn chăn nuôi theo tiêu chuẩn Organic của Châu Âu và Mỹ, không sử dụng cây biến đổi gen, không sử dụng thuốc BVTV, không dùng phân bón hóa học.

+ Khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến quy mô nhỏ phục vụ nhu cầu tại chỗ. Mở rộng mạng lưới dịch vụ cung cấp thức ăn công nghiệp có sự kiểm soát, quản lý của nhà nước. Áp dụng công nghệ sinh học trong chế biến thức ăn để tăng hiệu quả sử dụng thức ăn thô.

→ *Công tác Thú y:*

+ Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình phòng chống dịch bệnh cho các cơ sở chăn nuôi; áp dụng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị, phát triển hệ thống lò giết mổ tập trung để quản lý dịch bệnh và kiểm soát giết mổ.

+ Tăng cường công tác quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học và hóa chất dùng trong chăn nuôi nhằm đảm bảo chất lượng an toàn và hiệu quả.

+ Xây dựng chuồng trại đúng yêu cầu kỹ thuật, hợp vệ sinh và đảm bảo quy định vệ sinh môi trường.

→ *Thị trường tiêu thụ:*

+ Thành lập các hiệp hội chăn nuôi để tạo mối liên kết giữa các nông hộ nhằm trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm và tìm kiếm thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh tế.

+ Tập trung phát triển các sản phẩm chăn nuôi có lợi thế của huyện, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và chế biến, góp phần vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện Nghĩa Đàn nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung.

(3). Lâm nghiệp:

Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010) ngành lâm nghiệp năm 2020 đạt 95.753 triệu đồng, tổng giá trị tăng thêm (giá SS 2010) đạt 55.370 triệu đồng. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,27%.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng xã hội hóa nghề rừng gắn với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững và nâng cao chất lượng rừng. Hoàn thành giao đất, giao rừng để người dân chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh; thúc đẩy quá trình liên danh, liên kết giữa người dân với các doanh nghiệp trong quá trình mua bán nguyên liệu, tạo cơ chế bền vững như thông qua Hợp tác xã. Thực hiện công tác khoanh nuôi, chăm sóc và bảo vệ rừng vốn rừng hiện có, phấn đấu đến năm 2020 diện tích rừng đạt 18.700 ha, trong đó rừng tự nhiên 8.700 ha, rừng trồng 10.000 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 30,30 %. Hạn chế tối đa tình trạng cháy rừng, vi phạm pháp luật về bảo

vệ rừng, từng bước nâng cao hiệu quả kinh tế rừng và đáp ứng nguồn nguyên liệu cho Nhà máy chế biến gỗ Nghệ An.

→ *Một số giải pháp để phát triển lâm nghiệp:*

- Xây dựng các mô hình trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng nhằm đưa các giống cây lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao để phát triển nghề rừng một cách bền vững.

- Thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất lâm nghiệp để tạo việc làm; nâng cao giá trị sản phẩm lâm nghiệp; tăng thu nhập, ổn định cho người làm nghề rừng.

- Tích cực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong lai tạo cây giống, kỹ thuật trồng rừng để hỗ trợ giúp người dân địa phương phát triển trồng rừng, tăng năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần; từng bước gắn kết người dân trồng nguyên liệu cho nhà máy chế biến gỗ để cùng phát triển bền vững.

(4). Thủy sản:

Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010) ngành thủy sản năm 2020 là 129.767 triệu đồng, tổng giá trị tăng thêm (giá SS 2010) là 30.157 triệu đồng. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 đạt 3,05 %. Phát triển ngành nuôi trồng thủy sản của Huyện theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng hình thức nuôi và cơ cấu giống. Phát triển diện tích nuôi đối với các loại có giá trị kinh tế cao.

Đến năm 2020, diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện đạt 4.500 ha. Đẩy mạnh việc khai thác tự nhiên đồng thời có biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản một cách hợp lý, nghiêm cấm các hình thức đánh bắt hủy diệt. Phần đầu đến năm 2020 tổng sản lượng thủy sản khoảng 4.691 tấn, trong đó sản lượng khai thác tự nhiên đạt 53 tấn, sản lượng nuôi trồng đạt 4.638 tấn. Khuyến khích mô hình nuôi cá trang trại kết hợp chăn nuôi khác nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

→ *Một số giải pháp chủ yếu để phát triển thủy sản:*

- Đầu tư vốn cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên 2 hồ chứa là Sông Sào và Khe Đá nhằm khai thác tối đa tiềm năng của các hồ chứa.

- Phối hợp với các trung tâm nghiên cứu trong Tỉnh có thể mạnh về thủy sản để đẩy mạnh việc ươm các loại con giống. Phần đầu hàng năm chủ động ươm nuôi để cung cấp con giống trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý chất lượng cá giống, công tác kiểm dịch.

- Tận dụng và khai thác tiềm năng mặt nước (*ao hồ nhỏ, hồ đập lớn, ruộng lúa có điều kiện tích nước*), điều kiện tự nhiên, sinh thái, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển thủy sản, đa dạng sản phẩm hàng hóa.

+ Với các hồ ao nhỏ: Đối tượng cá nuôi là các loại như: Mè, trắm, chép, trôi, rô phi đơn tính,... Hình thức nuôi tùy theo điều kiện mặt nước nuôi mà có tỷ lệ ghép thích hợp, tận dụng thức ăn tự nhiên. Chuyển từ nuôi quảng canh sang nuôi bán thâm canh và thâm canh.

+ Nuôi cá ruộng: Đối tượng nuôi là các loại cá rô phi, trôi, chép. Phát triển nghề nuôi cá trong ruộng lúa gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước đưa hệ sinh thái trên đồng ruộng trở lại thế cân bằng, ổn định, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích. Chuyển đổi những vùng ruộng trũng, ruộng ngập úng trồng 2 vụ lúa bắp bênh, năng suất thấp sang nuôi cá hay trồng một vụ lúa, nuôi một vụ cá. Đối với những khu ruộng có hệ thống kênh mương thủy lợi hoàn thiện, chủ động nước nên bố trí theo hướng lồng ghép cá xen lúa luân canh để nâng cao hiệu quả. Nghề nuôi cá ruộng lúa được xem như là một giải pháp lâu dài và ổn định để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

(5). Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải có sự lựa chọn, đầu tư đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu tạo công nghệ cao với ứng dụng để tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có năng suất, chất lượng an toàn sinh học, thân thiện với môi trường và khả năng cạnh tranh; Huy động sự tham gia của lực lượng nghiên cứu, trước hết là các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ; thu hút nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Phát huy hiệu quả công tác dồn điền đổi thửa, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất. Phân đấu đến năm 2025, đạt 100 % diện tích đất sản xuất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa đều sử dụng máy móc hiện đại.

Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tạo ra sản phẩm theo một chu trình khép kín, đạt năng suất và hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích, thân thiện với môi trường; Có khả năng cạnh tranh cao về chất lượng với các sản phẩm cùng loại trên thị trường; Khắc phục được những yếu tố rủi ro của tự nhiên và hạn chế rủi ro của thị trường.

- Đối với lĩnh vực trồng trọt:

+ Đưa vào sản xuất những giống mới; chất lượng cao; chống chịu được điều kiện ngoại cảnh, thời tiết, biến đổi khí hậu.

+ Sử dụng công nghệ sản xuất trong nhà lưới, nhà kính; Điều khiển nước tự động, hệ thống tưới thâm thấu, tưới phun sương; Kiểm soát độ ẩm và nhiệt độ tự động.

+ Môi trường trồng không đất, gồm khay đựng hoặc túi có chứa chất inertic, *như: than bùn dừa, đá tốp núi lửa hoặc đá tốp trộn*. Ứng dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP để cho ra các sản phẩm hữu cơ, an toàn mang thương hiệu FVF của Công ty CP sản xuất và cung ứng rau quả sạch Quốc tế.

- Đối với lĩnh vực chăn nuôi:

+ Ứng dụng phát triển công nghệ chăn nuôi tập trung, chuồng trại khép kín và tự động hóa; nhiệt độ duy trì ổn định, không khí thông thoáng nhờ hệ thống máy lạnh, quạt thông gió. Thực hiện quy trình chăn nuôi theo hướng VietGAP nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Sử dụng tấm đệm lót sinh học trong chăn nuôi; Ứng dụng rộng rãi các hệ

thống xử lý chất thải chăn nuôi công nghệ khí sinh học và công nghệ xử lý chế phẩm sinh học nhằm giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- *Đối với lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp:*

+ Ứng dụng các công nghệ tiên tiến, điều khiển tự động hóa từ khâu làm đất, thu hoạch đến chế biến, bảo quản.

+ Trong bảo quản nông sản: Sử dụng công nghệ sấy lạnh, sấy nhanh quy mô tập trung; Sản phẩm được đóng gói, nhãn mác rõ ràng.

+ Trong chế biến nông sản: Áp dụng công nghệ hiện đại, chế biến sâu, chế biến tinh tạo ra các sản phẩm có giá trị cao, mở ra hướng phát triển mới cho thị trường.

- *Đối với lĩnh vực lâm nghiệp:*

+ Ứng dụng công nghệ giâm hom, cây mô trong sản xuất với một số giống cây như bạch đàn, keo lai,... ở một số vùng trên địa bàn, như: Lâm trường Nghĩa Đàn, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm,...

+ Cung cấp nguồn giống đạt chuẩn, hỗ trợ công nghệ trồng, kỹ thuật chăm sóc vùng nguyên liệu đảm bảo sự phát triển bền vững.

- *Đối với lĩnh vực thủy sản:*

+ Ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý môi trường ao nuôi bằng các chế phẩm vi sinh nhằm tăng sức đề kháng và phòng trừ dịch bệnh.

+ Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có; đẩy mạnh sử dụng quạt nước, máy sục khí oxy, đo độ PH trong nuôi trồng thủy sản.

4.6.2. Phân vùng sản xuất nông nghiệp.

4.6.2.1. Vùng nông nghiệp công nghệ cao:

- Hình thành trung tâm nông nghiệp công nghệ cao với nòng cốt là các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao và các tổ chức khoa học, công nghệ và đào tạo tham gia đầu tư để tạo ra công nghệ cao phục vụ nông nghiệp; Nhằm khai thác tiềm năng nông nghiệp khu vực miền Tây, tạo ra sản phẩm có chất lượng, năng suất, hiệu quả và làm điển hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ.

- Ứng dụng công nghệ cao để sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao, đồng thời thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn mô hình sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Liên kết các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm ứng dụng công nghệ cao; Đào tạo nhân lực công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp,... Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hình thành là nơi hội tụ, trình diễn các tiến bộ khoa học tiên tiến hiện đại của ngành nông nghiệp.

- Giải pháp công nghệ thông minh ứng dụng cho dự án, sử dụng công nghệ nhà màng thông minh, hệ thống tưới nhỏ giọt, thủy canh hồi lưu thông minh, chăn nuôi thông minh,... Sản phẩm đầu ra của dự án là sản phẩm nông nghiệp có giá trị tăng cao. Quy mô phát triển khoảng 10.000,0 ha; Được phân thành 03 Vùng đặc thù theo 03 Phân vùng định hướng không gian quy hoạch:

+ **Vùng trung tâm nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ** thuộc Phân vùng 1 gồm các xã / thị trấn Nghĩa Đàn, Nghĩa Hội, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung và Nghĩa Bình.



Vùng chăn nuôi bò sữa...

→ Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao là khu vực hoạt động nhằm nghiên cứu, xây dựng, triển khai và hoàn thiện công nghệ (nghiên cứu thích nghi, cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất, nghiên cứu sử dụng, sản xuất chế phẩm sinh học công nghệ cao có sử dụng kỹ thuật cao,...) lai tạo và thử nghiệm các giống mới, trình diễn các mô hình sản xuất nông nghiệp trong các lĩnh vực, như: Chăn nuôi; cây trồng hoa, rau, dược liệu,... sinh vật cảnh,... trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao.

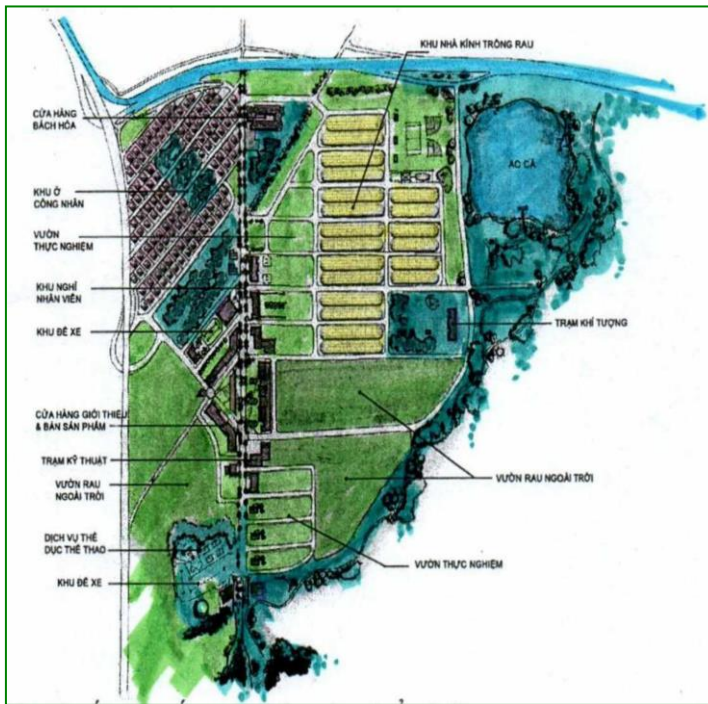
+ **Vùng chăn nuôi bò sữa** (Thị trấn Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm,...) và vùng kinh tế lâm nghiệp gắn với quản lý rừng bền vững (xã Nghĩa Mai) là vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Phân vùng 2 gồm các xã / thị trấn Nghĩa Sơn, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh. Vùng chăn nuôi tập trung vào các giống bò sữa được ứng dụng công nghệ cao và phát triển bền vững ngành sữa sạch,... Bên cạnh đó, Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với quản lý rừng bền vững (xã Nghĩa Mai) nhằm phát huy giá trị kinh tế của rừng thông qua bảo tồn có khai thác; Phát triển kinh tế rừng là phát triển kinh tế tổng hợp - Tạo thu nhập từ rừng gắn với quá trình làm cho rừng tốt hơn - Phát triển kinh tế rừng nhằm tạo ra cả “tiền tệ lâm sản” và “tiền tệ sinh thái”, đây cũng là xu thế mới của thời đại.



Vùng chăn nuôi bò sữa...

+ **Vùng nông sản: Rau sạch và dược liệu sạch** là khu vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Phân vùng 3 gồm các xã / thị trấn Nghĩa

Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành; Và một phần triển đồi dốc tại xã Nghĩa Mai được khai thác trồng dược liệu. Đây là vùng hội đủ các điều kiện, thích hợp trồng nông sản với các sản phẩm trở thành thương hiệu huyện Nghĩa Đàn. Mặt hàng Nông sản sạch (kết quả của sản xuất **nông nghiệp sạch**) là “Nông sản an toàn được sản xuất tại các cơ sở sản xuất kinh doanh đủ điều kiện an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ cao hoặc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt”. Đây là nguồn hàng được thị trường trong nước và quốc tế ưu tiên hàng đầu trong “Xu hướng tất yếu của kỷ nguyên số” với các chính sách khuyến khích sản xuất theo VietGAP, sản xuất hữu cơ, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao,...



Mô hình vườn rau sạch (thí điểm),...

Sản phẩm Nhà lưới và Nhà kính...

4.6.2.2. Các Nông nghiệp do các hộ dân sản xuất:

Vùng trồng cây ăn quả, rau sạch; Trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;... với tổng quy mô đất sản xuất khoảng 15.000 ha do các nông hộ sản xuất theo mô hình trang trại, gia trại tập sử dụng theo các quy trình khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất; Đẩy mạnh cơ giới hóa, tổ chức sản xuất HTX, doanh nghiệp vào đầu tư, nâng cao chất lượng và sản lượng. Tuy sản xuất theo mô hình trang trại, gia trại tập trung liên kết với HTX, doanh nghiệp nhưng mô hình phân vùng hình thức sản xuất ưu tiên tuân thủ theo phân vùng đặc thù công nghệ cao. Riêng ngành nghề nuôi trồng thủy sản cần đẩy mạnh các sản phẩm đặc thù vùng ven sông Hiếu hay ven vùng hồ đập lớn (Sông Sào, Khe Đá,...). Tập trung nuôi các loại Mè, trắm, chép, trôi, rô phi đơn tính,... thành các trang trại, gia trại quy mô lớn, sản phẩm có giá trị kinh tế cao, xuất khẩu và gắn thương hiệu đặc trưng của vùng, bảo vệ môi trường lưu vực các vùng nuôi trồng phát triển tự nhiên của các giống con.

PHẦN V: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP VÙNG.

6.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông.

6.1.1. Quan điểm và mục tiêu phát triển.

a) Quan điểm phát triển:

- Quy hoạch Giao thông huyện Nghĩa Đàn phù hợp với Chiến lược phát triển GTVT Việt Nam và các quy hoạch GTVT chuyên ngành đã được các cấp phê duyệt; Phù hợp với Quy hoạch giao thông toàn tỉnh.

- Từng bước xây dựng hệ thống phát triển đồng bộ, hướng tới hiện đại tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách với chất lượng ngày càng cao, giá thành hợp lý, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Tập trung nguồn lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm các công trình hạ tầng giao thông quan trọng, có tính đột phá; Các tuyến kết nối đến khu công nghiệp, vùng sản xuất, các trục chính trong các đô thị và các trục nối các vùng kinh tế trọng điểm; các tuyến đảm bảo quốc phòng an ninh.

b) Mục tiêu phát triển:

- Đến năm 2030, hình thành được khung giao thông chiến lược. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng, giữa đô thị và nông thôn.

- Từng bước ứng dụng các công nghệ giao thông thông minh (ITS) theo các công nghệ mới, hiện đại trong việc quản lý, vận hành hệ thống giao thông.

- Chú trọng kết nối giao thông giữa các cực tăng trưởng kinh tế, các vùng trong huyện.

- Định hướng đến năm 2030, cơ bản hoàn thành hệ thống mạng giao thông quy hoạch.

6.1.2. Quy hoạch phát triển mạng lưới GTVT đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

6.1.2.1. Quy hoạch hệ thống giao thông đường bộ:

a) Quy hoạch hệ thống Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện, Đường xã:

Quy hoạch hệ thống đường Quốc lộ:

Mạng lưới Quốc lộ trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân trong huyện và các huyện, thị xã, thành phố trong Tỉnh đến với Nghĩa Đàn. Do vậy, trong những năm tiếp theo, chủ yếu trên cơ sở các Quốc lộ hiện có, đề nghị nâng cấp đầu tư mở rộng, điều chỉnh hướng tuyến một số đoạn chưa đạt tiêu chuẩn và không có khả năng mở rộng nhằm nâng khả năng phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. (Theo QĐ số 1454/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

ngày 01/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050).

- Đường Hồ Chí Minh: Giữ nguyên với quy mô đường cấp III, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 12,0 m (Theo *QĐ số 1454/QĐ-TTg* ngày 1/9/2021 thì sẽ đi trùng hướng tuyến đường cao tốc); Đoạn qua khu công nghiệp, khu đô thị mới bố trí hệ thống đường gom; Qua khu vực đô thị theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

- Quốc lộ 48: Quy hoạch với quy mô đường cấp III với khu vực ngoài đô thị, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 12,0 m; Qua khu vực đô thị theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

- Quốc lộ 48D: Quy hoạch với quy mô đường cấp III, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 12,0 m; Qua khu vực đô thị theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

- Quốc lộ 48E: Quy hoạch với quy mô đường cấp III, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 12,0 m. Qua khu vực đô thị theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

- Quốc lộ 15: Quy hoạch với quy mô đường cấp III với khu vực ngoài đô thị, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 12,0 m; Qua khu vực đô thị theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

Bảng tổng hợp Quy hoạch hệ thống đường Quốc lộ								
TT	Tên tuyến	Ký hiệu	Chiều dài (km)	Quy hoạch đến năm 2030, Định hướng đến năm 2050				Ghi chú
				Cấp đường	MĐ	Nền	KC	
1	Đường Hồ Chí Minh	HCM	23,0	III	7,0	12,0	BTN	
2	Quốc lộ 48	QL.48	9,0	III	7,0	12,0	BTN	Nâng cấp đường hiện có
3	Quốc lộ 48D	QL.48D	10,0	III	7,0	12,0	BTN	Giữ nguyên quy mô, cải tạo, sửa chữa nền mặt đường
			10,0	III	7,0	12,0	BTN	Nâng cấp đường hiện có
4	Quốc lộ 48E	QL.8E	18,0	III	7,0	12,0	BTN	Nâng cấp đường hiện có
			55,0	III	7,0	12,0	BTN	Nâng cấp đường hiện có
5	Quốc lộ 15	QL.15	11,0	III	7,0	12,0	BTN	Nâng cấp đường hiện có
			136,0					

Quy hoạch hệ thống Đường tỉnh:

- Đường tỉnh 531: (Theo QĐ số 975/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 31/3/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch các tuyến đường tỉnh). Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 9,0 m; Qua khu vực đô thị theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

Bảng tổng hợp Quy hoạch hệ thống Đường tỉnh								
TT	Tên tuyến	Ký hiệu	Chiều dài (km)	Quy hoạch đến năm 2030, Định hướng đến năm 2050				Ghi chú
				Cấp đường	MĐ	Nền	KC	
1	Đường tỉnh 531	ĐT-531	12,9	IV	7,0	9,0	BT nhựa	Nâng cấp đường hiện có
			6,3	IV	7,0	9,0	BT nhựa	Dự án ADB

- Nâng cấp đường huyện 387 thành đường tỉnh 532B: Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 9,0 m.

- Nâng cấp đường huyện 393 thành đường tỉnh: Quy hoạch với quy mô đường cấp IV, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 9,0 m.

Quy hoạch hệ thống Đường huyện:

Theo quy hoạch phát triển GTVT huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3747/QĐ-UBND ngày 07/8/2014, hệ thống đường huyện có 09 tuyến với tổng chiều dài 170,56 km. Tuy nhiên qua thực tế hiện trường, đối chiếu với các quy hoạch liên quan, việc sáp nhập các xã và tình hình đầu tư xây dựng các tuyến đường trong thời gian qua, nhu cầu phát triển KT-XH trong giai đoạn hiện nay, trong đó có một số tuyến trùng với các tuyến đã được nâng cấp lên Đường tỉnh 531 ĐH 387, 393 nâng cấp lên đường tỉnh, một số điều chỉnh hướng tuyến cho phù hợp. Do đó huyện Nghĩa Đàn điều chỉnh chiều dài và hướng tuyến hệ thống đường huyện quy hoạch gồm 7 tuyến (2 tuyến nâng cấp thành đường tỉnh):

- ĐH.387 (Nghĩa Khánh - QL.48): Nâng cấp thành đường tỉnh 532B; Điểm đầu xuất phát từ QL.48 (km 20+963) tại xóm Khe Sơn (Nghĩa Thuận - Thái Hòa), điểm cuối đầu vào QL.48D (km 12+500) tại trung tâm xã Nghĩa Khánh dài 12,3 km.

- ĐH.388 (Nghĩa Hưng - Nghĩa An): Điểm đầu giao QL.48E tại xã Nghĩa Hưng, điểm cuối giao QL.48E (km 9+210) tại xã Nghĩa An, dài 30,1 km.

- ĐH.389 (Thị xã Thái Hòa - Nghĩa Hồng - Nghĩa Hiếu): Điểm đầu xã Nghĩa Thành; điểm cuối xã Nghĩa Hồng giao với QL.48E dài 7,8 km (đầu tư mới đoạn từ Nghĩa Thành đến xã Nghĩa Hồng nối QL.48E dài 4,1 km).

- ĐH.390 (Nghĩa Sơn - Nghĩa Mai): Điểm đầu giao ĐT.531 (km 38+552) tại xóm Đồng Canh xã Nghĩa Sơn; Điểm cuối hết địa phận xã Nghĩa Mai (giáp huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa), dài 14,8 km.

- ĐH.391 (Nghĩa Trung - Nghĩa Mai): Điểm đầu xuất phát từ xóm Mới xã Nghĩa Mai (giáp tỉnh Thanh Hóa), điểm cuối giao QL15 xã Nghĩa Minh, dài 18,0 km (đoạn trùng với dự án ADB dài 2.2km tại xã Nghĩa Minh).

- ĐH.392 (Nghĩa Trung - Nghĩa Bình): Điểm đầu giao QL.48E (km 16+ 340) tại xóm Bình Hiếu, xã Nghĩa Bình; Điểm cuối xóm 12 xã Nghĩa Trung, dài 19,7 km.

- ĐH.393 (Nghĩa Lâm - Nghĩa Trung): Nâng cấp thành đường tỉnh: Điểm đầu từ làng Mén xã Nghĩa Lạc (Giáp huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa); Điểm cuối đầu vào QL.48E tại xã Nghĩa Lợi, dài 11,2 km.

- ĐH.394 (Nghĩa Lâm - Nghĩa Hội): Điểm đầu giao QL.15 (km 206+725) tại làng Xâm xã Nghĩa Lâm; Điểm cuối giao QL48E, dài 14,8 km (đầu tư mới đoạn từ xã Nghĩa Lạc đến xã Nghĩa Lâm nối QL15 dài 5,4 km).

- ĐH.395 (Nghĩa Thọ - Nghĩa Bình): Điểm đầu giao QL48E, điểm cuối xã Nghĩa Thọ, dài 4,1 km.

- Quy hoạch đến năm 2030, định hướng đến năm 2050: Nâng cấp các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, cấp IV miền núi trở lên với mặt đường 5,5 - 7,0 m, nền đường rộng 7,5 - 9,0 m.

Bảng tổng hợp Quy hoạch hệ thống Đường huyện								
TT	Tên tuyến	Ký hiệu	Chiều dài (km)	Quy hoạch đến năm 2030, Định hướng đến năm 2050				Ghi chú
				Cấp đường	MĐ	Nền	KC	
1	Nghĩa Khánh - Quốc lộ 48	ĐH-387	12,3	IV	7,0	9,0	BT nhựa	Nâng cấp thành đường tỉnh 532B
2	Nghĩa Hưng - Nghĩa An	ĐH-388	30,1	IV	7,0	9,0	BT nhựa	Nâng cấp đường hiện có và đầu tư xây dựng mới
3	Tx. Thái Hòa - Nghĩa Hồng - Nghĩa Hiếu	ĐH-389	7,8	IV	7,0	9,0	BT nhựa	Nâng cấp đường hiện có và đầu tư xây dựng mới
4	Nghĩa Sơn - Nghĩa Mai	ĐH-390	14,8	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	BT nhựa	Nâng cấp đường hiện có
5	Nghĩa Trung - Nghĩa Mai	ĐH-391	18,0	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	BT nhựa	Dự án ADB, Nâng cấp đường hiện có
6	Nghĩa Trung - Nghĩa Bình	ĐH-392	19,7	IV	7,0	9,0	BT nhựa	Nâng cấp đường hiện có

7	Nghĩa Lâm - Nghĩa Trung	ĐH- 393	11,2	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	IV, IV MN	Nâng cấp thành đường tỉnh
8	Nghĩa Lâm - Nghĩa Hội	ĐH- 394	14,8	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	IV, IV MN	Nâng cấp đường hiện có và đầu tư xây dựng mới
9	Nghĩa Thọ - Nghĩa Bình	ĐH- 395	4,1	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	IV, IV MN	Nâng cấp đường hiện có
			109,3					

Quy hoạch hệ thống Đường xã:

Bảng tổng hợp Quy hoạch hệ thống Đường xã								
TT	Tên tuyến	Ký hiệu	Chiều dài (km)	Quy hoạch đến năm 2030, Định hướng đến năm 2050				Ghi chú
				Cấp đường	MĐ	Nền	KC	
1	xã Nghĩa Lộc	ĐX.01,02,03, 05,09,10,11	31,66	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
2	xã Nghĩa Long	ĐX.04,06,07	12,73	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
3	xã Nghĩa Khánh	ĐX.12,13,14	11,52	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
4	xã Nghĩa An	ĐX.15	3,19	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
5	xã Nghĩa Đức	ĐX.16,17,18,19	13,74	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
6	xã Nghĩa Hiếu	ĐX.20,21,25,26	9,56	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có

Bảng tổng hợp Quy hoạch hệ thống Đường xã								
TT	Tên tuyến	Ký hiệu	Chiều dài (km)	Quy hoạch đến năm 2030, Định hướng đến năm 2050				Ghi chú
				Cấp đường	MĐ	Nền	KC	
7	xã Nghĩa Thành	ĐX.22,23,24, 27,28,29,30	22,79	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
8	xã Nghĩa Hưng	ĐX.31,32,33,34	9,39	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
9	xã Nghĩa Thịnh	ĐX.35,36,37,40	9,21	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
10	xã Nghĩa Hồng	ĐX.38,39,41,43,45, 46	17,64	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
11	xã Nghĩa Minh	ĐX.47,48,49,65	9,5	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
12	xã Nghĩa Mai	ĐX.42,44,51,52,53, 54	35,72	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
13	xã Nghĩa Yên	ĐX.56,57,58,59,63	10,42	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
14	xã Nghĩa Sơn	ĐX.60,61,62,68,74, 75	20,3	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
15	xã Nghĩa Lâm	ĐX.64,66,67	6,68	IV, IV MN	5,5-7,0	7,5-9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có

Bảng tổng hợp Quy hoạch hệ thống Đường xã								
TT	Tên tuyến	Ký hiệu	Chiều dài (km)	Quy hoạch đến năm 2030, Định hướng đến năm 2050				Ghi chú
				Cấp đường	MĐ	Nền	KC	
16	xã Nghĩa Lạc	ĐX.69,70,71,72,73	19,7	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
17	xã Nghĩa Bình	ĐX.77,78	7,16	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
18	xã Nghĩa Lợi	ĐX.76,83,84	10,62	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
19	xã Nghĩa Trung	ĐX.50,79,80	7,92	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
20	xã Nghĩa Hội	ĐX.81,82,90	9,96	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
21	xã Nghĩa Phú	ĐX.85,86	6,63	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
22	xã Nghĩa Thọ	ĐX.87,88,89	8,29	IV, IV MN	5,5- 7,0	7,5- 9,0	Láng nhựa	Nâng cấp đường hiện có
			294,33					

b) Đường đô thị:

Đường trong các đô thị được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị và được quy định cho từng tuyến đường cụ thể: Các Quốc lộ, Đường tỉnh, Đường huyện qua các thị trấn Nghĩa Đàn, Nghĩa Sơn, Nghĩa Long và các đô thị Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Khánh tuân thủ quy hoạch hướng tuyến và mặt cắt ngang trong đô thị.

→ Đối với thị trấn Nghĩa Đàn:

Giao thông đối ngoại:

- Đường Hồ Chí Minh: Chạy từ Bắc vào Nam, đi sát phía Tây ranh giới hành chính thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn; Quy hoạch mặt cắt ngang có nền đường 32,0 m, mặt đường 2 x 10,5 m, bulva 1,5 m, vỉa hè 2 x 4,75 m; CGXD 100,0 m.

- Trục QL.48D (đường Xô Viết Nghệ Tĩnh): Nối thị xã Thái Hòa với QL.1A, cảng Đông Hội, chạy về phía Nam thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn; Quy hoạch mặt cắt ngang có nền đường 72,0 m, mặt đường 39,0 m = 2 x 10,5 m + 2 x 9,0 m, bulva rỗng 21,0 m = 6,0 m + 7,5 m + 7,5 m, vỉa hè 12,0 m = 2 x 6,0 m; CGXD 92,0m.

- Trục QL.48E (ĐT.531 cũ): Từ huyện Quỳnh Lưu đi huyện Quỳnh Hợp, chạy qua huyện Nghĩa Đàn; Đoạn qua thị trấn Nghĩa Đàn quy hoạch mặt cắt ngang nền đường rộng 30,0m, mặt đường rộng 21,0m, vỉa hè rộng 2 x 4,5 m; CGXD 40 m.

- Trục Thái Hòa - Nghĩa Đàn: Nối trung tâm thị xã Thái Hòa với trung tâm huyện lỵ Nghĩa Đàn; Đoạn qua đô thị quy hoạch mặt cắt ngang có nền đường 30,0m, mặt đường 21,0 m, vỉa hè 2 x 4,5 m; CGXD 40,0 m.

Trục chính đô thị:

- Trục số 1 (đường Lê Hồng Phong): Quy hoạch mặt cắt ngang mặt cắt (A-A), nền đường rộng 52,0 m, mặt đường 25,0 m = 2 x 12,5 m, bulva 7,0 m, vỉa hè rộng 20,0 m = 2 x 10,0 m; CGXD 72,0 m. Giữ nguyên quy hoạch đã được phê duyệt;

- Trục số 2 (đường Nguyễn Thị Minh Khai): Quy hoạch mặt cắt ngang mặt cắt (B-B), nền đường rộng 40,0 m, mặt đường 21,0 m = 2 x 10,5 m, bulva 6,0 m, vỉa hè 13,0 m = 2 x 6,5 m; CGXD 60,0 m.

- Các trục (đường Hồ Tùng Mậu) có quy mô mặt cắt ngang (E-E), nền đường rộng 30,0 m, mặt đường 21,0 m, vỉa hè 9,0 m = 2 x 4,5 m. CGXD 40,0 m.

- Trục số 2A (đường Lê Hồng Sơn): Quy hoạch mặt cắt ngang (E1-E1) có nền đường rộng 60,0 m, mặt đường 44,5 m = 34,0 m + 10,5 m, bulva 6,0 m, vỉa hè 9,5 m = 2 x 4,75 m; CGXD 80,0 m.

Các Tuyến đường nội bộ: Chỉ giới đường đỏ từ 13,0 m đến 27,0 m.

Bảng thống kê quy hoạch các tuyến đối ngoại							
TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Quy mô MCN (m)				Chỉ giới ĐĐ (m)
			Lòng đường	Dải PC giữa	Vỉa hè (Lè)	Nền đường	
1	Đường HCM (D-D)	4,8	2x10,5	1,5	2x4,75	31,0	100,0
2	QL.48D (C-C)	1,8	2x10,5+2x9	6,0+7,5+7,5	2x6,0	72,0	72,0
3	QL.48E (E-E)	3,4	2x10,5		2x4,5	30,0	30,0
4	Đường Thái Hòa-Nghĩa Đàn (E-E)	2,5	2x10,5		2x4,5	30,0	30,0
	Tổng	12,5					

Bảng thống kê quy hoạch các tuyến đối nội							
TT	Tên tuyến đường	Chiều dài (km)	Quy mô MCN (m)				Chỉ giới ĐĐ (m)
			Lòng đường	Dải PC	Via hè (Lề)	Nền đường	
1	A-A	2,0	2x12,5	7,0	2x10,0	52,0	52,0
2	B- B	0,88	2x10,5	6,0	2x6,5	40,0	40,0
4	E-E	7,1	21,0		2x4,5	30,0	30,0
5	E1-E1	0,3	44,5=34+10,5	6,0	2x4,75	60,0	60,0
6	F-F	9,2	16,0		2x5,5	27,0	27,0
7	G-G	12,0	10,5		2x3,75	18,0	18,0
8	H-H	13,0	7,0		2x3,0	13,0	13,0
Tổng		44,48					

c) Các tuyến bổ sung, xây dựng mới:

Tuyến N1: Bắt đầu từ xã Nghĩa Hưng giao với QL.48E đi qua địa phận xã Nghĩa Mai, Nghĩa Yên nối với QL.48E tại xã Nghĩa Sơn. Quy hoạch với quy mô đường cấp III, mặt đường 7,0 m, nền đường rộng 12,0 m. Chiều dài tuyến 12,1 km.

d) Đường trục xã, khối / xóm:

Mạng lưới đường xã quản lý bao gồm đường trục xã, đường khối / thôn / xóm hoặc đường đến các khu vực sản xuất trực tiếp có quy mô nhỏ và đối tượng chủ yếu là xe ô tô hạng nhẹ, xe thô sơ và người đi. Mạng lưới giao thông đường xã là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy nền kinh tế Huyện phát triển, đẩy mạnh và nâng cao đời sống của người dân.

Mục tiêu xây dựng mạng lưới đường xã:

- Từng bước đưa hệ thống đường giao thông xã vào cấp hạng và xây dựng mặt đường theo tiêu chuẩn.

- Giai đoạn từ nay đến 2025: 100 % đường giao thông trục xã được nhựa (hoặc cứng hóa); 90 % đường thôn, xóm được cứng hóa.

- Giai đoạn đến 2030: 100% đường khối / thôn / xóm được cứng hóa.

Mặt cắt ngang đường xã quy hoạch đến 2030, định hướng đến năm 2050 như sau:

- Đối với các trục xã chọn cấp thiết kế AH. Tốc độ thiết kế: 10 - 15 km/h; Bề rộng mặt 3,5 m; bề rộng nền 6,5 m; lề 2 x 1,5m. Kết cấu BTXM hoặc láng nhựa.

- Đường trục thôn, xóm chọn cấp B. Tốc độ thiết kế: 10 - 15 km/h; bề rộng mặt 3,0 m; bề rộng nền 4,0 m; lề 2 x 0,5 m. kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Đường ngõ xóm chọn cấp C: Bề rộng mặt 2,0 m; bề rộng nền 3,0 m; Kề cầu áo đường đá lát, gạch lát hoặc bê xi măng.

e) Quy hoạch cầu trên các tuyến đường bộ:

Nghĩa Đàn có 02 con sông chính và các khe suối nhánh nhiều nên khối lượng cầu cống trên các tuyến đường tương đối nhiều. Quy hoạch đến năm 2030, định

hướng đến năm 2050 cần đầu tư xây dựng mới và thay thế cầu cũ như sau:

Bảng tổng hợp quy hoạch hệ thống cầu trên sông							
TT	Tên Cầu	Tên đường	Địa điểm	Chiều dài cầu (m)	Chiều rộng cầu (m)	Bề rộng xe chạy (m)	Tình trạng
1	Cầu BTCT- Suối Cái	ĐH.387	xã Nghĩa Lộc	33	9,0	7,0	Thay thế cầu treo
2	Cầu BTCT- Suối Cái	ĐX.07	xã Nghĩa Lộc	33	8,0	6,5	Cầu mới
3	Cầu BTCT- Khe Đá	ĐX.18	xã Nghĩa Đức	33	8,0	6,5	Cầu mới
4	Cầu BTCT- Khe Dom	ĐX.44	xã Nghĩa Mai	33	8,0	6,5	Cầu mới
5	Cầu BTCT- Đồng Sơn	ĐH.390	xã Nghĩa Mai	33	9,0	7,0	Thay thế cầu tràn cũ
6	Cầu BTCT- Khe Dền	ĐH.391	xã Nghĩa Hồng	70	9,0	7,0	Thay thế cầu tràn cũ
7	Cầu BTCT- Sông Sào	ĐH.392	xã Nghĩa Trung	66	9,0	7,0	Cầu hẹp, yếu
8	Cầu BTCT- Khe Đá Bạc	ĐX.77	xã Nghĩa Lợi	33	8	6,5	Cầu mới
9	Cầu BTCT- Khe Giếng	ĐH.393	xã Nghĩa Lạc	80	9,0	7,0	Thay thế cầu tràn cũ
10	Cầu BTCT	ĐH.387	xã Nghĩa Khánh	250	9,0	7,0	Thay thế cầu treo
11	Cầu BTCT- Găng	ĐH.388	xã Nghĩa Hưng	100	9,0	7,0	Thay thế cầu tràn cũ
12	Cầu BTCT	ĐH.389	xã Nghĩa Hồng	250	9,0	7,0	Cầu qua sông Hiếu
13	Cầu BTCT	ĐH.394	xã Nghĩa Lâm	240	9,0	7,0	Thay thế cầu cũ

f) Quy hoạch hành lang các tuyến đường bộ trên địa bàn huyện:

Hành lang an toàn đường bộ là phần đất dọc hai bên đường bộ nhằm đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

Giới hạn hành lang an toàn đường bộ hiện nay được quy định tại:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ,

quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số 100/2013/NĐ- CP ngày 03/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010.

- Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 và Thông tư số 50/2015/TT- BGTVT ngày 23/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ của Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ- CP ngày 24/02/2010.

Cụ thể như sau:

→ Đối với đường ngoài đô thị:

- Căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi hành lang an toàn đường bộ có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên là:

+ 17 mét đối với đường cấp I, cấp II;

+ 13 mét đối với đường cấp III;

+ 09 mét đối với đường cấp IV, cấp V;

+ 04 mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V.

→ Đối với đường đô thị, giới hạn hành lang an toàn đường bộ là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Như vậy, đối với mạng lưới đường bộ huyện Nghĩa Đàn, hành lang an toàn giao thông đường bộ quản lý đường được xác định theo cấp đường quy hoạch đến năm 2030, định hướng đến 2050.

Đối với hệ thống đường nông thôn (đường trục xã, đường khối / thôn / xóm) quy hoạch chưa đạt cấp V thì quy định hành lang an toàn giao thông đường bộ tối thiểu mỗi bên 4,0 m đảm bảo khả năng nâng cấp, mở rộng.

g) Quy hoạch bến xe khách:

Hệ thống bến xe tuân thủ theo “Quy hoạch hệ thống bến xe khách trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020” đã được phê duyệt Quyết định số 25/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 30/5/2011:

Bảng tổng hợp quy hoạch bến xe khách toàn huyện						
TT	Tên bến	Vị trí	2021 - 2030		2031 - 2050	
			Loại bến	Diện tích (m ²)	Loại bến	Diện tích (m ²)
1	Bến xe Nghĩa Đàn	Xóm Bình Hồng - TT. Nghĩa Đàn	2	15.000	2	25.000
2	Bến xe Nghĩa Sơn	Xóm Sơn Nam - Xã Nghĩa Sơn	3	7.000	2	10.000

6.1.2.2. Quy hoạch đường thủy, bến thủy nội địa:

a) Đường thủy nội địa:

Cải tạo, nạo vét các tuyến quan trọng, các sông nối với nhau. Bổ sung hệ thống phao tiêu, báo hiệu trên tuyến sông Hiếu, trực tiếp đầu tư hoặc có cơ chế hỗ

trợ để UBND huyện đầu tư lắp đặt trên các tuyến sông do huyện quản lý.

b) Bển thủy nội địa:

Theo Quyết định số 5206/ UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Nghệ An, chi tiết các bển hàng hóa như sau:

- Trên tuyến sông Hiếu là 11 bển.

6.1.2.3. Quy hoạch vận tải hành khách công cộng:

Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2012 đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được phê duyệt tại Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 18/6/2012, theo đó có các tuyến vận tải hành khách đến huyện Nghĩa Đàn như sau:

Bảng tổng hợp quy hoạch phát triển tuyến xe buýt					
TT	Số hiệu, tên tuyến	Cự ly (km)	Số chỗ/ xe	Số chuyến/ ngày	Tuyến di chuyển
1	Đông Bắc (Hoàng Mai - TT. Nghĩa Đàn)	30	30	4	Tuyến số 15
2	Đông Bắc (Vinh - QL.48- Thái Hòa)	80	30	4	Tuyến số 26

6.2. Định hướng phát triển chuẩn bị kỹ thuật.

6.2.1. Lựa chọn cao độ xây dựng không chế tối thiểu.

Căn cứ vào dạng địa hình, mức báo động mực nước các sông ảnh hưởng tới khu vực nghiên cứu, cao độ nền xây dựng hiện trạng trong khu vực và điều tra thực tế chọn cao độ xây dựng không chế như sau:

- Đối với các thị trấn, khu đô thị đã có quy hoạch thì tuân thủ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đối với các “trung tâm cụm xã”, làng xóm hiện có: Giữ nguyên nền hiện có. Khuyến cáo nếu nền công trình hiện có < báo động III, khi có điều kiện nên tôn nền công trình tới > MN (III) + 0,3m.

- Đối với khu dự kiến xây mới:

+ Khu vực ảnh hưởng của lũ: Cao độ nền không chế tối thiểu đối với dân dụng = MN (III) + 0,3 m. Đối với các công trình công cộng dự kiến xây mới (trụ sở Ủy ban, trường học, trạm điện,...): Cao độ nền không chế tối thiểu = MN (III) + (0,7-1,0)m. Đối với khu công nghiệp dự kiến: Cao độ nền không chế tối thiểu = MN (III) + (1,0- 1,5) m. Đối với các đường huyện lộ nếu những cung đường nào có cao độ < MN (III), nên có dự án nâng cấp tới > MN (III) + (0,5 + 0,7) m.

+ Khu vực có địa hình đồi núi: Chỉ nên khai thác quỹ đất có độ dốc < 15% và xây dựng theo thềm bậc của địa hình. Giữa các thềm xây dựng cần có kè, tường chắn hoặc gia cố taluy. Chỉ san gạt mặt bằng lớn khi thực sự cần thiết.

(Ghi chú: MN (III) là mực nước của báo động cấp III. Vì các sông có độ dốc thay đổi, nên mực nước tại từng vị trí sẽ khác nhau).

Trên cơ sở nguyên tắc đó định hướng cao độ nền như sau:

- Thị trấn Nghĩa Đàn: Căn cứ theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nghĩa Đàn, giải pháp tốt nhất để đảm bảo không xảy ra ngập lũ như năm 2020 thì ngoài việc lựa chọn cao độ khống chế của thị trấn đối với các công trình xây dựng mới đề xuất $\geq + 53,5$ m, thì cần phải nâng cấp xây dựng hệ thống đê bao; Đặc biệt là giải pháp điều tiết nước từ thượng nguồn khi mưa lớn thông qua hệ thống hồ đập. Hệ thống thoát nước mưa khu vực hiện trạng cải tạo dùng hệ thống thoát nước chung (nước mưa và nước bản sinh hoạt). Khu vực xây mới hoàn toàn sử dụng hệ thống thoát nước nữa riêng. Hướng thoát nước mưa ra các khe chính như Khe Cụt, khe Sâu rồi thoát ra sông Sào.

- Thị trấn Nghĩa Sơn: Khu vực hiện trạng giữ nguyên, với những công trình có nền < MN (III) thì cần có giải pháp tôn nền. Với các khu vực xây dựng mới thì nền phải đảm bảo có cao độ > MN (III) + 0,3. Dự kiến đề xuất cao độ $\geq + 77,5$ m. Hệ thống thoát nước đổ vào hồ Sông Sào.

- Thị trấn Nghĩa Long: Khu vực hiện trạng giữ nguyên, với những công trình có nền < MN (III) thì cần có giải pháp tôn nền. Với các khu vực xây dựng mới thì nền phải đảm bảo có cao độ > MN (III) + 0,3. Dự kiến đề xuất cao độ $\geq + 50,0$ m. Hệ thống thoát nước đổ vào Sông Hiếu.

- Các khu vực trung tâm xã: Xây dựng trên cao độ nền hiện trạng đảm bảo không bị ngập úng, xây dựng hệ thống thoát nước mưa 2 bên đường để thu nước mưa rồi sau đó thoát ra các kênh thoát nước chính.

- Nguồn đất đắp dùng cải tạo nền có thể khai thác từ nguồn đất san gạt, hoặc mỏ đất đã được cấp phép khai thác. Tuy nhiên khi khai thác nguồn đất đắp cần phải thỏa thuận với Sở Tài nguyên - Môi trường và chính quyền Sở tại.

6.2.2. Định hướng giải pháp phòng chống thiên tai như sau.

Chú trọng vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp các tuyến đê hiện có, tiến hành gia cố đê, kè đảm bảo ứng biến tốt với kịch bản biến đổi khí hậu. Đầu tư hệ thống đê bao dọc sông Hiếu, nạo vét hệ thống khe Sâu, khe Cụt để đảm bảo thoát nước tránh ngập lụt cho Thị trấn,... Các giải pháp tổng quát chung:

- Chú trọng vào hệ sinh thái ven sông, tăng cường trồng rừng phòng hộ.
- Trên toàn huyện tiến hành cải tạo và xây dựng các hồ điều hòa và tiến hành nạo vét các dòng chảy các trục tiêu thoát chính, tránh để bồi lắng.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân để làm sao phải tự người dân xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cho mình.
- Các khu vực có hiện tượng lở núi cần cảnh báo cho dân cư trong vùng luôn có ý thức cảnh giác, phải có giải pháp để đảm bảo an toàn.
- Hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng chặt phá rừng đầu nguồn và rừng phòng hộ. Thiết lập vành đai rừng phòng hộ.
- Nghiên cứu cơ cấu mùa vụ cây trồng, vật nuôi, tuyển chọn cơ cấu giống

chống chịu để né tránh các điều kiện bất lợi về khí hậu, thời tiết.

- Đô thị ven sông vùng chịu ảnh hưởng của mực nước sông dâng cao nên khi xây dựng cần phải xem xét kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp để tính toán cao độ xây dựng.

- Tăng cường năng lực cứu hộ, cứu nạn ở tất cả các cấp,...

Một số giải pháp đề xuất cụ thể tương ứng với các vùng chính:

- Cần thiết phải có giải pháp phân vùng chịu ảnh hưởng thiên tai, huyện thành lập ban chỉ đạo địa phương cho từng vùng.

- Đối với vùng đồi núi, khu vực hồ đập chịu ảnh hưởng của sạt lở đất, sạt lở vùng hạ lưu hồ chứa gồm các xã Nghĩa Mai, Nghĩa Lạc, Nghĩa Thọ, Nghĩa Bình, Nghĩa Đức; Rà soát đến từng hộ dân nằm trong vùng ảnh hưởng, có khả năng bị uy hiếp do sạt lở đất và phương án chủ động triển khai di dời dân, tài sản, gia súc,... ra khỏi vùng nguy hiểm trước khi có nguy cơ xảy ra.

- Vùng mùa lũ thường xuyên bị ngập sâu vùng tiếp giáp với Sông Hiếu gồm các xã: Nghĩa Thịnh, Nghĩa Thành, Nghĩa Khánh,... Có định hướng làm nhà chòi theo hướng chống lũ, có biện pháp làm cầu lên nơi cao cho gia súc di dời khi mùa lũ đến; đồng thời có giải pháp và phương án di dời dân cư, tài sản lên khu vực cao hơn, kiên cố hơn (các công trình công cộng như nhà văn hóa trường học,... khi xây dựng có tính đến phương án hỗ trợ phòng chống thiên tai) khi lũ lớn.

- Các vùng hạ lưu các hồ đập chứa lớn như: Sông Sào, Khe Đá, Hòn Mác, Đòng Tuần, Đòng Canh,... Thường xuyên kiểm tra phát hiện các sự cố để xử lý trước mùa mưa lũ về. Có kịch bản tính đến khả năng vỡ đập từ đó lập các phương án di dời dân vùng hạ du ra ngay khỏi khu vực nguy hiểm. Rà soát các hồ hư hỏng xuống cấp có giải pháp nâng cấp.

6.2.3. Định hướng quy hoạch về hệ thống đê, kè.

Hệ thống đê bao dọc 2 bờ sông Hiếu ở các xã Nghĩa Thịnh, Nghĩa Thành, Nghĩa Khánh dài 22,0 km để khắc phục hiện tượng lũ lụt;

Nâng cấp, củng cố 6 hồ chứa bị hư hỏng xuống cấp, gồm: Khe Đá, Hòn Mác, Đòng Tuần, Đòng Canh, Hồ Lim.

Quy hoạch xây dựng hệ thống kè sông Sào đi qua khu vực thị trấn Nghĩa Đàn dài 1,5 km và các nhánh kênh chính có các đoạn giáp khu dân cư và có nguy cơ sạt lở cao để phòng chống sạt lở do mưa lũ.

6.2.4. Thoát nước mặt.

a) Lưu vực thoát nước:

Toàn vùng được chia ra làm 04 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Phía Đông Sông Hiếu, diện tích lưu vực khoảng 125,5 km², nước mặt theo các suối nhánh đổ vào sông Hiếu.

- Lưu vực 2: Diện tích lưu vực khoảng 141,6 km², nước mặt đổ vào khe Ang, khe Diên, từ đó đổ vào sông Hiếu ở phía Nam.

- Lưu vực 3: Diện tích lưu vực khoảng 207,2 km², nước mặt đổ vào khe Cụt, sông Sào.

- Lưu vực 4: Diện tích lưu vực khoảng 143,5 km², nước mặt theo các suối nhánh đổ vào sông Hiếu.

b) Lựa chọn hệ thống thoát nước:

Tại thị trấn Nghĩa Đàn, đô thị Nghĩa Sơn, đô thị Nghĩa Long lựa chọn hệ thống thoát nước nửa riêng và riêng hoàn toàn.

Tại các điểm dân cư xã, dân cư tập trung sử dụng hệ thống thoát nước chung.

Tại các khu công nghiệp tập trung sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Công nghiệp nhỏ lẻ phải được xử lý nước thải cục bộ trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

c) Kết cấu công trình thoát nước:

Tùy vào hiện trạng địa hình, điều kiện kinh tế,... để lựa chọn kết cấu là cống BTCT, mương xây nắp đan hay mương xây hở.

Tại vùng thị trấn Nghĩa Đàn, chọn kết cấu cống là cống chữ nhật BTCT với địa hình tương đối bằng phẳng.

Tại các khu, cụm công nghiệp tập trung, các điểm dân cư nông thôn sử dụng kết cấu mương xây có nắp đan BTCT.

Tại các khu vực địa hình đồi núi nên xây dựng các tuyến mương hở đón nước, lái dòng chảy không cho chảy tràn từ thềm cao xuống thềm để tránh gây sạt lở,...

Những tuyến mương cắt ngang địa hình có độ dốc lớn cần xây bậc tiêu năng.

Cống qua đường là cống tròn, cống hộp BTCT hoặc cống bản.

d) Thiết kế mạng lưới:

Mạng lưới cống thoát nước mưa hoạt động theo nguyên lý tự chảy là chính. Tùy theo đặc điểm của đô thị sẽ xây dựng hệ thống hồ điều hòa hoặc trạm bơm tiêu hỗ trợ.

Các tuyến cống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thu hết, thu nhanh không chảy vòng vo và gây úng ngập.

Các đoạn sông, kênh đi qua đô thị cần được kè để tránh sạt lở và tạo cảnh quan cho đô thị.

Một số đô thị như thị trấn Nghĩa Đàn đã được phê duyệt quy hoạch chung; mạng lưới thoát nước được quy hoạch đồng bộ, đầy đủ.

6.3. Định hướng hệ thống cấp nước.

6.3.1. Căn cứ pháp lý và tài liệu sử dụng.

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Quyết định 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và Khu công nghiệp Việt

Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 56/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Quy hoạch Tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- QCVN 01/2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07/2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- TCXDVN 33-2006 Cấp nước. Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Các tài liệu, số liệu khác có liên quan:

+ Quy hoạch chung xây dựng Các đô thị, quy hoạch Nông thôn mới Các xã trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn;

+ Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

6.3.2. Đánh giá nguồn tài nguyên cấp nước và phân vùng cấp nước.

6.3.2.1. Đánh giá nguồn tài nguyên cấp nước:

- Nước mặt: Dựa vào đánh giá hiện trạng nguồn nước (*mục 2.8.2, trang 65*) ta thấy huyện Nghĩa Đàn có nguồn nước mặt rất dồi dào, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình thủy lợi và các công trình cấp nước sạch sinh hoạt. Tiêu biểu như sông Hiếu đoạn chảy qua huyện Nghĩa Đàn có chiều dài 44 km (từ ngã ba Dinh đến Khe Đá), tổng diện tích lưu vực 5.340 km², Sông Sào dài 34 km, hồ Sông Sào (xã Nghĩa Bình) có dung tích 51,42 triệu m³, hồ Đồng Canh (xã Nghĩa Yên) có dung tích 4,2 triệu m³ và hồ Khe Đá (xã Nghĩa Đức) với dung tích khoảng 15 triệu m³,...

- Ngoài ra tuy không nằm trong địa bàn huyện Nghĩa Đàn nhưng công trình hồ Bản Mòng với dung tích chứa 225 triệu m³, dung tích hữu ích 109,76 triệu m³ đảm bảo cấp nước cho hơn 18.000 ha đất sản xuất và dân sinh, có ý nghĩa rất lớn đối với việc cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho vùng huyện Nghĩa Đàn.

- Nước ngầm: Theo đánh giá ở phần hiện trạng nguồn nước và tài nguyên nước dưới đất, đối với địa bàn cùng huyện Nghĩa Đàn có thể khai thác bằng các lỗ khoan có độ sâu 25 - 50 m đến trên 100 m. Năng suất của mỗi công trình dự kiến là 100 - 1.000 m³/ ngày.

Theo Quy hoạch về tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035: Trữ lượng nước phân bổ cho nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất công nghiệp đến năm 2035 của tiểu vùng bản Mòng - ngã ba Cây Chanh là nước mặt là 53,57 triệu m³/ năm, nước ngầm là 1,99 triệu m³/ năm, đảm bảo 100 % nhu cầu cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

6.3.2.2. Phân vùng cấp nước:

Căn cứ theo địa bàn huyện và Các điều kiện về địa chất thủy văn, định hướng phân vùng cấp nước huyện Nghĩa Đàn thực hiện theo định hướng phân vùng phát triển kinh tế, cụ thể phân thành 03 vùng như sau:

TT	Phân vùng cấp nước	Tên xã / thị trấn
1	Phân vùng I: phía Đông Bắc - Vùng trung tâm (Gồm thị trấn Nghĩa Đàn và 07 xã thuộc khu vực phía Đông Bắc huyện)	Thị trấn Nghĩa Đàn và các xã Nghĩa Hội, Nghĩa Phú, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình. Quy mô diện tích đất 159,14 km ² (15.914 ha) chiếm khoảng 26,0 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Quy mô dân số hiện trạng 38.972 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là 46.500 người và đến năm 2050 là 59.000 người.
2	Phân vùng II: Phía Tây Bắc (Gồm 10 xã thuộc khu vực phía Tây Bắc huyện)	Các xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành. Quy mô diện tích đất 317,88 km ² (31.788 ha) chiếm khoảng 52,0 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Quy mô dân số hiện trạng 57.648 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là 50.000 người và đến năm 2050 là 89.000 người.
3	Phân vùng III: Phía Nam (Gồm 05 xã thuộc khu vực phía Nam huyện)	Các xã Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức. Quy mô diện tích đất 140,83 km ² (14.083 ha) chiếm khoảng 22,0 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Quy mô dân số hiện trạng 43.899 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là 53.000 người và đến năm 2050 là 74.000 người.

6.3.3. Tính toán nhu cầu cấp nước.

6.3.3.1. Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt:

Chỉ tiêu cấp nước lấy theo Quyết định 2502/QĐ-TTg, TCXDVN 33-2006 và QCVN 01:2021/BXD, cụ thể:

TT	Loại hình	Chỉ tiêu		Đơn vị	Tỷ lệ cấp nước (%)	
		2030	2050		2030	2050
I	Cấp nước sinh hoạt					
1	Đô thị loại IV, V	120	130	l/người/ngđ	100	100
2	Điểm dân cư nông thôn	100	120	l/người/ngđ	90	100
II	Cấp nước sản xuất					
1	Khu công nghiệp tập trung	45	45	m ³ /ha/ngđ	70	70
2	Cụm công nghiệp	30	30	m ³ /ha/ngđ	60	60
3	TTCN- Làng nghề	20	20	m ³ /ha/ngđ	50	50

6.3.3.2. Tính toán nhu cầu cấp nước:

a) Nhu cầu cấp nước sinh hoạt - sản xuất công nghiệp:

→ Ta có bảng tính toán nhu cầu cấp nước sinh hoạt - sản xuất đến năm 2030 như sau:

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ cấp nước	Q (m ³ /ngđ)	
I	Phân vùng I:							
a	Cấp nước sinh hoạt						4.635	
	<i>Đô thị</i>	15.000	người	120	l/ng/ngđ	100%	1.800	
	<i>Nông thôn</i>	31.500	người	100	l/ng/ngđ	90%	2.835	
b	Nước cho thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10% a			464	
c	Nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa...)			10% a			464	
d	Cấp nước công nghiệp						10.692	
	<i>Khu công nghiệp</i>	245,68	ha	45	m ³ /ha/ngđ	70%	7.739	
	<i>Cụm công nghiệp - Làng nghề</i>	164,05	ha	30	m ³ /ha/ngđ	60%	2.953	
e	Nước rò rỉ, thất thoát			15%(a+b+c+d)			2.438	
f	Nước cho bản thân nhà máy, trạm xử lý			8%(a+b+c+d+e+f)			1.495	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						20.188
II	Phân vùng II:							
a	Cấp nước sinh hoạt						6.660	
	<i>Đô thị</i>	18.000	người	120	l/ng/ngđ	100%	2.160	
	<i>Nông thôn</i>	50.000	người	100	l/ng/ngđ	90%	4.500	
b	Nước cho thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10% a			666	
c	Nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa...)			10% a			666	
d	Cấp nước công nghiệp						2.124	
	<i>Khu công nghiệp</i>	0	ha	45	m ³ /ha/ngđ	70%	0	
	<i>Cụm công nghiệp - Làng nghề</i>	118	ha	30	m ³ /ha/ngđ	60%	2.124	
e	Nước rò rỉ, thất thoát			15%(a+b+c+d)			1.517	
f	Nước cho bản thân nhà máy, trạm xử lý			8%(a+b+c+d+e+f)			931	

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ cấp nước	Q (m ³ /ngđ)	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						12.564
III	Phân vùng III:							
a	Cấp nước sinh hoạt						5.430	
	<i>Đô thị</i>	22.000	người	120	l/ng/ngđ	100%	2.640	
	<i>Nông thôn</i>	31.000	người	100	l/ng/ngđ	90%	2.790	
b	Nước cho thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%a			543	
c	Nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa...)			10%a			543	
d	Cấp nước công nghiệp						1331	
	<i>Khu công nghiệp</i>			45	m ³ /ha/ngđ	70%	0	
	<i>Cụm công nghiệp- Làng nghề</i>	73.96		30	m ³ /ha/ngđ	60%	1.331	
e	Nước rò rỉ, thất thoát			15%(a+b+c+d)			1.177	
f	Nước cho bản thân nhà máy, trạm xử lý			8%(a+b+c+d+e+f)			722	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						9.746
Tổng nhu cầu cấp nước vùng huyện		I + II + III						42.428

→ Bảng tính toán nhu cầu cấp nước sinh hoạt - sản xuất đến năm 2050:

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ cấp nước	Q (m ³ /ngđ)
I	Phân vùng I:						
a	Cấp nước sinh hoạt						7.600
	<i>Đô thị</i>	22.000	người	130	l/ng/ngđ	100%	2.860
	<i>Nông thôn</i>	37.000	người	120	l/ng/ngđ	100%	4.440
b	Nước cho thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%a			730
c	Nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa...)			10%a			730
d	Cấp nước công nghiệp						10.692
	<i>Khu công nghiệp</i>	245,68	ha	45	m ³ /ha/ngđ	70%	7.739
	<i>Cụm công nghiệp - Làng nghề</i>	164,05	ha	30	m ³ /ha/ngđ	60%	2.953

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ cấp nước	Q (m ³ /ngđ)	
e	Nước rò rỉ, thất thoát			15%(a+b+c+d)			2.918	
f	Nước cho bản thân nhà máy, trạm xử lý			8%(a+b+c+d+e+f)			1.790	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						24.160
II	Phân vùng II:							
a	Cấp nước sinh hoạt						10.990	
	<i>Đô thị</i>	31.000	người	130	l/ng/ngđ	100%	4.030	
	<i>Nông thôn</i>	58.000	người	120	l/ng/ngđ	100%	6.960	
b	Nước cho thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%a			1.099	
c	Nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa...)			10%a			1.099	
d	Cấp nước công nghiệp						2.124	
	<i>Khu công nghiệp</i>	0	ha	40	m ³ /ha/ngđ	70%	0	
	<i>Cụm công nghiệp - Làng nghề</i>	118	ha	30	m ³ /ha/ngđ	60%	2.124	
e	Nước rò rỉ, thất thoát			15%(a+b+c+d)			2.297	
f	Nước cho bản thân nhà máy, trạm xử lý			8%(a+b+c+d+e+f)			1.409	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						19.017
III	Phân vùng III:							
a	Cấp nước sinh hoạt						9.250	
	<i>Đô thị</i>	37.000	người	130	l/ng/ngđ	100%	4.810	
	<i>Nông thôn</i>	37.000	người	120	l/ng/ngđ	100%	4.440	
b	Nước cho thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%a			925	
c	Nước phục vụ công cộng (tưới cây, rửa đường, cứu hỏa...)			10%a			925	
d	Cấp nước công nghiệp						1.331	
	<i>Khu công nghiệp</i>	0		40	m ³ /ha/ngđ	60%	0	
	<i>Cụm công nghiệp- Làng nghề</i>	73,96		30	m ³ /ha/ngđ	60%	1.331	
e	Nước rò rỉ, thất thoát			15%(a+b+c+d)			1.865	

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ cấp nước	Q (m ³ /ngđ)
f	Nước cho bản thân nhà máy, trạm xử lý			8%(a+b+c+d+e+f)			1.144
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f					15.440
Tổng nhu cầu cấp nước vùng huyện		I + II + III					58.617

b) Nhu cầu cấp nước tưới, sản xuất nông nghiệp:

- Theo số liệu thống kê diện tích nông nghiệp qua Các năm từ 2015-2020, tổng diện tích đất nông nghiệp và đất sản xuất nông nghiệp đều có dấu hiệu giảm dần. Ta có bảng thống kê và dự báo các loại đất nông nghiệp như sau:

Loại đất nông nghiệp	Thống kê năm 2015, 2020 và dự báo đến năm 2050				
	2015	2018	2020	2030	2050
Tổng diện đất nông nghiệp (ha)	53.210,36	53.203,66	52.961,60	46.720,0	46.000,0
Đất sản xuất nông nghiệp (ha)	32.314,27	31.772,06	31.797,68	25.390,0	25.000,0
Đất trồng rừng (phòng hộ và sản xuất) (ha)	20.896,09	21.431,60	21.163,92	21.330,0	21.000,0

6.3.3.3. Rà soát quy hoạch cấp nước và các dự án cấp nước:

a) Các dự án, quy hoạch cấp nước sạch đã được phê duyệt:

Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch huyện Nghĩa Đàn với công suất 30.000 m³/ngày.đêm đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1721/QĐ.UBND-CNMT ngày 21/4/2016, phê duyệt quy hoạch chi tiết tại quyết định số 3475/QĐ.UBND ngày 19/7/2016. Hiện nay đang tiếp tục tiến hành Các bước tiếp theo để thực hiện dự án.

- Vị trí Nhà máy sản xuất: Tại xóm Bình Hải, xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn;
- Công suất: 30.000 m³/ngày.đêm;
- Nguồn nước thô: Lấy từ hồ Sông Sào;
- Phạm vi cấp nước: Thị trấn Nghĩa Đàn, xã Nghĩa Bình, xã Nghĩa Hội;
- Mạng lưới cấp nước chính với đường kính DN160 - DN500 có tổng chiều dài 26,40 km.

Quy hoạch Hệ thống cấp nước cho khu công nghiệp Nghĩa Đàn với công suất Q = 7.500 m³/ngày.đêm, lấy nguồn nước hồ Sông Sào (theo Quyết định số 4656/UBND ngày 19/12/2012 của UBND tỉnh Nghệ An).

Quy hoạch Hệ thống cấp nước cho khu đô thị Nghĩa Sơn với công suất Q = 1.200 m³/ngày.đêm, lấy nguồn từ hồ Sông Sào (theo Quyết định số 946/QĐ-UBND

ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An).

Theo QHXD Nông thôn mới của các xã đã được UBND huyện Nghĩa Đàn phê duyệt, có phương án quy hoạch cấp nước sạch sinh hoạt của các xã như sau:

TT	Dự án, địa điểm	Phạm vi phục vụ	Nguồn nước	Công suất (m ³ /ng.đ)
1	Nhà máy nước xã Nghĩa An, tại xóm 9 phía Tây hồ Khe Năm	Các hộ dân thuộc xã Nghĩa An	Hồ Khe Năm	1.200
2	Nhà máy nước (NMN) xã Nghĩa Đức, tại rú Ấm	Các hộ dân xã Nghĩa Đức và Nghĩa Thọ	Khe Sậy + khe Sần	2.000
3	Nhà máy nước xã Nghĩa Hiếu, đặt tại xóm Lê Lợi	Các hộ dân xã Nghĩa Hiếu	Kênh thủy lợi Bản Mông	1.260
4	NMN xã Nghĩa Hội, đặt tại xóm Phú Thọ.	Các hộ dân xã Nghĩa Hội	Đập 19/5	1.400
5	NMN xã Nghĩa Hồng, đặt tại xóm Hồng Thắng	Các hộ dân xã Nghĩa Hồng	Đập tràn Đội 5	830
6	NMN xã Nghĩa Liên cũ, đặt tại xóm Liên Tháp	Các hộ dân xã Nghĩa Liên cũ	Đập Tháp	680
7	NMN xã Nghĩa Lâm, đặt tại làng Trung Chính	Các hộ dân xã Nghĩa Lâm	Hồ Sông Sào	1.200
8	NMN xã Nghĩa Lộc, đặt tại xóm Hải Lào	Các hộ dân xã Nghĩa Lộc	Hồ Hòn Mát	2.300
9	NMN xã Nghĩa Long, đặt tại đồi Các Cụ	Các hộ dân xã Nghĩa Long	Đôn xã	4.800
10	NMN xã Nghĩa Mai, đặt tại xóm 4A	Các hộ dân xã Nghĩa Mai	Khe Ang	1.920
11	NMN xã Nghĩa Minh, đặt tại xóm 2	Các hộ dân xã Nghĩa Minh	Giếng khoan	570
12	NMN xã Nghĩa Sơn, đặt tại trung tâm UB xã	Các hộ dân xã Nghĩa Sơn	Giếng khoan	580
13	NMN xã Nghĩa Tân cũ, đặt tại xóm Quán Mít	Các hộ dân xã Nghĩa Tân cũ	Hồ Quán Mít	810
14	NMN xã Nghĩa Thịnh, đặt tại vùng đồi Ông Loan	Các hộ dân xã Nghĩa Thịnh	Hồ khe Ngâm	1.920
15	NMN xã Nghĩa Yên, đặt tại đập Khe Canh	Các hộ dân xã Nghĩa Yên	Giếng khoan	660
Tổng công suất				22.130

→ Ta có bảng cân đối nhu cầu và công suất cấp nước theo quy hoạch được duyệt:

TT	Phân vùng	Nhu cầu tính toán đến năm 2030 (và 2050) (m³/ngđ)	QH đã được duyệt (m³/ngđ)	Cân đối nhu cầu đến năm 2030 (và 2050) (m³/ngđ)
1	Phân vùng I: phía Đông Bắc - vùng trung tâm (Thị trấn Nghĩa Đàn và 7 xã Nghĩa Hội, Nghĩa Phú, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình)	20.188 (24.160)	38.900	+ 18712 (+ 14.740)
2	Phân vùng II: phía Tây Bắc (Gồm 10 xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành)	12.564 (19.017)	10.140	-2.424 (- 8.877)
3	Phân vùng III: phía Nam (Gồm 5 xã Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức)	9.746 (15.440)	11.790	+ 2.044 (- 3.650)
<i>Chú thích: “+”: dư so với nhu cầu; “-”: thiếu so với nhu cầu;</i>				

b) Các dự án cấp nước thủy lợi:

Theo quy hoạch ngành Nông nghiệp đến năm 2020 đã đề xuất Các dự án về nâng cấp sửa chữa hệ thống hồ đập, trạm bơm và kênh mương như sau: (đến nay một số dự án trong đó đã được thực hiện)

- Sửa chữa 17 hồ chứa nước trên địa bàn: hồ Trúc Đồng, Hòn Mát, Đồng Diệc, Lò Than, Làng Sinh, Cây Trôi, Đồng Bói, Khe Yêu Mới, Mèn, Tân Đồng, Gừa, Rộc Mây, Làng Mới, Trốc Mỏ, Đá Dựng, Đồng Hóp, Chăn Nuôi.

- Nâng cấp 17 hồ chứa: hồ 19/5, Diễn Bình, Khe Chảo, Đồng Tuần, Khe Dứa, Lập Xuân, Hưng Nghĩa, Tân Sỏi, Tân Mít, Điểm Mới, Eo Sụ, Đồng Lẹp, Làng Cam, Mỏ Dong, Cây Đa, Làng Nhâm, Sông Sào.

- Xây dựng mới 6 hồ chứa nước: Hồ Mỹ Lộc, Đồng Cơi, Khe Ngâm, Cây Lôi, Làng Mốc, Nghĩa Thọ.

- Nâng cấp 2 trạm bơm: Trạm bơm Gò Vạm, Trung Khánh.

- Xây dựng mới 13 trạm bơm: Trạm bơm Bến Hương, Bãi Rựa, Sông Sào, Đồng Giàn, Xóm 10 Nghĩa Mai, Đồng Song, Đồng Cản, Nam Phong, Đồng Canh 2, Số 1 Nghĩa Lâm, Tây Hiếu 2, Tây Hiếu 3, Nghĩa Thành.

Ngoài ra có dự án thủy lợi hồ Bản Mòng - giai đoạn 2 (thuộc Bộ NN&PTNT quản lý) cũng đang được triển khai xây dựng: Dự án bao gồm hệ thống trạm bơm trên sông Hiếu, hệ thống kênh và công trình trên kênh kèm theo. Khi hệ thống thủy

lợi hồ Bản Mòng đi vào hoạt động sẽ bổ sung tạo nguồn cấp nước cho khoảng 11.000 ha thuộc tiểu vùng Hạ lưu hồ Bản Mòng - Ngã Ba Cây Chanh.

6.3.4. Định hướng cấp nước quy hoạch vùng huyện Nghĩa Đàn.

6.3.4.1. Nguyên tắc định hướng cấp nước:

Định hướng cấp nước vùng huyện Nghĩa Đàn phải căn cứ trên các dự án cấp nước đã có hoặc đã được duyệt, Các quy hoạch cấp nước theo Quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

Định hướng cấp nước căn cứ trên khả năng cấp nước của toàn vùng và từng phân vùng cụ thể qua dự báo khả năng đáp ứng lưu lượng, khả năng khai thác.

Định hướng Các nhà máy cấp nước tập trung đô thị và vùng phụ cận hoặc nhà máy cấp nước tập trung cụm liên xã (từ 2 xã trở lên) để tập trung thu hút nguồn lực đầu tư, tránh việc đầu tư dàn trải dẫn đến hiệu quả không cao.

6.3.4.2. Lựa chọn nguồn cấp nước:

Căn cứ trên việc đánh giá khả năng nguồn tài nguyên cấp nước trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn, định hướng nguồn cấp nước cho các nhu cầu dùng nước khu vực vùng huyện Nghĩa Đàn như sau:

Cấp nước sinh hoạt - công nghiệp: Chủ yếu lấy từ 2 nguồn:

- Nguồn nước mặt: Lấy từ sông Hiếu và các hồ đập như hồ Sông Sào, hồ Khe Đá, hồ Hòn Mát,... sử dụng để cấp nguồn cho các nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch.

- Nguồn nước ngầm: Chỉ sử dụng để cấp nước nhỏ lẻ cho các cụm hộ gia đình xa trung tâm và các hộ gia đình sống rải rác tự khai thác.

Cấp nước nông nghiệp: Lấy từ hệ thống sông hồ đập trên địa bàn huyện, như sông Hiếu, hồ sông Sào, hồ khe Đá, hồ Đồng Canh,...

6.3.4.3. Định hướng cấp nước vùng huyện Nghĩa Đàn:

a) Cấp nước sinh hoạt - công nghiệp:

Do tính chất đặc thù của các công trình cấp nước sạch là phụ thuộc vào điều kiện nguồn nước nên ta tính toán thực hiện đầu tư các hệ thống cấp nước liên xã, thị trấn sẽ thuận lợi hơn về các điều kiện hạ tầng kỹ thuật cũng như có lợi hơn về kinh tế đối với việc đầu tư nhiều công hệ thống cấp nước riêng lẻ.

Căn cứ các bảng tính toán nhu cầu cấp nước, bảng cân đối giữa nhu cầu cấp nước và các dự án, quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt, điều kiện về nguồn nước,... ta đề xuất đầu tư các hệ thống cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 như sau:

Danh mục các dự án cấp nước sạch sinh hoạt và khu công nghiệp định hướng đầu tư xây dựng đến năm 2030					
TT	Dự án	Phạm vi phục vụ	Công suất (m³/ngđ)	Nguồn cấp	Địa điểm NMN
1	HTCN cấp nước huyện Nghĩa Đàn	- Thị trấn Nghĩa Đàn, xã Nghĩa Hội, Nghĩa	30.000	Hồ Sông Sào	Xóm Bình Hải, xã

Danh mục các dự án cấp nước sạch sinh hoạt và khu công nghiệp định hướng đầu tư xây dựng đến năm 2030					
TT	Dự án	Phạm vi phục vụ	Công suất (m³/ngđ)	Nguồn cấp	Địa điểm NMN
	CS 30.000 m ³ /ngày.đêm	Phú, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, khu công nghiệp Nghĩa Đàn, cụm Công nghiệp Nghĩa Phú, Nghĩa Thọ (thuộc phân vùng I). - Các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Minh, Nghĩa Yên, Nghĩa Hồng, Nghĩa Thịnh (thuộc phân vùng II).			Nghĩa Bình.
2	HTCN xã Nghĩa Mai	xã Nghĩa Mai (thuộc phân vùng II).	2.000	Khe Ang	xóm 4A - xã Nghĩa Mai
3	HTCN liên xã đặt tại xã Nghĩa Hiếu	Các xã Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành (thuộc phân vùng II).	3.000	Sông Hiếu	xã Nghĩa Hiếu
4	HTCN liên xã đặt tại Nghĩa Lộc	Thị trấn Nghĩa Long, xã Nghĩa Lộc (thuộc phân vùng III)	6.000	Hồ Hòn Mát	xã Nghĩa Lộc
5	HTCN liên xã đặt tại xã Nghĩa Đức	xã Nghĩa An, xã Nghĩa Đức, Nghĩa Khánh (thuộc phân vùng III)	5.000	Hồ Khe Đá	xóm Đức Quang - Nghĩa Đức
Tổng công suất			46.000		

Danh mục các dự án cấp nước sạch sinh hoạt và khu công nghiệp định hướng đầu tư xây dựng đến năm 2050					
TT	Dự án	Phạm vi phục vụ	Công suất (m³/ngđ)	Nguồn cấp	Địa điểm NMN
1	Nâng cấp HTCN liên xã đặt tại Nghĩa Bình từ 30.000 lên 50.000 m ³ /ng.đ	Toàn bộ các xã thuộc phân vùng I, các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Minh, Nghĩa Yên, Nghĩa Hồng, Nghĩa Thịnh (thuộc phân vùng II) và một phần thị xã Thái Hòa	20.000	Hồ Sông Sào	xã Nghĩa Bình.
2	Nâng cấp HTCN liên xã Nghĩa Đức công suất từ 5.000 lên 7.000 m ³ /ng.đ	xã Nghĩa An, xã Nghĩa Đức, Nghĩa Khánh	2.000	Hồ Khe Đá	xóm Đức Quang - Nghĩa Đức

Danh mục các dự án cấp nước sạch sinh hoạt và khu công nghiệp định hướng đầu tư xây dựng đến năm 2050					
TT	Dự án	Phạm vi phục vụ	Công suất (m³/ngày)	Nguồn cấp	Địa điểm NMN
3	Xây dựng HTCN liên xã đặt tại Nghĩa Long	Thị trấn Nghĩa Long, xã Nghĩa Lộc	5.000	Sông Hiếu	Bến Mươi xã Nghĩa Long
Tổng công suất			+ 27.000		

Như vậy, tổng công suất cấp nước quy hoạch toàn huyện đến năm 2030 là 46.000 m³/ngày.đêm và đến năm 2050 là: 73.000 m³/ngày.đêm. Ngoài ra, còn có một số hệ thống cấp nước nhỏ lẻ cấp cho các cụm dân cư nông thôn được quy hoạch trong các đồ án Nông thôn mới đã được UBND huyện Nghĩa Đàn phê duyệt.

- Về mạng lưới cấp nước: Mạng lưới đường ống cấp nước sử dụng đường ống HPDE đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 8491 - 1: 2011, được quy hoạch ngầm dọc theo các trục đường giao thông. Chi tiết thông số mạng lưới đường ống cấp nước sẽ được quy định trong các quy hoạch giai đoạn sau (Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết).

b) Cấp nước thủy lợi:

Huyện Nghĩa Đàn có mạng lưới sông suối, hồ đập khá dày đặc và phân bố đều (49 sông suối lớn nhỏ và 180 hồ đập chứa nước), cùng với hệ thống đập, trạm bơm, kênh mương hiện tại đã cơ bản đảm bảo cấp đủ lượng nước tưới cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp. Mặt khác với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sử dụng đất theo hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa thì diện tích đất sản xuất nông nghiệp sẽ ngày càng bị thu hẹp, vậy nên mục tiêu đặt ra là:

- Kiện toàn tổ chức quản lý thủy nông ở cơ sở, đảm bảo điều tiết nước hợp lý phục vụ cho sản xuất.

- Thực hiện Các biện pháp nâng cao hiệu quả tưới và tiết kiệm nguồn nước bằng công tác kiên cố hóa toàn bộ hệ thống kênh tưới cấp 1, 2, 3, bổ sung thêm kênh nội đồng và mặt ruộng.

- Tiếp tục thực hiện các dự án, định hướng của quy hoạch ngành Nông nghiệp và quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt về nâng cấp các công trình hồ chứa, trạm bơm; Cứng hóa hệ thống kênh mương phục vụ tưới ổn định, đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phục vụ dân sinh. Trong đó có một số công trình trọng điểm cần được ưu tiên đưa vào giai đoạn đầu tư sớm như: Dự án kênh thủy lợi Hồ Bản Mòng (giai đoạn 2); Dự án Hồ chứa nước bản Mòng 176 ha thuộc xã Nghĩa Mai; và Dự án TB làng Châu Tiến, TB làng Dàn - xã Nghĩa Mai.

6.3.4.4. Biện pháp bảo vệ nguồn nước và khu vực nhà máy cấp nước:

Khu vực bảo vệ nguồn nước:

- Đối với nguồn nước ngầm. Xung quanh công trình khai thác (giếng khoan) với bán kính 25 m. Cấm xây dựng Các công trình làm nhiễm bẩn nguồn nước; Đào

hố phân, rác, hố vôi; Chăn nuôi, đổ rác.

- Đối với nguồn nước mặt: trong khoảng 200 m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu, không được xây dựng Các công trình gây ô nhiễm nguồn nước, không xả nước thải, nước nông giang, chăn nuôi, tắm giặt,...

Khu vực bảo vệ nhà máy nước, trạm bơm tăng áp: Trong phạm vi 30 m kể từ chân tường Các công trình xử lý phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực trạm. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5 m.

6.3.5. Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy.

a) Quy hoạch các địa điểm xây dựng công trình hạ tầng PCCC:

- Đội phòng cháy chữa cháy: Việc phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn hiện nay đang thuộc địa bàn của đội PCCC và CHCN số 4, tại xã Quỳnh Giang, thuộc Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn tỉnh Nghệ An.

- Quy hoạch bố trí thêm đất xây dựng mạng lưới trụ sở các đội PCCC tại các Khu công nghiệp xây dựng mới có quy mô lớn như khu CN Nghĩa Đàn, khu CN Nghĩa Phú, các đô thị mới như thị trấn Nghĩa Đàn, đô thị Nghĩa Sơn, đô thị Nghĩa Hồng, đô thị Nghĩa Hiếu, đô thị Nghĩa Khánh, đô thị Nghĩa Long, đảm bảo bán kính phục vụ tối đa là 3km đối với khu trung tâm đô thị và 5km đối với các khu vực khác.

b) Hệ thống giao thông phục vụ PCCC:

Hệ thống giao thông phục vụ công tác chữa cháy đảm bảo các yêu cầu theo mục 6.2, Quy chuẩn 06:2021/BXD Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, cụ thể:

- Chiều rộng thông thủy của mặt đường cho xe chữa cháy không được nhỏ hơn 3,5 m.

- Bãi đỗ xe chữa cháy phải có chiều rộng thông thủy đảm bảo khả năng đi vào để triển khai các phương tiện chữa cháy phù hợp với chiều cao và nhóm nguy hiểm cháy theo công năng của nhà.

- Chỉ cho phép có các kết cấu chặn phía trên đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy nếu đảm bảo tất cả những yêu cầu sau:

+ Chiều cao thông thủy để các phương tiện chữa cháy đi qua không được nhỏ hơn 4,5 m;

+ Kích thước của kết cấu chặn phía trên (đo dọc theo chiều dài của đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy) không được lớn hơn 10 m;

+ Nếu có từ hai kết cấu chặn phía trên bắc ngang qua đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy thì khoảng thông giữa những kết cấu này không được nhỏ hơn 20 m;

+ Chiều dài của đoạn cuối của đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy không bị chặn bởi các kết cấu chặn phía trên không được nhỏ hơn 20 m;

+ Chiều dài của bãi đỗ xe chữa cháy không được tính đến những đoạn có kết

cầu chặn phía trên.

- Dọc theo tường ngoài của nhà, tại các vị trí đối diện với bãi đỗ xe chữa cháy phải bố trí các lối xuyên qua tường ngoài vào bên trong nhà từ trên cao (lối vào từ trên cao) phù hợp với quy định tại 6.3 để triển khai các hoạt động chữa cháy và cứu nạn.

c) Hệ thống cấp nước chữa cháy:

Các nguồn nước được sử dụng cho PCCC:

- Nước sông Hiếu, hồ Sông Sào, hồ Đồng Canh, hồ Khe Đá, hồ Hòn Mát,...

- Nước từ các Nhà máy nước: Khi thiết kế, xây dựng các Hệ thống cấp nước tập trung, cần tính đến dung tích và lưu lượng và áp lực PCCC.

Các Trụ nước chữa cháy: Khi thiết kế hệ thống cấp nước, trên các tuyến đường ống cấp nước chính phải bố trí các trụ nước PCCC theo tiêu chuẩn, đặc biệt là tại các Khu công nghiệp, đô thị. Vị trí trụ cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư xây dựng đảm bảo theo các quy định và được cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận.

Các bển nước chữa cháy: Bố trí các bển lấy nước chữa cháy chuyên dụng cho xe chữa cháy tại vị trí giao giữa đường giao thông với các sông, hồ nước.

6.4. Thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang.

6.4.1. Căn cứ pháp lý và tài liệu sử dụng.

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về Quản lý chất thải rắn;

- Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của chính phủ quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược;

- Quyết định số 1930/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 5402/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 27/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải rắn nguy hại trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2012 - 2020, có tính đến năm 2025;

- QCVN 01/2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; QCVN 07/2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; TCVN 7957-2008 Thoát nước. Mạng lưới và công trình bên ngoài-Tiêu chuẩn thiết kế;

- Các tài liệu, số liệu khác có liên quan:

+ Quy hoạch chung xây dựng các đô thị, quy hoạch Nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn;

+ Đề án tổng thể xử lý chất thải rắn nguy hại trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai

đoạn 2012 - 2020, có tính đến năm 2025.

6.4.2. Định hướng hệ thống thoát nước thải.

Nước thải vùng huyện Nghĩa Đàn bao gồm nước thải sinh hoạt khu dân cư, nước thải các công trình dịch vụ thương mại, công cộng, nước thải sản xuất chăn nuôi chuồng trại, nước thải công nghiệp từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và nước thải y tế từ các trung tâm y tế, bệnh viện.

6.4.2.1. Phân vùng thoát nước thải:

Dựa theo phân vùng quy hoạch, thoát nước thải cũng được phân thành 03 phân vùng như sau:

TT	Phân vùng thoát nước thải	Tên xã, thị trấn
1	Phân vùng I: phía Đông Bắc - Vùng trung tâm (Gồm thị trấn Nghĩa Đàn và 07 xã thuộc khu vực phía Đông Bắc huyện)	Gồm thị trấn Nghĩa Đàn và 07 xã (Nghĩa Hội, Nghĩa Phú, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình). Quy mô dân số hiện trạng 38.972 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là 46.500 người (<i>trong đó, dân cư đô thị là 15.000 người, dân cư nông thôn là 31.500 người</i>) và đến năm 2050 là 59.000 người (<i>trong đó, dân cư đô thị là 22.000 người, dân cư nông thôn là 37.000 người</i>)
2	Phân vùng II: phía Tây Bắc (Gồm 10 xã thuộc khu vực phía Tây Bắc huyện)	Gồm 10 xã (Nghĩa Sơn, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành). Quy mô dân số hiện trạng 57.648 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là 68.000 người (<i>trong đó, dân cư đô thị là 18.000 người, dân cư nông thôn là 50.000 người</i>) và đến năm 2050 là 89.000 người (<i>trong đó, dân cư đô thị là 31.000 người, dân cư nông thôn là 58.000 người</i>)
3	Phân vùng III: phía Nam (Gồm 05 xã thuộc khu vực phía Nam huyện)	Gồm 05 xã (Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức). Quy mô dân số hiện trạng 43.899 người; Dự báo dân số đến năm 2030 là 53.000 người (<i>trong đó, dân cư đô thị là 22.000 người, dân cư nông thôn là 31.000 người</i>) và đến năm 2050 là 74.000 người (<i>trong đó, dân cư đô thị là 37.000 người, dân cư nông thôn là 37.000 người</i>).

6.4.2.2. Tính toán lưu lượng nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải:

TT	Đối tượng thải nước	Đến năm 2030			Đến năm 2050		
		Tiêu chuẩn		Tỷ lệ thu gom (%)	Tiêu chuẩn		Tỷ lệ thu gom (%)
1	Đô thị IV-V	110	l/ng.ngđ	90	117	l/ng.ngđ	100
2	Nông thôn	90	l/ng.ngđ	80	110	l/ng.ngđ	90
3	Khu, cụm công nghiệp - TTCN	18-25	m ³ /ha	100	18-25	m ³ /ha	100

- Tính toán dự báo lưu lượng nước thải sinh hoạt, công nghiệp vùng huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030:

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ thu gom (%)	Q (m ³ /ngđ)
I	Phân vùng I:						
1	Nước thải đô thị						1.634
1.a	Sinh hoạt	15.000	người	110	l/ng/ngđ	90	1.485
1.b	Thương mại dịch vụ, công trình công cộng			10%(1a)	l/ng/ngđ		149
2	Nông thôn	31.500	người	90	l/ng/ngđ	80	2.268
3	Nước thải công nghiệp						9.095
3.a	Khu công nghiệp	245,68	ha	25	m ³ /ha/ngđ	100	6.142
3.b	Cụm công nghiệp - Làng nghề	164,05	ha	18	m ³ /ha/ngđ	100	2.953
Tổng	A+B						12.997
II	Phân vùng II:						
1	Nước thải đô thị						1.960
1.a	Sinh hoạt	18.000	người	110	l/ng/ngđ	90	1.782
1.b	Thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%(1a)			178
2	Nông thôn	50.000	người	90	l/ng/ngđ	80	3.600
3	Nước thải công nghiệp						2.124
3.a	Khu công nghiệp	0	ha	25	m ³ /ha/ngđ	100	0
3.b	Cụm công nghiệp - Làng nghề	118	ha	18	m ³ /ha/ngđ	100	2124
Tổng	A+B						7.684
III	Phân vùng III:						
1	Nước thải đô thị						2.396
1.a	Sinh hoạt	22.000	người	110	l/ng/ngđ	90	2.178

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ thu gom (%)	Q (m ³ /ngđ)	
1.b	Thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%(1a)			218	
2	Nông thôn	31.000	người	90	l/ng/ngđ	80	2.232	
3	Nước thải công nghiệp						1.331	
3.a	Khu công nghiệp			25	m ³ /ha/ngđ	100		
3.b	Cụm công nghiệp- Làng nghề	73.96		18	m ³ /ha/ngđ	100	1331	
Tổng		A+B						5.959
Tổng công suất nước thải toàn vùng huyện		I + II + III						26.640

- Tính toán dự báo lưu lượng nước thải sinh hoạt, công nghiệp cùng huyện Nghĩa Đàn đến năm 2050:

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ thu gom (%)	Q (m ³ /ngđ)	
I	Phân vùng I:							
1	Nước thải đô thị						2.831	
1.a	Sinh hoạt	22.000	người	117	l/ng/ngđ	100	2.574	
1.b	Thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%(1)			257	
2	Nông thôn	37.000	người	110	l/ng/ngđ	90	4.070	
3	Nước thải công nghiệp						9.059	
3.a	Khu công nghiệp	245,68	ha	25	m ³ /ha/ngđ	100	6.142	
3.b	Cụm công nghiệp - Làng nghề	164,05	ha	18	m ³ /ha/ngđ	100	2.953	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						15.960
II	Phân vùng II:							
1	Nước thải đô thị						3.990	
1.a	Sinh hoạt	31.000	người	117	l/ng/ngđ	100	3.627	
1.b	Thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%(1)			363	
2	Nông thôn	58.000	người	110	l/ng/ngđ	90	5.742	
3	Nước thải công nghiệp						2.124	
3.a	Khu công nghiệp	0	ha	25	m ³ /ha/ngđ	100	0	
3.b	Cụm công nghiệp - Làng nghề	118	ha	18	m ³ /ha/ngđ	100	2.124	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						11.856
III	Phân vùng III:							
1	Nước thải đô thị						4.762	
1.a	Sinh hoạt	37.000	người	117	l/ng/ngđ	100	4329	
1.b	Thương mại - dịch vụ, công trình công cộng			10%(1)			433	

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ thu gom (%)	Q ($m^3/ngđ$)	
2	Nông thôn	37.000	người	110	l/ng/ngđ	90	3.663	
3	Nước thải công nghiệp						1.331	
3.a	Khu công nghiệp	0		25	$m^3/ha/ngđ$	100	0	
3.b	Cụm công nghiệp- Làng nghề	73,96		18	$m^3/ha/ngđ$	100	1331	
Tổng nhu cầu		a+b+c+d+e+f						9.756
Nhu cầu cấp nước H.Nghĩa Đàn		I + II + III						37.572

6.4.2.3. Rà soát các dự án về hệ thống thoát nước thải:

Các dự án quy hoạch và công trình thoát nước đã có trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn:

TT	Dự án	Phạm vi phục vụ	Công suất ($m^3/ngđ$)	Địa điểm	Giai đoạn đầu tư
1	Hệ thống xử lý nước thải trang trại chăn nuôi (công ty TH) tại xã Nghĩa Bình; xã Nghĩa Sơn; xã Nghĩa Lâm	Trang trại chăn nuôi bò sữa của công ty TH	2.300		Đang vận hành
2	Hệ thống xử lý nước thải y tế (Trạm y tế huyện Nghĩa Đàn)	Trạm Y tế huyện Nghĩa Đàn	60	thị trấn Nghĩa Đàn	Đang vận hành
3	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	KCN huyện Nghĩa Đàn	280	xã Nghĩa Hội	Đang vận hành
4	QH hệ thống XLNT thị trấn Nghĩa Đàn	TT. Nghĩa Đàn	3.500	thị trấn Nghĩa Đàn	QH đến 2030
5	QH hệ thống XLNT thị trấn Nghĩa Sơn	thị trấn Nghĩa Sơn	1.000	thị trấn Nghĩa Sơn	QH đến 2030
6	QH hệ thống XLNT khu công nghiệp Nghĩa Đàn	KCN Nghĩa Đàn	6.000	xã Nghĩa Hội	QH đến năm 2030

6.4.2.4. Định hướng hệ thống thoát nước thải:

Ta có định hướng chung như sau:

- Khu vực đô thị: Thị trấn Nghĩa Đàn và các đô thị mới sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng, đối với các khu dân cư đô thị đã hình thành có mật độ ở dày đặc thì áp dụng sơ đồ thoát nước nửa riêng (nước mưa + nước thải thoát chung và sử dụng giếng tách nước thải ở cuối tuyến). Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14-MT : 2015 / BTNMT trước khi thải ra môi trường.

- Khu vực nông thôn:

+ 100 % các hộ gia đình phải sử dụng xí hợp vệ sinh, khuyến khích sử dụng

bể tự hoại hợp quy cách.

+ Các điểm dân cư nông thôn có lượng nước nhỏ và phân tán: Xây dựng mương nắp đan, thoát nước chung với nước mưa, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học tự nhiên. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

+ Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung sẽ xây bể biogas, xử lý phân rác thải và thu khí gas phục vụ sinh hoạt.

+ Giải pháp hệ thống thu gom và xử lý nước thải cụ thể cho từng xã sẽ được cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch xã.

- Khu du lịch: Yêu cầu cao về vệ sinh môi trường, khu du lịch có mật độ xây dựng thấp, phân tán. Do đó, ưu tiên xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến như bể tự hoại cải tiến (BASTAF-F), bể lọc kỵ khí với lớp vật liệu nổi, bể lọc ngược qua tầng bùn kỵ khí (UASB) hoặc các loại công trình xử lý sinh học kiểu hợp khối theo công nghệ hiện đại (JRY) có hiệu suất sử dụng cao, tốn ít diện tích. Nước thải sau các bể này sẽ được xử lý triệt để bằng hệ thống hào lọc hoặc tận dụng lại để tưới cây, rửa đường.

- Các khu chức năng đặc biệt: Nước thải y tế phải được thu gom theo hệ thống riêng và phải xử lý theo quy trình riêng đến giới hạn cho phép của QCVN 28:2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước bên ngoài.

- Nước thải công nghiệp:

+ Khu công nghiệp huyện Nghĩa Đàn, các cụm công nghiệp: Nước thải được xử lý cục bộ trong nhà máy, làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung của khu và cụm công nghiệp.

+ Tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề: Xử lý nước thải sơ bộ đạt tiêu chuẩn C theo TCVN 40-2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước.

→ Trên cơ sở định hướng thoát nước như trên cùng với bảng tính toán dự báo công suất các loại nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp và hiện trạng các công trình xử lý nước thải trên địa bàn huyện, định hướng đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung cho vùng huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

TT	Dự án	Phạm vi phục vụ	Quy mô Công suất ($m^3/ngđ$)	Địa điểm	Công nghệ	Nguồn tiếp nhận
I	Phân vùng I: phía Đông Bắc - Vùng trung tâm					
1	Khu xử lý nước thải thị trấn Nghĩa Đàn	TT. Nghĩa Đàn và vùng phụ cận	3.500	TT.Nghĩa Đàn	Sinh học	Môi trường
2	Khu xử lý nước thải khu CN Nghĩa Đàn	KCN Nghĩa Đàn	6.000	xã Nghĩa Hội	Hóa lý	Môi trường

TT	Dự án	Phạm vi phục vụ	Quy mô Công suất ($m^3/ngđ$)	Địa điểm	Công nghệ	Nguồn tiếp nhận
3	Khu xử lý nước thải cụm CN Nghĩa Phú, Nghĩa Phú-Nghĩa Thọ	Cụm CN Nghĩa Phú, Nghĩa Phú-Nghĩa Thọ	3.000	xã Nghĩa Phú	Hóa lý	Môi trường
Tổng công suất:			12.500			
II	Phân vùng II: phía Tây Bắc					
1	Khu xử lý nước thải thị trấn Nghĩa Sơn	TT. Nghĩa Sơn và vùng phụ cận	1.600	TT.Nghĩa Sơn	Sinh học	Môi trường
2	Khu xử lý nước thải đô thị Nghĩa Hồng	Đô thị Nghĩa Hồng và vùng phụ cận	1.500	xã Nghĩa Hồng	Sinh học	Môi trường
3	Khu xử lý nước thải đô thị Nghĩa Hiếu	Đô thị Nghĩa Hiếu và vùng phụ cận	1.300	xã Nghĩa Hiếu	Sinh học	Môi trường
4	Khu xử lý nước thải Cụm CN Nghĩa Lâm	Cụm CN Nghĩa Lâm	1.400	xã Nghĩa Lâm	Hóa lý	Môi trường
5	Khu xử lý nước thải cụm CN Nghĩa Thành	Cụm CN Nghĩa Thành	800	xã Nghĩa Thành	Hóa lý	Môi trường
Tổng công suất:			6.600			
III	Phân vùng III: phía Nam					
1	Khu xử lý nước thải thị trấn Nghĩa Long	TT. Nghĩa Long và vùng phụ cận	4.000	TT. Nghĩa Long	Sinh học	Môi trường
2	Khu xử lý nước thải đô thị Nghĩa Khánh	Đô thị Nghĩa Khánh và vùng phụ cận	1.200	xã Nghĩa Khánh	Sinh học	Môi trường
3	Khu xử lý nước thải cụm CN Nghĩa Long	Cụm CN Nghĩa Long	1.400	xã Nghĩa Long	Hóa lý	Môi trường
Tổng công suất:			6.600			

6.4.2.5. Giải pháp về mạng lưới:

Khu vực phát triển đô thị:

- Nước thải được thu gom từ nhà ở và các Công trình công cộng,... sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ chảy vào các tuyến cống đường phố về trạm xử lý tập trung. Hệ thống cống thoát nước thải bằng BTCT, độ dốc tối thiểu $i_{\min} = 1/D$.

- Độ sâu chôn cống tối thiểu là 1 m; Tối đa là 4 - 5 m tính đến đỉnh cống. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống lớn > 5 m đặt các trạm bơm nâng cốt. Đường ống áp lực dùng ống thép tráng kẽm, tuyến ống áp lực bố trí 2 ống đi song song để đảm bảo an toàn trong vận hành khi có sự cố. Đường ống áp lực chôn sâu 1 m.

- Trạm bơm chuyển tiếp sử dụng máy bơm thả chìm kiểu ướt, phần nhà trạm

xây chìm và có thể kết hợp với giếng thăm để tiết kiệm tích đất và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Đối với khu vực dân cư hiện hữu, trước mắt xử lý nước thải cục bộ tại hộ gia đình bằng bể tự hoại 3 ngăn hợp quy cách, khuyến khích sử dụng các loại bể tự hoại cải tiến.

6.4.2.6. Yêu cầu chung về chất lượng nước thải sau xử lý:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Tối thiểu đạt các tiêu chuẩn có liên quan tại: QCVN 14:2015/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt”.

- Nước thải công nghiệp: Chất lượng nước thải công nghiệp sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 40 : 2011/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp”.

- Nước thải chăn nuôi chuồng trại tập trung: phải xử lý đạt tiêu chuẩn giống như đối với nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường: QCVN 14:2015/BTNMT.

- Nước thải y tế: Nước thải từ các bệnh viện phải xử lý riêng, đạt QCVN 28:2010/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế” trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị.

6.5.3. Định hướng quy hoạch quản lý CTR.

6.5.3.1. Chỉ tiêu tính toán:

TT	Đối tượng thải nước	Đến năm 2030			Đến năm 2050		
		Tiêu chuẩn		Tỷ lệ thu gom (%)	Tiêu chuẩn		Tỷ lệ thu gom (%)
1	CTR sinh hoạt						
-	Đô thị loại IV-V	1,0	kg/ng.ngày	100	1,2	kg/ng.ngày	100
-	Khu vực nông thôn	0,7	kg/ng.ngày	90	0,9	kg/ng.ngày	100
2	CTR khu CN,cụm CN	0,3	tấn/ha (70% đấtXD)	100	0,3	tấn/ha (70% đấtXD)	100
3	CTR TTCN - Cụm CN	0,25	tấn/ha (60% đấtXD)	80	0,25	tấn/ha (60% đấtXD)	80
4	CTR TTCN - làng nghề	0,2	tấn/ha (50% đấtXD)	60	0,2	tấn/ha (50% đấtXD)	60

6.5.3.2. Dự báo khối lượng phát sinh chất thải rắn:

→ Bảng dự báo khối lượng phát sinh CTR sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2030:

T	Đối tượng CTR	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ thu gom(%)	KLPS (T/ngđ)
1	CTR sinh hoạt						126
	Đô thị	55.000	Người	1	kg/người/ngđ	100	55
	Nông thôn	112.500	Người	0,7	kg/người/ngđ	90	71

2	CTR công nghiệp						123
	<i>Khu công nghiệp</i>	245,68	ha	0,3	<i>tấn/ha (70% đấtXD)</i>	100	52
	<i>Cụm công nghiệp - Làng nghề</i>	356,01	ha	0,25	<i>tấn/ha (60% đấtXD)</i>	80	71
Tổng nhu cầu toàn huyện		1+2					249

→ Bảng dự báo khối lượng phát sinh CTR sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2050:

T	Đối tượng CTR	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tỷ lệ thu gom(%)	KLPS (T/ngđ)
1	CTR sinh hoạt						215
	<i>Đô thị</i>	90.000	Người	1,2	<i>kg/người/ngđ</i>	100	108
	<i>Nông thôn</i>	132.000	Người	0,9	<i>kg/người/ngđ</i>	90	107
2	CTR công nghiệp						123
	<i>Khu công nghiệp</i>	245,68	ha	0,3	<i>tấn/ha (70% đấtXD)</i>	100	52
	<i>Cụm công nghiệp - Làng nghề</i>	356,01	ha	0,25	<i>tấn/ha (60% đấtXD)</i>	80	71
Tổng nhu cầu toàn huyện		I + II + +III					338

6.5.3.3. *Rà soát hiện trạng và các dự án, quy hoạch CTR đã được phê duyệt:*

TT	Công trình - Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Công suất	Công nghệ	Đối tượng
			(ha)	(T/ngđ)		
A	Các công trình xử lý CTR hiện trạng					
1	Khu xử lý CTR tại núi Rám - xã Nghĩa Bình	TT. Nghĩa Đàn, xã Nghĩa Bình và các xã lân cận.	3,1	75-100	Công nghệ đốt khép kín T-Tech của Việt Nam	-CTR sinh hoạt -CTR công nghiệp thông thường
2	Lò đốt CTR y tế nguy hại tại BVĐK Nghĩa Đàn	Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các trạm y tế trên địa bàn H. Nghĩa Đàn.		150kg/ngày	Lò đốt 2 buồng có xử lý khí thải	Chất thải rắn y tế nguy hại
B	Các dự án đã được phê duyệt và đưa vào giai đoạn đầu tư đến năm 2030					
1	Mở rộng khu xử lý CTR núi Rám - xã Nghĩa Bình	Thị trấn Nghĩa Đàn, và các xã trong khu vực	8,05	200 tấn/ng.đ	Công nghệ đốt khép kín T-Tech của Việt Nam	-CTR sinh hoạt -CTR công nghiệp thông thường
2	Bãi rác Nghĩa Mai	Xã Nghĩa Mai	0.95		Đốt và chôn lấp	-CTR sinh hoạt

TT	Công trình - Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Công suất	Công nghệ	Đối tượng
3	Bãi rác thải xây dựng - xã Nghĩa Đức	xã Nghĩa Đức và khu vực lân cận	0.65	0.65ha	Bãi chứa	Chất thải xây dựng
4	Khu xử lý CTR y tế nguy hại - P. Long Sơn, Tx. Thái Hòa	Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho khu vực Tx. Thái Hòa và H. Nghĩa Đàn		200-250kg/ng.đ	Công nghệ không đốt.	Chất thải y tế nguy hại

6.5.3.3. Định hướng quy hoạch quản lý CTR:

a) Đối với CTR y tế:

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải thông thường phải lưu giữ trong các buồng riêng biệt.

- Chất thải để tái sử dụng, tái chế phải được lưu giữ riêng.

- Thu gom 100 % CTR y tế không nguy hại, xử lý cùng CTR sinh hoạt;

- Nơi phát sinh, lưu giữ chất thải phải định rõ vị trí đặt thùng đựng chất thải y tế cho từng loại chất thải. Thời gian và vị trí lưu giữ tuân thủ theo Quy chế quản lý CTR y tế.

- Nơi đặt thùng đựng chất thải phải có hướng dẫn cách phân loại và thu gom. Sử dụng thùng đựng chất thải theo đúng tiêu chuẩn quy định và phải được vệ sinh hàng ngày. Mỗi loại chất thải được thu gom vào các dụng cụ thu gom (thùng, túi,...) theo mã màu quy định và phải có nhãn hoặc ghi bên ngoài túi nơi phát sinh chất thải.

- Tần suất thu gom: Ít nhất 1 lần trong ngày và khi cần. Quy định đường vận chuyển và giờ vận chuyển chất thải theo các quy định của Bộ Y tế.

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao trước khi thu gom về nơi tập trung chất thải của cơ sở y tế phải được xử lý ban đầu tại nơi phát sinh chất thải.

- Tập trung hóa việc xử lý CTR y tế nguy hại, sử dụng công nghệ xử lý CTR Y tế hiện đại, thân thiện môi trường. Thiêu đốt nhiệt độ cao có xử lý khí thải lò đốt. Sản phẩm sau đốt đưa về chôn lấp tại khu xử lý CTR tập trung của huyện.

- Cơ sở xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn thực hiện theo Quyết định số 5402/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt đề án tổng thể xử lý CTR y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn 2025.

Danh mục các công trình xử lý chất thải y tế nguy hại đến năm 2030					
TT	Công trình - Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Công suất	Công nghệ	Đối tượng
			(kg/ng.đ)		
1	Lò đốt CTR y tế nguy hại tại BVĐK Nghĩa Đàn	Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các trạm y tế trên địa bàn H. Nghĩa Đàn	150	Lò đốt 2 buồng có xử lý khí thải	Chất thải rắn y tế nguy hại

2	Khu xử lý CTR y tế nguy hại - P.Long Sơn, thị xã Thái Hòa	Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho khu vực Tx.Thái Hòa và huyện Nghĩa Đàn	200 - 250	Công nghệ không đốt	Chất thải y tế nguy hại
---	---	--	-----------	---------------------	-------------------------

- Đối với các bệnh viện tư nhân yêu cầu phải có phương án xử lý chất thải y tế nguy hại phù hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với CTR sinh hoạt, công nghiệp:

- Thu gom CTR: Thị trấn Nghĩa Đàn và các xã trên địa bàn huyện đã có hợp tác xã thực hiện việc thu gom rác để đưa về bãi tập kết và các trạm trung chuyển rác.

- Phân loại CTR: Phân loại để tiến hành tái chế nhựa, giấy, sắt thép,... kết hợp các làng nghề.

- Khuyến khích thực hiện phân loại tại nguồn để thuận tiện trong việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn theo mục đích sử dụng và xử lý: Chất thải rắn vô cơ, chất thải rắn hữu cơ, chất thải tái chế.

- Về điểm tập kết / trạm trung chuyển CTR trên địa bàn từng xã, thị trấn thì tuân thủ theo quy hoạch nông thôn mới của các xã đã được phê duyệt.

→ Khu xử lý CTR:

- Dựa vào bảng tính toán dự báo khối lượng CTR sinh hoạt và công nghiệp phát sinh đến năm 2030 và đến năm 2050, các công trình xử lý CTR hiện trạng, các dự án về xử lý CTR đã được phê duyệt trên địa bàn huyện, để đưa ra định hướng quy hoạch các khu xử lý CTR cho vùng huyện Nghĩa Đàn như sau:

Danh mục các công trình xử lý CTR sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2030						
TT	Công trình - Địa điểm	Phạm vi phục vụ	Quy mô	Công suất	Công nghệ	Đối tượng
			(ha)	(T/ngđ)		
1	Mở rộng khu xử lý CTR núi Rám - xã Nghĩa Bình	Thị trấn Nghĩa Đàn, và các xã	3,1 lên 8,05	100 lên 200	Công nghệ đốt khép kín T-Tech của Việt Nam	- CTR sinh hoạt - CTR công nghiệp thông thường
2	Khu xử lý CTR rú Lùn - xã Nghĩa Mai	Xã Nghĩa Mai và các xã lân cận, bùn thải của các nhà máy xử lý nước thải, tro lò đốt CTR nguy hại	40	150	Công nghệ đốt và chôn lấp	- CTR sinh hoạt - Bùn thải - Tro lò đốt CTR nguy hại

6.5.4. Định hướng quy hoạch hệ thống nghĩa trang.

→ Tiêu chuẩn thiết kế:

- Đất quy hoạch nghĩa trang cho một người dân đô thị: 0,06 ha/ 1.000 dân.

- Tỷ lệ tử dự kiến 4 ‰ hàng năm.

→ Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

- Việc lựa chọn đất nghĩa trang dựa trên các tiêu chí chính sau:

+ Độ dốc tự nhiên của khu đất từ 10 - 40° (tốt nhất là nơi dốc thoải), không đặt nghĩa trang ở nơi giao nhau giữa hai quả đồi.

+ Nên đặt tại các khu đất ít có khả năng phát triển kinh tế (đất hoang hóa giá trị sử dụng thấp). Không ảnh hưởng đến việc phát triển quy hoạch của địa phương.

+ Nghĩa trang nên đặt tại khu vực đất có độ ẩm 50 - 70% thuộc nhóm đất có kích thước hạt 0,6 - 2 mm là loại đất có khả năng thấm tối ưu trong quá trình lọc tự nhiên.

+ Không đặt nghĩa trang tại khu vực có mức nước ngầm cao, trong khu vực thường xuyên bị ngập úng.

+ Không đặt nghĩa trang gần các mạch nước ngầm hoặc nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt các điểm dân cư.

+ Khoảng cách tối thiểu từ nghĩa trang đến khu dân cư là 1.500 m.

- Để thuận tiện cho việc thăm viếng chăm sóc mộ phần của thân nhân người chết và phù hợp với phong tục tập quán của từng địa phương thì mỗi xã, thị trấn nên có một khu nghĩa trang riêng. Vị trí và quy mô nghĩa trang cho từng xã, thị trấn trong vùng huyện Nghĩa Đàn sẽ lấy theo quy hoạch chung thị trấn và quy hoạch nông thôn mới của các xã đã được phê duyệt.

- Khuyến khích nhân dân sử dụng hình thức Hỏa táng nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm quỹ đất.

- Quy hoạch xây dựng mới Nghĩa trang tập trung quy mô 50 ha (có khu Hỏa táng) tại rú Lùn, xã Nghĩa Mai để hỏa táng cho nhân dân khu vực và xây dựng thành công viên sinh thái vĩnh hằng.

6.5. Định hướng hệ thống cấp điện.

6.5.1. Căn cứ pháp lý.

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực số 24/2012/QH13;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030;

- Thông tư số 39/2015/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 18/11/2015 quy định về hệ thống điện phân phối; Thông tư số 12/2010/TT-BCT ngày 15/4/2010 của Bộ Công thương Quy định hệ thống điện truyền tải;

- Quyết định số 3045/QĐ-BCT của Bộ Công thương ngày 21/7/2016 về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2025 có xét

đến 2035”;

- Căn cứ bản dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Công thương đang trình Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt;

- QCVN QTĐ/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về kỹ thuật điện; QCVN 01:2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; TCXDVN 259:2001 Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng đường phố, quảng trường đô thị; TCXDVN 333:2005 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và HTKT.

- Các tài liệu và số liệu liên quan.

6.5.2. Đánh giá nguồn tài nguyên cấp điện.

a) Nguồn cấp điện:

Nguồn điện chính cấp cho huyện Nghĩa Đàn là Trạm 110 kV Nghĩa Đàn (E15.2) đặt tại phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, Công suất (1x25+1x40) MVA, cấp điện áp 110/35/10 kV và 110/35/22-10 kV, trạm 110kV Bắc Á 110/35/22 kV - 40 MVA (phục vụ riêng cho phụ tải công ty TH).

- Theo Công văn số 8947/BCT-ĐL ngày 20/11/2020 của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh bổ sung “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016- 2025 có xét đến 2035”;

- Theo Công văn số 1738/UBND-CN của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An gửi Bộ Công thương ngày 30/3/2021 về việc góp ý về dự thảo Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (QHĐ VIII);

- Căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016- 2025 có xét đến 2035 đã được phê duyệt;

- Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An - giai đoạn đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt:

+ Xây dựng mới TBA 110kV KCN Nghĩa Đàn: Giai đoạn đến năm 2022: 1x63 MVA - 110/22 kV; Giai đoạn đến năm 2031 - 2035: Nâng công suất lên thành (40+63) MVA - 110/22 kV;

+ Cải tạo nâng cấp trạm 110kV Nghĩa Đàn lên: 2x40 MVA - 110/35/22 kV;

+ Nguồn điện năng lượng mặt trời và nguồn điện tái tạo khác:

Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhỏ lẻ có công suất từ 1MW - 3MW tại các nhà máy ở các khu công nghiệp trên địa bàn huyện.

Như vậy, về cơ bản đảm bảo nhu cầu cung cấp điện cho toàn huyện đến năm 2030 có xét đến 2050.

b) Về hệ thống trạm biến áp:

Trạm 110kV: Hiện nay nguồn điện cấp cho huyện Nghĩa Đàn là Trạm 110 kV Nghĩa Đàn (E15.2) hiện tại (1x25+1x40) MVA, cấp điện áp 110/35/10 kV và 110/35/22-10 kV, trạm 110 kV Bắc Á 110/35/22 kV - 40 MVA (phục vụ riêng cho phụ tải công ty TH).

6.5.3. Phân vùng cấp điện.

Phân vùng cấp điện vùng huyện Nghĩa Đàn tuân theo phân vùng quy hoạch, cụ thể như sau:

- Phân vùng 1 (phía Đông Bắc - Vùng trung tâm): Gồm thị trấn Nghĩa Đàn và 07 xã thuộc khu vực phía Đông Bắc huyện (Nghĩa Hội, Nghĩa Phú, Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc, Nghĩa Trung, Nghĩa Bình);

- Phân vùng 2 (phía Tây bắc): Gồm 10 xã thuộc khu vực phía Tây Bắc huyện (Nghĩa Sơn, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Lâm, Nghĩa Yên, Nghĩa Mai, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thành);

- Phân vùng 3 (phía Nam): Gồm 08 xã thuộc khu vực phía Nam huyện (Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa An, Nghĩa Đức).

6.5.4. Tính toán nhu cầu cấp điện.

a) Chỉ tiêu cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện căn cứ trên QCVN 01-2021/BXD, quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến 2035, cụ thể như sau:

TT	Loại phụ tải	Chỉ tiêu	Đơn vị
I	Cấp điện sinh hoạt		
1	Đô thị Loại II- III	500	W/người
2	Đô thị loại IV- V	330	W/người
3	Điểm dân cư nông thôn	330	W/người
II	Cấp điện sản xuất		
1	Khu công nghiệp tập trung	200 - 350	kW/ha
2	Cụm công nghiệp - Làng nghề	140 - 200	kW/ha
III	Cấp điện công trình công cộng		
1	Đô thị Loại II- III	35% phụ tải điện sinh hoạt	
2	Đô thị loại IV-V, khu vực nông thôn	30% phụ tải điện sinh hoạt	

Hệ số đồng thời K_s :

+ Đối với khu vực đô thị, khu công nghiệp: $K_s = 0,8$

+ Khu vực nông thôn, cụm công nghiệp, làng nghề: $K_s = 0,7$

Hệ số công suất: $\text{Cos}\varphi = 0,9$

b) Nhu cầu công suất:

Ta có bảng tính toán nhu cầu cấp điện như sau:

TT	Loại phụ tải	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	K_s	Ptt (kW)
I	Phân vùng 1 (phía Đông Bắc - Vùng trung tâm)						
1	Phụ tải sinh hoạt						11.237
	Đô thị	15.000	người	330	W/người	0,8	3.960
	Nông thôn	31.500	người	330	W/người	0,7	7.277

2	<i>Phụ tải công nghiệp</i>						65.213	
	Khu công nghiệp	245,68	ha	250	kW/ha	0,8	49.136	
	Cụm công nghiệp - Làng nghề	164,05	ha	140	kW/ha	0,7	16.077	
3	<i>Phụ tải công trình công cộng</i>						3.371	
	Đô thị			30% a			1.188	
	Nông thôn			30% a			2.183	
	ΣPtt	a+b+c						79.820
	Cosφ	0,9						
	Stt (KVA)	ΣPtt/Cosφ						88.689
II	Phân vùng 2 (phía Tây Bắc)							
1	<i>Phụ tải sinh hoạt</i>						16.302	
	Đô thị	18.000	người	330	W/người	0,8	4.752	
	Nông thôn	50.000	người	330	W/người	0,7	11.550	
2	<i>Phụ tải công nghiệp</i>						67.800	
	Khu công nghiệp		ha	250	kW/ha	0,8	0	
	Cụm công nghiệp - Làng nghề	691,84	ha	140	kW/ha	0,7	67.800	
3	<i>Phụ tải công trình công cộng</i>						5.468	
	Đô thị			30% a			1.426	
	Nông thôn			30% a			4.043	
	ΣPtt	a+b+c						82.553
	Cosφ	0,9						
	Stt (KVA)	ΣPtt/Cosφ						99.523
III	Phân vùng 3 (phía Nam)							
1	<i>Phụ tải sinh hoạt</i>						12.969	
	Đô thị	22.000	người	330	W/người	0,8	5.808	
	Nông thôn	31.000	người	330	W/người	0,7	7.161	
2	<i>Phụ tải công nghiệp</i>						39.069	
	Khu công nghiệp		ha	250	kW/ha	0,8	0	
	Cụm công nghiệp - Làng nghề	398,66	ha	140	kW/ha	0,7	39.069	
3	<i>Phụ tải công trình công cộng</i>						3.891	
	Đô thị			30% a			1.742	
	Nông thôn			30% a			2.148	
	ΣPtt	a+b+c						62.363

Cosφ	0,9	
Stt (kVA)	ΣPtt/Cosφ	69.293
Tổng nhu cầu toàn huyện (KVA)	I + II + +III	249.707

Tổng nhu cầu công suất huyện Nghĩa Đàn:

- Giai đoạn đến năm 2030 là 250,355 MVA.
- Giai đoạn đến năm 2050 là 270,310 MVA.

c) Rà soát các quy hoạch cấp điện trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030 và đề xuất bổ sung quy hoạch:

Theo Quyết định 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030:

Căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2025 có xét đến 2035 đã được phê duyệt;

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An - giai đoạn đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt:

- Xây dựng mới TBA 110 kV KCN Nghĩa Đàn:
 - + Giai đoạn đến năm đầu: 1x63 MVA - 110/22 kV;
 - + Giai đoạn QH dài hạn: (40+63) MVA - 110/22 kV.
- Cải tạo nâng cấp trạm 110 kV Nghĩa Đàn lên: 2x40 MVA - 110/35/22 kV;
- Đề xuất bổ sung trạm 110 kV Nghĩa Đàn 2 tại phân vùng 2 (phía Tây Bắc): 2x40 MVA - 110/35/22 kV.

- Nguồn điện năng lượng mặt trời và nguồn điện tái tạo khác: Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhỏ lẻ có công suất từ 1MW - 3MW tại các nhà máy ở các khu công nghiệp trên địa bàn huyện.

Tổng công suất các trạm biến áp 110 kV trên địa bàn cấp cho huyện Nghĩa Đàn dự kiến đến năm 2030: 223 MVA (chưa cộng công suất trạm 110 kV Nghĩa Đàn).

d) Cân đối nhu cầu công suất:

Ta có bảng cân đối nhu cầu như sau:

TT	Phân vùng	Nhu cầu	Theo QH	Cân đối
		MVA	MVA	MVA
1	Phân vùng 1 (phía Đông Bắc)	88,689	103	+ 14,311
2	Phân vùng 2 (phía Tây Bắc)	99,523	120	+ 20,477
3	Phân vùng 3 (phía Nam)	55,928	0	- 55,928
Tổng cộng		250,355	223	- 27,355

(“+” : Dư so với nhu cầu; “-” : Thiếu so với nhu cầu)

Dựa trên bảng cân đối, so với các quy hoạch đã có thì tổng nhu cầu huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030 còn thiếu 27,355 MVA.

6.5.5. Định hướng hệ thống cấp điện.

6.5.5.1. Nguyên tắc định hướng cấp điện:

Định hướng cấp điện vùng huyện Nghĩa Đàn phải căn cứ trên hiện trạng cấp điện huyện Nghĩa Đàn, các dự án cấp điện đã có hoặc đã được duyệt, các quy hoạch cấp điện theo QHC xây dựng đô thị và quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

Định hướng cấp điện căn cứ trên khả năng cấp điện của toàn vùng và từng phân vùng cũng như các vùng lân cận, trên cơ sở dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu phụ tải.

6.5.5.2. Nguồn cấp điện:

Căn cứ vào nhu cầu phụ tải của toàn huyện, căn cứ trên việc đánh giá khả năng nguồn tài nguyên cấp điện, nguồn cấp điện cho khu vực vùng huyện Nghĩa Đàn chủ yếu lấy từ 2 nguồn chính:

- Nguồn điện 110 kV:

+ Trạm 110 kV Nghĩa Đàn (E15.2) công suất 2x40 MVA, cấp điện áp 110/35/10kV và 110/35/22-10 kV;

+ Trạm 110 kV Bắc Á 110/35/22 kV - 40 MVA (phục vụ riêng cho phụ tải công ty TH);

+ Xây dựng mới TBA 110 kV KCN Nghĩa Đàn: Giai đoạn đến năm đầu: 1x63 MVA - 110/22 kV; Giai đoạn QH dài hạn: (40+63) MVA - 110/22 kV.

+ Trạm 110 kV Nghĩa Đàn 2: 2x40 MVA - 110/35/22 kV.

- Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhỏ lẻ có công suất từ 1MW - 3MW tại các nhà máy ở các khu công nghiệp trên địa bàn huyện.

6.5.5.3. Định hướng hệ thống cấp điện:

a) Lưới điện 500 kV:

- Tuyến 500 kV mạch kép từ Nho Quan đi Hà Tĩnh chạy ngang qua địa bàn huyện cần được tuyệt đối đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện Quốc Gia theo quy định của ngành điện.

- Tuyến đường dây 500 kV Nghi Sơn - Nghĩa Đàn mạch A & B cần được tuyệt đối đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện Quốc Gia theo quy định của ngành điện.

b) Hệ thống điện 110 kV:

Trạm biến áp 110 kV:

- Căn cứ trên bảng cân đối nhu cầu công suất toàn huyện Nghĩa Đàn:

+ Phân vùng 1 (phía Đông Bắc) thừa công suất (+ 14,311 MVA) sẽ được cấp bổ sung cho phụ tải khu vực thị xã Thái Hòa và phân vùng 3 (phía Nam).

+ Phân vùng 2 (phía Tây Bắc) đang thừa công suất (+ 20,477 MVA) sẽ được cấp bổ sung cho phụ tải khu vực thị xã Thái Hòa và phân vùng 3 (phía Nam).

+ Phân vùng 3 (phía Nam) thiếu công suất (- 55,928 MVA) sẽ cấp từ trạm 110 kV Nghĩa Đàn và các phân vùng đang thừa công suất.

Đường dây 110 kV:

- Đối với các lộ 110 kV hiện có giữ nguyên và cũng cần được đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện Quốc gia theo quy định của ngành điện:

+ Tuyến đường dây 110 kV Quỳnh Lưu - Nghĩa Đàn;

+ Tuyến đường dây 110 kV Nghĩa Đàn - Trạm 110 kV Bắc Á;

+ Xây dựng mới các tuyến đường dây 110 kV từ các tuyến đường dây đã có đến trạm biến áp 110 kV Nghĩa Đàn 2 phải đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện Quốc Gia theo quy định của ngành điện.

c) Lưới điện trung áp:

Theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến 2035, thì đến sau năm 2025 toàn bộ lưới điện trung áp tỉnh Nghệ An vận hành chủ yếu ở cấp điện áp 35 kV và 22 kV.

Do vậy lưới điện trung áp huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030 sẽ vận hành ở cấp điện áp 22 kV và 35 kV:

- Lưới điện 35 kV: Các lộ 35 kV hiện hữu sẽ được giữ nguyên và vận hành chủ yếu cho khu vực vùng phía Bắc, phía Nam và khu vực nông thôn, tuy nhiên cần cải tạo hướng tuyến và tiết diện dây dẫn đảm bảo khả năng cấp điện.

- Lưới điện 22 kV: Chủ yếu ở vùng Trung tâm và trong các khu công nghiệp. Lưới điện trung thế 22 kV trong đô thị sử dụng cấu hình mạch vòng kín vận hành hở, được cấp điện từ 2 thanh cái phân đoạn hoặc hai nguồn khác nhau. Phạm vi ngoài đô thị hoặc các phụ tải không yêu cầu đặc biệt có thể sử dụng lưới điện trung áp hình tia.

Các khu đô thị mới, khu vực Thị trấn và khu công nghiệp lưới trung thế về lâu dài cần được đầu tư ngầm hóa để đảm bảo mỹ quan đô thị, dần đồng bộ nâng áp về cấp điện áp tiêu chuẩn 22 kV, bố trí đi ngầm sử dụng cáp ngầm trung thế, tiết diện từ $3 \times 150 \div 3 \times 240 \text{ mm}^2$.

Các khu vực còn lại lưới trung thế 22 kV bố trí đi nổi trên cột bê tông ly tâm, sử dụng dây nhôm bọc AL/XLPE/ PVC 120 ÷ AL/XLPE/ PVC 180 mm².

d) Trạm biến áp tiêu thụ:

Các trạm biến áp hạ thế hiện có cần được cải tạo, nâng công suất cho phù hợp với nhu cầu phụ tải tiêu thụ.

Các trạm biến áp hạ thế xây dựng mới dùng loại trạm treo hoặc 1 trụ, các khu đô thị mới sử dụng loại 1 trụ, vị trí bố trạm đặt ở các khu vực cây xanh nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị. Các khu vực dân cư nông thôn sử dụng loại trạm treo.

e) Lưới điện hạ thế:

- Mạng lưới hạ áp 0,4 V hiện có cấp điện cho sinh hoạt ở các khu dân cư vẫn giữ nguyên. Tiến hành cải tạo nâng tiết diện các tuyến đường dây 0,4 V không đảm bảo cung cấp điện. Trên cơ sở các trạm 22/0,4 kV dự kiến xây dựng mới bố trí các tuyến hạ áp 0,4 kV cho phù hợp đáp ứng nhu cầu dùng điện.

- Mạng lưới hạ áp 0,4 kV bố trí đi nổi (trong điều kiện kinh tế cho phép trong khu trung tâm bố trí đi ngầm). Đường dây 0,4 kV dùng cáp vặn xoắn ABC.
- Đường trục ABC (4x70) đến ABC (4x120);
- Đường nhánh ABC (4x35) đến ABC (4x70);
- Bán kính phục vụ của mạng lưới hạ áp 0,4 kV đảm bảo < 500 m.

f) Lưới điện chiếu sáng:

- Mạng lưới chiếu sáng các trục đường chính của khu đô thị, bố trí đi ngầm.
- Dùng đèn chiếu sáng cao áp hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng để chiếu sáng đường đô thị.
- Đối với đường trục chính đảm bảo độ chói 0,8 - 1,5 CD / m²;
- Đối với đường phụ đảm bảo độ chói 0,6 CD / m²;
- Với mặt cắt đường ≥ 12 m chiếu sáng cả hai bên hè đường.
- Với mặt cắt đường < 12 m chiếu sáng một bên hè đường.

Đèn chiếu sáng ưu tiên sử dụng đèn Led ánh sáng vàng tiết kiệm điện, có đặc điểm phù hợp với khí hậu sương mù cao, độ kín IP > 65, vì ở đây bụi nhiều.

6.6. Hạ tầng viễn thông thụ động.

6.6.1. Căn cứ pháp lý.

- Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
- Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ TT&TT về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;
- Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020;
- Quyết định số 44/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển Bưu chính Viễn thông tỉnh Nghệ An đến 2020;
- Chỉ thị 05/2014/CT-UBND ngày 02/4/2014 về tăng cường củng cố và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- Quyết định số 3724/UBND-CN ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 33:2019/BTTTT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất (QCVN 81:2019/BTTTT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất (QCVN 34:2019/BTTTT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông (QCVN 32:2020/BTTTT).
- Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

- Nghị Quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 08/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29/6/2020 của Bộ TT&TT ban hành Khung Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Kế hoạch số 292/KH-STTTT ngày 22/3/2019 của Sở TT&TT Nghệ An kế hoạch hành động thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ngành thông tin và truyền thông tỉnh Nghệ An.

- Kế hoạch số 744/KH-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025.

6.6.2. Dự báo nhu cầu sử dụng viễn thông.

6.6.2.1. Chỉ tiêu tính toán:

Căn cứ theo Quyết định số 3724/UBND-CN ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025, như sau:

- Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ: 100 %.
- Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường / 100 dân.
- Số thuê bao băng rộng cố định 18 thuê bao / 100 dân.
- Số thuê bao băng rộng di động 82 thuê bao / 100 dân.
- Tỷ lệ người sử dụng dịch vụ Internet: 71 %.
- Tỷ lệ các thôn được phủ sóng thông tin di động hoặc internet đạt: 100 %.
- Tỷ lệ các hộ gia đình có sử dụng ít nhất 1 thiết bị thông minh > 95 %.
- 100 % cơ quan nhà nước sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng.

6.6.2.2. Nhu cầu tính toán:

Ta có bảng tính toán dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030 như sau:

TT	Loại phụ tải	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nhu cầu
I	Phân vùng 1 (phía Đông Bắc - Vùng trung tâm)					
1	Số đường dây thuê bao cố định	46.500	người	20	Đường dây/100 dân	9.300

TT	Loại phụ tải	Quy mô	Đơn vị	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nhu cầu
2	Thuê bao băng rộng cố định			18	Thuê bao/100 dân	8.370
3	Thuê bao băng rộng di động			82	Thuê bao/100 dân	38.130
4	Người sử dụng internet			71	%	33.015
II	Phân vùng 2 (phía Tây Bắc)					
1	Số đường dây thuê bao cố định	68.000	người	20	Đường dây/100 dân	13.600
3	Thuê bao băng rộng cố định			18	Thuê bao/100 dân	12.240
3	Thuê bao băng rộng di động			82	Thuê bao/100 dân	55.760
4	Người sử dụng internet			71	%	42.280
III	Phân vùng 3 (phía Nam)					
1	Số đường dây thuê bao cố định	53.000	người	20	Đường dây/100 dân	10.600
2	Thuê bao băng rộng cố định			18	Thuê bao/100 dân	9.540
3	Thuê bao băng rộng di động			82	Thuê bao/100 dân	43.460
4	Người sử dụng internet			71	%	37.630
	Tổng nhu cầu toàn huyện					
1	Số đường dây thuê bao cố định	167.500	người	20	Đường dây/100 dân	33.500
2	Thuê bao băng rộng cố định			18	Thuê bao/100 dân	30.150
3	Thuê bao băng rộng di động			82	Thuê bao/100 dân	137.350
4	Người sử dụng internet			71	%	118.925

6.6.2.3. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động:

Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030 tuân thủ theo Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Nghệ An đến giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025 cụ thể như sau:

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:

Bao gồm điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ và không có người phục vụ.

Đối với điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ:

- Hiện tại 100 % số xã trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn đã có điểm văn hóa xã và bưu điện, vì vậy đến năm 2030 không phát triển thêm loại hình này.

- Đối với các đại lý cung cấp dịch vụ Internet trên địa bàn toàn huyện đã có ở hầu hết trung tâm các xã, thị trấn đáp ứng đủ nhu cầu truy cập của nhân dân trong huyện. Bên cạnh đó, xu hướng người sử dụng truy nhập Internet qua các thiết bị di động cá nhân tăng nhanh, vì vậy trong giai đoạn tới số lượng các đại lý Internet sẽ giảm dần.

Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ: Xây dựng các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ tại các khu vực tập trung đông người, khu trung tâm huyện, khu du lịch nổi tiếng và khu công nghiệp cụ thể:

Giai đoạn 2020 - 2025: Lắp đặt bắt tra cứu thông tin, phát sóng wifi miễn phí tại các khu đô thị mới, khu công nghiệp và các khu du lịch,...

Giai đoạn sau năm 2025: Phủ sóng wifi toàn huyện theo mạng lưới, xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn theo mô hình thành phố thông minh.

b) Tổng đài, trạm phát sóng thông tin di động:

Tổng đài: Toàn bộ huyện Nghĩa Đàn xây dựng 12 tổng đài vệ tinh, di chuyển mạch.

- Phân vùng 1 (phía Đông Bắc): 4 tổng đài vệ tinh, chuyển mạch;
- Phân vùng 2 (phía Tây Bắc): 5 tổng đài vệ tinh, chuyển mạch;
- Phân vùng 3 (phía Nam): 3 tổng đài vệ tinh, chuyển mạch.

→ Dung lượng các tổng đài vệ tinh này được xác định trong giai đoạn lập quy hoạch chung xây dựng đô thị.

Trạm phát sóng thông tin di động (BTS):

- Căn cứ nhu cầu sử dụng thuê bao băng rộng di động huyện Nghĩa Đàn đến năm 2030 là 137.350 thuê bao, đến năm 2050 là 182.040 thuê bao.

- Đến năm 2030 cần xây mới thêm 300 trạm BTS loại 4G và 5G với bán kính phủ trạm 4G là 0,9 km và trạm 5G là 0,3 km. Hiện nay địa bàn huyện có 145 trạm BTS, cần xây dựng thêm 155 trạm BTS.

- Đến năm 2050 cần xây mới thêm 500 trạm BTS loại 4G và 5G.

+ Mở rộng vùng phủ 4G ở các nhà mạng chiếm thị phần lớn, phát triển 5G tại các khu vực có mật độ sử dụng Internet di động cao. Bố trí vị trí xây dựng các trạm thu phát sóng thông tin di động, ưu tiên đặt tại các vị trí đất công cộng, trên các tòa nhà cao tầng.

+ Việc phát triển trạm thu phát sóng di động (4G và 5G) trên địa bàn theo quy hoạch và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên môn cấp tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông).

+ Với các khu vực có khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, khu đô thị sẽ bố trí phát triển mạng 5G.

- Xây dựng loại trạm A1 theo quy định đối với các trạm BTS xây dựng mới.

- Đến năm 2030 trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn thực hiện việc chuyển đổi các trạm phát sóng thông tin di động loại A2 hiện hữu sang loại A1 theo như quy hoạch Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2025 (Phân loại trạm phát sóng loại A1, A2 theo Thông tư 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ TT&TT về việc hướng dẫn lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương), đồng thời dự tính ngoại suy cho giai đoạn đến năm 2030.

c) Hạ tầng mạng cáp viễn thông:

Xây dựng tuyến cáp quang truyền dẫn chạy dọc theo QL.48, đường HCM;

- Thực hiện ngầm hóa đến toàn bộ các khu đô thị mới, các khu công nghiệp.

Trong quá trình quy hoạch, xây dựng mới các khu công nghiệp, khu đô thị mới cần có sự phối hợp giữa các ban ngành liên quan để đồng bộ hóa các hạng mục cơ sở hạ tầng khác để tiết kiệm chi phí thi công.

- Các hào cáp cần được chuẩn hóa về kích thước cũng như kiểu dáng theo quy chuẩn.

- Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp có đầu chống ẩm đi trong hào cáp (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5 mm.

- Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc quản lý và lắp đặt sau này.

Các tuyến cáp quang này đều được quy hoạch ngầm theo các tuyến đường giao thông.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan đô thị và an toàn cho người dân theo lộ trình:

- Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

- Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

- Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

- Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

- Cáp, cống bê, cột viễn thông: Tại các khu đô thị mới, việc xây dựng các công trình ngầm phải triển khai đồng bộ với hạ tầng viễn thông, đảm bảo ngầm hóa 100 % đến khách hàng. Xây dựng hệ thống cống bê hoặc tổ chức sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật ngầm trong các phân khu. Chôn ngầm trên một số trục đường. Đối với cáp treo tuyến truyền dẫn trong các khu vực chỉ xây dựng cột treo cáp với những khu vực không có hạ tầng kỹ thuật để dùng chung và không thể thực hiện ngầm hóa.

d) Bưu chính:

- Trong những năm tới đây xu hướng chung của tỉnh Nghệ An nói chung và huyện Nghĩa Đàn nói riêng là mở rộng phạm vi phục vụ bằng việc mở rộng các điểm đại lý bưu điện, các điểm bưu điện văn hóa xã. Hạn chế bổ sung các bưu cục.

- Giảm chỉ tiêu số dân / điểm phục vụ bưu điện xuống dưới 2.500 người/ điểm phục vụ và bán kính phục vụ xuống dưới 2,0 km / điểm phục vụ đến năm 2030.

- Thí điểm đưa vào dịch vụ tự động hóa mạng Bưu chính: Bưu Cục tự động hoạt động 24 / 24, các thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ tín dụng hoặc tiền mặt, mục đích chính phục vụ cho du lịch. Giai đoạn đầu đặt thí điểm tại bưu cục trung tâm huyện, bưu cục tại Khu đô thị mới, sau đó nếu thành công sẽ nhân rộng ra các bưu cục khác tại trung tâm các thị trấn, các trung tâm xã,...

PHẦN VI: ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC.

6.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường.

Nhìn chung môi trường tự nhiên khu vực huyện Nghĩa Đàn là tương đối sạch. Tuy nhiên, ở một số nơi còn bị ô nhiễm cục bộ do các nguồn ô nhiễm như chất thải rắn, nước thải chưa được thu gom, xử lý triệt để và có xu hướng tiếp tục ô nhiễm ở mức độ lớn hơn nếu không có biện pháp xử lý hữu hiệu.

6.1.1. Môi trường đất.

Huyện Nghĩa Đàn có tổng quỹ đất hiện trạng là: 61.785,00 ha; trong đó diện tích đất trồng trọt, sản xuất nông - lâm nghiệp là 47.730,92 ha (chiếm 77,25 % so với diện tích đất tự nhiên). Đây là khu vực có nguy cơ bị ô nhiễm đất do việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp.

Nghĩa trang nằm rải rác trong khu vực với tổng diện tích 318,65 ha (chiếm 0,52 % tổng diện tích tự nhiên) cũng là nguồn gây ô nhiễm môi trường đất.

Trên địa bàn huyện hiện nay chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Tại khu vực trung tâm thị trấn Nghĩa Đàn và trung tâm các xã mới chỉ có một số tuyến mương xây nắp đan, thoát nước chung cho cả nước mưa và nước thải sinh hoạt. Đa số hộ dân trong vùng hiện đang để nước thải tự thấm xuống đất qua bề tự hoại, hồ thấm hoặc chảy tràn ra vườn, gây ô nhiễm môi trường đất.

6.1.2. Môi trường nước.

Khu vực huyện Nghĩa Đàn chưa có hệ thống thoát nước thải riêng. Toàn bộ nước thải từ các hộ dân, các hộ sản xuất kinh doanh, các làng nghề,... sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại thì được xả trực tiếp ra các mương đất tự nhiên rồi xả ra hệ thống ao hồ sông suối trong vùng, làm ảnh hưởng đến môi trường sống và làm nhiễm bản nguồn nước mặt.

Nhìn chung, các cụm công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao như TH,... trên địa bàn huyện đã chú trọng vào việc xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải. Tuy nhiên, vẫn có tình trạng các cơ sở vận hành hệ thống xử lý không đúng quy trình, không liên tục, lén lút xả thải trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Hiện tại trên địa bàn huyện, ngoài huyện Nghĩa Đàn đã được xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn với công suất 60 m³/ ngày.đêm, còn lại các cơ sở y tế tư nhân, các trạm y tế xã chưa có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải từ các cơ sở y tế chảy chung với nước thải sinh hoạt rồi đổ vào kênh mương, ao hồ,... làm nhiễm bản nguồn nước mặt.

Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp cũng là nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước mặt và nước ngầm cho khu vực.

Vào những khi trời mưa, nước mưa chảy qua khu vực tập kết rác thải, cuốn theo nước rỉ rác chảy xuống khu vực thấp hơn gây ô nhiễm môi trường nước.

6.1.3. Môi trường không khí.

Nhìn chung môi trường không khí trong vùng là khá trong lành, trừ một số nơi bị ô nhiễm bởi khói bụi và tiếng ồn do hoạt động giao thông, trong đó có một số tuyến đường có lưu lượng giao thông lớn (đường Hồ Chí Minh, QL.48, QL.48D, QL.48E, QL.15, ĐT.531,...).

6.2. Lý do, sự cần thiết và mục đích phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

6.2.1. Lý do, sự cần thiết lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

Môi trường và bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề cấp thiết và có ý nghĩa toàn cầu. Hòa nhập chung với xu thế này, Việt Nam chúng ta cũng đã rất chú trọng đến yếu tố môi trường, xem đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, đảm bảo sự tồn tại và phát triển bền vững của đất nước. Trong các hoạt động diễn ra hàng ngày của đời sống xã hội, công tác quy hoạch xây dựng và triển khai các dự án đầu tư xây dựng là một trong những hoạt động có ảnh hưởng tác động lớn đến môi trường. Chính vì thế mà việc lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn là rất cần thiết.

6.2.2. Mục đích báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

Việc lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với đồ án QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn nhằm các mục đích sau:

- Phân tích đánh giá đầy đủ thực trạng môi trường khu vực quy hoạch.
- Đánh giá tác động của môi trường đối với quy hoạch xây dựng và bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và hình thành các khu đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại dịch vụ, du lịch,... trong vùng.
- Xác lập cơ sở cho việc xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc (theo đồ án quy hoạch) và quy chế vận hành các khu đô thị, khu - cụm công nghiệp, khu thương mại dịch vụ, du lịch,... trong vùng cũng như có cơ chế chính sách bảo vệ môi trường.

6.3. Đánh giá diễn biến môi trường khi không thực hiện quy hoạch.

Môi trường khu vực nghiên cứu hiện tại còn thiếu tính ổn định và tiềm ẩn một số nguy cơ. Khi quy hoạch không được thực hiện, các xu hướng này sẽ tiếp tục diễn ra theo chiều hướng xấu hơn.

- Nguồn thải (nước thải, chất thải rắn) không được kiểm soát chặt chẽ từ các khu dân cư, từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, từ các nhà máy xí nghiệp thải ra gây ô nhiễm môi trường.

- Nghĩa trang phân tán gây ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực và lãng phí tài nguyên đất.

- Quá trình đô thị hóa diễn ra ồ ạt, các khu công nghiệp, khu dân cư ngày càng xuất hiện nhiều hơn. Trước tiên, điều này giúp cho người dân trong khu vực có thêm

nhiều cơ hội việc làm, nâng cao chất lượng sống. Tuy nhiên, việc các khu - cụm công nghiệp, khu dân cư phát triển thiếu quy hoạch sẽ làm thu hẹp diện tích đất nông nghiệp, có dấu hiệu xâm hại đến các khu di tích, các vùng bảo vệ cảnh quan, các vực nước chính. Kéo theo đó là nhiều hộ dân bị mất đất sản xuất, kinh tế gia đình sụt giảm. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa không theo quy hoạch cũng dẫn tới sự dịch chuyển mạnh mẽ dân cư từ khu vực nông thôn về thành thị, các khu công nghiệp hình thành kéo theo việc thu hút nhiều lao động từ các địa phương khác về. Đây là mối nguy cơ tiềm ẩn gây xáo trộn cuộc sống của người dân địa phương, dẫn đến các tệ nạn xã hội,...

- Hạ tầng đô thị vẫn còn nhiều hạn chế gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Huyện. Tình trạng lấn chiếm hành lang đường gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Hệ thống thoát nước chưa được đầu tư đầy đủ nên khi có mưa lớn vẫn còn tình trạng ngập úng cục bộ tại một số khu vực thấp trũng, gây ô nhiễm tại các điểm tiếp nhận.

Ngoài nhà máy sữa TH đã tự đầu tư xây dựng 03 nhà máy nước sạch riêng để phục vụ cho khu vực nhà máy, thì trên địa bàn huyện chưa có nhà máy nước sạch nào để phục vụ nhu cầu của người dân trong huyện. Các hộ dân phải tự khai thác nước ngầm qua các giếng khoan nhỏ lẻ, hoặc sử dụng hệ thống cấp nước tự chảy. Nhìn chung nguồn nước phục vụ sinh hoạt của người dân huyện Nghĩa Đàn chưa đảm bảo vệ sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, đặc biệt ở một số vùng nguồn nước còn bị ô nhiễm bởi dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (xóm 1, 2 xã Nghĩa Trung).

Nước thải chưa được thu gom và xử lý, hiện tại đang thoát chung với nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

- Hệ thống hạ tầng đô thị được xây dựng không tuân theo quy hoạch sẽ dẫn đến sự chông chéo, gây khó khăn cho việc kết nối các đường dây đường ống giữa các dự án độc lập.

- Nhiều khu vực có tiềm năng phát triển du lịch chưa được khai thác đúng vai trò và hết tiềm năng.

- Đời sống nhân dân chưa cao cũng ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức và sự tham gia đóng góp của người dân trong việc bảo vệ môi trường.

6.4. Đánh giá diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch.

6.4.1. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch và mục tiêu bảo vệ môi trường.

a) Mục tiêu và chỉ tiêu môi trường thực hiện quy hoạch:

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt các sông, suối, hồ, kiểm soát môi trường đất, môi trường không khí, đặc biệt tại các khu - cụm công nghiệp, các làng nghề, khu vực dự kiến xả thải, khu du lịch, các điểm tập trung CTR trong phạm vi quy hoạch xây dựng vùng.

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp. Có phương án sử dụng đất thích hợp cho từng khu vực.

- Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải thích hợp cho khu vực đô thị và nông thôn.

- Giảm thiểu tai biến môi trường. Hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng úng ngập cục bộ do hệ thống tiêu thoát không đảm bảo. Hạn chế hiện tượng sạt lở cục bộ khu vực đồi núi và ven sông. Có biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống cây xanh mặt nước. Bảo vệ các điểm di tích, các khu có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật. Bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong đô thị và diện tích nông nghiệp khu vực nông thôn. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng tự nhiên và trồng mới rừng, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 30 %.

- Đảm bảo nâng cao điều kiện xã hội, chất lượng cuộc sống dân cư hiện trạng: Đến năm 2025 đảm bảo 98 % dân cư đô thị được dùng nước sạch; 87 % rác thải được thu gom và xử lý tập trung, 95 - 97 % số hộ có công trình vệ sinh đạt tiêu chuẩn. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100 %.

b) Đánh giá sự phù hợp giữa mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường:

Bảng đánh giá sự phù hợp giữa mục tiêu quy hoạch và môi trường	
Mục tiêu quy hoạch	Mục tiêu môi trường
Bảo vệ hệ sinh thái đô thị, hạn chế tối đa tác động đến hệ sinh thái nông nghiệp.	- Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Góp phần đa dạng hóa cảnh quan môi trường và an ninh lương thực.
Bảo tồn, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, cấu trúc làng xóm hiện có.	- Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Bảo tồn được kho tàng có giá trị về văn hóa - lịch sử và kiến trúc phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch của địa phương.
Xác định các khu vực phát triển và khu vực hạn chế phát triển.	- Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý môi trường khu vực.
Xác định các khu vực phát triển du lịch. Xây dựng công trình phục vụ dịch vụ du lịch.	- Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Phát triển du lịch vừa góp phần phát triển kinh tế địa phương vừa nâng cao đời sống cho người dân.
Xác định các khu vực phát triển công nghiệp sản xuất.	- Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Tập trung các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm vào khu vực có hạ tầng đồng bộ, kiểm soát chất thải.

	<ul style="list-style-type: none"> - Những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động. Các ảnh hưởng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Ô nhiễm bụi trong quá trình thi công xây dựng. + Tạo điểm phát thải lớn, ảnh hưởng đến môi trường khi các công trình xử lý gặp sự cố.
Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Cung cấp hạ tầng đồng bộ đến người dân đô thị và nông thôn. - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường đặc biệt là ô nhiễm do nước thải và chất thải rắn không được thu gom và xử lý. - Nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương. - Đảm bảo sự lưu thông và liên kết các khu vực trong và ngoài huyện. Giảm thiểu ùn tắc, tai nạn giao thông, cải thiện chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn. - Giảm thiểu những tác động của tai biến môi trường. - Trong quá trình thi công xây dựng có những tác động tiêu cực đến môi trường nhưng có thể khắc phục được bằng các giải pháp kỹ thuật và các tác động này chỉ là những tác động tạm thời.
Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất hiện có.	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu môi trường. - Tiết kiệm, bảo vệ tài nguyên đất.

6.4.2. Phân tích diễn biến và các tác động môi trường có thể xảy ra khi thực hiện QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn.

Khi QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn đi vào triển khai xây dựng và hoạt động sẽ dẫn đến sự biến đổi về môi trường khu vực. Sự biến đổi này diễn biến toàn diện trên mọi mặt, cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Nó sẽ tác động ngay từ khi chuẩn bị, triển khai dự án và tác động sẽ rõ rệt, mạnh mẽ nhất khi các dự án đi vào hoạt động.

6.4.2.1. Tác động đối với môi trường tự nhiên:

a) Đối với môi trường đất:

Môi trường đất trong khu vực quy hoạch hiện nay khá sạch, chưa bị suy thoái. Tuy nhiên sự phát triển mạnh về kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các hoạt động KT-XH theo quy hoạch của đồ án sẽ làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất và có những ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc cũng như chất lượng đất.

Cơ cấu sử dụng đất sẽ thay đổi do biến động của cơ cấu kinh tế. Diện tích đất

sản xuất nông - lâm nghiệp sẽ bị thu hẹp dần để dành đất cho phát triển đô thị và các công trình kỹ thuật hạ tầng, phát triển công nghiệp, phát triển du lịch. Trước hết, đây là tác động tích cực bởi nó làm hợp lý hơn về mặt phân bổ đất, tăng hiệu quả sử dụng đất. Tuy nhiên, việc suy giảm diện tích đất nông nghiệp cũng sẽ tạo nên sức ép lớn về việc đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm, dẫn đến thâm canh cây trồng mạnh mẽ và dễ xảy ra việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học trên khoảng diện tích canh tác có giới hạn. Điều này sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng đất. Tuy nhiên, diện tích đất nông - lâm nghiệp hiện tại trong diện chuyển đổi mục đích sử dụng có giá trị kinh tế và môi trường không lớn, các tác động được dự báo đều có thể chủ động khắc phục được bằng các biện pháp thích hợp, nên việc thay đổi mục đích sử dụng đất theo đề án là hợp lý.

Trong quá trình triển khai các dự án, việc san ủi, đào đắp địa hình để tạo mặt bằng xây dựng sẽ dễ dẫn đến nguy cơ sạt lở và sụt lún đất.

Do ảnh hưởng của mưa gió, đất màu vốn đã mỏng trên bề mặt sẽ tiếp tục bị xói mòn. Nước thải từ khu vực có lấn dầu mỡ chảy theo nước mưa ra xung quanh rồi ngấm vào đất làm giảm chất lượng của đất.

Các khu - cụm công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch, dịch vụ khi đi vào hoạt động sẽ tạo ra lượng nước thải và chất thải rắn được ước tính gấp nhiều lần so với hiện nay là một nguồn gây nhiễm bẩn đất tiềm ẩn. Tuy nhiên, với hệ thống mương, cống thoát nước mặt, với giải pháp thu gom xử lý nước thải và chất thải rắn được thiết kế như trong đề án sẽ góp phần giảm thiểu mức độ ô nhiễm lên môi trường đất do các chất thải từ nước ngấm trực tiếp vào đất, cũng như do sự rửa trôi của nước mưa.

b) Đối với môi trường nước:

Nguồn nước sẽ bị tác động, trước hết là do việc tăng cường khai thác để phục vụ cho phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp và phát triển xây dựng đô thị, các điểm dân cư nông thôn.

Nguồn nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm nước chính là nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Tuy nhiên trong quy hoạch này, mạng lưới thoát nước thải được thiết kế riêng hoặc nửa riêng cho các khu vực dân cư mới và khu công nghiệp. Nước thải được thu gom và đưa về các trạm xử lý tập trung đạt các tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải sinh hoạt của người dân sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, thu gom vào hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải được thu gom theo địa hình, dùng các trạm bơm cục bộ dẫn về khu xử lý nước thải tập trung ở các khu vực cuối hạ lưu. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

Các công trình công cộng, trường học, bệnh viện sử dụng loại bể xử lý nước thải hợp khối, loại bể có hiệu quả xử lý cao và ổn định, cơ chế vận hành đơn giản, chi phí đầu tư xây dựng thấp.

Đối với các khu du lịch, thường có mật độ xây dựng thấp, phân tán nên sẽ ưu tiên xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến như bể tự hoại cải tiến (BASTAF-F), bể lọc kỵ khí với lớp vật liệu nổi, bể lọc ngược qua tầng bùn kỵ khí (UASB) hoặc các loại công trình xử lý sinh học kiểu hợp khối theo công nghệ hiện đại (JRY) có hiệu suất sử dụng cao, tốn ít diện tích. Nước thải sau các bể này sẽ được xử lý triệt để bằng hệ thống hào lọc hoặc tận dụng lại để tưới cây, rửa đường.

Các trang trại chăn nuôi gia súc dùng bể BIOGAS để xử lý phân súc vật và tạo khí Mêtan dùng trong sinh hoạt.

Nước thải y tế phải được thu gom theo hệ thống riêng và phải xử lý theo quy trình riêng đến giới hạn cho phép của QCVN28:2010/BTNMT mới được đầu nối vào hệ thống thoát nước bên ngoài.

Nước thải công nghiệp:

- Khu công nghiệp huyện Nghĩa Đàn, các cụm công nghiệp: Nước thải được xử lý cục bộ trong nhà máy, làm sạch lần 2 tại trạm XLNT tập trung của khu và cụm công nghiệp.

- Cụm công nghiệp và các làng nghề: Xử lý nước thải sơ bộ đạt tiêu chuẩn C theo TCVN 40-2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước.

Ngoài các nguồn thải trên, nguồn nước còn có thể bị ô nhiễm bởi nước mưa chảy tràn. Vào những khi trời mưa, nước mưa chảy qua các khu vực đang thi công sẽ cuốn theo đất cát, chất cặn bã, dầu mỡ, chất thải ô nhiễm,... rồi chảy xuống khu vực thấp hơn. Lượng nước này sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt, nước ngầm mạch nông và ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh trong nước. Bên cạnh đó, một phần diện tích đất nông nghiệp được chuyển đổi mục đích sử dụng, thay vào đó là hệ thống đường giao thông và các công trình khác, cũng sẽ là nguyên nhân làm tăng dòng chảy mặt và suy giảm khả năng bổ trợ nước ngầm dẫn tới nguy cơ úng lụt. Tuy nhiên, các giải pháp công nghệ và quản lý chặt chẽ đều có thể kiểm soát được những tác động nguy cơ tiềm ẩn này.

Như vậy, theo quy hoạch thì toàn bộ nước thải phát sinh trên địa bàn được thu gom rồi xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm mạch nông.

c) Đối với môi trường không khí và tiếng ồn:

Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn chủ yếu là hoạt động giao thông,... Quá trình xây dựng, cải tạo các khu dân cư, khu công nghiệp, du lịch,... sẽ dẫn đến sự gia tăng cường độ xe lưu thông trên đường, nhất là xe cơ giới. Sự gia tăng này là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm không khí và tiếng ồn cho khu vực. Tuy nhiên, bên cạnh việc quy hoạch xây dựng các khu đô thị, công nghiệp, du lịch thì hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nhất là hệ thống đường giao thông cũng sẽ được chú trọng nâng cấp, mở rộng. Bề rộng mặt đường được mở rộng, chất lượng

mặt đường tốt hơn, giao thông êm thuận, thông suốt hơn, các dải cây xanh cách ly, cây xanh trồng hai bên đường cũng được chú trọng. Do đó sự ô nhiễm không khí sẽ được giảm bớt.

Ngoài ra, trong quá trình triển khai xây dựng các công trình sẽ phát sinh một lượng bụi đất đá từ quá trình vận chuyển đất cát phục vụ việc san lấp, quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, và lượng khói thải từ các phương tiện tham gia thi công sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường không khí. Tuy nhiên quá trình này kéo dài không lâu, mật độ thi công không lớn, nên các tác động tới môi trường là không nhiều. Kết thúc giai đoạn thi công, các tác động có hại tới môi trường cũng chấm dứt.

Bên cạnh đó, sự gia tăng lượng chất đốt sử dụng tại các nhà máy, khu - cụm công nghiệp, khu dân cư cũng làm tăng các chất gây ô nhiễm không khí (CO_x , NO_x , SO_2 ,...). Ngoài ra, quá trình phân giải các hợp chất hữu cơ như: nước thải, chất thải rắn,... sẽ phát sinh các chất ô nhiễm như H_2S , CH_4 ,... với tải lượng ngày một tăng theo tốc độ đô thị hóa.

Ngoài các nguồn gây tiếng ồn nền hiện có, tiếng ồn sẽ tăng mạnh trong giai đoạn đầu tư xây dựng do tiếng ồn sinh hoạt của công nhân tham gia thi công, tiếng ồn phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng xây dựng, từ các phương tiện vận chuyển máy móc thi công trên công trường, có thể gây mệt mỏi, làm giảm năng suất lao động, ảnh hưởng sức khỏe của cán bộ, công nhân thi công trên công trường; Ảnh hưởng đến cuộc sống của khu dân cư xung quanh; Ảnh hưởng đến các vùng sinh sản, sinh sống của các loài động thực vật. Tuy nhiên, tác động này chỉ có tính ngắn hạn và có thể ngăn chặn.

Sự gia tăng dân số đô thị cũng kéo theo sự gia tăng cường độ tiếng ồn sinh hoạt trong khu vực dân cư, khu vực thương mại, khu vui chơi,...

Trong đồ án QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn đã chú trọng đến việc quy hoạch các khu công viên cây xanh mặt nước, góp phần cải thiện điều kiện vi khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm khói bụi và tiếng ồn.

6.4.2.2. Tác động đối với môi trường kinh tế - xã hội:

Khi tiến hành xây dựng các khu dân cư mới, các khu - cụm công nghiệp và du lịch,... một phần đất đai đáng kể sẽ bị trưng dụng, trong đó phần lớn là đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. Khi đó, tức thời hiệu quả kinh tế (giá trị sản xuất, tổng thu ngân sách,...) của khu vực sẽ bị giảm đi đáng kể. Bên cạnh đó, nếu không kịp thời chuyển đổi ngành nghề cho các lao động trong những gia đình thuộc diện bị thu hồi đất thì cũng sẽ gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh tế của những gia đình này.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện quy hoạch, sẽ có một bộ phận dân cư phải di dời, giải tỏa,... và gặp những bất ổn tạm thời trong đời sống, dẫn đến những tác động tiêu cực đến tâm lý người dân.

Vì vậy, cần thiết phải có những biện pháp chuẩn bị trước và sau khi giải phóng mặt bằng như: bố trí tái định cư, đền bù hợp lý,... để góp phần làm giảm bớt

các tác động tiêu cực này.

Bên cạnh đó, các công trình công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch,... sau khi đi vào vận hành sẽ góp phần tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho những lao động ở trong vùng và các vùng xung quanh, từ đó làm cải thiện mức sống của người dân, tạo thêm nguồn thu cho địa phương.

Mặt khác, sau khi quy hoạch được triển khai thực hiện, hệ thống các công trình hạ tầng xã hội được hình thành và nâng cấp, bao gồm các công trình giáo dục - đào tạo, các công trình y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các công trình văn hóa thể thao, thông tin, phát thanh truyền hình,... sẽ góp phần nâng cao đời sống văn hóa, trình độ dân trí và sức khỏe của người dân. Đồng thời, hệ thống hạ tầng kỹ thuật được xây dựng hoàn chỉnh cũng góp phần cải thiện môi trường sống của dân cư trong vùng.

Đô thị phát triển, các khu - cụm công nghiệp, du lịch dịch vụ hình thành sẽ thu hút thêm nhiều lao động từ các địa phương khác đến, mang lại nhiều lợi ích về kinh tế nhưng cũng là nguy cơ phát sinh các tệ nạn xã hội do sức ép từ việc tăng dân số cũng như việc tập trung số lượng lớn công nhân lao động, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh khu vực. Sự giao lưu văn hóa mạnh mẽ với bên ngoài thông qua các hoạt động du lịch, thương mại sẽ làm cho người dân trở nên năng động hơn; nhưng cũng khiến cho người dân có cơ hội tiếp cận với phong cách và lối sống khác lạ mà không có tính chọn lọc, các tệ nạn xã hội sẽ có thể xảy ra ở một bộ phận dân cư nhất định. Tuy nhiên, điều này có thể ngăn chặn thông qua phát triển hệ thống tuyên truyền giáo dục, cũng như các trung tâm thể dục, thể thao lành mạnh và các chế tài về an ninh xã hội.

6.4.2.3. Tác động đối với môi trường du lịch và văn hóa, lịch sử:

Huyện Nghĩa Đàn có một số công trình di tích lịch sử nổi tiếng đã được xếp hạng cùng với một số địa điểm có không gian cảnh quan đẹp, có thể kiến tạo tuyến điểm văn hóa du lịch sinh thái lý tưởng trong tương lai. Vì vậy, trong đề án này cũng đã chú trọng đến việc phát triển du lịch.

Cụm di tích lịch sử cách mạng huyện Nghĩa Đàn (Hang Rú Âm, Cây đa Làng Trù) kết hợp với cụm di tích Thái Hòa (Làng Vạc, Khu Bác Hồ về thăm Đông Hiếu, Làng Lụi, đền Bàu Sen)... là những di tích có giá trị phục vụ nhu cầu văn hóa tâm linh cho du khách khi đến Nghĩa Đàn.

Hồ Sông Sào, Khe Đá, Hòn Mát, Đồng Canh,... là những địa điểm có cảnh quan thiên nhiên đẹp và độc đáo, có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp, kết hợp với các loại hình du lịch nông nghiệp, du lịch trải nghiệm, Homestay,...

Ngoài ra, trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn còn có nhiều điểm du lịch sinh thái, trải nghiệm, thắng cảnh rất được yêu thích như: Thung lũng hoa Phủ Quỳ (xã Nghĩa Long), Cánh đồng hoa Hướng Dương (TT. Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm), cánh đồng

hoa Tam giác mạch (xã Nghĩa Lâm), Đồi hoa Trương Gia Trang - xóm Nam Thắng xã Nghĩa Long;... Điểm du lịch Đá nhảy ở xã Nghĩa Lạc; Điểm du lịch cộng đồng xóm Đồng Nheo cũ (xóm Trung Thịnh mới) xã Nghĩa Trung; Điểm du lịch canh nông xóm Sơn Mộng tại xã Nghĩa Hiếu;...

QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn được triển khai thực hiện, mạng lưới giao thông được xây dựng và nâng cấp trở nên thông suốt, thuận tiện hơn. Các địa điểm du lịch được quy hoạch xây dựng trở nên hấp dẫn hơn, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước đến với huyện Nghĩa Đàn, góp phần giới thiệu, quảng bá về văn hóa và con người Nghĩa Đàn - Nghệ An đến với cả nước và thế giới.

Bên cạnh đó, du lịch phát triển sẽ đem lại nguồn lợi kinh tế không nhỏ cho người dân trong vùng. Các điểm du lịch được xây dựng quy mô hơn kéo theo việc hình thành hệ thống dịch vụ đi kèm, tạo nên nhiều cơ hội việc làm cho người dân trong vùng cũng như các vùng xung quanh, tạo điều kiện cho người dân nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống.

Tuy nhiên, đây cũng là nguồn phát sinh nước thải và rác thải lớn, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, du lịch phát triển sẽ tạo điều kiện cho người dân trong vùng có sự giao lưu văn hóa mạnh mẽ với bên ngoài, ngoài việc làm cho người dân trở nên năng động hơn thì đây cũng là nguy cơ tiềm ẩn của các tệ nạn xã hội. Mặt khác, khai thác du lịch nếu không song hành với các chính sách duy tu, tôn tạo, bảo tồn,... sẽ dẫn đến sự xuống cấp của các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

Vì vậy, trong quy hoạch phát triển du lịch cần chú trọng phát triển hệ thống tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử cho người dân và du khách; Chú trọng xây dựng các trung tâm thể dục thể thao, vui chơi lành mạnh; Xây dựng các chế tài về an ninh xã hội.

6.5. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

6.5.1. Phương hướng biện pháp chung.

Đồ án QHXD vùng huyện Nghĩa Đàn tiến hành song song với việc lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, vì thế các giải pháp tổ chức quy hoạch phải phù hợp với các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Được thể hiện trên nguyên tắc chung là:

- Bố cục quy hoạch phải chú trọng đến yếu tố đặc điểm khí hậu khắc nghiệt ở vùng Nghĩa Đàn - Nghệ An, sử dụng các chỉ tiêu tính toán phù hợp để tạo thông thoáng cho đô thị, tổ chức không gian hợp lý tranh thủ lợi thế có đồi núi, sông suối,... để tạo điều kiện bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị.

- Cơ cấu mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, gắn kết với mạng lưới xung quanh một cách đồng bộ, nhằm giảm thiểu ô nhiễm đối với môi trường không khí và tiếng ồn.

Đối với các khu công nghiệp và cụm công nghiệp phải lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của toàn khu trước khi thực hiện dự án xây dựng, sau đó đối với từng nhà máy trong khu - cụm công nghiệp cũng phải tiến hành lập Báo cáo

đánh giá tác động môi trường chi tiết nhằm kiểm soát ngay từ giai đoạn đầu thực hiện dự án, không để các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí. Tất cả các khu công nghiệp đều phải có vành đai cây xanh phù hợp với Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Trong quá trình thi công xây dựng, cần thiết lập một hệ thống cây xanh cách ly để hạn chế sự phát tán của bụi và hấp thụ tiếng ồn từ công trường và phương tiện vận chuyển vật liệu. Đồng thời kết hợp với việc sử dụng xe phun nước chuyên dùng trên các tuyến đường tới khu vực thi công.

Xe vận chuyển vật liệu xây dựng cần phải được phun nước rửa, phủ bạt kín, hạn chế rơi vãi vật liệu xây dựng. Quy định thời gian hoạt động của các phương tiện và máy móc.

6.5.2. Phương hướng biện pháp cụ thể.

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất:

- Khi đào đắp với khối lượng lớn sẽ làm thay đổi hệ sinh thái thủy vực, ảnh hưởng tới nơi cư trú của sinh vật trong khu vực. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, các khu vực có địa hình trũng có thể lấy đất từ các khu vực có giá trị sử dụng đất không cao để san đắp, sau đó bao phủ một lớp đất màu tại các khu vực quy hoạch trồng cây xanh. Đối với các khu vực lấy đất để san lấp cần tiến hành trồng cây để cải tạo đất. Hoạt động này không những cải thiện chất lượng đất trong tương lai mà còn góp phần bảo vệ môi trường không khí, vi khí hậu với một hệ thống môi trường xanh bao phủ.

- Phát triển hệ thống các khu - cụm công nghiệp, các khu đô thị, phát triển xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải dựa trên cơ sở quy hoạch cơ cấu sử dụng đất toàn vùng một cách hợp lý, nhằm sử dụng quỹ đất một cách tiết kiệm và hiệu quả.

- Có quy hoạch bảo vệ rừng, phát triển rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc để bảo vệ đất, tránh xói mòn sụt lở đất, phát triển kinh tế rừng.

- Diện tích đất nông nghiệp sẽ bị thu hẹp lại đáng kể, vì vậy phải có cơ cấu cây trồng hợp lý, tránh việc lạm dụng hóa chất bón ruộng để thâm canh, làm suy giảm chất lượng đất.

- Quản lý tốt việc thu gom rác thải, tránh việc phát tán rác ra môi trường, có biện pháp hạn chế tối đa nước rỉ rác.

- Quản lý tốt hệ thống ống dẫn nước thải, tránh sự rò rỉ nước thải ra ngoài làm ô nhiễm môi trường đất.

b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước:

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực các dự án được bố trí chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Cần thiết phải đầu tư xây dựng một hệ thống thoát nước riêng của khu vực, ưu tiên hệ thống thoát nước mưa trước để giải quyết hiện tượng nước mưa chảy tràn. Nước mưa được thu vào các rãnh thoát nước bên đường và xả ra các khu vực trũng.

- Để bảo vệ chất lượng nguồn nước thì yếu tố quan trọng nhất là phải giải quyết triệt để vấn đề xử lý nước thải ở các khu - cụm công nghiệp, các khu đô thị, khu dân cư và cả ở vùng nông thôn đầu nguồn. Đối với các khu đô thị mới, cần phải thiết kế một hệ thống thoát nước thải riêng biệt (theo QCVN 01:2021 - Bộ Xây dựng).

- Trong quá trình thi công, không xả nước thải trực tiếp xuống các thủy vực xung quanh khu vực dự án. Để tránh việc gây ô nhiễm nước mặt trong khu vực do thải nước thải xây dựng, trong dự án cần bố trí thêm các hố thu nước xử lý cặn và bùn lắng để không gây hiện tượng bồi lắng. Bên cạnh đó, cùng cần phải xây dựng các công trình xử lý nước thải tạm thời (bể tự hoại kiểu thấm), quy định bãi rác trung chuyển tạm thời,... tránh phóng uế, vứt rác sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường do công nhân xây dựng thải ra.

- Các nhà máy phải có công nghệ xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi phát thải vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp. Hơn nữa khu công nghiệp phải thiết lập hệ thống thoát, xử lý nước thải và nước mưa riêng biệt khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ sản xuất phải được thu gom vào bể lắng và có biện pháp xử lý trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung.

- Lựa chọn thời điểm thi công xây dựng chính vào các tháng 12, 01, 2, 3, 4 để hạn chế lượng chất bẩn sinh ra do nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công xuống các nguồn nước mặt trong khu vực.

c) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tiếng ồn:

Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí trong vùng là khí thải của các khu công nghiệp, khí khuếch tán của các điểm tập kết rác thải và khí thải của các phương tiện giao thông, các phương tiện xe máy thi công,...

Trong quá trình thi công xây dựng hạ tầng, các nhà thầu thực hiện thi công các công trình phải thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện để hạn chế các tác động có hại tới môi trường xung quanh.

- Các xí nghiệp công nghiệp phải giải quyết tốt việc thoát và xử lý khí thải. Các nhà máy, xí nghiệp,... phải quy hoạch hợp lý, có khoảng cách ly với các khu dân cư, trường học, bệnh viện, cơ quan,... để tránh khói bụi. Giải pháp cơ bản là phải có quy hoạch trồng cây xanh hợp lý ở từng khu vực, dọc theo các trục đường. Cây xanh vừa góp phần cải thiện điều kiện vi khí hậu, vừa là yếu tố để giảm tiếng ồn, giảm khói bụi cho môi trường, đồng thời cũng tạo cảnh quan cho đô thị.

- Bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại. Che chắn những khu vực phát sinh bụi và dùng xe tưới nước để tưới đường giao thông trong mùa khô. Không khai thác và vận chuyển vào ban đêm.

- Quản lý tốt các phương tiện giao thông, các phương tiện xe máy thi công,

quản lý các điều kiện che chắn đối với các phương tiện chuyên chở vật liệu để tránh rơi vãi, hạn chế khói bụi gây ô nhiễm môi trường.

- Lập kế hoạch xây dựng và nhân lực chính xác để tránh chòng chéo giữa các quy trình thực hiện, áp dụng phương pháp xây dựng hiện đại các hoạt động cơ giới hóa và tối ưu hóa quy trình xây dựng.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu được bố trí hợp lý về thời gian, tránh việc quá nhiều phương tiện cùng lưu thông vào một thời điểm, có thể gây ùn tắc.

- Không sử dụng xe, máy quá cũ để vận chuyển vật liệu và thi công công trình.

- Giảm tốc độ thi công, lưu lượng vận tải từ 22h đêm đến 6h sáng để không làm ảnh hưởng đến các khu vực dân cư xung quanh.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình thi công xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động của cộng hưởng tiếng ồn.

Trong quá trình dự án đi vào hoạt động: Nguồn gây ô nhiễm không khí chính là do khí thải từ hoạt động giao thông và từ các nhà máy xí nghiệp. Tuy nhiên, với các giải cây xanh cách ly và các hàng cây xanh hai bên đường, cùng với các giải pháp về công nghệ đã góp phần giảm thiểu tác động này.

d) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường kinh tế - xã hội:

Việc hình thành các khu - cụm công nghiệp, du lịch dịch vụ, hình thành và phát triển các khu đô thị, phát triển xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật sẽ phải thu hồi một lượng lớn diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển này, ngoài việc phải có cơ chế chính sách giải quyết đền bù thỏa đáng cho người dân, thì điều quan trọng mang tính lâu dài là phải cơ cấu lại sản xuất, thực hiện chuyển hóa lao động, để đảm bảo phát triển kinh tế, ổn định nâng cao đời sống nhân dân.

Để thuận lợi trong việc giải phóng mặt bằng phục vụ phát triển xây dựng, phải tổ chức các khu tái định cư để giải quyết nhu cầu ở và sinh hoạt cho người dân. Các khu tái định cư này phải được gắn kết với các khu quy hoạch phát triển dân cư để thuận lợi trong việc giải quyết đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng.

Ưu tiên xây dựng các công trình hạ tầng xã hội (các công trình giáo dục - đào tạo, các công trình y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các công trình văn hóa thể thao, thông tin, phát thanh truyền hình,...). Giải quyết việc cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường, có biện pháp kiểm soát và ngăn chặn các bệnh dịch. Đảm bảo 100% hộ gia đình có hồ xí hợp vệ sinh, không còn tình trạng xả thải trực tiếp ra môi trường. Cần chú ý vệ sinh đô thị, ngăn ngừa ô nhiễm không khí, tiếng ồn, tai nạn giao thông, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội,...

e) Kiểm soát ô nhiễm do chất thải rắn:

Mục tiêu là giảm thiểu hóa sự phát sinh rác thải, các phần tử độc hại trong rác

thải. Phân loại rác ngay từ nguồn và cần phải tối đa khả năng tái chế. Xử lý rác không tái sử dụng được, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường. Đảm bảo sự an toàn khi loại bỏ rác thải.

Chất thải rắn trong quá trình xây dựng chủ yếu là vật liệu hư hỏng như gạch vụn, xi măng chết, gỗ cốt pha hỏng, các phế liệu bảo vệ bên ngoài thiết bị,... và rác thải sinh hoạt của công nhân thi công công trường. Các loại chất thải rắn này được thu gom, vận chuyển đến nơi quy định.

Cần phải đầu tư trang thiết bị, phương tiện thu gom và vận chuyển theo công nghệ mới. Cơ giới hóa khi thu gom và vận chuyển rác tới khu xử lý. Có thể tiến hành phân loại thành hai loại rác là vô cơ và hữu cơ.

*** Biện pháp thu gom và phân loại:**

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, cần thực hiện việc phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Điều đó có thể thực hiện được bằng cách đặt các thùng rác công cộng trong các khu trường học, bệnh viện, khu tham quan, thắng cảnh, vui chơi, thể thao,... Rác được phân làm 03 loại:

- Rác hữu cơ: Rác thực phẩm từ nhà bếp, hoa, quả, thức ăn thừa,...

- Rác tái chế: Rác từ các sản phẩm được sản xuất từ giấy, kim loại, nhựa, thủy tinh,...

- Rác vô cơ: Đất, cát, xỉ than, sành sứ vỡ,...

Tại mỗi vị trí đặt thùng rác sẽ có 3 thùng khác màu nhau, có ghi hướng dẫn loại rác đổ vào thùng. Cụ thể là rác vô cơ đựng trong thùng màu xanh da trời, rác hữu cơ đựng trong thùng màu xanh lá cây, rác tái chế đựng trong thùng màu vàng.

*** Biện pháp xử lý:**

Chất thải y tế nguy hại phải được thu gom và xử lý riêng. Theo Quyết định số 5402/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt đề án tổng thể xử lý CTR y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn 2025 thì chất thải y tế nguy hại trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn sẽ được đưa về xử lý tại Lò đốt CTR y tế nguy hại tại BVĐK Nghĩa Đàn và Khu xử lý CTR nguy hại tại phường Long Sơn, TX Thái Hòa.

Chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp sẽ được thu gom, phân loại tại nguồn, sau đó đưa về xử lý tại Khu xử lý CTR núi Rám với quy mô ~ 9,0 ha, xã Nghĩa Bình và Khu xử lý CTR rú Lùn, xã Nghĩa Mai với quy mô ~ 40 ha.

6.6. Tổ chức quan trắc, giám sát và cơ chế chính sách bảo vệ môi trường.

6.6.1. Quan trắc môi trường.

Đối tượng quan trắc: Môi trường đất, môi trường nước, môi trường khí, môi trường sinh thái. Thiết lập mạng lưới quan trắc trên phạm vi toàn vùng.

Quan trắc tại các điểm nước thải của khu - cụm CN thải ra nguồn tiếp nhận.

Quan trắc chất lượng không khí, tiếng ồn, khí độc, hàm lượng kim loại nặng tại khu CN;... đường giao thông; khu dân cư có nguy cơ bị ảnh hưởng.

Giám sát hệ sinh thái thảm thực vật: Ghi nhận bằng phim ảnh sự thay đổi cảnh quan và động thực vật.

Cần thiết phải tiến hành quan trắc thường xuyên, định kỳ các yếu tố môi trường để kịp thời phát hiện xử lý những phát sinh bất lợi.

Những nội dung cần quan trắc giám sát là:

- Quan trắc chất lượng nước thải ở các vị trí đầu nối và nhất là ở điểm xả.
- Quan trắc chất lượng nước mặt trong các sông, hồ, kênh mương.
- Quan trắc chất lượng môi trường khí ở các nút giao thông.
- Quan trắc chất lượng môi trường đất ở các khu vực nhạy cảm như các vị trí thu gom rác thải, nước thải.
- Quan trắc việc thu gom chất thải rắn, phát hiện kịp thời những bất hợp lý về công nghệ và quy trình thu gom, phát hiện kịp thời các chất thải độc hại.

6.6.2. Kiểm soát, quản lý môi trường.

Nâng cao năng lực của các cơ quan chức năng quản lý môi trường.

Tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng dân cư nâng cao nhận thức, ý thức, cùng tham gia bảo vệ môi trường.

Hạn chế việc khai thác nước ngầm. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải vào các hệ thống hồ, kênh, mương,... và các nguồn xả thải ra sông Hiếu, sông Sào.

Các dự án đầu tư đặc biệt là các dự án công nghiệp cần được đánh giá tác động môi trường chi tiết. Công tác quản lý, giám sát môi trường các cơ sở công nghiệp khi đi vào hoạt động phải được quan tâm thường xuyên.

6.6.3. Các giải pháp cụ thể, chính sách bảo vệ môi trường.

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của đồ án đến môi trường, toàn vùng cần thực hiện nghiêm ngặt các văn bản pháp luật của nhà nước về bảo vệ môi trường. Điều này cần đến một hệ thống đồng bộ các cơ chế chính sách hỗ trợ quá trình triển khai thực hiện như sau:

- Cần áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư thích đáng đối với các cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường (công nghệ tiết kiệm nguyên nhiên liệu, công nghệ sạch, công nghệ tái chế chất thải,...).

- Cần có sự hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hiện trong việc tìm kiếm các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm như kỹ thuật tìm kiếm các công nghệ sản xuất sạch, thiết bị xử lý chất thải rắn, lỏng và khí; nguồn cung cấp và giá cả.

- Cơ chế tạo việc làm cho nhóm người sống ở những khu vực có sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất để hạn chế sự hình thành các khu nhà tạm, nhà ổ chuột làm tăng nguy cơ và rủi ro sức khỏe do điều kiện sinh hoạt thấp kém.

- Cấp nhãn sinh thái cho các sản phẩm công nghiệp mà quá trình sản xuất chúng có giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả.

- Đầu tư giáo dục môi trường mang tính trực quan tại các cấp học để giới trẻ ý

thức sâu sắc về vai trò cũng như trách nhiệm bảo vệ môi trường của mình.

- Ngoài công tác giáo dục môi trường tại các cấp học, giáo dục môi trường cần được lồng ghép vào các tờ rơi quảng cáo của hoạt động du lịch, dịch vụ trên mọi địa bàn.

PHẦN VII: CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH VÙNG.

7.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư.

7.1.1. Chương trình chiến lược phát triển vùng.

Với mục tiêu xây dựng không gian vùng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững trong thời gian 2021 - 2030. Để tạo động lực phát triển vùng đến năm 2050, phát huy lợi thế tiềm năng và nguồn lực, cần các chương trình và xây dựng các dự án mang tính chiến lược như sau:

- Chương trình phát triển hệ thống hạ tầng khung của Huyện gắn với mạng lưới hạ tầng chung của Tỉnh, “Khung định hướng” của Tỉnh, của vùng, đặc biệt là gắn với định hướng phát triển chung của “Thành phố Thái Hòa” và chương trình phát triển KKT Đông Nam.

- Chương trình phát triển đô thị gắn với việc chuẩn bị các tiền đề hỗ trợ hình thành các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn Huyện; Mở rộng phát triển thị trấn huyện lỵ Nghĩa Đàn và hình thành phát triển thị trấn khu vực Nghĩa Sơn - Nghĩa Long; Đồng thời, hình thành phát triển các đô thị “trung tâm tiểu vùng” là Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu và Nghĩa Khánh đạt chuẩn đô thị loại V.

- Chương trình phát triển các Khu - cụm công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các khu kho vận (logistics), các khu trung tâm thương mại dịch vụ, trung tâm khoa học công nghệ.

- Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với nông thôn mới.

- Chương trình quảng bá và phát triển các sản phẩm du lịch.

- Chương trình bảo vệ môi trường gắn với nâng cao chất lượng sống và phát triển bền vững.

- Chương trình bảo vệ và phát huy các giá trị cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian tại địa phương, văn hóa cộng đồng.

7.1.2. Nguyên tắc xác định các dự án ưu tiên đầu tư.

- Các danh mục ưu tiên đầu tư phải phù hợp với mục tiêu phát triển và điều kiện thực tế của huyện, cũng như các chính sách của tỉnh và Quốc gia.

- Ưu tiên các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối với các huyện và “Khung định hướng” của Tỉnh, các khu vực phát triển đô thị và nông thôn. Xây dựng đồng bộ hệ thống các công cụ quản lý phát triển trên địa bàn huyện gồm các quy hoạch, đề án, chương trình phát triển đô thị và nông thôn, các quy chế, quy định và xây dựng đội ngũ nhân lực có năng lực để kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt; Giai đoạn đầu (2021 - 2025) tập trung phát triển hoàn thiện các dự án hạ tầng kinh tế xã hội, hạ tầng chiến lược đã và đang triển khai,... Nhằm đạt tất cả các tiêu chí để Nghĩa Đàn đạt chuẩn Huyện nông thôn mới.

- Chuẩn bị mặt bằng và cơ sở hạ tầng để phát triển các dự án chiến lược tại

các Khu vực phát triển các thị trấn - đô thị đạt đô thị loại V, như: Nghĩa Sơn, Nghĩa Long; Đặc biệt ưu tiên các dự án đầu tư phát triển cho Thị trấn Huyện lỵ Nghĩa Đàn. Đồng thời, các đô thị loại V (trung tâm cụm xã), như: Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Khánh; Và các khu - cụm công nghiệp, khu du lịch sinh thái hồ đập sông Sào, hồ đập Khe Đá, hồ Hòn Mát, hồ Đồng Canh,... **Khu lịch sinh thái xóm Trung Tâm (xã Nghĩa Trung),...** các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được xếp hạng,... làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế Huyện.

- Ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng kết nối giữa Thị trấn Nghĩa Đàn theo 02 hướng “*Thành phố Thái Hòa - Thị trấn Huyện lỵ Nghĩa Đàn - Thị xã Hoàng Mai - Cảng Đông Hội*” theo hành lang QL.48D (ĐT.537 cũ) và “*Thành phố Thái Hòa - Thị trấn Huyện lỵ Nghĩa Đàn - Thị xã Nghi Sơn, Cảng nước sâu Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa)*” theo trục Bắc Nghệ 1 (trục quy hoạch) kết nối theo vùng Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An.

- Lập và triển khai các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư:

- Chương trình phát triển hệ thống hạ tầng khung huyện gắn với mạng lưới hạ tầng chung của tỉnh Nghệ An.

- Chương trình phát triển đô thị gắn với việc chuẩn bị các tiền đề hỗ trợ hình thành các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn huyện.

- Chương trình phát triển nông thôn gắn với nông thôn mới.

- Chương trình cải tạo chất lượng môi trường đô thị nông thôn huyện.

- Chương trình bảo vệ và phát huy các giá trị cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian tại địa phương, văn hóa cộng đồng.

b) Các dự án ưu tiên:

- Xây dựng hệ thống các quy hoạch, quy chế, quy định kiểm soát phát triển và chương trình phát triển đô thị và nông thôn huyện theo các giai đoạn.

- Các dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Các dự án hạ tầng giao thông, thủy lợi.

- Các dự án đầu tư phát triển các khu vực phát triển đô thị và một số điểm tập trung dân cư.

- Các dự án quy hoạch các khu - cụm công nghiệp.

- Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin.

- Các dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp, phát triển hạ tầng khu nông nghiệp công nghệ cao.

- Các dự án phát triển làng nghề.

- Các dự án bảo vệ môi trường.

- Các dự án phát triển Thương mại - Dịch vụ - Du lịch.

- Các dự án văn hóa - xã hội, công trình văn hóa thể thao cấp vùng và hệ

thống thiết chế văn hóa cơ sở.

- Các dự án tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa trong vùng huyện.

7.1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.

a) Dự án về công nghiệp, xây dựng, đô thị:

- Lập các quy hoạch và dự án phát triển hạ tầng đô thị (các thị trấn Nghĩa Đàn, Nghĩa Sơn, Nghĩa Long, các “trung tâm cụm xã Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Khánh); các Khu đô thị và các khu nhà ở thương mại,... tại thị trấn Nghĩa Đàn và các địa bàn khu vực nông thôn.

- Các dự án về văn hóa, thể thao: Quy hoạch xây dựng công viên trung tâm huyện và cung văn hóa thiếu nhi; Xây dựng khu phức hợp thể thao Huyện (trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông cấp huyện);...

- Các dự án về Y tế, Giáo dục: Nâng cấp trung tâm y tế dự phòng huyện trở thành Bệnh viện đa khoa huyện; Xây dựng nhà thuốc và thiết bị y tế trung tâm huyện; Bệnh viện đa khoa tư nhân; Nhà sách, thư viện;... Các cụm Trường liên cấp tại thị trấn Nghĩa Sơn và thị trấn Nghĩa Long.

- Về hạ tầng giao thông, bến bãi: Xây dựng Bến xe trung tâm Huyện dọc theo QL.48D (tại trung tâm huyện Nghĩa Đàn); Xây dựng hệ thống điểm dừng chân, các bãi đỗ xe các dịch vụ kho bãi, dịch vụ hậu cần (logistics) dọc theo đường Hồ Chí Minh (trong đó tập trung đầu tư xây dựng điểm dừng chân tại xã Nghĩa Lộc).

- Xây dựng các nhà máy nước huyện Nghĩa Đàn.

- Quy hoạch, xây dựng hạ tầng các Khu - cụm công nghiệp: KCN Nghĩa Đàn, CCN Nghĩa Long, CCN Nghĩa Lâm; CCN Nghĩa Thành; CCN Nghĩa Phú - Nghĩa Thọ;... Đầu tư hạ tầng các khu liên kết sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Dự án hạ tầng các khu xử lý chất thải công nghiệp - nước thải, nhất là cho các CCN, các khu vực tập trung đông dân cư.

- Quy hoạch xây dựng công viên sinh thái Vĩnh hằng và Khu xử lý chất thải rắn cấp liên vùng tại xã Nghĩa Mai.

b) Dự án về dịch vụ, du lịch:

- Dự án khu du lịch sinh thái hồ sông Sào, hồ Khe Đá; **Khu lịch sinh thái xóm Trung Tâm (xã Nghĩa Trung);...**

- Dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp Hồ Lim;

- Xây dựng kết cấu hạ tầng khu dịch vụ tại các điểm du lịch là các trọng điểm du lịch khai thác: Thung lũng hoa Phủ Quỳ (xã Nghĩa Long), Khu du lịch Hòn Mát (xã Nghĩa Lộc), Đồi hoa Trương Gia Trang - xóm Nam Thắng xã Nghĩa Long;... QHXD mở rộng Hang Rú Ấm; Xây dựng Đình làng Nám xã Nghĩa Long; Đền Xẩm xã Nghĩa Lâm; Điểm du lịch cộng đồng xóm Đồng Nheo cũ (xóm Trung Thịnh mới) xã Nghĩa Trung; điểm du lịch canh nông xóm Sơn Mộng tại xã Nghĩa Hiếu);...

- Chợ thị trấn Nghĩa Đàn, chợ trung tâm huyện;

- Chợ đầu mối Nông sản, thực phẩm và các sản phẩm khác,... sau thu hoạch -

tại khu vực chợ trung tâm Huyện theo quy hoạch chung thị trấn Nghĩa Đàn (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 04/01/2018);

- Nâng cấp các Chợ hiện có ở các xã và khuyến khích chuyển đổi mô hình quản lý chợ nông thôn trên địa bàn Huyện.

- Phát triển các cơ sở mua bán hàng hóa nhỏ lẻ dọc các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường xã,...

c) Dự án về nông nghiệp, nông thôn:

- Vùng liên kết sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Phú Thọ;

- Vùng liên kết sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Nghĩa Đức;

- Vùng liên kết sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Hưng, Thịnh;

- Trường đào tạo nghề nông nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp 4.0;

- Dự án chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch;

- Dự án chế biến công nghiệp, giết mổ gia súc tập trung.

Cụ thể Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2030 - 2050:

Bảng Danh mục công trình dự án ưu tiên đầu tư				
TT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Nguồn vốn - giai đoạn	Suất ĐT (tỷ đồng)
				3.501,7
I	Nhóm dự án quy hoạch, triển khai dự án hạ tầng và công trình hạ tầng xã hội			745,5
1.1	Lập điều chỉnh QHC thị trấn Nghĩa Đàn	1.600 ha	Ngân sách - Đến 2030	2
1.2	Lập QHC thị trấn Nghĩa Sơn	2.000 ha	Ngân sách - Đến 2030	1,5
1.3	Lập QHC thị trấn Nghĩa Long	3.600 ha	Ngân sách - Đến 2030	3,5
1.4	Lập QHC đô thị Nghĩa Hồng	600 ha	Ngân sách - Đến 2030	2
1.5	Lập QHC đô thị Nghĩa Hiếu	550 ha	Ngân sách - Đến 2030	2
1.6	Lập QHC đô thị Nghĩa Khánh	530 ha	Ngân sách - Đến 2030	2
1.7	Lập điều chỉnh QHCT & XD hạ tầng KCN Nghĩa Đàn	~ 250 ha	Ngân sách - Đến 2030	50
1.8	Lập điều chỉnh QHCT & XD hạ tầng CCN Nghĩa Long	~ 75 ha	Ngân sách - Đến 2050	15
1.9	Lập QHCT & XD hạ tầng CCN Nghĩa Lâm	75 ha	Doanh nghiệp - Đến 2050	15
1.10	Lập QHCT & XD hạ tầng CCN Nghĩa Thành	43 ha	Doanh nghiệp - Đến 2050	12
1.11	Lập QHCT & XD hạ tầng CCN Nghĩa Phú	~ 90 ha	Doanh nghiệp - Đến 2050	25

Bảng Danh mục công trình dự án ưu tiên đầu tư				
TT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Nguồn vốn - giai đoạn	Suất ĐT (tỷ đồng)
1.12	Lập QHCT & XD hạ tầng CCN Nghĩa Phú - Nghĩa Thọ	~ 80 ha	Doanh nghiệp - Đến 2050	20
1.13	Lập QHCT các CCN theo KKT Đông Nam	~ 800 ha	Ngân sách - Đến 2050	
1.14	QH và XD DAĐT Khu liên hợp TĐTT	~ 26 ha	Ngân sách - Đến 2030	30
1.15	QH và XD DAĐT Cung văn hóa thiếu nhi	~ 1 ha	Ngân sách - Đến 2030	5
1.16	QH và XD DAĐT công viên trung tâm (2 VT)	~ 14 ha	Ngân sách - Đến 2030	20
1.17	QH và XD DAĐT Khu vực CX + Tượng đài	~ 3 ha	Ngân sách - Đến 2030	7,5
1.18	DA ĐTXD nâng cấp BVĐK Nghĩa Đàn	3,52 ha	Ngân sách - Đến 2030	10
1.19	QH và XD chợ Trung tâm thị trấn	2,8 ha	Ngân sách - Đến 2030	8
1.20	QH và XD chợ Trung tâm Huyện	~ 5 ha	Ngân sách - Đến 2030	15
1.21	DA ĐTXD hoàn thiện các Công trình tại TT. Nghĩa Đàn		Ngân sách - Đến 2050	
1.22	DA ĐTXD hạ tầng hoàn thiện các Công trình tại thị trấn Nghĩa Sơn		Ngân sách - Đến 2050	
1.23	DA ĐTXD hạ tầng hoàn thiện các Công trình tại thị trấn Nghĩa Long		Ngân sách - Đến 2050	
1.24	DA ĐTXD hạ tầng hoàn thiện tại các đô thị: Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Khánh		Ngân sách - Đến 2050	
1.25	Cắm mốc bảo vệ khu di tích Hang Rú Âm, cây Đa làng Trù		Ngân sách - Đến 2030	500
1.26	QH và XD DAĐT khu nghỉ dưỡng cao cấp Hồ Lim		Doanh nghiệp - Đến 2030	
1.27	QH và XD DAĐT khu du lịch sinh thái sông Sào, hồ Khe Đá,... Khu lịch sinh thái xóm Trung Tâm (xã Nghĩa Trung)		Doanh nghiệp - Đến 2050	
1.28	QH và XD DAĐT các khu du lịch sinh thái trải nghiệm khác (hồ đập, thung lũng hoa,...)		Doanh nghiệp - Đến 2030	
1.29	Các dự án về nông nghiệp, nông thôn,... các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn,...		Doanh nghiệp - Đến 2050	

Bảng Danh mục công trình dự án ưu tiên đầu tư				
TT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Nguồn vốn - giai đoạn	Suất ĐT (tỷ đồng)
II	Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật			2.756,2
2.1	Hạ tầng giao thông			851,1
2.1.1	Đường giao thông nối từ đập Khe Đá xã Nghĩa Đức đi nông trường Tây Hiếu	9,7 km	NS + DN - Đến 2025	10,8
2.1.2	Đường cứu hộ vùng lũ, đảm bảo an ninh quốc phòng xã Nghĩa Bình đến xã Nghĩa Lâm	11,7 km	NS + DN - Đến 2025	13
2.1.3	Đường giao thông vận chuyển và phát triển vùng nguyên liệu huyện Nghĩa Đàn	13,0 km	NS + DN - Đến 2025	14,5
2.1.4	Đường giao thông phát triển kinh tế miền Tây Nghệ An đoạn từ trung tâm huyện Nghĩa Đàn nối đường Hồ Chí Minh	7,0 km	NS + DN - Đến 2025	7,8
2.1.5	Đường giao thông từ xã Nghĩa Khánh đến QL48 đoạn QL48D xóm Hồng Khánh đến QL48 tại xóm Khe Sơn	5,8 km	NS + DN - Đến 2025	6,5
2.1.6	Đường giao thông từ xã Nghĩa Hưng-Nghĩa An đoạn QL48E, xóm 3 xã Nghĩa Hưng đến QL48D xóm 9 xã Nghĩa An	15,2 km	NS + DN - Đến 2025	17
2.1.7	Đường giao thông từ xã Nghĩa Thành-Nghĩa Hiếu đoạn xóm Tân Phong, Nghĩa Thành đến Núi Lèn, Nghĩa Hiếu	10,3 km	NS + DN - Đến 2025	11,5
2.1.8	Đường giao thông từ xã Nghĩa Sơn-Nghĩa Mai đoạn QL48E xóm Đông Canh, Nghĩa Sơn đến hết địa phận xã Nghĩa Mai (giáp Thanh Hóa)	15,2 km	NS + DN - Đến 2025	17
2.1.9	Đường giao thông từ xã Nghĩa Mai-Nghĩa Trung đoạn Xóm mới, Nghĩa Mai đến ĐH.392 xóm Đồng Bông, Nghĩa Trung	17,5 km	NS + DN - Đến 2025	19,5
2.1.10	Đường giao thông từ xã Nghĩa Bình-Nghĩa Trung đoạn ĐH.393 xóm Bình Hiếu, thị trấn Nghĩa Bình đến xóm 12, Nghĩa Trung	5,2 km	NS + DN - Đến 2025	24,5
2.1.11	Đường giao thông từ xã Nghĩa Lạc-Nghĩa Trung đoạn Làng Mén, Nghĩa Lạc đến QL.48 dốc Bà Mâm, Nghĩa Trung	15,3 km	NS + DN - Đến 2025	17

Bảng Danh mục công trình dự án ưu tiên đầu tư				
TT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Nguồn vốn - giai đoạn	Suất ĐT (tỷ đồng)
2.1.12	Đường giao thông từ xã Nghĩa Lâm-Nghĩa Hội đoạn QL15 Làng Xâm, Nghĩa Lâm đến Núi K7, Nghĩa Hội (giáp TX. Thái Hòa)	14,6 km	NS + DN - Đến 2025	16,5
2.1.13	Đường giao thông từ xã Nghĩa Thọ - Nghĩa Bình đoạn Mỏ chì, Nghĩa Thọ đến QL.48E, xóm Bình Hạnh, Nghĩa Bình	6,2 km	NS + DN - Đến 2025	16,5
2.1.14	Nâng cấp các tuyến Quốc lộ, đường HCM	136,0 km	Ngân sách - Đến 2050	272
2.1.15	Nâng cấp các tuyến tỉnh lộ	12,9 km	Ngân sách - Đến 2050	202
2.1.16	Nâng cấp các tuyến huyện lộ	158,9 km	Ngân sách - Đến 2050	177
2.1.17	DA ĐTXD Bến xe Nghĩa Đàn (tại xóm Bình Hồng)	~1,5 ha (L2)	NS+DN - Đến 2030	5
2.1.18	DA ĐTXD Bến xe Nghĩa Sơn (tại xóm Sơn Nam)	~1 ha (L3)	NS+DN - Đến 2050	3
2.2	<i>Hạ tầng thoát nước mặt</i>			61
2.2.1	Nạo vét khơi thông sông Sào, sông Hiếu,...		NS + DN - Đến 2030	1
2.2.2	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Nghĩa Đàn		NS + DN - Đến 2025	30
2.2.3	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Nghĩa Sơn		NS + DN - Đến 2030	15
2.2.4	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Nghĩa Long		NS + DN - Đến 2030	15
2.3	<i>Hạ tầng đê điều, thủy lợi</i>			67
2.3.1	Hệ thống đê bao dọc sông Hiếu	22 km	NS + DN - Đến 2030	44
2.3.2	Hệ thống kè Sông Sào đoạn qua thị trấn	1,5 km	NS + DN - Đến 2025	3
2.3.3	Nâng cấp, củng cố 6 hồ xuống cấp: Khe Đá, Hòn Mác, Đồng Tuần, Đồng Canh, Hồ Lim.		NS + DN - Đến 2030	20
2.4	<i>Hạ tầng cấp nước</i>			484,5
2.4.1	DA ĐTXD HTCN Nghĩa Bình (nguồn Hồ sông Sào)	CS=50.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	273

Bảng Danh mục công trình dự án ưu tiên đầu tư				
TT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Nguồn vốn - giai đoạn	Suất ĐT (tỷ đồng)
2.4.2	DA ĐTXD HTCN Nghĩa Lộc (nguồn Hồ Hòn Mát)	CS=6.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2030	59
2.4.3	DA ĐTXD HTCN Nghĩa Mai (nguồn Khe Ang)	CS=2.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2030	25
2.4.4	DA ĐTXD HTCN Nghĩa Hiếu (nguồn Sông Hiếu)	CS=3.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2030	29,5
2.4.5	DA ĐTXD HTCN Nghĩa Đức (nguồn Hồ khe Đá)	CS=7.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	59,5
2.4.6	DA ĐTXD HTCN Nghĩa Long (nguồn Sông Hiếu)	CS=5.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	38.5
2.5	<i>Hạ tầng thoát nước thải</i>			462,6
2.5.1	DA ĐTXD HTXLNT Nghĩa Đàn (PP sinh học)	CS=3.500 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2030	63
2.5.2	DA ĐTXD HTXLNT KCN Nghĩa Đàn (PP hóa lý)	CS=6.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	108
2.5.3	DA ĐTXD HTXLNT CCN Nghĩa Phú (PP hóa lý)	CS=3.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2030	54
2.5.4	DA ĐTXD HTXLNT CCN Nghĩa Lâm (PP hóa lý)	CS=1.400 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	25,2
2.5.5	DA ĐTXD HTXLNT Nghĩa Sơn (PP sinh học)	CS=1.600 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2030	28,8
2.5.6	DA ĐTXD HTXLNT Nghĩa Hồng (PP sinh học)	CS=1.500 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	27
2.5.7	DA ĐTXD HTXLNT Nghĩa Hiếu (PP sinh học)	CS=1.300 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	23,4
2.5.8	DA ĐTXD HTXLNT CCN Nghĩa Thành (PP hóa lý)	CS=800 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	14,4
2.5.9	DA ĐTXD HTXLNT Nghĩa Khánh (PP sinh học)	CS=1.200 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	21,6
2.5.10	DA ĐTXD HTXLNT Nghĩa Long (PP sinh học)	CS=4.000 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	72
2.5.11	DA ĐTXD HTXLNT CCN Nghĩa Long (PP hóa lý)	CS=1.400 m ³ /ng.đ	NS+DN - Đến 2050	25,2
2.6	<i>Quản lý chất thải rắn (CTR)</i>			225

Bảng Danh mục công trình dự án ưu tiên đầu tư				
TT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Nguồn vốn - giai đoạn	Suất ĐT (tỷ đồng)
2.6.1	Nâng cấp Khu XL rác tại xã Nghĩa Bình	S~9 ha 200tấn/ng.đ	Doanh nghiệp - Đến 2030	26
2.6.2	ĐTXD Khu XL rác tại xã Nghĩa Mai	S~30 ha 100 tấn/ng.đ	Doanh nghiệp - Đến 2050	30
2.6.3	Hoàn thiện nâng cấp hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn toàn huyện.	338 tấn/ng.đ	xã hội hóa - Đến 2050	169
2.7	<i>Quản lý nghĩa trang</i>			285
2.7.1	Quy hoạch, nâng cấp, cải tạo các nghĩa trang thuộc xã quản lý...	mỗi xã ~ 1-2 ha	NS+DN - Đến 2030	35
2.7.2	QH và XD công viên sinh thái Vĩnh Hằng tại xã Nghĩa Mai (NT tập trung- có khu hỏa táng)	mỗi xã ~ 1-2 ha	Doanh nghiệp - Đến 2050	250
2.8	<i>Hạ tầng cấp điện</i>			320
2.8.1	Nâng cấp Trạm 110kV Nghĩa Đàn tại phường Hòa Hiếu; lên CS=2x40MVA- 110/35/22-10kV	2x40MVA	Ngân sách - Đến 2030 theo DA của TP. Thái Hòa	80
2.8.2	Nâng cấp Trạm 110kV Bắc Á tại xã Nghĩa Bình; lên CS=1x40MVA- 110/35/22kV	1x40MVA	Ngân sách - Đến 2030	50
2.8.3	ĐTXD Trạm 110kV tại phía Nam TT Ng. Đàn mở rộng; lên CS=(40+63)MVA-110/22kV	(40+63)MVA	Ngân sách - Đến 2030	110
2.8.4	ĐTXD mới Trạm 110kV tại xã Nghĩa Hồng; lên CS=2x40MVA-110/22kV		Ngân sách - Đến 2050	80
2.9	<i>Hạ tầng viễn thông thụ động</i>			
2.9.1	Tổng đài Host tại trung tâm thị trấn		NS+DN - Đến 2050	
2.9.2	12 tổng đài vệ tinh tại các KV đô thị		NS+DN - Đến 2050	
2.9.3	12 tuyến cáp quang nối tổng đài Host		NS+DN - Đến 2050	

7.2. Các giải pháp thực hiện quy hoạch xây dựng vùng.

a) Giải pháp:

- Đẩy mạnh công tác lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, trước mắt ưu tiên lập Quy hoạch chung các khu vực phát triển các thị trấn - đô thị

đạt đô thị loại V, như: Nghĩa Sơn, Nghĩa Long; và các đô thị loại V (trung tâm cụm xã), như: Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Khánh; Và các khu - cụm công nghiệp, khu du lịch sinh thái hồ đập sông Sào, hồ đập Khe Đá, hồ Hòn Mát, hồ Đồng Canh, **Khu lịch sinh thái xóm Trung Tâm (xã Nghĩa Trung);...** các khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được xếp hạng,... làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế Huyện.

- Xây dựng chương trình đầu tư xây dựng và phát triển vùng theo kế hoạch;
- Chủ động chuẩn bị quỹ đất sạch, làm tốt công tác tái định cư phục vụ cho thu hút đầu tư, phát triển các dự án đầu tư xây dựng;
- Tăng cường công tác vận động xúc tiến đầu tư và thu hút các nguồn vốn;
- Xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại và đồng bộ, coi trọng việc phát triển kết cấu hạ tầng diện rộng gắn kết trong và ngoài Tỉnh;
- Xây dựng lộ trình tái cấu trúc lãnh thổ, tăng cường sức cạnh tranh của đô thị hạt nhân, các đô thị vệ tinh và các vùng dân cư nông thôn;
- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy hoạch và xây dựng vùng, đảm bảo xử lý kịp thời thông tin trong quá trình chỉ đạo, điều hành nhằm phát huy nhanh những nhân tố tích cực;
- Coi trọng công tác tư tưởng, chính trị, phát huy dân chủ trong cộng đồng và vai trò tham dự của cộng đồng dân cư;
- Tăng cường phát triển các mối quan hệ liên vùng, đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài Tỉnh nhằm huy động các nguồn lực xây dựng và phát triển vùng.

b) giải pháp về tổ chức thực hiện:

(1). Thành lập ban chỉ đạo phát triển vùng trực thuộc huyện mà thành viên là các phòng ban, như: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Tài nguyên môi trường, phòng Tài chính, phòng Văn hóa,... Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và các cơ quan chính quyền cấp xã / thị trấn để quản lý và tiến hành nhanh chóng quá trình phân cấp, nâng cấp đô thị, triển khai xây dựng các dự án phát triển đô thị và nông nghiệp nông thôn; Xây dựng các chính sách điều hòa sự tăng trưởng các đô thị, chính sách ưu tiên phát triển đô thị trọng điểm, đô thị nhỏ, phát triển các khu đô thị mới, chính sách thu hút nguồn vốn phát triển đô thị, điều hòa lợi ích chung giữa Nhà nước với doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và người dân; đồng thời xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầu mối liên vùng.

- Các đơn vị địa phương (thị trấn / xã), các cơ quan doanh nghiệp,... liên quan đối chiếu quy hoạch xây dựng vùng, khớp nối phù hợp và xây dựng các dự án đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn cụ thể.

- Giao phòng Kinh tế hạ tầng xây dựng các chương trình phát triển cụ thể theo đồ án quy hoạch này trình huyện, trình Tỉnh để có kế hoạch triển khai hợp lý và theo nguồn ngân sách theo từng giai đoạn.

(2). UBND huyện cần tiến hành cho lập quy hoạch toàn bộ các đô thị, trung tâm liên xã, trung tâm xã, cụm đổi mới, khu - cụm công nghiệp, khu du lịch sinh

thái, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng tập trung, khu ở dân cư nông nghiệp,... để làm cơ sở quản lý xây dựng và phát triển vùng huyện.

(3). Để quản lý và kinh doanh có hiệu quả đồng thời đáp ứng cao nhất nhu cầu dùng nước, cần thành lập công ty kinh doanh nước sạch (trong đó, bao gồm các công ty nhánh cung cấp nước sạch trong vùng, đặc biệt đối với các khu vực của công ty CP thực phẩm sữa TH) để quản lý, sản xuất và kinh doanh nước sạch. Thực hiện các chương trình phát triển hệ thống cung cấp nước.

(4). Để quản lý và đảm bảo vệ sinh môi trường, cần thành lập công ty kinh doanh và quản lý nghĩa trang trực thuộc các đơn vị hành chính có nghĩa trang để chịu trách nhiệm: Cung cấp dịch vụ an táng; xây dựng, quản lý và chăm sóc nghĩa trang, kinh doanh mộ phần. Xây dựng các chính sách ưu tiên cho đơn vị hành chính có nghĩa trang của vùng như đầu tư một số cơ sở hạ tầng thiết yếu, tạo nguồn vốn cho chính quyền địa phương thông qua đất đô thị và nông thôn,...

(5). Đối với khu xử lý rác tập trung: UBND huyện quản lý hoặc giao cho các cơ quan, công ty đứng chức năng chuyên môn quản lý từ khâu thu gom đến xử lý, vận hành sử dụng, kinh doanh. UBND huyện xin nguồn ngân sách đầu tư xây dựng, cải tạo, bổ sung các công trình đầu mối (khu xử lý; đường giao thông; đào tạo cán bộ quản lý vận hành sử dụng; giao cơ quan chức năng hoặc phòng ban đứng chức năng thẩm quyền trực thuộc huyện thường xuyên kiểm tra định kỳ quá trình hoạt động để kịp thời phát triển, xử lý các sự cố có nguy cơ xảy ra, những nguy cơ dễ gây ô nhiễm môi trường).

(6). Giao phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục nghiên cứu vị trí xây dựng và bổ sung các nguồn hồ chứa, hệ thống thủy lợi,... để cắt lũ, tưới tiêu đối với các khu vực lũ lụt, ngập úng, những khu vực nông nghiệp,... nhằm gia tăng diện tích canh tác nông nghiệp, kết hợp làm thủy lợi, thủy điện, tạo cảnh quan môi trường sinh thái,...

PHẦN VIII: CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH TẠO VỐN ĐẦU TƯ.

8.1. Cơ chế chính sách tạo vốn đầu tư phát triển.

8.1.1. Cơ chế, chính sách đầu tư và hỗ trợ phát triển.

a) Cơ chế, chính sách đầu tư:

Xây dựng chương trình, dự án kêu gọi đầu tư: Trên cơ sở phát triển KT-XH huyện Nghĩa Đàn nói riêng và của tỉnh Nghệ An nói chung, lập các dự án có khả năng đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh; Thực hiện các chính sách thông thoáng để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế trong huyện, trong nước và ngoài nước. Thu hút đầu tư của người dân Nghĩa Đàn ở ngoài huyện và nước ngoài.

Ban hành các chính sách kích cầu để khuyến khích nhân dân đầu tư công sức và tiền của vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

Khuyến khích đầu tư hạ tầng giao thông theo hình thức BOT hoặc thực hiện hình thức dùng ngân sách Nhà nước để đầu tư hạ tầng giao thông, sau đó bán lại cho các doanh nghiệp để các doanh nghiệp quản lý, khai thác thông qua bán vé.

Ưu tiên những nhà đầu tư có tiềm lực thương hiệu, những dự án sản xuất sử dụng nhiều lao động, đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện để những nhà sản xuất nhỏ thuê mướn lao động thời vụ để tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư.

Khuyến khích các hộ nông dân làm kinh tế trang trại, gia trại,... sản xuất hàng hóa, hướng dẫn nông dân sản xuất những mặt hàng thị trường cần, kết hợp giữa Nhà nước - Nông dân - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp để bảo đảm sản xuất hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường.

Khuyến khích các doanh nghiệp, các đầu mối thu mua sản phẩm dài hạn, khối lượng lớn sản phẩm của nông dân, hỗ trợ công nghệ chế biến sau thu hoạch.

Khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển đáp ứng nhu cầu vay và gửi tiền của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh tế.

Đổi mới chính sách thu hút vốn ngoài nước: Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư để thu hút các nguồn ODA. Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn nguồn FDI bằng các cơ chế miễn giảm thuế, giảm giá thuê đất, chuẩn bị hạ tầng khu công nghiệp. Nghiên cứu một số cơ chế đặc biệt như cho nước ngoài thuê đất để phát triển Khu - cụm công nghiệp, dịch vụ, cho các công ty nước ngoài mở các siêu thị, trung tâm thương mại tại huyện Nghĩa Đàn.

Hoàn thiện hệ thống quản lý phát triển đô thị phù hợp với quá trình đô thị hóa và nông thôn. Chương trình cải cách hành chính trong phát triển đô thị và các nguồn vốn trong nước và nguồn vốn ODA, FDI cũng như đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án đạt hiệu quả cao (với các hình thức hợp tác CPTPP, PPP, BTO và BOT,...).

b) Hỗ trợ phát triển các ngành:

Tiếp tục thực hiện một số giải pháp hỗ trợ sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, phù hợp với lộ trình hội nhập của nước ta, đảm bảo không vi phạm các quy

định của các tổ chức mà nước ta là thành viên (như ASEAN và Tổ chức Thương mại thế giới - WTO).

Hỗ trợ hình thành và phát triển những ngành công nghiệp mới của huyện - những ngành có khả năng thúc đẩy phát triển KT-XH huyện và tỉnh; Đặc biệt là các ngành công nghiệp, theo các chương trình, kế hoạch cụ thể, ưu tiên vốn đầu tư phát triển những ngành này.

8.1.2. Huy động nguồn vốn đầu tư.

Vốn ngân sách nhà nước: Tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của huyện; Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm chi ngân sách để dành ưu tiên cho đầu tư phát triển; Kêu gọi Trung Ương đầu tư vào các công trình kết cấu hạ tầng lớn của mạng lưới giao thông, thủy lợi,... xây dựng các dự án có căn cứ và tính khả thi cao để tranh thủ các nguồn vốn thông qua các chương trình của Nhà nước.

Vốn doanh nghiệp: Thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ; Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá, giới thiệu với doanh nghiệp ngoài huyện về các tiềm năng, thế mạnh của huyện nhằm thu hút mạnh vốn đầu tư từ bên ngoài; Tham gia thị trường chứng khoán đối với các doanh nghiệp trong huyện có điều kiện để huy động thêm nguồn vốn dài hạn; Phổ biến rộng rãi và đảm bảo thực hiện nghiêm túc Luật Doanh nghiệp; Tạo điều kiện để các nhà đầu tư kinh doanh có lãi, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Vốn huy động trong dân: Hoàn thành cổ phần hóa các Doanh nghiệp nhà nước; Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp; tạo môi trường tài chính tin cậy; Củng cố, mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân nhằm cùng với hệ thống ngân hàng huy động tốt vốn nhàn rỗi trong dân,...

Vốn đầu tư nước ngoài (FDI và ODA) và vốn ngoài thị xã: Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào huyện; Kết hợp nhiều hình thức đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính,...

8.2. Tổ chức thực hiện.

- Cấp xét duyệt: UBND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Nghệ An;
- Chủ đầu tư và cơ quan trình duyệt: UBND huyện Nghĩa Đàn;
- Cơ quan lập quy hoạch: Viện Quy hoạch - Kiến trúc xây dựng Nghệ An.

PHẦN IX: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

9.1. Kết luận.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) đã cụ thể hóa các chiến lược và kế hoạch phát triển KT-XH của huyện, là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển không gian của khu vực phát triển đô thị tập trung và các điểm dân cư nông thôn trong huyện; kết nối hệ thống kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ phù hợp với khả năng đô thị hóa và đầu tư xây dựng hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn huyện Nghĩa Đàn theo giai đoạn đến năm 2030, giai đoạn 2031 - 2050 và sau 2050.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) đã vận dụng cơ hội Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nghĩa Đàn lần thứ XXIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đồng thời, tận dụng các chủ trương, chính sách của Quốc gia và Tỉnh đề xuất mạng lưới đô thị nông thôn phù hợp với tiềm năng lợi thế đã có của huyện. Phát triển vùng huyện Nghĩa Đàn không chỉ liên quan đến tỉnh Nghệ An mà còn có rất nhiều vấn đề liên quan tới việc phát triển kinh tế vùng phía Tây Bắc, vùng kinh tế miền Tây tỉnh Nghệ An. Vì vậy, cần được sự quan tâm hỗ trợ và chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh Nghệ An, các ngành liên quan.

9.2. Kiến nghị.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) có tầm quan trọng cho việc xây dựng các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn, lập kế hoạch khai thác có hiệu quả. Để triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn đạt được các mục tiêu đề ra là hình thành khu vực đô thị đạt tiêu chuẩn loại V đến 2030 cho đô thị Nghĩa Sơn và Nghĩa Long, kiến nghị UBND huyện Nghĩa Đàn một số nội dung như sau:

- Sau khi quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) được phê duyệt, cần rà soát điều chỉnh và lập mới các đồ án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu - cụm công nghiệp, các khu du lịch sinh thái, các khu vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mô hình trang trại tập trung,... theo định hướng vùng.

- Tạo lập hệ thống hạ tầng, các tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng vùng như

định hướng chiến lược phát triển các ngành theo phân bổ, quản lý và xây dựng các dự án hạ tầng kỹ thuật toàn vùng, như: Cấp nước, cấp điện, hạ tầng viễn thông, xác định các bãi chôn lấp rác thải rắn - nhà máy xử lý chất thải rắn, các nghĩa trang của vùng,... Không nên chỉ mang tính chất hành chính mà cần mang tính chất vùng. Xây dựng các dự án hạ tầng kỹ thuật diện rộng cấp vùng, tập trung nguồn lực, cơ chế thuận lợi cho một số công trình quan trọng.

- Lập chương trình đầu tư thông qua các dự án đầu tư trọng điểm bằng nhiều nguồn vốn thích hợp khác nhau.

- Xây dựng cơ chế chính sách tạo thuận lợi cho các dự án đầu tư mang tính đột phá trong vùng, kích thích toàn vùng phát triển.

PHẦN X: CÁC PHỤ LỤC, VĂN BẢN PHÁP LÝ VÀ CÁC BẢN VẼ THU NHỎ (KÈM THEO).